CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

NGUYỄN HIẾN LÊ

NGUYỄN Q. THẮNG
(Sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu)

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

PHẦN THỨ NHẤT

HỌ TRẦN Ở BẮC

I

MỘT HỌC SINH GIỎI SỬ

Từ hai chục năm nay có phong trào đua nhau học tư. Mới bãi trường được nửa tháng, cha mẹ nghèo tới mấy cũng rán kiếm tiền cho con đi học tư, thúc chúng đi học tư, dù chúng dư sức lên lớp, cơ hồ ngại rằng chúng nghỉ nhà lâu quá thì lêu lổng. Cho nên tuy nghỉ hè ba tháng mà sự thực học sinh chỉ được nghỉ có một tháng. Mà ngay trong tháng đó, họ cũng chỉ không tới trường thôi chứ đâu được thoát ra khỏi không khí náo nhiệt của thành phố, đâu được tiếp xúc với thiên nhiên, với đồng ruộng, cây cỏ mây nước, nông dân, óc họ đâu được nghỉ ngơi. Họ đi coi xi nê, thụt bi da, hợp nhau tán gẫu, hoặc ca những bản giật gân, hút "ba số" Sa-lem, uống la-ve, và lắm lúc chắc họ thấy cuồng cẳng, rủ nhau từng đoàn chở nhau, phóng Honda như bay trên các con đường rộng thành phố và không ngày nào không xảy ra những tai nạn Honda. Đôi khi họ cũng lên Đà Lạt, ra Vũng Tàu, nhưng Đà Lạt, nhất là Vũng Tàu ngày nay không còn là thành phố Việt Nam nữa, càng không phải là thiên nhiên: cũng vẫn lối sống hỗn độn, huyên náo, xô bồ, có phần còn hơn Sài Gòn. Thành thử có rừng núi đấy mà họ không nghe thấy tiếng chim ríu rít, tiếng suối róc rách, có trời biển đấy họ không được hưởng cái thú nhìn mây trôi và sóng nhấp nhô vì trí óc họ có lúc nào được tĩnh đâu, thần kinh họ có lúc nào được dịu đâu. Thực tình tôi thương cho họ, tuổi xuân là tuổi đẹp nhất trong đời mà phải sống trong cái không khí chiến tranh, bom đạn, máy móc, máy thâu thanh, máy ti vi... thì làm sao tâm hồn họ không cằn cỗi được, làm sao họ còn cảm được cái đẹp hồn nhiên, cái hạnh phúc bình dị? Làm sao sức khoẻ của họ chẳng mau suy, lòng họ chẳng chua chát, phẫn uất?

Hồi xưa, chúng tôi không có nhiều tiện nghi như bây giờ, ngay cả

những vật cần thiết như chiếc đồng hồ, cây viết máy, chiếc xe đạp, cũng không có nữa, nhưng chúng tôi sướng hơn họ nhiều. Chúng tôi được nghỉ trọn ba tháng hè, vì không ai đi học tư, dù phải thi lại thì cũng về nhà tự ôn lấy bài chứ không có trường dạy tư hoặc không có tiền để học tư. Vì nghỉ lâu, phải xa cách nhau lâu, nên một tuần lễ trước ngày bãi trường, chúng tôi có một tâm trạng nửa vui nửa buồn: vui vì khỏi phải học bài, sắp được về thăm quê, buồn vì sắp phải xa bạn xa thầy. Suốt chín tháng, mải lo học, ít ai có dịp tâm sự với nhau; lúc này vài ba bạn thân mới rủ nhau những ngày nghỉ, hoặc những giờ "étude"[1], nghĩa là những giờ không có "cua"[2], tản bộ trong vườn Bách Thảo, hoặc trên đường Cổ Ngư, ngồi dưới bóng hoàng lan, hoặc dưới gốc đa kể lể chuyện nhà hoặc chuyện riêng của nhau, chí hướng cùng ước vọng sau này của nhau. Hầu hết là nghèo, trong túi chỉ có dăm xu hay nhiều lắm là một hào, nhiều khi túi rỗng nữa, cho nên có cao hứng lắm mới mời bạn ăn một cái bánh nhợm, uống một chén nước trà tươi ở một quán lá trên đê Yên Phụ; nhưng tuổi trẻ mà tin ở khả năng, ở tương lai của mình, thì cảnh nghèo là một sự kích thích, càng nung chí ta thêm, và khi gặp được một bạn cùng cảnh ngộ, cùng chí hướng thì thật không gì vui bằng.

*

Hồi tôi học năm thứ ba trường Bưởi, tôi chơi thân với anh Trần Văn Bảng. Anh là con một ông đồ cũng như tôi, quê ở Phú Thọ, giáp tỉnh Sơn Tây của tôi, nên chúng tôi dễ mến nhau. Anh bé nhỏ, trán cao, mặt hơi dài, trắng trẻo, cặp mắt mơ mộng, hào quang thường chìm vào trong chứ không toả ra ngoài, thỉnh thoảng bừng lên một tia sáng rồi lại tắt ngay; những lúc đó một nụ cười nở ở trên môi, hơi mỉa mai nhưng hiền từ. Ít nói, đời sống nội tâm của anh chắc mạnh lắm. Môn học nào, anh cũng đều đều vào bậc trung, duy có môn Sử và chữ Hán là xuất sắc nhất. Ngoài giờ học ra, anh em trong lớp thường đọc sách về văn học như Chateaubriand, Hugo, Anatole France, Maurice Barrès... hoặc về khoa học như Jules Verne, có anh thích cả những sách khoa học huyền bí của nhà Flammarion; còn anh chỉ chuyên đọc về sử và các truyện du lịch,

(1) Giờ tìm hiểu bài, tự nghiên cứu (B.T).

(2) Cours: bài giảng (B.T).

thám hiểm. Mấy lần lại Thư viện Trung ương, tôi thấy anh mượn những cuốn của Lenôtre, Michelet, và nhiều tác giả lạ khác mà tôi không nhớ tên. Một lần anh làm cho anh em chúng tôi và cả cụ Laffont, giáo sư Sử, Địa phải ngạc nhiên về sự hiểu biết của anh về châu Mỹ. Anh kể rành rọt những đợt người Âu di cư qua Mỹ sau các cuộc cách mạng 1789, 1830, 1848, nhất là khi người ta tìm được các mỏ vàng ở miền Califor-nia, mỏ dầu lửa ở Pittsburg; anh bảo tiền bán thế kỷ XIX, miền Tây nước Mỹ là nơi tụ họp của bọn giang hồ tứ chiếng, nhiều nhất là Anh, Pháp, Đức, Hoà Lan, nhưng có cả người Viễn Đông như Trung Hoa, Nhật Bản...; nơi đó vàng, dầu lửa rất nhiều, đất cát cực kỳ phì nhiêu, làm giàu rất mau mà phá sản cũng rất mau, và sự truỵ lạc, hỗn loạn, cướp bóc không thể tưởng được, cơ hồ như bao nhiêu cặn bã của thế giới dồn cả về đấy; cuối cùng anh phê phán câu này: "Mỹ là nước giàu nhất thế giới, có óc mạo hiểm, kinh doanh nhất thế giới, nhưng cũng có óc ham vật chất, ham tiền nhất thế giới, không văn minh bằng châu Âu và châu Á. Họ sẽ chỉ thịnh một thời như dân đảo Crète hồi xưa thôi".

Chúng tôi đều ngạc nhiên, không hiểu anh đọc những sách nào mà biết được nhiều như vậy, mà lại dám phán đoán nghiêm khắc như vậy. Bộ sử *Malet và Isaac* của chúng tôi chỉ đề cao Chiến tranh Độc lập của Mỹ, bản *Tuyên ngôn nhân quyền* của Mỹ, các chính trị gia, các nhà phát minh của Mỹ như Washington, Lincoln, Franklin, Edison... Chứ đâu có chép những chuyện đó. Cụ Laffont suy nghĩ một chút, gật đầu khen: "Anh có lý. Huê Kỳ không phải là một nước văn hoá cao. Họ không có một truyền thống lâu đời như dân tộc các anh và dân tộc chúng tôi". Tôi quên chưa nói cụ là người Pháp, ở nước ta đã lâu năm, hiểu biết nhiều về phong tục của ta, và có khảo cứu về sử Việt nữa.

Giờ ra chơi buổi đó, chúng tôi bu quanh anh, phục anh sát đất: Con người mảnh khảnh trong chiếc áo the thâm đỏ, có vẻ quê mùa mà có tinh thần học hỏi, phán đoán vượt chúng tôi xa. Chúng tôi hỏi anh đọc ở sách nào, anh nở một nụ cười tươi và hơi mỉa mai, đáp:

- Thì sách sử chứ sách nào. Nhưng không phải thứ sử dùng trong các trường học, mà các ngoại sử. Những sách đó còn thú hơn các tiểu thuyết *Graziella, Paul et Virginie, Elle et Lui, Lui et Elle* trong cặp sách của các anh nữa.

Tia mắt anh thoáng bừng lên. Anh Vĩnh nổi tiếng là ngổ ngáo vỗ mạnh vào vai anh, bảo:

- A, lên giọng học giả. Cậu có đọc *Elle et Lui, Lui et Elle* bao giờ đâu mà dám chê. Trông thấy con gái còn cách cả chục thước đã vội lấn thì đâu có dám đọc những truyện đó. Mối tình của thi hào Musset với nữ sĩ George Sand mà không phải là ngoại sử à?

Anh chỉ mỉm cười, gật đầu mà không đáp. Từ hôm đó, bạn bè đặt cho anh cái tên là *học giả*. Tôi thấy anh là người có chí hướng, có bản lãnh.

Gần tới ngày bãi trường, anh và tôi thường tới trường sớm, dắt nhau lại ngồi ở trước đền Quan Thánh nhìn ba ngọn núi Tản Viên uy nghi, xanh thẳm chiếu xuống mặt nước Hồ Tây. Chúng tôi đều khen núi hùng vĩ mà đẹp, nhất là những khi có một đám mây trắng vắt ngang, trông càng có vẻ thần tiên; dân tộc mình cho Sơn Tinh ở tại núi đó là phải.

Tôi bảo:

- Tới mùa đốt rừng để làm rẫy, đứng ở cổng làng tôi, nhìn thấy rõ ngọn lửa đỏ chập chờn trên nền núi tím sẫm, có vẻ thần bí lạ lùng.

Nhân đó, tôi tả tiếp mấy ngọn núi khác bao cánh đồng chiêm của miền tôi, như núi Lưỡi Liềm ở phía Tây, núi Hùng xéo về phía Bắc. Tôi tỏ ý tiếc chưa thăm được núi Hùng, vì ngày giỗ Tổ, mùng mười tháng ba âm lịch, vào mùa học. Anh khoe hồi nhỏ, đã được dự một kỳ lễ Tổ vì làng anh chỉ cách chân núi khoảng mười hai cây số: lễ tổ chức rất long trọng trong hai ba ngày, có các quan tỉnh tới tế, có treo đèn, rước kiệu bát cống từ làng Vân Cương tới làng Xuân Lũng rồi tới Tiên Kiên (làng sở tại của núi Hùng) có các trò vui như đu tiên, tổ tôm điếm, cờ người, leo dây, múa rối, nhất là đánh cờn, và khách miền xuôi lên đông lắm. Anh mời tôi nghỉ hè lên chơi, anh sẽ dắt đi thăm núi Tổ:

- Đi ngày thường thích hơn đi ngày giỗ. Anh sẽ thấy được cảnh tĩnh mịch, tôn nghiêm, và nghe tiếng chim bìm bịp anh sẽ buồn thẩm thía, còn buồn hơn tiếng cuốc kêu nữa, tiếng buồn nhắc ta cái cảnh vong quốc.

Tôi nhận lời, hẹn khi nào lên sẽ viết thư báo trước anh một tuần. Khi đứng dậy để lại cổng trường vì gần tới giờ học, anh quay lại nhìn ngọn núi Tản một lần nữa:

- Ở quê tôi, lên một ngọn đồi, nhìn về phía Tây Nam cũng thấy ngọn núi này. Hình dáng cũng vậy, cũng ba ngọn chót vót xanh thẳm như vậy, như tượng trưng cho Trung, Nam, Bắc cùng một gốc... Không mình sẽ không mất nước lâu đâu. Có linh sơn, tú khí đó thì mình có quyền tin ở tương lai.

•

Ba bữa sau, lãnh phần thưởng rồi - anh nhất môn Sử, Địa và môn chữ Hán - anh về Phú Thọ, trước khi đi còn nhắc tôi thế nào cũng lên chơi với anh. Tôi vì có nhà ở Hà Nội, nên ở lại Hà Nội nửa tháng. Trong nửa tháng đó tôi đi lang thang thăm lại hết các cảnh đền chùa ở chung quanh Hà Nội; chùa Một Cột, chùa Liên Phái, đền Hai Bà; các cảnh chợ quê như chợ Bưởi, chợ Hà Đông; các cảnh vườn như vườn hoa ở Ngọc Hà, vườn ổi ở Lử, vườn vải ở Quang. Hai cảnh tôi thích nhất là cảnh chùa Láng u nhã mà cổ kính, "đệ nhất tùng lâm của cố đô" với hàng thông tử cống đưa vào thờ Từ Đạo Hạnh tương truyền là tiền thân của Lý Thần Tôn, và xây cất từ năm 1164, và cảnh đền Voi Phục với hàng chòi mòi ở bên bờ lạch, hồ nước ở giữa sân và vườn nhãn ở sau chùa. Vì hai cảnh đó chỉ cách nhau ít cây số, nên lần nào tôi cũng bỏ trọn một buổi từ hai giờ chiều tới tối để thăm cả hai nơi một lượt.

Hít hương sói, hương ngâu, hương lan, hương huệ ở đền Voi Phục, rồi ra vườn nhãn, mua một bó chừng dăm chục trái, ngồi ngay dưới gốc cây mà ăn, tôi thấy thú tuyệt. Nếu gặp mùa cốm thì tôi lựa một ngày quang đãng, dậy thật sớm, đón mua một vài vốc cốm Vòng xanh như ngọc thạch, gói trong một lá sen thơm ngát và mát lạnh, rồi leo lên xe điện về làng Mọc, Thượng Đình hay Chính Kinh, kiếm một sân đình hay một chỗ trên bờ sông Tô Lịch, mở gói cốm ra ăn điểm tâm. Ăn cốm Vòng ở xa thành thị như vậy, xa mùi xăng, xa tiếng xe cộ, tôi mới hưởng hết được cái hương vị của thôn quê, của cây lúa Việt Nam.

Sau nửa tháng thơ thẩn ở miền ngoại ô Hà Nội mà tôi mê như Chateaubriand mê cảnh ngoại ô La Mã, tôi bắt đầu thấy chán, lúc đó mới về Sơn Tây. Lại nửa tháng nhàn cư nữa, nằm nghe tiếng tre cọt kẹt, tiếng ru con của chị hàng xóm, tiếng ê, a *Luận Ngữ, Mạnh Tử* hoặc tiếng mưa lộp độp trên tàu chuối; đi dạo khắp làng tìm một gốc ổi, một gốc thị, lên mặt đê trò chuyện với bọn trẻ chăn trâu hoặc nghe tiếng sáo diều, đêm đêm đi giã gạo tiếp bà con hàng xóm để tập hát giọng Lý giao duyên, Cò lả...

Và cứ dăm bảy bữa tối, đi chợ Mơ, chợ Vân, cách ba bốn cây số để mua một chùm dâu da ngọt lịm, một vài chiếc bánh đa, uống một bát chè tươi ở một cái quán dưới gốc muỗm, và nhất là để được cùng với các thôn nữ ngồi một chiếc thuyền thúng tròng trành qua một dòng nước

trong veo điểm những bông súng vàng và tím.

Như vậy là hết một tháng hè, tôi thấy khoẻ khoắn ra cả về thể chất lẫn tinh thần.

Trưa nào nóng quá, ngay ngọn tre cũng im phăng phắc, tôi ra Từ Chỉ để cố tìm một chút gió. Hồi xưa, tỉnh có văn miếu, phủ huyện có văn chỉ và làng có từ chỉ để thờ Khổng Tử. Nguyên tắc là vậy, nhưng trong cả tổng, hình như chỉ riêng làng tôi có từ chỉ, vì suốt ba bốn thế hệ chỉ có ông nội tôi là đậu Tú tài. (Từ làng tôi, theo sông Nhị Hà đi ngược lên tám chín cây số mới lại có một gia đình văn học, gia đình Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu ở làng Khê Thượng). Và chỉ những nhà khoa bảng mới được tế Khổng Tử, xuân thu nhị kỳ. Từ khi ông nội tôi mất, tới lúc đó đã trên hai chục năm, từ chỉ bỏ hoang - không còn ai đỗ đạt nữa - tuy tường chưa nứt, nhưng rêu đã đóng mà mái đã dột. Từ chỉ rộng mỗi chiều chừng sáu thước, có tường bao chung quanh, ở trong có hai bệ gạch, không còn một đồ tự khí. Tôi không hiểu tại sao từ chỉ cất ở giữa đồng mà không trồng một cây lớn. Tôi thường nằm trên một cái bệ để đọc sách, hoặc đánh một giấc ngắn. Đương mùa cấy, thì tôi ngồi ở trước cửa nghe các thôn nữ hát ví "Ối anh Cả ấy ơi...", giọng luôn luôn có vẻ bỡn cợt vì công việc tập thể nào cũng vui.

Nhưng cảnh tôi thích nhất là ngồi ở trước từ chỉ ngắm núi Tản Viên chỉ cách làng tôi khoảng nửa ngày đường về phía Tây Nam nên trông rõ mồn một, thấy cả những vạch trắng tức dãy nhà nghỉ mát ở lưng núi.

Núi cũng có tên là Ba Vì, vì có ba ngọn nhọn, cao đều nhau; ngọn thứ ba ở bên phải khuyết một mảnh, tương truyền là sau một lần sụp núi đời Lê mạt, báo hiệu một thời vận suy của dân tộc. Thật đáng tiếc, nếu không thì có lẽ không núi nào vừa thanh tú vừa hùng vĩ, uy nghi như núi đó.

Tháng sáu âm lịch trời thường trong mà cơ hồ không lúc nào không có một đám mây trắng vắt ngang, làm nổi bật màu xanh lam đậm của núi trên nền trời thanh thiên và trên một cánh đồng màu lá mạ. Thỉnh thoảng một đàn cò vỗ cánh bay qua đầu tôi, tiến về phía núi và tôi ước ao được như chúng.

Khi ánh tà dương đã tắt hẳn, núi đổi ra màu tím đen thì ở lưng chừng núi hiện lên những đám lửa hồng chập chờn, nhấp nháy do người Mọi đốt rừng làm rẫy; mà tôi tưởng đâu như một dạ hội của quần tiên; những

lúc đó núi có vẻ huyền bí và thu hút tôi một cách lạ lùng.

Thường thường nghỉ một tháng như vậy rồi, tôi vì buồn mà mới mó tới cuốn sách: đọc ít tác phẩm văn chương của Pháp trong loạt Meilleurs livres của nhà Hachette, rẻ tiền nhất, hai xu một tập nhỏ 96 trang, in đủ các tác phẩm cổ điển - sách Việt thời đó rất hiếm - xin bác tôi dạy cho mỗi ngày vài ba chục chữ Hán. Nhưng năm đó, đúng hẹn tôi lên thăm anh Bảng ở Phú Thọ.

Gói một bộ quần áo vào một tờ giấy báo, thế là lên đường. Đi ngược lên bến đò Vân Xa để qua Việt Trì. Tháng sáu âm lịch, đang mùa nước đổ, chỗ ngã ba Bạch Hạc này - một nơi nổi danh trong lịch sử - rộng mênh mông, có tới hai ba cây số. Chiếc thuyền thúng phải đi ngược dòng một khúc rồi mới qua sông. Cây gạo cổ thụ và nhà cửa ở Việt Trì hiện rõ lần lần. Tôi lên bờ mà còn tiếc khúc sông sao không rộng thêm nữa để được ngồi thuyền lâu hơn nữa. Thời đó đời sống không vội vàng, ngồi thuyền một hai giờ cũng không thấy nóng ruột, càng được ngắm cảnh càng thấy thích. Cảnh đây sao mà hợp với cảnh trước Phượng hoàng đài ở Kim Lăng thế:

Tam sơn bán lạc thanh thiên ngoại
Nhị thuỷ trung phân Bạch Lộ châu.

(Lý Bạch)

Ba non[1] *rớt nửa ngoài trời biếc,*
Hai nước chia đôi bãi Lộ[2] *bồi.*

Cũng hai dòng nước: dòng sông Đà (quê hương Tản Đà ở trên bờ con sông này) nước trong, và dòng sông Hồng cuồn cuộn đỏ như son; cũng một bãi cỏ trắng (Bạch Lộ), tức bãi Vân Xa, chạy lên tới Chiêu Dương, nơi có một vườn vải danh tiếng nằm sát bờ sông dài mấy cây số, còn núi thì phía Tây Nam có ba ngọn núi Tản, phía Bắc có ngọn núi Hùng. Kim Lăng là một cố đô của Trung Hoa thì đây, trên bờ con sông Hồng này có làng Cổ Đô (không rõ là kinh đô thời nào), hơn nữa, còn có huyện Bạch Hạc, xưa vốn là đất Phong Châu, nơi Hùng Vương đóng đô. Nỗi hoài cảm cũng bát ngát như dòng sông. Tôi nhớ lại bài phú *Ngã ba Bạch Hạc* (hay Ngã ba Hạc) của Nguyễn Bá Lân, ông người làng Cổ

---

(1) Tên một dãy núi ở phía Nam thành Nam Kinh.

(2) Bạch Lộ là tên một bãi ở thành Nam Kinh.

Đô, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây đâu tiến sĩ thời hậu Lê (1701-1785) làm quan đến thượng thư, con của Nguyễn Công Hoàn một danh sĩ đời Lê mạt.

Xinh thay Ngã ba Hạc
Lạ thay Ngã ba Hạc
Dòng thẳm một dòng, ngả chia đôi ngả
Ba ngách khôn đo rộng hẹp, dòng biếc lẫn dòng đào,
Lênh láng dễ biết nông sâu, nước đen pha nước bạc.

.

Qua Việt Trì tôi đón xe lửa lên Phú Thọ. Từ Việt Trì lên Phú Thọ, hơn hai chục cây số, càng tiến lên phía Bắc, đồng ruộng càng thưa, đồi càng nhiều. Tôi xuống ga Tiên Kiên cách Việt Trì mười hai cây số và thấy anh Bảng đợi tôi ở sân ga. Chúng tôi theo một con đương làng ngoằn ngoèo dài độ 5 cây số, hai bên đầy những bụi *mua* hoa tím, tới làng Xuân Lũng khoảng bốn giờ chiều.

II

NGƯỜI VIỆT ĐẦU TIÊN QUA MỸ?

Làng Xuân Lũng hồi đó thuộc phủ Lâm Thao, nổi tiếng là văn học và phong tục trong tỉnh Phú Thọ, dân số khá đông (trên dưới bốn ngàn người) nhưng ít thời có người đỗ cao. Thời anh Bảng, được vài ba người lên tới Cao đẳng tiểu học Pháp Việt[1], anh là một trong những người đó. Ruộng hiếm, nhà nào giàu có cũng chỉ được mươi mẫu ta, khoảng ba héc-ta, nhưng đồi sơn khá nhiều, lại thêm có nghề buôn nứa và lá lợp nhà.

Nhà anh Bảng cất ở dưới chân một ngọn đồi trông ra một cái hồ hẹp, dài, bên bờ có mấy gốc si. Nhà năm gian, lợp lá cũng như hầu hết các nhà khác vì miền này lá gồi rất nhiều. Ngoài ngôi nhà chính, còn một căn nhỏ, gọi là nhà học, ở gần ngay cổng, dành riêng cho anh Bảng. Vườn rộng nhưng trồng ít cây, chung quanh là hàng rào tre.

Anh dắt tôi lên nhà chính chào thân phụ anh. Cụ gần sáu mươi, goá vợ, tóc bạc, trán cao, râu thưa, người mảnh khảnh, ít nói, có vẻ nghiêm. Từ mấy năm nay cụ thôi dạy học vì trong làng trẻ theo học trường Pháp Việt cả. Trong nhà còn vài người nữa, nhưng anh Bảng chỉ giới thiệu qua loa rồi đưa tôi xuống nhà học. Trong mấy hôm ở chơi, tôi ăn, ngủ tại căn nhà này, không bước lên nhà trên mà cũng gần như không tiếp xúc với mấy người khác trong nhà, chỉ khi nào gặp nhau mới chào nhau, thế thôi. Chắc họ ngại tôi là người Hà Nội, chê mình là quê mùa chăng, có biết đâu ở quê tôi, tôi cũng sống như họ vậy.

Tối hôm đó, trăng non, anh Bảng dắt tôi đi tắm giếng. Giếng miền này nhiều mà nước trong. Hôm sau, chúng tôi đi chơi khắp trong làng. Nhà cửa cách nhau hằng trăm thước, không trù mật như dưới quê tôi,

(1) Tương đương với bằng Thành chung sau này (B T)

không nhà nào giàu mà hình như cũng không có nhà nào nghèo quá. Xóm đông đúc nhất là xóm buôn nứa ở bờ một con sông nhỏ. Trừ một dải đồng hẹp, còn thì toàn là đồi thấp, trùng trùng điệp điệp, trồng sơn, và lác đác ít bụi chè xanh, làm cho tôi nhớ câu hát:

Rủ nhau lên núi hái chè,
Hái dăm ba lá xuống khe ta ngồi.

Mới ở đây được một ngày tôi đã coi hết cảnh Xuân Lũng, và nay tôi còn giữ lại hình ảnh một ngọn đồi tròn cỏ xanh mướt, với một mái miếu cổ dưới gốc một cây chẩu[1] tán xoè như cánh quạt, in hình lên nền trời lãng đãng một bóng mây.

•

Cuộc đi chơi núi Hùng hai hôm sau thực vui. Chúng tôi mang theo thức ăn, khởi hành từ sáng sớm, ra khỏi làng một quãng thì tới một con đường tỉnh trải đá rất vắng mà cũng rất sạch. Đi cả cây số chỉ gặp một hai bóng người, tuyệt nhiên không thấy một chiếc xe. Cơ hồ con đường chỉ để dùng trong mấy ngày giỗ Tổ. Hai bên là rừng, đồi chè. Có những gốc thị cao, quả chín vàng cành. Có những giếng nước xây bằng đá ở sát bên đường, xa xa gặp một ngọn đồi trồng dứa với căn nhà lá của chủ trại. Thật tĩnh mịch, mát mẻ, nhờ cảnh thay đổi, nên chúng tôi không thấy chán.

Tôi đã bắt đầu mệt thì bỗng qua một khúc quẹo, ngọn núi Hùng âm u hiện lên sừng sững trước mặt, cao và thanh tú hơn các núi chung quanh, tôi hồi hộp như nghẹt thở. Đường dốc, tôi vừa bước vừa ngửng lên nhìn tam quan, và cứ mỗi bước, núi như càng dâng cao lên trên nền trời xanh, thật uy nghi. Núi có tên là Nghĩa Lĩnh, thuộc thôn Cổ Tích, phủ Lâm Thao, dân trong vùng thường gọi là Núi Đền. Có khoảng 300 bực xây đưa lên đỉnh. Ở dưới chân núi có đền Hạ, cũng gọi là đền Giếng (vì trước đền có mạch nước tụ lại thành giếng) thờ hai bà công chúa Tiên Dung và Ngọc Dung, con một vua Hùng.

Chúng tôi leo lên tới tam quan của đền Trung ở lưng chừng núi. Trước đền có một tấm bia lớn nét chữ còn rất rõ, nhắc lại lịch sử các vua

---

(1) Một loại cây kỹ nghệ cao độ mươi thước, hột dùng để ép dầu (B T)

Hùng. Đúng như anh Bằng nói, ở đây chỉ nghe thấy tiếng khỉ và tiếng bìm bịp, mà tiếng bìm bịp khắc khoải lạ thường, gợi ta nhớ lại biết bao cuộc hưng vong của dân tộc. Mới mấy năm trước Nguyễn Thái Học và Nguyễn Thị Giang cũng đã leo những bực này để lên đến nơi thề đồng sinh đồng tử trước bàn thờ Tổ.

Nghỉ ở đấy một lát, chúng tôi lại leo một đỗi nữa lên tới đền Thượng trên đỉnh, thờ mười tám Đức Hùng Vương phía trước có bức hoành phi khắc bốn chữ, tôi nhớ mang mang là *Việt Nam triều tổ*, nét rất hùng kính.

Đền nhỏ thôi, có học giả bảo xây từ đời Lý; đã trùng tu năm 1914, và có lẽ năm nào cũng quét vôi lại, nên không có vẻ cổ. Rất tiếc hôm đó ông từ đi vắng, cửa đền khoá kín, chúng tôi không được vào thăm.

Theo *Đại Nam nhất thống chí* (tỉnh Sơn Tây - vì thời xưa Phú Thọ thuộc về Sơn Tây), năm Tự Đức thứ 13 (1860). Hộ đốc Sơn - Hưng - Tuyên[1] là Bùi Ái, nhân có hai cây trụ đá, mới cất một gian đền thờ Tổ. Tổng đốc Nguyễn Bá Nghi[2] đề một bài thơ:

Quốc tịch Văn Lang cổ,
Vương thư Việt sử tiên.
Hiển thừa thập bát đại,
Hình thắng nhất Tam Xuyên.
Cửu trùng cao sơn bán,
Sùng từ tuấn lãnh điên.
Phương dân ngưng trắc giáng.
Hương hoả đáo kim truyền.

Nghĩa:

Thời xưa (vua Hùng) khai sáng nước Văn Lang,
(Lập nên) Triều đại đầu tiên trong Việt sử

---

(1) Tức Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang.

(2) Nguyễn Bá Nghi (1807 .) Danh sĩ, đại thần đời vua Minh Mạng, hiệu là Sư Phần Tử, quê xã Lạc Phổ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1831 ông đỗ Cử nhân, năm sau (1932) đỗ Phó bảng, từng làm An sát Vĩnh Long, Bố chánh An Giang Có lúc làm Khâm sai đại thần cùng Nguyễn Tri Phương chống Pháp xâm lược Nam kỳ Sau khi Pháp chiếm trọn Nam kỳ, ông được phái ra Bắc làm Tổng đốc Sơn-Hưng-Tuyên.

Ông mất tại chức, còn để lại đời bộ "*Sư Phần thi văn tập*" (B T)

Truyền được mười tám đời.
Cảnh đây đẹp nhất đất Tam Xuyên
Mộ cũ ở lưng chừng núi,
Đền dựng ở đỉnh núi,
Nhân dân chiêm ngưỡng khi thần trắc giáng,
Hương hoả đến nay vẫn còn.

Không hiểu Tam Xuyên đó là ba con sông nào. Có lẽ là sông Đà, sông Lô và sông Hồng, cả ba đều đổ vào Việt Trì, xưa là thành Phong Châu. Theo truyền thuyết, chính điện của các vua Hùng xưa ở trên núi này, nghĩa là cách kinh đô tới hai chục cây số, điều đó e không đúng.

Bài thơ nói mộ cũ ở lưng chừng núi, không rõ nơi nào, cũng chỉ là lời truyền. Hiện nay bên trái phía sau đền, có một cái tháp, không có vẻ gì cổ kính, gọi là Lăng Tổ, chắc chỉ là tượng trưng. Tuy biết vậy mà lòng tôi cũng cảm xúc dào dạt, khi thăm Lăng rồi đứng nhìn qua cành lá thấy loang loáng ở xa xa, dòng nước ngã ba Bạch Hạc. Cái khu rộng mấy chục cây số này gợi cho chúng ta biết bao cố sự, biết đâu đào sâu chẳng kiếm được rất nhiều cổ tích.

Anh Bảng đọc cho tôi nghe một đôi câu đối mấy năm trước một đoàn sinh viên trường Đại học Hà Nội cùng vào đền Tổ:

Con cháu ba kỳ thăm mộ Tổ,
Non sông muôn thuở rang nòi Tiên.

và một đôi câu đối nữa, có từ trước, không rõ của ai:

Vật đổi sao dời, phúc Tổ vẫn lưu nền Cổ Tích
Nước nguồn cây cội, đạo người nên nhớ mộ Hùng Vương

Chúng tôi trải một tờ báo dưới bóng cây bày xôi gà, muối chanh ra rồi vừa ăn, anh Bảng vừa kể cho tôi nghe về hội Đền Hùng. Mùng 10 tháng 3 là ngày giỗ Tổ, nhưng từ ngày mùng 9, thiên hạ khắp nơi đã đổ tới, đông nghẹt một vùng mà ngày thường chỉ nghe thấy tiếng chim bìm bịp và tiếng khỉ, vì hôm đó đã có hai đám rước tưng bừng, một từ làng Phù Ninh kéo lên, một từ làng Cổ Tích kéo xuống, đám nào cũng có một kiệu bày bánh chưng và bánh dày.

Hôm sau, một vị đại thần đại diện Nam triều và các quan ở Phú Thọ lên tế. Suốt ba ngày đó, có đủ các trò chơi: leo dây, múa rối, hát chèo, hát

xẩm, tổ tôm điếm, bài chòi, đu tiên, gieo cầu.. Cầu làm bằng nhiễu đỏ nhồi bông, lớn bằng quả bưởi. Nam thanh nữ tú đứng riêng thành hai bên cách nhau ít thước. Một người bên nữ hát một câu rồi tung quả cầu qua bên nam; người nào bên nam bắt được, cũng hát đáp rồi tung cầu trả lại bên nữ. Thanh nhã nhất là trò cờ người, một lối thi hoa hậu đặc biệt của dân tộc ta. Các thiếu nữ được tuyển làm quân cờ đều phải là con nhà lễ giáo, đẹp và nết na. Cô đẹp nhất được làm "tướng", vấn chiếc khăn vòng dây nhiều điều, bận áo thụng vóc vàng, quần lãnh đen, chân đi vân hài, tai đeo hoa cánh phượng. Khách xem cờ chen chúc nhau ở chung quanh, một số ít vì thích cờ, còn đa số để ngắm sắc đẹp, tìm dâu hoặc kiếm vợ.

Anh Bằng còn cho tôi biết thêm hai tục về giỗ Tổ. Dân ở đây không ăn Tết mùng 3 tháng 3 mà ăn Tết mùng 10 tháng 3. Ngày đó, nhà nào cũng cơm canh đón ông bà vải về để đi chầu Tổ.

Tục thứ nhì là tục đưa đón đức thánh Tản Viên, ở tại một làng huyện Bất Bạt (Sơn Tây) trên bờ sông Đà. Ngày mùng 9, dân làng hạ một chiếc đò nan mới, giữa đò trải một chiếu cạp điều, một mâm xôi gà, với đèn nhang rồi chèo qua bờ bên kia sông, chèo đi chèo về ba lần, như vậy là Lễ đưa (đức thánh Tản Viên đi dự giỗ Tổ). Chiều hôm sau, cũng lại chèo đi chèo về ba lần, gọi là Lễ đón, sau cùng bưng bát nhang lên kiệu rước về Đình, vào Đám.

Ăn xong, chúng tôi ngả lưng trên bệ trước cửa đền nghỉ một lát. Tuy một vì phải leo mấy trăm bực xây, mà bóng cây mát rượi, gió lại hiu hiu, nhưng chúng tôi cũng không ngủ được, vì nặng lòng hoài cảm.

*

Đột nhiên anh Bằng quay lại phía tôi, cặp mắt mơ màng như đang suy tư rồi cất tiếng hỏi:

- Anh có biết người Việt đầu tiên qua Hoa Kỳ là ai không?

Tôi đáp:

- Sử chép là Bùi Viện, triều Tự Đức. Nhưng tại sao anh lại hỏi tôi như vậy? Tôi đương nghĩ đến chuyện Sơn Tinh, Thuỷ Tinh, chuyện Bánh chưng Bánh dày, đến cố đô Phong Châu đây

- Phải, có sách chép rằng Bùi Viện dâng sớ lên vua Tự Đức xin mở mang việc buôn bán với ngoại quốc, sau được nhà vua cho phép xuất

ngoại dò xét tình hình. Ông qua Hương Cảng kết giao với viên lãnh sự Hoa Kỳ, định nhờ Hoa Kỳ giúp khi giới để chặn bước xâm lăng của Pháp. May mắn làm sao, vị đại sứ Hoa Kỳ mà sử không chép tên, biết Hán văn, hai người khỏi phải dùng thông ngôn, lại ngâm vịnh với nhau nữa - thơ Đường luật của ông Hoa Kỳ đó hay đáo để anh ơi - cảm tình đối với nhau thật nồng hậu. Bùi Viện mừng quýnh. Khi về nước, thấy nhà vua đổi ý, không còn sốt sắng như trước, ông cả gan mạo quốc thư trở qua Hương Cảng lần nữa, theo một người bạn qua Hoa Kỳ, được Tổng thống Hoa Kỳ là Grant tiếp kiến, hứa giúp đỡ. Vì lúc đó Hoa Kỳ đương xích mích với Pháp. Ông thú thực là đã giả mạo quốc thư, xin về tâu lại với vua đã. Về nước vua Tự Đức tha tội cho ông và chánh thức cử ông cầm đầu sứ bộ sang cầu viện Hoa Kỳ. Nhưng lần này chính Tổng thống Grant lại thay đổi ý kiến, tìm cách thoái thác. Ông thất vọng, lủi thủi xuống tàu và không còn trông mong gì ở Hoa Kỳ nữa.

Đó là một thuyết. Còn một thuyết nữa bảo vì Tổng thống Hoa Kỳ đó không phải là Grant mà là Lincoln. Lincoln mà người Hoa Kỳ coi là Quốc phụ, làm Tổng thống từ 1859 tới 1865. Còn Grant, vốn là một vị tướng dưới thời Lincoln, đã thắng tướng Lee của phương Nam trong cuộc Nam Bắc phân tranh, làm Tổng thống hai khoá liên tiếp từ 1868 đến 1872 rồi từ 1872 đến 1876.

Hai thuyết đó biết tin thuyết nào? Bùi Viện đã qua Hoa Kỳ trong khoảng nào, trước 1865 hay sau 1868? Tôi đã rán tra khảo về tiểu sử Bùi Viện, thấy có sách chép ông người làng Trình Phố, tỉnh Thái Bình, đỗ cử nhân khoa Mậu Thìn 1868. Nếu tài liệu đó đúng thì thuyết thứ nhất đáng tin hơn, vì chắc ông phải đậu cử nhân rồi mới được vua Tự Đức phái qua Hoa Kỳ; vậy ông đã cầu viện Tổng thống Grant chứ không phải Tổng thống Lincoln. Và lại Lincoln còn lo dẹp nội chiến, vừa dẹp xong thì bị ám sát, đâu có tâm trí nào mà nghĩ tới Việt Nam. Còn Grant mới đầu tính giúp Việt Nam, sau tìm cách thoái thác, điều này cũng tin được: về khoảng cuối nhiệm kỳ thứ nhất của ông, khoảng 1871-1872, tài chánh trong nước không khả quan, ông không thể giúp Việt Nam được. Vậy theo tôi, Bùi Viện đã qua Mỹ trong khoảng từ 1870 đến 1872. Nhưng khi tôi tra *Quốc triều đăng khoa lục* thì không thấy ghi rằng Bùi Viện đậu cử nhân năm 1868[1]. Vậy thì thuyết của tôi vẫn chưa thực là vững.

---

(1) Theo *Quốc triều hương khoa lục*, Bùi Viện đỗ cử nhân năm 1856 lúc mới 15 tuổi (B.T.)

- Tôi phục anh sát đất. Sao mà anh thuộc sử nước mình và nước ngoài quá vậy? Y như một học giả.

- Giả với thật gì! Tò mò muốn biết thì tìm kiếm, tìm kiếm thì phát kiến ra được chứ có gì đâu... Nhiều lúc nghĩ mà ngán anh ạ. Bỏ ra mấy tháng mới tìm được một tài liệu, hí hửng tưởng là nắm được sự thật rồi. Những lúc đó sướng như gặp giai nhân. Nhưng vài tháng sau, một năm sau lại kiếm được một tài liệu khác phản tài liệu trên, thất vọng nhé! Lại phải kiếm thêm nữa, càng kiếm càng rối như tơ vò! Mà không kiếm cho ra thì thắc mắc chịu không nổi!. Nhưng cũng có cái lợi anh ạ. Sách vở để ngổn ngang ở chung quanh, mà xoay trần ra đọc và ghi chép, thì quên được cái nóng nưởng người như vụ hè này anh ạ.

Anh khẽ nhếch mép, rồi lại trầm ngâm, một lát sau nói tiếp:

- Tôi thường nghĩ nếu việc đó thành công - việc cầu viện Hoa Kỳ đó - thì là cái phúc hay cái hoạ cho mình?... Không, không thể là phúc được vì chẳng có ai giúp không cho mình cả, đuổi được Pháp đi thì Hoa Kỳ tới, phải không anh? Tôi chỉ muốn nói: nếu việc đó thành công thì dân tộc mình bi cái hoạ nhẹ hơn hay nặng hơn thế thôi.

Tôi suy nghĩ một lát rồi bảo:

- Tôi nhớ hôm đó trong giờ sử, anh có chê dân tộc Hoa Kỳ là ham vật chất, không có truyền thống văn hoá mà cụ Laffont cũng nhận rằng anh phán đoán đúng.

- Phải. Nhưng họ rất giàu và có lẽ họ không bóc lột mình tàn nhẫn như người Pháp.

- Điều đó chưa chắc. Không phải cứ giàu có thì không bóc lột. Trong thôn quê của mình, những kẻ giàu nhất thường tàn nhẫn nhất, vì tàn nhẫn nên mới giàu. Anh đọc nhiều về sử, chắc anh biết chính sách cai trị thuộc địa của người Hoa Kỳ chứ?

- Tôi chưa có thì giờ đọc lịch sử các thuộc địa của họ. Nhưng có thể anh hữu lý. Chuyện đó để sau này sẽ bàn Hôm nay tôi muốn kể anh nghe một chuyện khác...

Anh ngừng lại mắt long lanh, môi hé một nụ cười. Tôi lặm thinh, đợi anh kể:

- Lúc nãy anh bảo người Việt đầu tiên qua Hoa Kỳ là Bùi Viện. Sai. Người đầu tiên là cụ Trần Trọng Khiêm.

- Trần Trọng Khiêm là ai? Ở thời nào vậy? Tôi không nghe tên đó.

- Cũng sống ở triều Tự Đức như Bùi Viện, nhưng sanh ở đầu đời Minh Mạng, hơn Bùi Viện khoảng hai chục tuổi. Chúng ta không biết rõ Bùi Viện qua Hoa Kỳ năm nào, nhưng không biết chắc cụ Trần Trọng Khiêm đặt chân lên đất Hoa Kỳ năm 1849 và đã sống ở Hoa Kỳ bốn năm năm.

- La nhỉ. Một điều quan trọng như vậy mà sử không chép

Tôi ngồi dây, tu một hớp nước trà tươi mang từ nhà. Anh cũng ngồi dây và bắt đầu kể.

- Cụ Trần Trọng Khiêm là em ruột ông cụ sáu đời nhà tôi, cụ Trần Mạnh Trí. Nhà chỉ có hai anh em trai, gái còn mấy người nữa, nhưng gia phả chúng tôi không ghi. Cụ Khiêm sanh năm Tân Tỵ (1821), năm thứ nhì triều Minh Mạng, mắt sáng, da ngăm ngăm, thân hình vam vỡ, mười tám tuổi đã học đủ các lê lối khoa cử, nổi tiếng văn hay chữ tốt trong miền, được thầy học quý lắm, hy vọng sẽ làm vẻ vang cho trường. Nhưng tính tình cương cường, hào hiệp, coi thường khoa cử, không thích công danh. Hồi đó làng tôi còn hoang vu, chỉ có một lỏm ruộng ở gần bến Nứa mà hôm qua tôi dắt anh đi coi, còn chung quanh là rừng. Cụ Khiêm ưa săn bắn, ham tập võ nghệ, cho rằng khai thác được một cảnh rừng sướng hơn làm một ông huyện phải ra luồn vào cúi Cha mẹ khuyên gì cũng không nghe, bảo việc khoa cử xin nhường anh (tức cụ sáu đời của tôi). Năm hai mươi hai tuổi mới cưới vợ, bà họ Lê ở trong tổng. Vợ coi sóc vườn tược cửa nhà, còn chồng mướn một số dân làng phá rừng, được thứ cây nào quý thì đóng bè chở ra Lâm Thao, có khi xuống cả dưới huyện Bạch Hạc để bán. Nhờ vậy cụ mau phát và giao thiệp với nhiều thương nhân ở miền xuôi, biết được tình hình ở Hà Nội và Phố Hiến, nơi các thương nhân ngoại quốc thường lui tới. Vợ chồng quý mến nhau lắm nhưng hơi buồn rằng sau ba năm vẫn chưa có con. Bà cụ họ Lê nhu mì lại có nhan sắc, hồi chưa về làm dâu họ Trần, tên chánh tổng trong miền đã có lần hỏi cưới làm vợ lẽ, bị bà từ chối. Hắn đâm lòng oán, lại thêm cụ Khiêm tính ngang tàng, coi hắn không ra gì, nên hắn tìm cách hãm hại. Năm 1843, nhân lúc cụ Khiêm và gia nhân chở gỗ ra Lâm Thao bán, ở nhà chỉ còn bà vợ và một ông lão bộc thân tín, hắn sai bọn đàn em bôi đen mặt xông vào nhà, giết bà vợ và ông lão bộc, rồi nổi lửa đốt nhà Hôm sau hắn cũng làm bộ tới điều tra, tuyên bố là do một bọn cướp, để rồi truy nã; nhưng ai cũng đoán thủ phạm chính là hắn Về tới nhà hay tin, cụ Khiêm điếng người đi

một lúc, rồi bình tĩnh chôn cất vợ mà không tỏ một lời oán thán, nguyền rủa nào cả. Ba ngày sau, cu đi thăm cha, anh, gia đình bên vợ, vì muốn xuống Hà Nội buôn bán với một người quen một ít lâu cho khuây khoả. Không ai cản cả, vì biết tính cụ cương quyết. Từ đó bặt tin cụ. Nhưng khoảng một năm sau, bỗng có tin tên chánh tổng bị giết ở ven rừng, tại gần cái quán nước mà lúc nãy đi qua tôi bảo để lúc về sẽ vào. Hồi đó chưa có quán, chưa có đường cái, và cách đó khoảng một cây số mới có một xóm nhà. Mới đầu ai cũng cho là bị bọn kẻ cướp giết, nhưng sau có người nhớ rằng ngày hắn bị giết chính là ngày chết của bà vợ cu Khiêm năm trước, mà tiền bạc trong người hắn còn đủ, nên người ta đoán là cụ Khiêm đã trả thù cho vợ. suốt một năm, cụ cải trang, sống lén lút trong rừng, dò la tin tức của tên chánh tổng, biết hắn cứ đúng hạn lui tới nhà một người vợ lẽ ở miền đó, nên đã chực sẵn, lựa ngày hạ thủ. Người ta chỉ thì thầm bán tán với nhau như vậy thôi, chứ tuyệt nhiên không ai thấy bóng dáng của cụ Khiêm ở đâu, cũng không có một tin tức gì về cụ cả. Hoàn toàn bí mật. Vụ đó quan như không tìm ra được manh mối. Cụ tổ sáu đời của tôi bị gọi lên phủ mấy lần để họ điều tra, nhưng cứ sự thật mà thưa, rốt cuộc êm. Ba bốn năm sau, không ai nhắc tới nữa.

"Bỗng mười sáu năm sau... (anh Bảng ngừng lại một chút, nở một nụ cười rất tươi, nắm tay tôi, kéo tôi đứng dậy)... đây mới là điểm chính trong truyện, bỗng mười sáu năm sau, trong khi cả họ hàng bên tôi và bên bà cụ Lê. Cả làng xã đều đã tin rằng cụ Khiêm mất tích rồi - vì đã mấy lần nhờ người hỏi thăm ở Hà Nội mà không được tin tức gì cả - thì cụ tổ tôi, tức anh ruột cụ Khiêm nhận một bức thư. Bức thư đó, hiện nay thầy tôi còn giữ. Thôi, chúng mình đi về thì vừa. Xế bóng rồi.

- Bức thư đó của cụ Khiêm?

- Phải.

- Từ đâu gởi về?

- Từ Nam kỳ.

- Thế là cụ Khiêm đã vào lập nghiệp trong Nam, mà sao lúc nãy anh bảo cụ là người đầu tiên ở nước mình qua Hoa Kỳ?

Anh Bảng mỉm cười hóm hỉnh đáp:

- Anh này nóng tính quá. Đợi về nhà, tôi cho anh coi bức thư đó rồi sẽ kể tiếp. Bây giờ chúng mình hạ san thôi. Thức ăn, nước uống hết rồi, mấy chai này mình để lại đây cho ông tử, mình về tay không cho nhẹ.

Chúng tôi thủng thẳng xuống núi, lại ngừng ở tam quan một lúc vì chỗ này có một sân rộng vừa sạch vừa mát. Tới chân núi tôi quay lại nhìn lên một lần nữa. Quốc miếu dựng ở đây thật đúng chỗ, nhưng hẻo lánh quá, vắng vẻ quá, một năm chỉ được con cháu tới viếng một lần. Tôi hơi bùi ngùi.

•

Về được già nửa đường, gần tới một ngã ba, anh Bảng ngừng lại, bảo tôi:

- Đây, tên chánh tổng bị ám sát khoảng chín chục năm trước đâu ở vào chỗ này. Anh mỏi chân không? Chúng mình vào nghỉ trong cái quán kia một lát đã.

Quán cất ngay ở ngã ba, rộng rãi, bằng gỗ, nhưng chỉ có một hai người khách. Trước quán là một chiếc xe kéo, từ sáng tới giờ tôi mới gặp mỗi chiếc xe đó. Chủ quán ngoài tứ tuần, cao lớn, nước da sạm, quắc thước, lông mày rậm, búi tóc, bận chiếc áo cánh nhuộm nâu cài nút qua bên trái. Tôi chăm chú ngó ông ta, ông ta vui vẻ hỏi chuyện chúng tôi, biết gia đình anh Bảng. Nhìn vào trong, tôi thấy sau một chiếc sân rất rộng là hai lớp nhà lớn, tuy lợp lá nhưng cột và vách bằng gỗ rất chắc. Rõ ràng là chủ quán không sống bằng nghề bán quán. Chúng tôi ăn một chiếc bánh gai, một trái chuối, uống một chén trà tươi rồi chào chủ quán ra về. Ông ta lễ phép chào lại.

Ra khỏi quán, tôi nói với anh Bảng.

- Tôi có cảm tưởng, vào một quán tả trong *Thuỷ hử*, trên con đường lên Lương Sơn Bạc.

Anh mỉm cười, gật đầu:

- Chủ quán ra vẻ một vị "hảo hán" lắm, nhưng thời này làm gì có Lương Sơn Bạc. Ông ta sống bằng nghề săn và buôn lâm sản, mở cái quán này để làm trạm thông tin tức, trao đổi hàng hoá, thế thôi. Bình thường, cô con gái út của ông coi quán hôm nay chắc có mắc việc gì, nên ông coi thay, cô ta mới 15, 16 tuổi, má lúm đồng tiền, có duyên đáo để. Tôi tiếc cho anh hôm nay không được gặp mặt. Con gái làng này nổi tiếng... Không kém con gái Bình Định.

- Nếu vậy thì tôi phải kiếm thầy học võ đã.

III

MỘT BỨC THƯ CHỮ NÔM

Tới nhà thì gần sẩm tối. Chúng tôi tắm xong rồi mới ăn cơm.

Tối đó, tôi nhắc anh Bảng kể tiếp chuyện cụ Khiêm. Anh gật đầu, lên nhà trên một lát, rồi trở xuống, vặn to ngọn đèn dầu, đưa tôi coi một tờ giấy bản vàng khè, sờn, lũng một vài lỗ, có nhiều nếp gấp gần muốn rách, nét chữ đã mờ nhưng còn đọc được.

Gia đình tôi đã giữ được tới tôi là sáu đời. Năm ngoái thầy tôi đã định huỷ nó chứ, tôi dùng meo mà giữ lại được. Một thầy giáo trường tiểu học ở đây hoạt động cho Việt Nam Quốc dân đảng, lén lút chế tạo tạc đạn trong một cái trại bên cạnh trường, vô ý làm sao để cho nổ, bị thương ở mặt và cánh tay, nhưng không nặng, lý trưởng tới nơi thì thầy đã trốn mất, được nhiều dụng cụ và vài mảnh tạc đạn. Trên tinh thần tốc phái linh và mật thám xuống. Bùi Tư Toàn là người đầu tiên trong số mười ba liệt sĩ hô "Việt Nam..." trước khi bị Pháp chém ở Yên Bái ngày 17.6.1930, và người cuối cùng là Nguyễn Thái Học. Pháp lại cho triệt hạ một xóm làng Xuân Lũng, vì vậy cụ Phan Bội Châu có bài *Văn tế dân làng Cổ Am và Xuân Lũng*, để ghi cái tội tàn sát trả thù của chúng. Có vài người bị bắt lên án tử hình như Bùi Tư Toàn, Hoàng Văn Hợp. Khi mới hay tin, thầy tôi vội gọi tôi vào phòng riêng, bàn tính đốt bức thư nầy đi, đề phòng lính tới lục xét. Tôi suy nghĩ một chút, đáp

- Vâng, thầy để con đốt. Con đem xuống nhà học đốt cho không ai để ý tới.

Nhưng xuống nhà học, tôi lấy một bức thư khác ra đốt, còn bức thư này anh biết tôi cất vào đâu không? Tôi luồn vào sau lớp bìa học cuốn tự vị Larousse. Anh nghĩ coi, nếu họ có xét nhà học này thì lục thư từ giấy

má, các tập vở trong ngăn kéo kia chứ mở chi cuốn tư vị nhất là tôi lại cẩn thận viết chữ *Dittionnaire Larousse* thật lớn ở ngoài giấy bao nữa. Đề phòng vậy thôi, chứ tôi đoán rằng họ không xét nhà nầy đâu vì trong làng có ai mà không biết rằng chúng tôi không làm cách mang, nhất là thầy tôi không bị một người nào oán cả. Quả nhiên tôi đoán đúng. Bọn mật thám xét mấy nhà thường giao du với thầy giáo, không xét nhà chúng tôi. Bảy tám tháng sau êm rồi, tôi thú thực với thầy tôi, trả lại bức thư. Thầy tôi cười. "Con gan thật", rồi cất bức thư vào chỗ cũ, tức trong cuốn gia phả, đặt trong khán thờ. Tôi mới xin thầy tôi lấy cho anh xem đây.

Vừa nghe anh kể, tôi vừa nhìn bức thư, gần khoảng hai chục hàng, mỗi hàng lõm bõm đọc được vài chữ. Tôi ngừng lên, hỏi:

- Hình như thư viết bằng chữ Nôm?

- Phải.

- Anh đọc được không?

- Không đọc được hết nhưng thuộc nội dung. Mấy hàng đầu này cụ Khiêm hỏi thăm hết thảy gia đình bên mình và bên vợ. Rồi cho hay từ khi bỏ nhà ra đi, oán trả rồi, xuống Phố Hiến làm ăn, được người giới thiệu xuống làm một tàu buôn ngoại quốc, theo tàu qua Hương Cảng, vừa làm việc vừa học tiếng ngoại quốc. Sau đó theo tàu buôn qua Anh Cát Lợi, Hòa Lan, Pháp Lan Tây, cuối cùng qua Hoa Kỳ cùng với một đoàn người đi tìm vàng, nhưng rồi chán cảnh hỗn đôn, truy lạc của xứ đó, nhất là nhớ quê hương, nhân một chuyến tàu, trở về Hương Cảng, nhập tịch Trung Hoa, cùng với vài người bạn Trung Hoa về tỉnh Định Tường, hiện đã có ruộng đất nhà cửa ở làng Hoà An, phủ Tân Thành, đủ sống. Đã tục huyền với một thiếu nữ trong miền, họ Phan, có được hai con trai, tên là Xuân Lãm và Xuân Lương

Ký tên là Lê Kim, viết ở làng Hoà An, ngày rằm tháng hai năm Canh Thân, tức năm 1860.

Tôi hỏi:

- Thư ký tên Lê Kim, đâu phải Trần Trọng Khiêm?

- Phải, mới đọc tên Lê Kim, cụ tổ tôi chắc hơi bỡ ngỡ, nhưng đọc kỹ cả bức thư thì không còn ngờ gì cả. Ba chữ "oán trả rồi", thì rõ ràng là chính cụ Khiêm đã giết tên chánh tổng. Rồi anh để ý, tên hai người con: Xuân Lãm, Xuân Lương đều bắt đầu bằng mùa xuân tức hai chữ

đầu của làng Xuân Lũng, rõ là để cho con cháu nhớ nơi quê cha đất tổ. Còn tên Lê Kim, thì Lê là tên họ bà vợ trước ở Phú Thọ, Kim với Khiêm cũng phát âm na ná như vậy.

Tôi hỏi:

- Thư đó do ai đưa?

Anh Bảng đáp:

- Ừ, còn điểm đó cũng là thêm một chứng cứ nữa. Do một người Trung Hoa buôn bán ở Bạch Hạc giao lại cho ông cụ năm đời của tôi, tức một trong những người cháu gọi cụ Khiêm là chú ruột. Cụ đó cũng buôn gỗ, thường tới Bạch Hạc. Hỏi người Trung Hoa đó thì họ không biết gì cả, chỉ bảo do một người bà con ở Phố Hiến gởi lên, người bà con này buôn bán lớn, vào trong Nam mỗi năm một kỳ, gốc gác ở Quảng Đông, thường về thăm quê nhà, qua Hương Cảng. Mà chính cụ Khiêm trước khi bỏ nhà ra đi, thường giao thiệp với Hoa kiều ở Bạch Hạc, nghe nói nhiều về Phố Hiến. Vậy chắc là khi đó, cụ nói xuống Hà Nội làm ăn, nhưng sự thực là ở lén lút trong rừng, giết được tên chánh tổng, trả thù cho vợ rồi mới xuống Phố Hiến đổi tên họ và làm cho một tàu buôn ngoại quốc. Cụ thông minh, biết chữ Hán, chữ Nôm học tiếng Trung Hoa và tiếng Anh chắc mau. Không còn ngờ gì nữa, chính cụ là người Việt đầu tiên đã qua Hoa Kỳ, tìm vàng ở Hoa Kỳ và sống ở Hoa Kỳ mấy năm. Khoảng hai chục năm sau, Bùi Viện mới đặt chân lên đất Mỹ. Bây giờ anh tin tôi chưa?

Tôi đáp:

- Kể ra cũng đáng tin đấy

- Tôi đã tra trong sử, vào khoảng 1848-1850, ở Hoa Kỳ có phong trào đi tìm vàng thật. Tiếc rằng cụ Khiêm không cho biết đặt chân lên đất Hoa Kỳ năm nào; nhưng cụ rời quê hương xuống Phố Hiến năm 1844 thì trong những năm từ 1848 tới 1850 cụ có thể tới Hoa Kỳ được lắm. Lại thêm điểm này còn chắc chắn hơn nữa. Anh đọc được mấy chữ này không?

Anh Bảng vừa nói vừa chỉ cho tôi một hàng chữ ở vào khoảng giữa bức thư. Tôi đọc được chữ *Saul*, *Pháp*, và chữ *Cổ*, còn hai chữ ở giữa không đọc được. Anh bảo:

- Hai chữ đó là Lan, Xích, Sanh Pháp Lan Xích Cổ.

Tôi hỏi:

- Nghĩa là gì?

- Là San Francisco.

- San Francisco thì là Cưu Kim Sơn chứ?

Anh Bảng mỉm cười:

- Cựu Kim Sơn là tên mới đặt ra sau này, mà do người Trung Hoa đặt. Còn người Việt mình qua bên đó, nghe người Hoa Kỳ phát âm ra sao thì cứ phiên âm theo vậy. Tôi không biết người Hoa Kỳ phát âm ra sao, cứ tạm theo cách phát âm của Pháp: *San* phiên âm ra *Sanh, Fran* phiên âm ra *Pháp Lan*, cũng như *France* thành Pháp Lan Tây - người Trung Hoa không có âm r nên phiên âm r thành l như: Paris thành Ba Lê, *Madame Roland* thành La Lan phu nhân - còn *cisco* thì thành *xích cổ* là đúng rồi San Francisco chính là nơi có nhiều vàng - mà cũng nhiều trộm cướp - đĩ điếm vào thời đó - như trong thư đã nói. Chính vì nhiều vàng nên người Trung Hoa mới dịch là *Cưu Kim Sơn*. Anh tin tôi chưa

Tôi gật đầu: Có lẽ.

Anh gấp bức thư lại, cất vào trong cuốn tự vị Larousse, vặn nhỏ ngọn đèn, kéo tôi ra trước hiên.

Nhà ở dưới chân đồi, nên không khí rất hầm. Một bầy đom đóm lập loè, mở hội trong bụi si ở bờ hồ, chiếu xuống nước như một vũ khúc sao. Cảnh thật tĩnh mịch, không một tiếng động. Anh Bảng ngồi trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

- Chí hướng của con người đôi khi do một sự ngẫu nhiên quyết định, anh a. Tôi đâu có khiếu riêng gì về sử đâu, ký ức của tôi còn kém các anh nữa. Nhưng ba năm trước, khi tôi mới đậu vào trường Bưởi, thầy tôi lấy bức thư đó cho tôi coi, dịch cho tôi nghe và kể về đời cụ Khiêm như tôi mới kể cho anh. Tôi hãnh diện rằng tổ tiên đã có người đi khắp nơi như vậy, từ Á qua Âu qua Mỹ trong khi cả nước mới chỉ có vài người biết châu Âu. Từ đó tôi muốn tìm trong sử Việt, sử Pháp, sử Hoa Kỳ xem có hàng nào nhắc tới cụ Khiêm không. Tôi xin thầy tôi dạy thêm cho chữ Nho là vì vậy. Hễ có giờ nhàn rỗi là tôi chỉ đọc về sử thế kỷ XIX, cũng vì vậy.

Tôi bảo:

- Bây giờ tôi mới hiểu tại sao anh không hề đọc tiểu thuyết và sách

khoa học như chúng tôi. Anh đã tìm được gì chưa?

- Về sử Việt thì không tìm được gì cả - Cụ Khiêm quên cụ Kim, cụ Lê Kim có danh tiếng gì đâu, không thể có tên trong sử được. Còn sử Pháp và Hoa Kỳ thì lại càng không chắc. Một chú "Chinois" giang hồ - vì chắc người Âu người Mỹ, gọi cụ là Chinois chứ đâu có biết dân Việt mình, đâu có biết nước Việt mình - thì sử nào mà chép. Cho nên đọc cả chục cuốn sách tôi chỉ mới kiếm được vài chứng cứ đã trình với anh đó: Khoảng 1848-1850 quả có phong trào tìm vàng ở phía Tây Hoa Kỳ, và Sanh Pháp Lan Xích Cố chính là San Francisco, là Cựu Kim Sơn... Muốn có thêm chứng cứ nữa thì phải vào Nam kiếm cháu chắt họ Lê ở làng Hoà An. Nhưng đã năm sáu đời rồi, chắc gì có chút di tích. Vả lại đường xa quá, làm sao tôi có thể đi được...

Anh ngừng một chút rồi tiếp.

- Nhưng tôi tưởng bấy nhiêu chứng cứ, suy luận của tôi cũng đủ thuyết phục, người trong nước tin rằng chính cụ Khiêm là người Việt đầu tiên qua Hoa Kỳ, phải vậy không anh?

Tôi đáp:

- Kể ra bấy nhiêu cũng tạm đủ rồi. Anh có tính công bố lên báo không?

Anh mỉm cười:

- Quan trọng gì mà công bố? Giá cụ Khiêm đi sứ như Bùi Viện thì lại chuyện khác. Có công bố thì chẳng có ai coi đó là một tài liệu lịch sử mà chỉ cho là chuyện trà dư tửu hậu. Nhưng mấy năm nay tra cứu trong các sách tôi đã bắt đầu thấy cái thú của công việc sưu tầm anh ạ. Loại sách đó nhiều cuốn đọc cũng mê như các tiểu thuyết *Graziella, Paul et Virginie* của các anh mà lại thêm cái vui đôi khi ngẫu nhiên kiếm được một tài liệu mới.

Im lặng một lát, rồi giọng anh cất lên trầm trầm.

- Nguyện vọng của tôi là làm công việc khảo cứu, như ở viện Viễn Đông Bác Cổ, không thì ở Thư viện Trung ương cũng được. Làm việc mười năm, hai mươi năm, vừa học thêm thì thế nào chẳng lưu được một công trình cho hậu thế. Nhưng thầy tôi bảo sang năm thu ra, kiếm một việc nào trong một công sở ở Phú Thọ cho gần nhà. Tôi không có anh em trai mà thầy tôi lại già. Tôi phải trông nom sản nghiệp của tổ phụ: vài mẫu ruộng, vài đồi sơn và chè. Thầy tôi đã lo trước cả việc vợ con

cho tôi rồi nữa. Chắc anh chê chúng tôi là lạc hậu?

- Sao anh lại nói vậy? Ban học của mình, vài anh đã có vợ, có con rồi. Đó là chuyện thường. Người ở đâu đấy?

- Anh còn nhớ chiều hôm kia, lai thăm bến Nứa, chúng mình gặp một thiếu nữ bẽn lẽn đứng nép bên đường chào chúng mình không?

- Chính cô ấy ư?. Sao anh không giới thiệu?

- Các anh ở Hà Nội có khác. Đây là nơi sơn dã mà. "En"(1) luýnh quýnh, muốn ríu chân lại mà giới thiệu cái gì?

Tôi cố gợi lại hình dung thôn nữ đó, chỉ nhớ lờ mờ rằng vóc người mảnh khảnh, thanh, nước da bánh mật, mặc chiếc áo tứ thân màu nâu non, nhưng có vẻ đậm đà lanh lợi. Tôi khen:

- Cụ khéo lựa đấy Tôi đoán cô ấy nhu mì mà đằm đang.

Anh Bảng làm thinh Mấy tháng trước, đi chơi trên đê Yên Phụ, có lần anh trỏ một bụi chuối ở chân đê nói với tôi:

- Các thôn nữ của mình, không khác gì bụi chuối kia. Họ chỉ mơn mởn được trong mấy năm, có được một hai đứa con rồi thì mau già lắm, không như phụ nữ ở thành thị. Lá chuối non kia khi còn cuốn thì óng ánh như lụa, mà nở ra rồi, chỉ một hai ngày gió đánh rách hết, thật tiều tuỵ.

Buổi tối hôm đó, nhớ lại, tôi đoán rằng lần ấy anh nghĩ đến vị hôn thê của anh. Tính anh đằm thắm thật. Đời sống nội tâm con người ấy quả là phong phú.

Chúng tôi trở về phòng, tắt đèn đi ngủ. Vì leo núi mệt, tôi ngủ say như khúc gỗ, sáng hôm sau ánh nắng rọi qua khe cửa lên bức vách rồi tôi mới thức dậy.

Hôm sau nữa, tôi ăn sáng xong, lên chào cụ đồ và mấy người trong nhà rồi về. Anh Bảng tiễn tôi ra ga. Tôi về Sơn Tây nghỉ một tháng nữa, gần tới ngày tựu trường mới xuống Hà Nội.

*

Mới xa Hà Nội độ một tháng rưỡi, tôi đã nhớ Hà Nội, lại bỏ ra mươi bữa nữa tháng đi thăm cảnh. Trước hết là khu chung quanh trường Bưởi,

---

(1) Elle: tiếng Pháp, nghĩa là cô ấy. (B.T).

nơi có rất nhiều di tích· núi Nùng trong vườn Bách Thảo, sự thực chỉ là một mô đất cao độ mươi thước có thể là nhân tạo mà cũng làm cho tôi xúc động, làng Ngọc Hà chuyên cung cấp hoa cho thành phố với những thiếu nữ nửa quê nữa tình, tình tứ mà lanh lợi, chùa Một Cột kiến trúc độc đáo, như một bông sen nổi giữa hồ, rồi đến Quán Thánh tức đền Trấn Võ cất từ 1.000 năm trước, có tượng thánh bằng đồng đen cao 4,5 mét, nặng 4 tấn, đúc từ trên 600 năm trước; chùa Trấn Quốc ở giữa đường Cổ Ngư, nơi mà vua Lê cùng chúa Trịnh thường tới ngư lãm cảnh Hồ Tây; xa hơn nữa, bên đây là làng An Thái với những nhịp chầy đập lúa (*Nhịp chầy An Thái, mặt gương Tây Hồ - Dương Khuê*), bên kia là làng Yên Phụ như còn văng vẳng ngâm thơ của Hồ Xuân Hương. Chung quanh Hồ Tây có biết bao cổ miếu, cổ tự, nhiều ngôi cất từ đời Lý, cách nay tám chín thế kỷ, hễ bước vào là lòng tôi rung động một cách tuyệt thú.

Tôi thơ thẩn trên con đường Parreau tương truyền một phần là nền cũ luỹ thành Đai La của Cao Biền đời Đường từ thế kỷ thứ chín, lên Đống Đa thăm đền Trung Liệt, trở về Quốc Tử Giám, nhớ lại ông nội tôi xưa vô đây học với cụ Đốc học Hà Nội Lê Đình Duyên Cụ Lê đâu hồi nguyên khoa Kỷ Dậu (1849). Trong *Quốc triều đăng khoa lục*, Sở Tu thư chép là Lê Đình Diên.

Tôi ưa ánh tà dương hơn là ánh hồng ban mai, nhất là hồi đó bắt đầu vào thu, chiều thường có một làn sương nhẹ như tấm màn hạ phơn phớt xanh phủ lên đồng ruộng, luỹ tre, cảnh vật mờ mờ thật nên thơ.

Thăm hết mọi cảnh vật rồi thì vừa tới lúc chuẩn bị để nhập học

Kỳ tựu trường này, lên năm thứ tư, anh Bảng và tôi không học chung lớp nữa, nên không thường gặp nhau như năm trước. Một hai lần tôi hỏi đùa anh:

- Mấy ngày viết thư thăm chị một lần?

Anh xua tay:

- Bây nào, bí mật đấy. Chỉ được cái miệng..

Tôi hỏi lại:

- Còn kiếm tài liệu về sử không?

Anh lắc đầu:

- Dương lo học thi đây. Ngán giờ Math[1] cụ Sáu quá.

(1) Giờ toán.

Cuối năm, hai anh em chúng tôi cùng đậu, dắt nhau xuống Văn Miếu chơi. Anh cho hay sẽ thôi học, kiếm việc làm. Thân phụ anh muốn anh cưới vợ ngay, anh xin phép đợi khi nào kiếm được việc làm đã. Tôi nói tôi còn tiếp tục học nữa, sẽ thi vào Cao đẳng Công chánh vì không đủ tuổi vào các ban Sư phạm và Y khoa, nếu rớt thi sẽ học ban Tú tài. Anh tỏ ý hơi buồn: "Cho biết kết quả nhé". Tôi cũng dặn anh: "Nhớ cho biết tin mừng nhé". Anh gật đầu.

Cuối thu năm đó, tôi nhận được bức thư của anh cho hay "tôi đã thành thầy ký Bưu điện và ngày 12 tháng sau sẽ làm lễ cưới, nhưng không mời anh đâu, ở đây quê mùa lắm. Nhà tôi hỏi thăm anh".

Giá anh có mời thì tôi cũng không dự được, vì bận học; tôi gởi đồ mừng và bảo hè sang năm có dịp sẽ lên chơi.

Nhưng luôn mấy năm sau, hè nào tôi cũng bận việc nhà, rồi ở trường ra, tôi được bổ ngay vào Nam, chỉ gần tết mới gởi cho nhau được một tấm thiếp.

IV

MỘT SỰ NGẪU NHIÊN KỲ THÚ

Mỗi người đi một ngả thì tình cũng lơi dần, thêm bạn mới thì bạn cũ hoá xa. Vào Nam được non một năm tôi mới viết bức thư đầu tiên cho anh Bảng. Nhân bữa đó tôi đến thăm núi Sam ở Châu Đốc, nhớ tới núi Hùng nên mới kể cuộc đời mới của tôi và nhắc lại kỷ niệm cũ với anh. Nửa tháng sau, tôi nhận được hồi âm.

"Anh Nguyễn thân mến,

Được thư anh, mừng quá. Đời anh sướng nhỉ? Được đi khắp nơi nầy nơi khác. "lênh đênh trên các kinh rạch, mỗi sáng ăn chợ một nơi". Chả bù với tôi, mấy năm làm ký cóp ở cái bàn giấy tăm tối này. Anh tưởng tượng được không? Từ hồi đó, nhớ Hồ Tây, và trường Bưởi lắm mà vẫn chửa xuống thăm được. Chôn chân ở đây suốt đời thôi.

Cụ tôi đã quy tiên năm ngoái rồi anh ạ. Vợ chồng tôi đã được hai cháu, một trai một gái. Tôi vẫn ở trọ tại tỉnh, nhà tôi không thể theo tôi ra đây được vì ai trông nom cửa nhà, ruộng vườn cho. Mỗi tháng gặp nhau một lần, hoặc nhà tôi ra đây, hoặc tôi về trong đó. Xuân Lũng vẫn chẳng có gì thay đổi.

Nghĩ tới nông nỗi ít năm nữa, cho cháu lớn đi hoc, hết trường tỉnh rồi lên trường Bưởi, rồi nó cũng lại làm ký cóp, sáng vác ô đi tối vác về, chán quá. Cứ theo cái vòng đó mãi ư?

Tôi muốn nhờ anh chút việc. Anh bảo có dịp đi nhiều nơi trong đó, vậy khi nào tới miền Định Tường, anh có tiện thì tìm lại làng Hoà An hỏi thăm xem con cháu họ Lê còn ai không, rồi cho tôi hay Anh còn nhớ chuyện tôi kể anh nghe hôm đi thăm núi Tổ không? Tôi nhắc lại: cụ Lê Kim sống ở làng Hoà An, phủ Tân Thành vào khoảng 1860, có hai người

con trai đầu lòng là Lê Xuân Lãm và Lê Xuân Lương. Cụ bà họ Phan Anh đó là họ cho. Đã trên bảy chục năm rồi, không chắc gì tìm được nhưng anh cũng cứ thử đi nhé. Cảm ơn anh trước.

Nghe nói thiếu nữ trong đó đẹp, tự nhiên, mà hoa quả có nhiều thứ rất ngon như măng cụt, xoài, sầu riêng... Anh ngạc nhiên sao tôi biết rõ được như vậy cơ? Có gì đâu, ở đây có một tự chục quê ở Vĩnh Long.

Chúc anh bình an. Á, tìm được cô nào chưa?

(Trần Văn Bằng)

Được thư tôi hồi âm liền, hứa sẽ tìm nhà họ Lê, rồi tôi nhờ các bạn làm Sở Địa chính Mỹ Tho, Gò Công, Sa Đéc đó là gium vì tỉnh Định Tường xưa kia, nay gồm cả mấy tỉnh đó. Hai tháng sau, anh bạn Sa Đéc mới cho hay đã hỏi một hương chức coi về địa bộ của làng Hoa An, người đó đáp trong làng có một họ Lê nhưng không có ông tổ nào tên như vậy, và họ này mới tới lập nghiệp ở làng được ba đời nay. Còn hai bạn kia cho hay không có làng nào tên như vậy thuộc phủ như vậy. Tôi vẫn tin bức thư chữ Nôm anh Bằng cho tôi coi là đúng, nhờ anh bạn Địa chính điều tra lại, hỏi các ông già bà cả trong làng xem. Lần này anh nhờ viên chủ quận sở tại chơi thân với anh, điều tra, và kết quả là một ông cụ Hương Cả trong làng, tìm kiếm các sổ sách cũ ở đình, có thấy tên cụ Lê Kim, người Minh hương (tức người Trung Hoa qua ở Việt Nam). Cụ tới lập nghiệp ở làng trong triều Tự Đức vào khoảng 1854, 1855, có con cái, nhưng sau mười năm sau, cả gia đình bỏ đi nơi khác. Hình như theo Thiên Hộ Dương chống với Pháp ở Đồng Tháp Mười, nhưng tin đó không chắc, vì cụ là người Minh hương thì sao lại theo nghĩa quân của mình. Lại có tin rằng con cháu của cụ sau lập nghiệp ở Rạch Giá, một ghe thương hồ ở Hoa An, cách đây bốn chục năm, có lần qua Rạch Giá, gặp một người hỏi thăm nhà cũ của họ Lê. Chủ ghe thương hồ này là một người trong họ ông Hương Cả, mất đã hai chục năm rồi, nên không thể điều tra thêm được nữa, không rõ người con cháu họ Lê đó tên là gì, ở làng nào.

Tôi viết thư kể rành rọt lại cho anh Bằng hay và kết "Như vậy chắc chắn rồi đây, cụ Trần Trọng Khiêm tức Lê Kim quả có hồi ở làng Hoà An, nhưng con cháu đã qua lập nghiệp ở Rạch Giá, và manh mối tới đó đứt, không thể lần thêm được nữa".

Anh trả lời tôi, mừng lắm, bảo rằng đã sắp bức thư của tôi vào hồ

sơ về cụ Trần Trọng Khiêm, và lúc nào rảnh sẽ chép lại tiểu sử của cụ và gia phả. Anh thêm một câu chua chát: "Ít nhất, trong đời tôi, cũng lưu được chút tài liệu đó cho con cháu, cũng là một di tích phải không anh?".

Từ đó, không có chuyện gì nữa, và mỗi người mải lo sinh kế, nên thư từ lại thưa.

•

Ít năm sau, từ 1939, biết bao nhiêu biến cố xảy ra: Thế giới chiến tranh, Pháp đầu hàng Đức, Nhật vô Lạng Sơn, Nhật phản dân tộc Việt mà chia quyền với Pháp, rồi lật Pháp, bom Đồng minh trút xuống Sài Gòn, Hà Nội, bom nguyên tử thả xuống Hiroshima và Nagasaki, Nhật đầu hàng, quân Pháp theo chân quân Anh đổ bộ lên Sài Gòn.

Tháng mười năm 1945, tôi bỏ lại hết sách vở, đồ đạc ở Sài Gòn, chỉ xách một chiếc va li nhỏ chứa ít quần áo, bản thảo lên đường tản cư. Quân Pháp đã chon ngay đường Sài Gòn - Tân An, con đường huyết mạch đưa về miền Tây. Tôi phải đi vòng lên Thủ Đức, Lái Thiêu, kiếm ghe đi băng vào miền hai con sôngVàm Cỏ rồi trở ra Mỹ Tho. Tới Mỹ Tho chiều hôm trước thì có tin quân Pháp sáng hôm sau sẽ đổ bô lên Mỹ Tho. Lại rút lui nữa. Tôi nghĩ con đường Mỹ Tho xuống miền Tây là con đường chính, quân Pháp thế nào cũng lo chiếm trước, tôi hãy tạm lánh vào Đồng Tháp Mười đã. Tôi qua Sa Đéc, Long Xuyên, ở lại nơi này một tuần, nửa tháng, nơi kia một hai tháng, nghe ngóng tin tức, mà toàn là những tin hoang mang, vẫn còn mong rằng liệt cường sẽ can thiệp không cho thực dân Pháp tái chiếm nước mình. Tôi ngây thơ quá, từ cổ tới kim có một cường quốc nào mà không thực dân? Mà bọn thực dân tuy nghịch nhau chứ vẫn chia quyền lợi với nhau, và ho đã chia nhau thế giới từ một năm trước khi chiến tranh chấm dứt.

Mùa xuân năm Bính Tuất (1946), tôi ngừng bước ở làng Phước Thạnh (Cần Thơ)[1] vì bệnh đau ruột. Cơn nổi lên thất thường, có khi một ngày hai ba lần, có khi vài ba ngày một lần. Hễ thấy đói bụng đau quặn ở bụng dưới, là phải đi ngoài liền, bệnh đó thật bất tiện. Tôi ăn kiêng, cháo với muối, uống toàn nước nấu chín, mà cũng không hết. Thuốc tây

(1) Nay thuộc tỉnh Hậu Giang (B.T).

hồi đó không sao kiếm ra được Ngay những thuốc rất thường như ký-ninh cũng không có. Người nào mua được vài ba viên ký - ninh vàng thì giữ kỹ lắm, nhưng nếm thử thì thấy là thuốc giả, không đắng bằng ký - ninh thật Tôi nhớ thuốc tây có dùng chất "charbon" (than) chế biến ra sao đó để trị bệnh đau ruột Có lần tôi lấy than củi tràm nghiền thật kỹ, trộn chút đường thẻ, rồi uống đại, nghĩ bụng Dư Nhương thời Xuân thu nuốt than đã có sao đâu. Thấy dễ chịu đâu được vài ngày - không rõ có do tự kỷ ám thị không - rồi bệnh lại trở lại như cũ. Thuốc bắc thì chợ quê nào cũng có một hai tiệm bán, nhưng đa số cũng là thuốc giả: phục linh, hoài sơn là bột khoai mì - ngoài Bắc gọi là củ sắn - hoàng bá là gỗ cây gáo ngâm với một chất gì đắng đắng, ngay vị đương qui họ cũng làm giả được, phải là người sành, hỏi mua nguyên con quy mới không bị gạt, nhưng thứ đó họ không bán cho người lạ Thuốc nam nhiều vị rất công hiệu, nhưng không ai nghiên cứu, phổ biến: những ông thầy thuốc bắc rất ít người biết thuốc nam, luôn luôn trong thuốc bắc hơn thuốc nam, còn những ông thầy thuốc nam thì ít học, cũng chẳng có sách nào để học, chỉ nghe truyền khẩu được mươi phương thuốc, và vài ba chục vị thuốc.

Tôi không muốn phí tiền uống thuốc giả, phải rút sự chi tiêu xuống mức tối thiểu, rồi ghé lang này để uống thuốc nam.

Sáng hôm đó, tôi lại Nhà việc[1] trình diện với ông Chủ tịch ủy ban hành chánh xã. Nhà việc nằm bên cạnh một ngôi đình cổ, trông ra chợ ở ngã ba một con rạch và một con kinh Kiến trúc thuộc vào kiểu 1925-1930. vuông vức chừng sáu thước một chiều, mái ngói, tường gạch, móng bằng đá xanh.

Ánh nắng vàng lấp lánh trên mặt nước, ngọn sao và tàu dừa. Chợ đương họp, cảnh thật nhộn nhịp. Không khí đã thay đổi hẳn. thanh niên nam nữ vui vẻ, tự do ra vào Nhà việc, không có vẻ e dè, ngại ngùng như nửa năm trước. Không còn những hương chức trịnh trọng chít khăn đóng, bận áo dài thâm; dưới rạch cũng không thấy một chiếc ghe hầu, thứ ghe nhẹ nhàng, ba chèo, sơn xanh, có cửa lá sách, y như những chiếc du thuyền.

Tôi bước vào Nhà việc: nông dân bu chung quanh ba cái bàn, cười nói ồn ào, không ra một công sở. người xin giấy di chuyển, người lại

---

(1) Nơi làm việc của hương chức, làm thời Pháp thuộc (B T)

trình bao việc này việc khác nguồn lại xin cất đặt công việc để làm. Trên kệ, trên bàn không thấy sổ sách.

Ông chủ tịch bàn đó bà ba trăng, trạc bốn chục tuổi, ngồi ở bàn giữa đương bàn việc với vài ủy viên khác đều trẻ tuổi. Nước da ông ta tái mét trông rõ bị sốt rét kinh niên, - ông đã bị đày Ba Ra ba năm - mỗi dây lại trông quyền cao, hoạt bát, cương nghị, hơi tự đắc mặc dầu bề ngoài rất bình dân.

Tôi ra giới thiệu là công chức tân cư, đã lại xin chỉ thị của ông chủ tịch. Tôi ở nhà thang trước ông bảo chưa có công việc gì, hãy kiên nhẫn chờ mà nghỉ. Hôm đó ông bận tiếp vị giáo Pháp có thể sắp tới, ủy ban phải tản cư, sau khi phá hủy mọi công sở và ra lệnh cho dân chúng trong thành tiêu thổ, nghĩa là dỡ nhà đi, không cho địch có chỗ ở - sau đó, tôi qua những miền nào, và bây giờ lại đây, ở trọ nhà ai, tôi tự khai ra hết.

Tôi trình giấy tờ cho ông coi, nói thêm:

Tôi đương đau ruột, cần nghỉ ngơi để điều trị, nhưng vẫn có thể giúp ủy ban trong những việc nhẹ nhàng được. Hôm qua khi mới tới đây, tôi đã để ý thấy hai cái ống là nhà ở bờ rạch. Tôi thường đi đoan như vậy là phải.

Ông ta lộ vẻ vui, bảo:

- Tôi đã ra lệnh cho các thanh niên phải lấp xong lòng rạch kia, họ làm biếng chỉ muốn đắp đê thôi. Tôi phải rầy la mới được.

- Tôi nghĩ cái đó không quan trọng. Không ai dám đương đầu. Điều quan trọng là có đủ thầy đủ thuốc trị bệnh cho dân, dân uống thuốc mà hết bệnh thì tự nhiên không cần ông Tây nữa. Mà thuốc bắc thuốc tây, lúc này thiếu, nên khuyến khích dùng thuốc nam và tập cho dân sống hợp vệ sinh.

- Đồng chí nói phải lắm. Có dịp, nhờ đồng chí giảng giải cho dân chúng về vệ sinh. (Ông đã có thiện cảm với tôi, rồi đột nhiên ông hỏi) Đồng chí có đọc tiểu thuyết của Lê Văn Trương không, tôi phục nhà văn đó lắm.

Chúng tôi nói chuyện với nhau một lúc về Lê Văn Trương, Hồ Biểu Chánh, trong khi sau bảy người bu lại nghe. Rồi tôi cáo biệt. Ông bắt tay tôi, bảo "cứ về nghỉ đi, khi nào mạnh, và có việc gì, vừa sức, tôi sẽ giao cho". Ông lại chỉ cho tôi một thầy thuốc nam nữa.

Ở Nghệ An có rất đông đi đò chèo chống quanh. Sau đình, trong một vườn xoài mọc đầy những bụi chè thanh niên, các tốp võng vai nhọn, đang tập đi thành hàng. Ngày nào cũng bắp bà bắp bênh, đi chưa không vững, bằng hai. Nghe tiếng hô "một hai, một hai", vài chú chân bẹt cắm sát đất, lưng tôi cũng sôi lên, tim đập mạnh.

Không khí mùa xuân năm đó có cái gì khác thường, kích thích như rượu nếp cái hoa vàng mới. Trên đường chỉ thấy thanh niên, trai gái vai võng vai tre tầm vông vạt nhọn hay đeo dao gâm. Họ ăn mặc đẹp, sắc sỡ, đứng lại các chị thì con có vẻ làm dáng nữa: quần hàng mới, hay đeo vòng đồng, vòng vải, chiếc khăn ban xếp sữ phật phơ đuôi gió. Nhưng họ cũng gặp nhau chưa bắt đầu cây hoa - gặp nhau chỉ có nghĩa là một chút trách nhiệm nào đó họ làm cho họ đã xanh đem niềm vui đến. Khi các chị thì cười tủm tỉm, mà nhìn nép đám con trai đang tập đi. Chỉ còn tiếng ca bản *Thanh niên hành khúc* là lan tràn quanh. Nhà nào tuyệt nhiên không thấy bóng một ông đến chơi nhà gần đến. Đường thôn có những ngõ nhà trên đục đỏ sẫm dây những cây dọc, nhưng lối ra là đường hơn nhà lòng chợ, ta thấy cỏ lòng lanh lẻ mưa bỏ hoang. Họ đã tản cư hoặc vì nhà ba con ở làng theo lệnh "tản cư", chỉ để một hai gia nhân thỉnh thoảng lại coi nhà. Nơi nào gần đến chỗ đào hào làm công thì trước bảy giờ sáng đã có người kéo đến đông. Thôn này là thôn của thanh niên, nông dân. **Thôn quê như trẻ lại.**

Nhưng sự đoàn kết giữa họ hàm ý đoàn tản xóm hay ở một sân đình để tạo thành đoàn, những bọn vẫn gặp đây cả tốp được đang lao nhao hăm hở đi đào hào. Người già, đàn bà, con trẻ, người lớn tuổi càng ngày càng vô tổ chức. Người ta đến sớm, không chịu nổi đi ăn xong, tự mình gánh đeo một khăn gói, hoặc ngồi xuống, hoặc đi bộ, vô tổ chức thành ra có một tốp đông và ba cây số. Rất có thể thường xuất hiện vào lúc mười giờ sáng hay sau nghỉ trưa, nhà nào có mất nhà ngon thì sai lên toàn xóm xong, rồi vì xóm xa đường lại đào trở lại, rồi một, hai lần nữa, sau cùng bỏ bỏ cả đi một lượng lúc đông người nhất, nhà chỉ còn một hai thanh niên đào hăm hở đến chiều. Không hay ba giờ chưa, có thể có, lúc về, tưởng người tản về ngon lại kéo trở về mà cơm, đang trong

xóm lại tấp nập. Địch không bỏ như vậy suốt mấy làng dọc theo bờ rạch, muốn trong nửa tháng, chuẩn bị để đổ bộ. Chúng gây tai hại không nhiều về vật chất: tại làng Phước Thanh, một số nhà bị đạn lỗ chỗ - có nhà bị bốn năm chục lỗ - mà chỉ có mỗi một người bị thương ở chân, có lẽ tối hầm, và hai con trâu bị đạn, phải mổ thịt. Nhưng ảnh hưởng về tinh thần hơi đáng kể: dân chúng có vẻ lo lắng hơn, và một ông già đã nói nho nhỏ với người thân:

- Chúng có máy bay, có súng đạn, mình chỉ có tâm vông vạt nhọn sao chống cự lại nổi.

Những người chau nội ở trong tổ chức Thanh niên cứu quốc bảo

- Nội đừng lo. Chính phủ mình đã mua hoặc cướp được của Nhật một số súng và lựu đạn. Với số khí giới đó, mình sẽ đánh du kích địch, phá đồn địch rồi lại cướp khí giới của địch. Chỉ sợ mình không đoàn kết, không có chí chiến đấu, không chịu hy sinh thôi. Nếu chịu thì không khí nào thiếu khí giới. Khí giới của chúng là của mình.

Khi phi cơ luôn năm sáu ngày không xuất hiện nữa, đời sống bình thường trở lại. Những thiếu nữ tròn trĩnh, tươi mát như trái xoan lại rạo rực, thoăn thoắt đi tới họp, việc nhà các ông già bà già phải đảm nhiệm hết.

Mấy tuần đó, tôi cũng theo người trong xóm vô ngon. Ở trong đó tôi lẩn theo các bờ ruộng, bờ lạch kiếm thuốc nam, rửa rồi phơi để chiều về cắt và sắc. Kiếm một ngày thì được ba ống tre. Không có việc gì khác. Ở không tôi thấy buồn. Muốn giúp nước mà không biết giúp cách nào. Muốn gom ít trẻ lại để dạy vần quốc ngữ nhưng chưa ai nghĩ đến chuyện đó. Không có sách để đọc, tôi mượn cuốn *Minh Tâm bửu giám* của một người trong xóm để ôn lại chữ Hán. Muốn chép nhật ký mà sợ người ta nghi ngờ. Tôi tạc trong nước và cửa nhà, chẳng biết chút gì cả.

Buổi qua, tôi thường lại trạm cảnh sát Vàm Kinh, gần chợ giáp mấy anh Thanh niên xét các ghe xuồng qua lại. Và tôi làm quen với anh Nam Đồng, một thanh niên 25 tuổi, cao, tran thấp, vai rộng, ngực nở, tóc rìm và hơi quăn, tai vểnh, thường tươi cười nhưng trông cặp mắt thỉnh thoảng lại lên một tia sáng hung dữ. Anh làm tá điền cho một ông hộ, đồng - ông đã trốn đi nơi khác - hơi biết võ nghệ, ca vọng cổ hay, giọng trầm. Anh dạy võ cho một số thanh niên ở trước đình làng, gặp tôi, là kể chuyện võ nghệ, vừa kể vừa biểu diễn cho tôi coi.

Một hôm anh Lác vớt một chiếc ghe cũ, thấy mấy cuốn sách, cầm một cuốn lên coi, rồi nạt người đi ghe:

- Sách này của anh hả?

Người đi ghe khoảng ba mươi, bảm lảm mười, mặt khỉnh, bản đồ bà ba đen, nhưng có vẻ học thức, đáp:

- Dạ phải.

Sao thời buổi này mà anh dám đọc sách này? Phải sách của địch không?

Thấy vẻ trố mắt ahm, không biết đáp sao

Anh Năm quát:

- Phải sách Pháp không?

Dạ phải. Nhưng là sách khoa học, sách y học, không bàn gì về chính trị hết

- Anh nói sách gì... gì học?

- Dạ sách y học, tức sách thuốc.

Giọng thầy ta nhỏ nhẹ, gần như van lơn.

- Sách gì tha gì, hễ của Pháp cũng không được giữ. Mà làm thầy thuốc sao mà đọc sách thuốc. Đưa đưa giấy tờ coi.

Thầy nó lang tung moc giấy tờ ra, tay run run, miệng đáp

Dạ không, tôi dạy học, dạy tương tự Lê Bá Cang ở Sa Đéc tản cư về Tân An, Tân An không êm, nay tản cư nữa về quê vợ ở Cần Quao

Anh Năm coi giấy tờ rồi, bảo:

- Dạy học mà sao đọc sách thuốc? Chắc nói dóc rồi. Ghe đâu lật đi, còn anh thì lên bờ để đợi điều tra.

Thầy nó hoảng hốt, đưa mắt như cầu cứu với tôi. Tôi nhận bìa cuốn sách *L'homme cet inconnu* của bác sĩ Alexis Carrel, bèn nói nhỏ với anh Năm:

- Tôi biết nơi đường cô này tuy là một bác sĩ, nổi danh có dạy học ở Hoa Kỳ, sách thuốc lo phổ thông viết về cơ thể con người, ai đọc cũng được, không cần là thầy thuốc. Đồng chí ở đây canh giữ, để tôi

1. Về Chuyện tình Rạch Giá có xin thêm xem Kiên Giang Bỉ Tỉ

mang sách về hỏi đồng chí chủ tịch, xem đồng chí chủ tịch có tha thứ này được không.

Đấy đó chính quyền muốn lấy lòng Hoa Kỳ, không tan thành (nhưng cũng không ngăn cản) chính sách thực dân của De Gaulle

Anh Năm suy nghĩ một lát, hỏi tôi:

- Phải là sách của một bác sĩ hả? Bác sĩ có dạy học ở Huê Kỳ hả?

Tôi đáp:

- Đúng một trăm phần trăm. Tôi có thể bảo đảm

Vừa nói tôi vừa cầm cuốn sách rảo bước về phía Nhà Việc tìm gặp ông Chủ tịch Uỷ ban hành chánh.

Tôi mới đi được khoảng chục thước thì bỗng anh Năm gọi giật tôi lại

- Khoan, trở lại, khỏi kiếm nữa. Tôi tin ở đồng chí. Vả lại giờ này đồng chí chủ tịch không có ở Nhà Việc đâu. Về trong ngoan rồi

Rồi quay lại nói với người đi ghe:

- Tôi tha cho anh. Cho ghe đi.

Thấy no mừng quá, cảm ơn tôi rối rít. Tôi đưa trả cuốn sách, bảo

- Cuốn này hay đấy. Tôi nghe báo phê bình chưa được đọc

- Nếu vậy tôi xin tặng thầy đấy. Tôi đọc xong rồi..

Tôi đáp:

- Cảm ơn thầy. Nhưng trong lúc phiêu bạt này, mang theo thư đó chỉ thêm bận. Để sau nầy diệt được tụi Pháp, bình an trở lại, mình sẽ gặp nhau. Thầy dạy ở Lê Bá Càng? Tên Hồ Hữu Ngữ?

Thầy hỏi tên họ, chức nghiệp tôi rồi cho ghe đi. Tôi mỉm theo bùi ngùi.

Khi ghe đã khuất bóng, tôi quay lại nói với anh Năm

- Thèm đọc sách muốn chết, cuốn sách đó lại rất hay, mà không thể **nhận như vậy được, coi sao tiện.**

- Sao lại không tiện? Mình tha cho họ, nó cho tặng mình cả trăm cuốn cũng chưa đáng nữa. (Tôi mỉm cười.) Mà đồng chí thèm đọc sách lắm hả? Sao không cho tôi hay. Thiếu gì sách!

- Ở đâu vậy?

- Ở nhà tôi chứ đâu

Tôi ngạc nhiên, vì biết rằng anh Năm mới chỉ đọc được chữ quốc ngữ. Anh ta bảo:

- Hết phiên gác, tôi dắt đồng chí về nhà tôi, tha hồ mà lựa

Một giờ sau tôi theo anh Năm về một căn nhà lá nhỏ, trước hiên có một lu nước và một hàng sò đỏa. Tôi bước vào, thấy một thiếu phụ bồng con ngồi ở võng, trong một chỗ tối, tôi khẽ gật đầu chào:

- Chị Năm đây hả? Chạu được mấy tháng rồi?

Chị vẫn đưa võng, đáp gọn:

- Tám tháng.

Anh Năm chỉ cho tôi đống sách ngổn ngang ở dưới bàn thờ gỗ mộc, bảo:

- Đó, cứ việc ôm đi.

Tôi thấy toàn là sách Pháp, quay lại hỏi:

- Tịch thu hả?

Anh Năm gật đầu, cười:

- Ba bốn chục chiếc ghe như chuơi lúc này. Rồi trong nhà máy điện chú ở đây, vô số kể.

- Họ bỏ nhà, tản cư hết rồi sao?

- Không, một số còn ở lại, nhưng thời buổi này mà, ai còn ham giữ thứ đó. Mạnh cư việc vô mà không. Có những cuốn lớn như vầy nè - anh trỏ một bức tranh sơn thuỷ thường thấy trong các tiệm hớt tóc thôn quê vẽ một thiếu nữ ngồi ngắm trăng trên bờ rạch dưới bóng dừa - bìa rất dày, giấy láng và có nhiều hình, nặng quá trời. Những thứ đó vô dụng, thứ nhỏ nhỏ, giấy mỏng mày mà lại có ích: đi câu nè, vấn thuốc nè...

Tôi ôm hết cả chồng ra gần cửa để coi cho tỏ, lựa được cuốn *La Sonate à Kreutzer* của Leon Tolstoi, một cuốn của Leon Blam, một cuốn của Pierre Giavote và một cuốn nữa đã mất bìa và mấy chục trang đầu chỉ đọc được nhan sách *La rue vers l'or* (Đỏ xô đi tìm vàng) nêu lên ở đầu mỗi trang.

Tôi hỏi mượn mấy cuốn đó. Anh Năm gật đầu:

- Cứ việc mà... Nhưng nè, có coi thì coi ở nhà, đừng đem ra chỗ canh

gác nghèn. Mình phải làm gương cho đồng bào chớ.

Tôi đáp:

Đồng ý như phải làm. Mang về coi đỡ buồn, chứ lúc này được một số báo *Cứu quốc* thì mới thích.

- Để hôm nào có, tôi cho mượn.

- Vậy thì tuyệt!

Anh chàng đó bẻ ngoặt cổ về đã đời mới tốt bụng, không biểm độc. Anh ta là một thầy giáo Ngữ chứ không phải dạy những người có lẽ học đến bậc nghèo khổ, và cũng vì anh ta mà nghèo chăng nên hèn bổn phận.

Từ hôm anh cách vận được vào bưng sang tới Ba Na, việc chạy trốn, ẩn nấp, bao giờ cũng là một cái khổ, nhưng tôi vẫn tiết kiệm được, không để đến, trừ khi nào thám mã vào trong làng mới chuyển hô tìm tin tức xa gần.

Đêm nào thì ở trong mui để chạy, trời mưa thì ở trong nhà, mưa về tối đó một mặt trời chói chang, mặt trời của ánh sáng đẹp nhất trong tháng, làm ngoài Bắc không có được như vậy, không một giọt mưa cho vàng ngọc, nước càng trong mưa về đêm, thời tiết càng lạnh lẽo giống hệt như ngoài Bắc. Không có hương hoa thơm phức, nhưng lại có hương cau, hương nước, nhưng mà ngọt ngào trong lành nhẹ thoát hiểm rõ thoát biển. Không có nhạc đàn hát vui, hát trong quán, nhưng trong những nhà bình dân, tiếng đàn kìm đã nổi lên trong làng đàn đúm, trai gái sống đàn ca hò hát nhởn nhơ đến gần sáng, tối đâu ở đó, tối đâu hát đó, và vì như thế Không Minh Không là lúc thuở trước ở trong đám người chăn trâu sau lưng ta thì trong đám khói đã vàng vàng ở phía trước mặt như vậy suốt bờ rạch, từ làm vào tới ngọn. Ánh trăng lập lánh, nhảy múa trên lòng rạch, chảy trên tàu dừa tàu chuối, trên mớ tóc lang dang dừa và đôi vai của các thiếu nữ đáp đưa lưng bàn đi coi cúng đình, hát bội và chấm giải nữ công.

Năm đó làng Phước Thạnh cũng làm lễ cúng đình, nhưng qua loa cho có lệ, không có hát bội, cũng không thi nữ công. Vì hương chức già cùng khăn đóng áo dài lại làm lễ vì tên niên non trăm năm trước đã gây dựng nên làng, nhưng không đọc văn tế, và ông chủ tịch xã chỉ bận một

bộ ba bị lu chứng kiến một lát rồi lui ra, ban việc canh phòng với mấy thanh niên.

Cho trong làng đã bị mổ thịt hết để bồ đội đêm đi qua khỏi gây nao động ma "thiên hạ sẽ biết", nhưng hậu quả tức thì là nhà một tiểu điền chủ nọ mới ban được con heo, bị cướp vô vơ vét hết tiền bạc, quần áo, mùng mền. Cho nên về khuya cảnh tịch mịch là thường mà hương đêm càng dậy lên, đầm đa, khêu gợi. Chỉ còn tiếng xào xạc của lá tre, tiếng hập bình của nước vỗ vào bờ, tiếng ca dép trang, và một đôi chỗ, tiếng thở tài của một cặp trai gái dưới bụi chuối. Gió lùa vào mớ tóc rối của tôi, mơn trớn làn da tôi, tôi đứng đỉnh bước, hít đầy phổi không khí và hương thơm, khoan khoái.

*

Địch đã chiếm tỉnh lỵ, lập cơ sở hành chánh, và đương ăn lồm vào các vùng tản, theo chiến lược "vết dầu loang". Chúng đã lập đồn ở một chợ cách chúng tôi ba cây số mỗi đồn có vài linh Pháp và mười linh Việt. Đã bắt đầu xảy ra những cuộc bố ráp đã man, hãm hiếp một thiếu phụ rồi bắn chết, trôi sông. Lâu lâu nghe nói có một bồ đội đi ngang qua miền nhưng ở xa trong đồng và cũng chưa có cuộc đụng độ nào cả.

Trong làng đã bắt đầu xôn xao. Người ta thì thầm bàn chuyện tản cư vô nguồn nên dỡ nhà đem ra chỗ đó cất lại để ở. Hạng người nghèo như anh Nam không thắc mắc gì cả, mà ra thì chúng vô ở làm gì, chỉ tổ đốt đi thôi, còn sườn nhà để lại. Bà chủ nhà trọ của tôi, sáu mươi tuổi, góa chồng, không có con, nuôi một đứa cháu gái, vẫn bình tĩnh: "Ai sao mình vậy. Chúng có đốt cả nhà này, đốn hết mấy gốc xoài và vú sữa, mận, thì khi về sẽ dựng lại, trong lúa. Còn đất là được rồi. Không lẽ chúng ăn được đất, khiêng được đất của mình đi". Bà lão gầy như con mắm mà làm việc suốt ngày, thỉnh thoảng ngưng lại, đấm vào lưng cho đỡ mỏi. Bà hay nói - giọng sang sảng - nhưng dí dỏm hiền từ. Chẳng ơi! Thấy Hai, thấy đã xách nước tưới cây giùm tôi đó hả? Dâu ôm mà ai cấm". Rồi chia cơm hôm đó, thế nào bà cụng bảo đứa cháu gái bưng cho tôi một chén chè hoặc một cái bánh, ít trái cây.

Tôi đọc hết mấy cuốn của Tolstoi, Léon Blam, Pie-rre Gaxote rồi mới tới cuốn La ruée vers l'or. Sách khá dày, 400 - 500 trang, chữ nhỏ, in xấu, loại "roman po pulaire" (tiểu thuyết bình dân) thì phải, mà lạ

mất mày chục trang đầu, nên tôi không ham lắm. Tôi để ý một người nào đọc trước tôi, cứ mỗi lần gặp tên một nhân vật là Lee Kim thì lại lấy bút mực bôi bỏ chữ e sau và thêm dấu mũ vào chữ e trước, trong tên Lee Mơ, đâu tôi cho là ai đó, ngồi buồn, tinh nghịch làm cái trò Việt hoá một tên Mỹ. Tôi đọc lướt qua được già nửa truyện, biết sơ sơ cốt truyện là một bọn người đi tìm vàng ở Mỹ, như nhan đề sách đã nói rõ. Rồi chẳng hiểu sao hôm đó, đọc tới chỗ bọn tìm vàng tới San Francisco, không hiểu sao bỗng nhớ lại lời anh Bằng. San Francisco phiên âm ra tiếng mình là Sanh Phập Lan Xích Cổ, tôi mỉm cười. Bỗng một ý thoáng hiện lên, rõ mồn một: Lee Kim, đích là Lê Kim đây, một cụ tổ của anh Bằng. Không phải là người Mỹ hay Anh vì tôi chưa bao giờ thấy họ có tên là Kim. Lee là một tên Mỹ, có một tướng Mỹ tên là Lee trong cuộc Nam Bắc phân tranh của Mỹ. Nhưng có thể rằng chính Lê Kim đã tự phiên âm tên mình ra như vậy, hoặc các bạn trong đoàn tìm vàng phiên âm ra như vậy, hoặc tác giả đã chép sai lại như vậy. Tôi bèn lật lại những trang trước xem có chữ nào cho biết Lee Kim là người nước nào không, quả nhiên thấy có một chỗ tác giả gọi Lee Kim là người Trung Hoa (le Chinois).

Tôi mừng vô chừng, đặt sách xuống, quan điểu thuốc rê rồi đi bách bộ ở cánh đồng sau nhà, nơi đó vắng vẻ, không sợ gặp ai. Hết điếu thuốc đó tôi đốt điếu thuốc khác. Óc tôi bị kích thích dữ. Một sự ngẫu nhiên kỳ dị, có thể nói là một phép mầu. Anh Bằng có công tìm cả mấy năm trời không gặp, tôi vô tình thì lại gặp. Mà gặp ở một làng heo lánh này, trong hoàn cảnh này thì có lẽ là lùng không chịu được. Rồi Lee Kim, "le Chinois Lee Kim", chính là người Việt, Lê Kim, tức cụ Trần Trọng Kim đây, người Việt đầu tiên qua Mỹ, trước Bùi Viện không bao chục năm.

Một người nào sửa tên Lee Kim ra Lê Kim, là làm một việc dua hay có ý gì chăng? Về cái lạ, xem! Tôi trở vô nhà, lấy cuốn *La Face verte* (Mặt xanh), lật từng trang xem người đọc trước tôi có ghi thêm gì không. Không. Chỉ thấy trong sách có ba bốn chữ đóng cộn dấu đỏ đề

Bibliotheque famaade (Tủ sách gia đình)

Lê Xuân Liêm

Village de Mỹ Quới - Rạch Giá

(Làng Mỹ Quới - Rạch Giá)

Lê Xuân Liêm. Của cùng họ Lê nữa, Xuân Liêm... Xuân Liêm

nhớ mang mang một tên gì tên gì . Ran nhớ lại xem Xuân Xuân Lũng Phải rồi, anh Bằng có cho mình hay cụ Lê Kim đặt tên cho con theo một lối nào đó cho họ nhớ tới quê cha đất tổ, tới làng Xuân Lũng Tên có chữ X và chữ L, Xuân Liêm, hậu duệ của Lê Kim, của . Hoặc ngược con trai cả Lê Kim tên là gì nhỉ? Lê Xuân L ? A! Lê Xuân Lâm và Lê Xuân Lương Còn ngờ gì nữa? Lê Xuân Liêm ở làng Mỹ Quới, Rạch Giá chính là hậu duệ của Lê Xuân Lâm hay Lê Xuân Lương hay một Lê Xuân nào nữa đây, con trai của Lê Kim, của Trần Trọng Khiêm Lại con đường này nữa chứ Địa chỉ ở Rạch Giá, cũng đúng vớ lắm vì cách Hương Cảng Hoa Anh ở Sa Đéc nó, với viên chủ quán mà anh bảo Địa chỉ của tôi nhờ điều tra Vậy là ngẫu nhiên tôi tìm được cái khoen cuối cùng của sợi dây xích tội Lê Xuân Liêm - Làng Mỹ Quới - Rạch Giá, ba con xà của anh Trần Văn Bằng làng Xuân Lũng, Phú Thọ Chuyến Liêm này cũng đi ghé qua đây, bị anh Nam tịch thu sách Nhưng làm sao anh nhớ được ai với ai Hỏi cũng vô ích Để ít tháng nữa, hết chiến tranh giành được độc lập hẳn rồi, mình sẽ đi kiếm Ông Liêm này chắc có học kỹ, nhà chắc không giàu có thì cũng phong lưu Chắc ông ta nhớ rõ gia phả, biết cả tuổi tổ Lê Kim gốc gác ở đâu, làm những gì, đi những đâu, nên mới sửa tên Lee Kim ra Lê Kim như vậy Ông ta sẽ cho mình biết thêm điều tra vì lắm Mình sẽ cho ông ta biết về họ hàng của ông ở Xuân Lũng Mình sẽ viết thư cho anh Bằng Ông Liêm sẽ về Xuân Lũng chơi, hoặc anh Bằng sẽ vô Rạch Giá chơi Sẽ thành một tay biết ngoại ngữ, một giáo thoả kỳ thú Bây giờ thì phải đọc lại cho kỹ cuốn *Lá rách* xem *lòng* này đã Cô vừa xí vậy, rách nát vậy mà nó quý như vàng chứ

Mấy hôm sau tôi cầm chừng đọc đi đọc lại ba lần cuốn đó, đánh dấu hết những đoạn nói tới Lee Kim. Ý bảo hành chính sắp rút vào trong ngõ, bà cụ chủ nhà cũng đã chuẩn bị xuống để rất tiếc Tôi cũng phải theo Bệnh đau ruột đã bớt chứ chưa hết. Nhưng tôi đâu hay đó Một tháng sau, nhân giờ ngoại quen, tôi tự biết anh em, tự biết bà cụ "Thầy Hạt đi hả? Sau này có dịp ghé thăm tôi nghen - Dạ - Thôi thầy đi mạnh giỏi - Bà Sáu ở lại mạnh giỏi".

*

Sau khi Nhật bị hai trái bom nguyên tử ở Hirosshima và Nagasaki, phải đầu hàng Đồng minh, viên giám đốc Nhật mời mấy anh em Trường

ti chung toi vao phong giay cua ong de 'giao viec'. Ong ta ra y om tham gon cac nghi em trang dung day, nhan mat, tay phai bam vao bong duoi nh r duong len cam dau, mo hoi va tren mat, ran run noi voi chung toi

Nước Nhật chung tôi không mong gì ngóc đầu lên được nữa, nhưng nước các ông sẽ được độc lập, thế nào người ta cũng phải trả lại độc lập cho các ông. Tôi xin chúc các ông may mắn.

Chúng tôi và cả ông ta nữa chẳng biết chút gì về cuộc cờ trên thế giới cả, tưởng Nga, Mỹ và Trung Hoa không khi nào để cho Pháp trong cái ách lên cổ của tộc Việt Nam một lần nữa. Chúng tôi không biết rằng Nga, Mỹ từ khi chiến tranh chưa chấm dứt, ở hội nghị Yalta và Teheran, đã chia nhau ảnh hưởng rồi, Mỹ nhân nhược không ngăn cản được.

Cho nên khi tân cư khỏi Sài Gòn, tôi nghĩ chỉ dăm sáu tháng có thể trở về. Mỹ và Trung Hoa sẽ buộc Pháp phải rút lui. Tôi đã nghiền ngẫm thực dân Pháp càng ngày càng tỏ ra trong ngạnh, khi phái đoàn Việt Nam do Phạm Văn Đồng cầm đầu vừa mới xuống tàu qua Pháp dự hội nghị Fontainebleau thì ở Sài Gòn, D'Ar-genlieu tập hợp được một bọn Việt gian thành lập Nam kỳ quốc và gây phong trào đả đảo người Bắc. Mưu mô chưa rẻ hiểm độc do thất bại, thủ tướng Nguyễn Văn Thinh vì quá ngây thơ, theo giặc, đã phải dùng sợi dây để kết liễu đời mình mà tạ tội với quốc dân.

Đầu tháng mười năm đó tôi lại hay tin hội nghị Fontainebleau thất bại, thế lực của bọn thực dân mạnh quá, đảng Xã Lội và ngay cả đảng Cộng sản Pháp cũng ngả về phe chung và tất cả tàu ngoại giao của cụ Hồ chỉ đem về cho dân tộc được một thoả hiệp ám kỳ vào giờ chót với M. rius Moutet, một nửa hen suông để vớt vát thể diện và kéo dài thời gian để chuẩn bị thực lực.

Tết năm đó tôi hay tin chiến tranh đã nổ dữ dội ở Hà Nội, gia đình nào cũng đào hầm trong nhà và nhà nọ đục tường thông với nhà kia để các đoàn tự vệ lưu thông trong thành phố mà khỏi ra đường. Cuộc người ta trận Hà Nội với trận Stalingrad hoàn cảnh khác nhau. Pháp ở ngay trong Hà Nội rồi, còn Đức chỉ bao vây Stalingrad thôi, nhưng sự hy sinh và tinh

(1) Người đứng Xã hội Pháp, lúc này cử giữ chức Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại (thuộc địa). (B T).

thần quốc xâm của người mình không kém người Nga mà cuộc chiến đấu có phần ác liệt hơn. Cả nhà tôi ở ngoài đó năm trong khu ác chiến. Ngồi trên bờ kinh nhìn mặt trời hồng hồng lơn như cái mâm lân lân chim trong màn sương khói trên một cánh đồng bát ngát trở chân ra, tôi theo dõi những cánh chim di thê bay thành đàn mà tự hỏi ba con bò hang tôi ra sao, những cánh thân yêu của tôi có bị tàn phá không. Trên thế giới, có một kinh đô nào trong năm sau trăm năm ba bốn lần bị nạn binh lửa như Hà Nội không?

Hy vọng thoả hiệp tiêu tan, mà không trông mong ở sự giúp đỡ của một nước nào cả. Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch đã câu kết với Pháp, Anh ủng hộ ngầm Pháp, Mỹ đứng ngoài ngó, Nga ở xa[1], dân tộc mình phải đoàn kết để tự lực trường kỳ kháng chiến. Nhưng người ta có muốn đoàn kết không? Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm đã bị giết, kẻ ở Quảng Ngãi, người ở Tân Uyên (Biên Hoà) nhóm Đệ Tứ hoảng hốt, nằm yên ở trạnh Cù Võ Hoành, nhà cách mạng trong Đông Kinh nghĩa thục bí mật chết trong Đồng Tháp mà không ai biết nguyên do. Rồi ít lâu sau lại có tin *thầy Tư Hoa Hảo* tức *Huỳnh Phú Sổ* bị "*nam*", nghĩa là mất tích ở làng Tân Phú (Đốc Vàng Hạ) Long Xuyên. Tôi đã được nghe đồn về thầy

1. Sau này đọc cuốn *The tác Vietnams* của B. Fall (1960) tôi mới biết Nga hoà do Việt Minh ủng hộ phe thực dân Pháp để mắc Pháp xâm lược Việt Nam và có kẻ khóc Staline:

Thương cha, thương mẹ, thương chồng,

Thương mình thương một, thương ông thương muôn!"

Vào khoảng năm 1919, người sáng lập ra phái *Phật giáo Hoà Hảo* tên là Huỳnh Phú Sổ, quê làng Hoà Hảo, tổng Tư Chính, tỉnh Châu Đốc, nay thuộc xã Hoà Hảo, Phú Tân, t. An Giang).

Thầy từng theo học tại trường làng, trường Tiểu học Tân Châu. Chưa học xong bậc tiểu học bị bệnh ông phải nghỉ nửa chừng.

Năm 1939, ông lập nên một hệ phái Phật giáo khác, dựa trên giáo lý của Phật Thích Ca, Đức Phật Tây Am và Châu Đệ Tứ Quốc sư, nên đương thời gọi là *Phật giáo Hoà Hảo*. Hệ phái này có tính cách tự lực, phản giáo lý vay mượn tư tưởng thuyết của Phật Thích Ca, Bửu Sơn Kỳ Hương,... Số người tin theo giáo lý của ông tụ tập đông đảo nên chính quyền thực dân tìm cách hãm hại và bức ông ở trụ tại Sa Đéc, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp rồi quản thúc tại Nhơn Nghĩa, Cần Thơ. Tại đây ông bị đưa đến nhà ông Năm theo về Long Hưng rồi Thầy vào Pháp cho ông bị bệnh tâm thần nên đem về quản thúc tại nhà thương dân Chợ Quán - Sài Gòn, sau đó đưa ông xuống quản thúc tại Bạc Liêu và thuộc tỉnh Minh Hải. Đầu năm 1943 ông bị phát xít Nhật bắt và đem về ngụ ở Sài Gòn để mua chuộc.

rất phiếu - có tài xuất khẩu thành thơ, loại thơ bình dân có tính cách ran tin đó và gợi lòng ái quốc, nhất là tài nói thao thao bất tuyệt luôn mấy giờ, trước công chúng mỗi ngày hai, có khi ba lần, lôi cuốn quần chúng khiến nhiều người quỳ xuống khóc rống, dưng dưới mưa mà uổng tâng lời của thầy. Vào hồi Nhật sắp đầu hàng Đồng minh, một người anh họ tôi, thi sĩ Việt Châu tin đồ Thân tin của thầy, giới thiệu tôi với thầy ở đường Michel Nouet mới khánh, dong dỏng cao, nước da trắng mà xanh, mắt sáng, tóc cứa ngược ra sau, để dài gần phủ vai, cổ cao ba ngấn. Rất tự tôn, nhà nho, vẻ đẹp hơi có tính cách nữ tính đại khái như vẻ đẹp của Chu Mạnh Trinh. Hai đó tự nhiên mà thân mật. Cảm tưởng của tôi là thầy rất ghét Pháp, có tinh thần ái quốc cao, nhã nhặn, dễ dàng tuổi hiệp với những tổ chức bạn. Ra về, tôi nói nhỏ với anh tôi:

- Không biết thầy còn có ấn tượng nào khác không chứ cô, nét mặt, tôi e rằng khó thọ.

Và trong thâm tâm tôi nghĩ tới Raspoutine thời Nga hoàng Nicolas II. Hai hôm sau, tôi được đưa lên một phòng kín, nhỏ ở tầng trên cùng, trong đó một tín đồ đương bắt tín tức thế giới bằng một máy thâu thanh. Tháng 8-1945 anh Việt Châu được thầy Tư phái ra Bắc tiếp xúc với Việt minh, tìm hiểu chủ trương và hoạt động của họ, vì anh có vai vẻ thơ theo Việt minh. Anh ngừng ở Hà Nội một ngày, vô yết kiến thủ tướng Trần Trọng Kim, và Trần còn hỏi anh về những nhân tài ở Nam Việt có thể giúp cụ được, nhưng khi anh ra tới miền Bắc Trung phần (tôi không nhớ rõ tỉnh nào) thì gặp phái đoàn Trần Huy Liệu từ Hà Nội vô Huế dự lễ thoái vị và nhận quốc ấn của Bảo Đại, anh bèn theo họ trở về Huế, thời cuộc lúc ấy biến chuyển từng ngày từng giờ[1].

Sau này, ông Trần Văn Giàu tham gia các tổ chức Việt minh trong Việt Nam [illegible] Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, Ủy ban Kháng chiến [illegible] Nam Bộ [illegible] các lực lượng kháng chiến tại miền Tây Nam Bộ. Theo một số sử liệu, ông mất tích vào ngày 16-4-1947 tại Long Xuyên.

Công tác giảng dạy của thầy Trần Văn Giàu ở Phân hiệu Đại học Văn khoa tại Huế [illegible] gọi là Sâm giảng.

(Trích *Từ điển NVLS Việt Nam* - BT)

(1) Nay là đường Bùi Thị Xuân (B.T).

Điều ấy chứng tỏ rằng thầy Tư am hiểu tình hình tuy được Nhật che chở, nhưng không hợp tác với họ mà muốn liên kết với bất kỳ lực lượng nào đấu tranh cho non sông. Cho nên khoảng một thang sau, hay tin anh Việt Châu bị Việt minh giết ở Cần Thơ, tôi điếng người đi - con người đó chân chính ái quốc - và bây giờ lại được tin thầy Tư mất tích, tôi càng sửng sốt, chán nản hoang mang không ngờ lời đoán trước của tôi lại đúng đến thế! Tôi không biết nguyên do, nhưng dù sao thì hậu quả, cũng tai hại. Mất trận trong Nam sẽ yếu, vì khối Hoà Hảo ít nhất có trên một triệu người tôn thờ vị Giáo chủ của họ như vị Thánh, vị Phật; và thế nào mà vụ đó chẳng ảnh hưởng tới những giáo phái khác như Cao Đài chẳng hạn, cũng có tới cả triệu tín đồ. Miền Nam là miền của tôn giáo. Sẩm tối, đi ghe trên các kinh rạch miền Hậu Giang, thấy trên bờ cứ cách vài chục thước lại lổm đổm những ngọn nhang trên bàn thờ ông Thiên như một đám đom đóm, và đây đó vang lên tiếng đọc giảng, không khí buồn bã mà thanh thoát đó, Trung, Bắc tuyệt nhiên không có. Ngươi ta không biết vậy ư?

Nhưng ra khỏi miền Long Xuyên - Châu Đốc, càng về gần miền Đông, tình thần kháng chiến càng mạnh chiến thuật "vết dầu loang", của địch rõ ràng thật bại. Họ chỉ làm chủ được những tỉnh lỵ, quận lỵ, và những "vết dầu" đó đã chẳng loang ra được mà càng về sau càng thu hẹp lại. Ngay những đường huyết mạch, như đường Sài Gòn ra Trung hoặc về miền Tây, ban ngày thuộc về họ, ban đêm thuộc về mình. Họ đóng đồn ở mỗi làng, nhưng nhiều nơi không tài tiếp được ban Hội tề, không thu được thuế. Lính viễn chinh của họ, không chịu nổi khí hậu, nhất là mùa lụt, lội bùn không được không ra khỏi đồn, con bọn lính Việt của họ thì chỉ cướp bóc vật, một số làm nội công cho mình và lần lần số đồn rút bớt đi. Những đoàn xe của họ năm sáu chục chiếc, dài cả cây số, rải rác bị phục kích tơi bời không ngày nào không có một đồn bị phá hủy khí giới của ta một phần do họ "cung cấp" trong những trận đó.

*

Trong cuộc trôi giạt này đây mai đó, lúc theo một phái đoàn, lúc tháp tùng một nhóm kinh tài, một nhóm dân vận, lúc dừng bước ở một làng, tôi được thấy cảnh Nam Việt rất thay đổi, không đơn điệu bằng phẳng buồn tẻ như tôi tưởng tượng hồi học Địa dư ở trường. Có thể phân

hết tám chín miền, mỗi miền có những nét đặc biệt, quyến rũ. Miền Đông từ Biên Hoà trở ra nhiều đồi núi, ít sông rạch, phẳng phất như miền Sơn Tây, Bắc Ninh; miền Mỹ Tho, Bến Tre mát rượi, nước trong xanh, vang tiếng hát tiếng hò, có cái vẻ đẹp thướt tha mà mạnh mẽ như cây dừa; miền Trà Vinh rất nhiều cây sao và "Chùa Thổ" gợi ta thấy đất đai này còn thuộc Miên; miền Thất Sơn huyền bí, mô đạo; miền Đồng Tháp mùa nước như một biển cả, miền Bạc Liêu trang xoá dưới ánh nắng, ruộng lúa mênh mông, miền Cà Mau, Năm Căn như một rừng ngập nước, chỗ ẩn núp của sâu, kỳ đà; miền U Minh đất lầm, bạt cây chằng chịt, cõi riêng biệt của các loại chim lớn, một "sân chim" thiên nhiên, bát ngát, miền Hà Tiên, một tiểu vũ trụ đủ cả biển, núi, hồ, ruộng, hang động và lăng tẩm...

Tôi lại được biết tình tình rất khả ái của nông dân. Họ không phân biệt Nam Bắc, không phân biệt giai cấp, chỉ phân biệt người tốt và kẻ xấu.

Mới đầu, một số thanh niên nông dân có vẻ nếu không nghi kỵ thì cũng xa lánh tôi. Một buổi trưa, tôi tới bờ một con kinh ở giữa đồng, rộng chừng năm thước, không lội qua được. Một thanh niên chèo một chiếc xuồng tới, tôi mừng quá, gọi lại, nhờ ghé vào bờ cho tôi qua bên kia. Không khó nhọc chút nào cả, chỉ cần đưa mũi xuồng vào bờ, đợi tôi xuống rồi, đẩy xuồng ra là phóng lại đã chạm bờ bên kia, tôi leo lên bờ được rồi. Vậy mà anh ta lạnh lùng, chèo thẳng đi, có lẽ vì nghe thấy giọng Bắc của tôi.

Nhưng những người đứng tuổi, nhất là các bà già đối với tôi rất tốt ("tổ tiên mình ở ngoài mà"), và khi thấy tôi cũng xách nước, giã gạo, bửa củi, cuốc đất như họ thì mọi người quý mến tôi, tranh cho tôi những công việc nặng có mong ngóng thưởng danh cho tôi nữa.

Ai cũng biết thân phận điêu đứng của các tá điền trong thời kỳ một số địa chủ bóc lột họ, có kẻ chiếm đất, chiếm vợ con của họ nữa, vì vậy mà thời cách mạng, bọn phú gia phải bỏ hết dinh cơ, trốn đi nơi khác. Nhưng tôi đã thấy hai người nông dân giữa trưa, ở trần, bị bỏm trong bùn tới nửa ống chân đẩy một chiếc xuồng ba lá một quãng hai ba cây số, trên một con kinh phơi bày vì gặp lúc nước rong, mà ngồi trong xuồng là một thiếu phụ, con một địa chủ. Nắng chang chang, lưng họ bóng nhẫy mồ hôi, lòng kinh là đất sét, xuống như dính chặt vào, họ hì hục đẩy từng thước một, mà nét mặt vẫn vui vẻ. Thiếu phụ đợi lên bờ đi, cho

đồng lúa. Từ đó không mất trộm lúa nữa.

tôi, tôi giữ làm của riêng làm gì cho thêm bận

giai cấp điền chủ của gia đình anh.

[illegible] nữ đẹp, tôi làm bộ không thấy họ.

[illegible] ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

[illegible] mặt quen quen, đánh bạo hỏi:

- Phải cậu Bảy có nhà ở Bình Thủy đó không?

Người đó lạnh nhạt chậm chạp nhìn tôi, rồi:

- À, thầy.

Rồi lên bờ, nắm chặt lấy tay tôi.

An xong, anh bảo một chiếc xe lơi đi Bình Thuỷ, cách Cần Thơ độ năm cây số, trên đường đi Long Xuyên. Tôi gật đi.

- Trời nắng gắt như vầy mà đi chơi!

Anh cười:

- Nơi này đặc biệt lắm. Vì chiều anh đã rời Cần Thơ rồi, không thể ở lại tới tối, nên phải đi giờ nầy. Dịp này bỏ uổng.

Tôi miễn cưỡng theo, ngồi xe, gió mát, thu thu buồn ngủ. Tới cầu Bình Thuỷ, chúng tôi xuống xe, queo qua tay trái, đi bộ theo bờ rạch. Con kinh này rất đẹp uốn khúc, tàu vàm nối liền một cái bàu như miệng con rồng ngậm châu. Chỉ rộng khoảng ba bốn chục thước, dùng bên đây nói chuyện với người trên bờ bên kia được, thanh thứ tuy cách biệt mà vẫn thân mật như sát rạo. Nước lúc đó đương rong, vài chiếc xuồng và tam bản thả xuôi, và con rạch ý như một tấm thảm di chuyển trong truyện Ả Rập. Hai bên bờ đều có một đường đất rộng, rợp bóng dừa, bóng xoài, mận, bàng làng. Một dãy nhà lợp ngói, vách ván hoặc tường gạch nam theo đường, trông ra rạch. Nhà nào cũng có vườn sạch sẽ, cửa sổ nào cũng phập phới những tấm màn ren. Dăm ba thiếu nữ đi xóm, hoặc xuống rạch giặt giũ, cô nào cũng bận quần hàng áo lụa, đeo vàng, cổ trắng trẻo, tóc đen nhánh. Tôi bảo Cảnh:

- Chỗ nào có nước trong là y như có con gái đẹp. Hai "vưu vật" đó cơ hồ không rời nhau. Cổ nhân cũng tinh lắm, hễ tả một mỹ nhân là mượn một dòng nước: nàng Tây Thi ở bên Trữ La, nàng Kiều ở bên một dòng "nước chảy trong veo".

- Rất đúng. Vậy chính vì một mỹ nhân mà hôm nay tôi bắt anh bỏ giấc ngủ trưa nay.

Tôi nghĩ bụng anh bạn muốn làm mối cho mình một đám nào chăng? Sao không cho biết trước, để mình ăn bận lôi thôi như vầy.

Chúng tôi theo bờ rạch tiến vô độ năm sáu trăm thước, khi gần tới chợ thì anh Cảnh ngừng lại trước một căn nhà lá nhỏ, rộng chừng ba thước, có bộ nghèo nàn, ở giữa một khu đất hoang hãy còn lau sậy. Tôi ngạc nhiên vì ở sân, trên một sợi dây chỉ, thấy phơi ba bốn bộ quần áo đàn bà, toàn là thứ hạng tốt: áo màu tươi, quần lãnh đen hoặc lụa trắng, không phải là của hạng nhà nghèo.

Bạn tôi đứng ở cửa, gọi:

- Cậu Bảy có nhà không?

Ở trong có tiếng "Dạ". Hình như chủ nhân và khách đã quen giọng nhau. Một phút sau một thanh niên bước ra. Bận bộ pyjama lụa, tóc thưa, nhuận nhiễn, lông mày hơi rậm, môi hơi dầy. Chúng tôi bước vào. Anh bạn tôi giới thiệu qua loa, rồi thanh niên đó trở vô nhà.

Phòng mới chiếu ba thước, có một vách lá ngăn với phòng trong, một lối đi ở bên phải hẹp, tối tăm dựa ra phía sau. Nền là đất nện. Trên vách treo một cây đàn kim. Đồ đạc chỉ có một bộ ngựa gần chiếu lẹp, kê sát vách, và một bộ salon bốn chiếc ghế và một chiếc bàn đều có mặt kính mỏng, dưới kính là hai ba chục tấm hình nam nữ đã sổ bàn thừa, khổ hình căn cước hoặc bưu thiếp, tôi đoán là hình của "tài tử" trong giới đàn ca, vì người nào cũng bảnh bao, điệu bộ, có người ôm đàn kim hoặc đàn guitare.

Đối diện với cửa, năm sáu ngọn sáo xanh xanh qua vách lá lọt ánh sáng ở một góc phòng là vị thiếu niên nhuận sắc có mái vàng vàng, nhưng không vàng, nâu nâu không nâu. Tôi nghĩ bụng "Chủ nhân hoặc là rất nghệ sĩ, hoặc là rất lười biếng".

Một thiếu nữ lăng xê, khoan thai bước ra, khẽ gật đầu chào chúng tôi, không ra vẻ quy phạm, nhưng rất nền nếp. Mặt anh bạn tôi tươi hẳn lên. Nàng khẽ vén áo ngồi xuống bộ ngựa đối diện với anh. Cánh khoác ra, màu tuổi, nước da trắng mịn, mở cổ đến bụng ra sau. Với chỉ nhìn da sáng mẹ vì một cảm giác mát mẻ, dịu dàng, thanh thoát toát ra từ vẻ phục sức - áo dài lụa màu xanh nhạt, quần nhiễu trắng - tới thân hình rất cân đối, khoẻ mạnh, nụ cười, ngôn ngữ, cử chỉ của nàng và tất cả mọi người trước không phải một ngạn trên mà một bức tranh tố nữ sinh động.

Nàng hỏi thăm tôi, và câu hỏi nói chuyện với anh Cảnh về nàng g bước trên bờ cát bỏ về thôn bãi, hỏi lớp tài tử có khách đi đến bảy ra, một bức của Bảy vẽ một ông sư mặc phẩm màu đỏ tươi. Tên là Quan Âm, rất ngoan. Của Bảy cũng vẽ trên nền người đứng đứa kia, lên đầu cây đàn kim rồi gảy một bản *Tứ đại* (Tứ đại tình mịch, có có trong vào vẻ của nó này đi người vẽ vẫn đẹp đẽ ở xa vắng lại. Giọng đàn của cô Bảy thì đã bắt buộc phải gảy mạnh, mà hùng nữa.

Hết một bản, nàng hất tay đưa cây đàn cho anh bạn tôi. Hắn ngần ngại chối chối nhưng sau vì ngồi ở ghế salon không đàn được. Lên dây lần lượt, anh Cảnh

sửa lại tư thế, xốc lại áo mỉm cười liếc thiếu nữ, nàng mỉm cười, gật đầu Dạo xong một khúc anh gõ "cắc" vào mạt đàn, vô bài *Phụng cầu hoàng* Nàng cất tiếng hoà theo Ngón đàn anh rất "mùi" mà giọng nàng thanh, ấm ngân nga rõ từng tiếng Nàng ngước cặp mắt long lanh lên ca, cặp mắt bồ câu tuyệt đẹp, hai bàn tay búp măng đặt lên đu , móng tay hồng hồng, lúc này tôi mới nhận thấy nét mặt nàng phảng phất buồn Bạn tôi vừa đàn vừa đăm đăm nhìn nàng, và mỗi khi xuống một nhịp nào, giọng đàn giọng ca rất hoà hợp nhau, thì hai người cùng mỉm cười ngó nhau, cậu Bảy cũng mỉm cười Sự hân hoan tương đắc đó chỉ hạng nghệ sĩ mới cảm được, Tôi thấy mình là người ngoại cuộc Rồi lại gõ vào mặt đàn "cắc", đờng nhạc lại tiếp tục.

Xong bài, anh Cảnh trả cây đàn, chủ nhân đem treo lên vách Chúng tôi uống thêm một chén trà nữa, nói dăm ba câu chuyện về đàn ca rồi cảm ơn chủ nhân ra về.

Chúng tôi trở ra đường lộ, Tôi nói,

- Quả là giai nhân ít khi gặp được.

Anh Cảnh gật đầu:

- Phải mụn nàng bận áo dài đen ngồi dưới anh đèn viết thư, hoặc bận toàn đồ trang ngồi ở mũi ghe hầu dưới ánh trăng mới thấy hết được vẻ đẹp thuỳ mị, nết na của nàng Biết đàn tranh nhưng nghệ thuật chưa cao, trái lại ca rất hay

- Họ là hạng người ra sao? Lối sống có vẻ nghệ sĩ lắm

- Lại đúng là nghệ sĩ rồi Chàng là con út và con trưởng duy nhất của một điền chủ lớn làm hội đồng ở Châu Đốc, không ham học, cũng chẳng coi sóc việc gì chỉ đàn ca, còn nàng là con một hương chức đủ ăn thôi, học tới lớp nhất rồi bỏ, nổi tiếng là hoa khôi trong miền Ông Hội đồng góa vợ, đã gần 60 tuổi, muốn cưới nàng làm vợ kế, thường giúp đỡ cho gia đình nàng, nàng không ưng nhưng không nỡ bỏ, không dám từ chối, khất lần Trong khi đó, cậu con ông Hội đồng cũng gạ gẫm nàng Rồi một hôm cậu thanh niên bỏ gia đình, đi theo tiếng gọi của ái tình, nói theo giọng điệu các tác giả thuyết giáo Họ sống như vậy một số bạn thân hay họ con, nối đi đàm bàn nhiều tháng, sau cùng tới đây cất căn nhà đó Ông Hội đồng nhiều người gọi chàng về nhưng không, nhưng họ nghĩ về không tiền, chứ sống cuộc đời tự do đạt như vậy Tình cảnh họ có lẽ họ lại có tài, mà đã có tiền, lẽ đó, nên được nhiều người giúp đỡ Ở Cần Thơ này,

gia đình giàu sang nào cũng biết họ, gặp đám tiệc, đám cưới hoặc chỉ một cuộc họp bạn, người ta cũng mời họ lại gặp vài và đưa họ một số tiền khá hậu. Tôi cũng thường rủ vài bạn thân lại đây nghe đàn ca và hát lẫn giúp họ một số tiền. Họ coi tôi như anh ruột họ vậy. Họ tử tế mà biết người.

Tôi nhớ lại từ buổi trưa đó, trong khi bắt tay cậu Bảy. Tôi hơi ngạc nhiên, một nghệ sĩ lãng mạn như vậy mà theo bọn đội Việt chiến. Tôi hỏi:

- Cậu vô bọn đội lâu chưa? Có dư cuộc pha đón họ lắm hả?

- Dạ, tôi khoảng chừng hơn một năm rồi, (mặt cậu sáng lên) Tôi họ mới phá được một đồn địch.

Tôi rủ cậu lại chơi tiệm cà phê. Chợ chỉ có vài quán leo teo, sáng nhộn đó đông nghẹt người. Người ta bu chung quanh một anh bộ đội nghe anh kể trận đánh đêm trước. Một cụ già vừa nghe vừa mỉm cười vào chòm râu bạc. Năm sau thiếu nữ nép vào nhà để nghe kể chuyện anh bộ đội. Vì có nội công, hai tên lính Pháp, một thường sĩ, một hạ sĩ mới kịp rú một loạt liên thanh rồi bỏ chạy. Một anh bộ đội bị một viên đạn ở bắp về. Lính Việt trong đồn đều hăng hái. Họ đã được bốn cây liên thanh, mười cây súng mút, rất nhiều đạn và thuốc phòng. Đem bỏ đốt chất nổ cho sập. Cậu Bảy vừa ngồi vào bàn đã hỏi thăm Cảnh, tôi đáp:

- Từ hồi cách mạng, không gặp lại. Còn cô Bảy lúc này ở đâu?

Mặt cậu rầu rầu:

- Nhà tôi mất rồi, bị Pháp giết trong khu chợ loạn ở gần ngã ba Phụng Hiệp.

- Tội nghiệp! Cậu có ở đó không?

- Dạ, tôi chạy kịp nhà tôi sơ sài, đám cưới để khi đánh xong Pháp đi rồi, sẽ xây mồ cho nàng. Mỗi lần đi công tác lại gần mảnh đó, tôi đều ghé thăm mộ.

Tôi an ủi một câu:

- Giai nhân thường bạc mệnh. Hôm đó anh cậu ra về ông đốc Cảnh khen cô lắm: vừa có tài, vừa nết na.

Tôi vẫy hầu bàn ra một ly "cà phê" bằng gáo dừa, cà hai đều hút tàu nhà khói thuốc và đồng nước đã đào rạch. Nhớ lại mảng nét

thanh tu và giọng ca của cô Bảy, lòng tôi bâng khuâng như mất một bảo vật. Rồi có việc phải đi ngay, tôi tự biết câu ở chơ. Sau này hỏi thăm, biết câu, biết danh là Hồng Phong, là một chiến sĩ gan dạ bậc nhất. Ra trận lần nào cũng vui vẻ như đi dự tiệc, xung phong, bắn giỏi và chỉ nhằm Pháp mà bắn. Bắn được tên giặc Pháp nào, câu cười rú lên, là lớn: Một mạng, hai mạng... Câu tự nguyện phải là được ít nhất mười tên Pháp mới tỉ dà. Tôi đoán câu vô bộ đội, để có dịp trả thù cho vợ.

Đi được vài bước, tôi sực nhớ ra, quay lại hỏi:

- Phăn hồi kì nuya câu đi tu *Tà đàn oam* đây không?

- Phải. Lâu qua, nhớ. Nhân chi nhỉ có cây đơn kim tôi mần gậy cần. Cám sang quách tớ, nỏa hơi giang nghèo.

- Hèn nào... Nhưng vẫn hay lắm.

*

Mấy năm ở trong bưng đó, tôi gần như chỉ ăn cơm với muối và dưng. Rau sống tuyệt nhiên không dùng tới. Tôi kiêng rất kỹ mà bệnh càng không bớt, tôi sụt cân. Khu ở thanh đã có đủ hàng hoá ngoại quốc, lâu lâu tôi cũng được bà con gửi cho vài ống thuốc trị chứng đau rứt, nhưng thuốc nào cũng chỉ công hiệu được ít ngày đầu, tôi đau lại vào đấy.

Sau cùng, được giới thiệu với ông y sĩ trong quân đội ở Thọ Bắc (Quảng Yên) ra tới Hà Nội, mỗi tuần ở nhà tới bốn, năm lần đến bệnh viện Bạch Mai[1] chữa trị cho tôi hơn tháng, không hết. Một hôm anh hỏi cặn kẽ tôi có nhớ những lần nào bệnh giảm, thời gian nào bệnh tăng không. Tôi suy nghĩ một hồi:

- Hình như những lúc ở một nơi yên tĩnh, không bị bộ rập thì hết đau, mình thấy nhẹ nhõm, sợ hãi thì bệnh nặng.

Anh bảo:

- Vậy thì có thể khỏi được. Anh phải tìm cách về thành làm thuốc dưỡng già lâu mới chữa được. Bệnh đó cần nhất là ở một nơi yên ổn, làm một công việc bình thường.

[1] Nay thuộc tỉnh Minh Hải.

Vừa cấp giấy chứng nhận cho tôi, tôi xin phép được về thăm. Anh lại giới thiệu cho tôi một người quen ở Bạc Liêu. Mới ba tháng mà quen lắc được, và người đó sẵn lòng giúp tôi.

Tôi ra Bạc Liêu, dạy kèm cho mấy đứa con của chú nhà để chuẩn thi vô Trung học Cần Thơ.

Cuốn *La mare vers l'or* luôn luôn tôi bỏ trong đầy, đi đâu cũng mang theo mà lại không giữ được, mất trong một cuộc bỏ ráp. Nhưng tiện hiểu trường hợp đó, tôi đã thuộc lòng cốt truyện, lại ghi vắn tắt mấy nhân danh, địa danh quan trọng trong một cuốn sách về nghề của tôi. Cuốn này bỏ bây trên bàn, địch thủ thấy không thèm lượm. Nhờ vậy ra Bạc Liêu, tôi vừa trị bệnh, vừa dạy học và chép lại quáng đó, đi tìm vàng ở Tây Mỹ của Lê Kim Chay. Chừng nửa năm mà bệnh cũng không hết, tôi lên Sài Gòn tìm bác sĩ chuyên môn. Bản thảo vừa viết xong, tôi mang theo để sửa lại.

PHẦN THỨ HAI

TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ

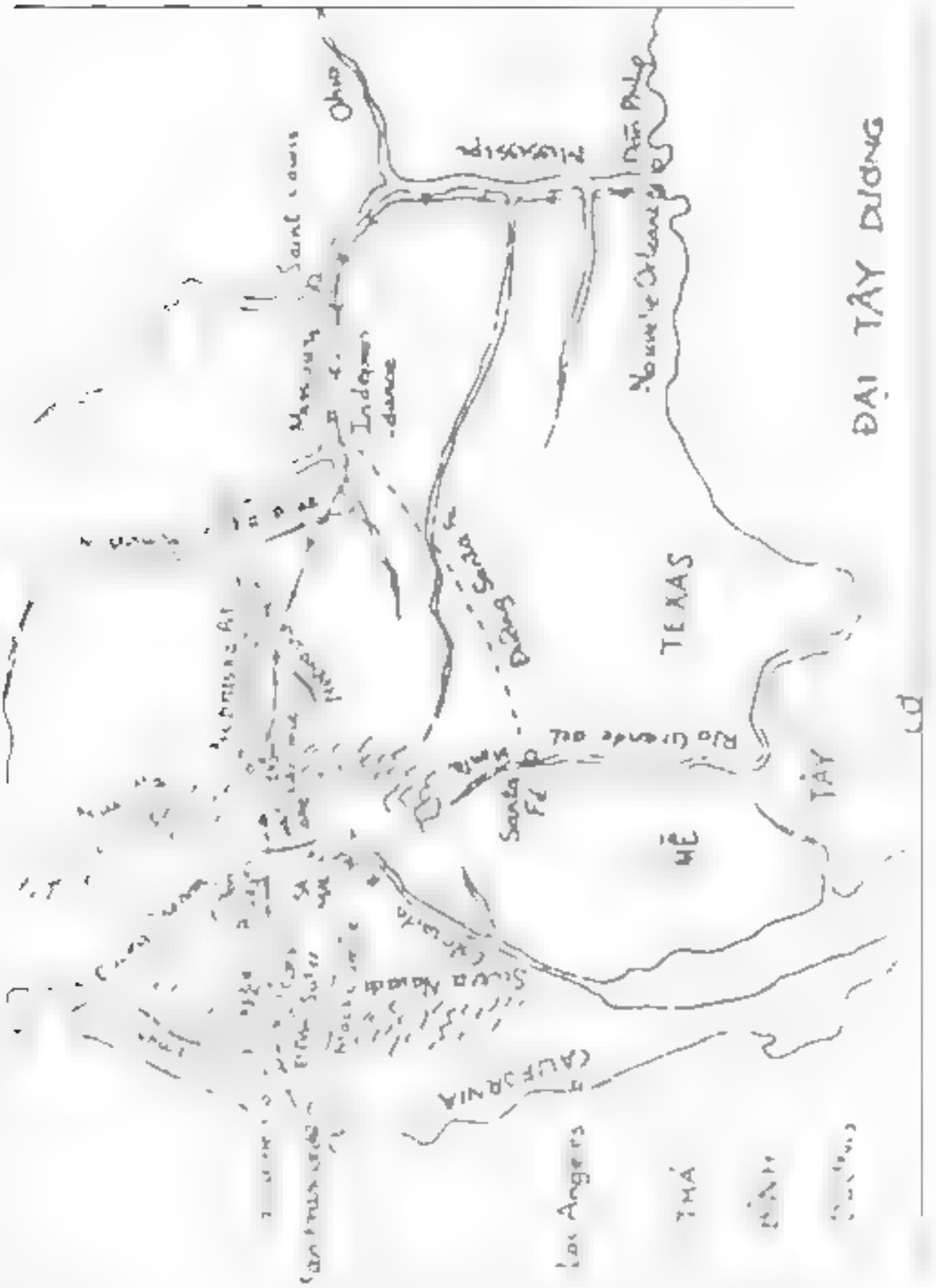
TEXAS
TÂY DƯƠNG
ĐẠI TÂY DƯƠNG
Los Angeles
Đường Lê Kim theo

1

LÊ KIM XUẤT HIỆN LẦN ĐẦU

giới thiệu bằng tiếng Pháp:

Toi la Max ở Gia Na Đai. Bon chung tôi trên mươi người muốn qua miền này có một người dẫn đường tôi chú Back đây - gã trỏ một người cao lêu nghêu, gầy, gò má cao da sạm nắng, mắt sâu, đi một đôi ủng cao tới đùi gõ và đeo một cây súng trường, hông súng lết trên mặt đất - cha là một vị hảo hán, đã từng trải, phong trần, đi khắp nơi, mây lần đụng đầu với tử. Da đó, có khẩu súng và vết theo trên má chứ thì hết. Nào, ai muốn nhập bọn với chúng tôi thì đưa tay lên.

Mười mấy cánh tay đưa lên. Max ung dung đếm rồi bảo:

Bay nào nói tiếng Pháp thì đứng ra một bên ở chỗ này, nói tiếng Anh thì đứng một bên ở chỗ kia.

Một người do dự rồi bỏi ra bên cạnh bằng tiếng Hoa Lan. Max ngơ ngác không hiểu. Từ trong đám đông một người da vàng, tách ra làm thông ngôn cho người Hoà Lan.

- Ông ta là người Hoa Lan, không biết tiếng Pháp, tiếng Anh, muốn nhập bọn, được không?

Max đáp:

Được lắm chứ. Người nước nào nhập bọn cũng được. Càng đông càng vui. Còn anh, anh phải là người Trung Hoa không?

- Không. Nhưng chúng tôi biết quốc tịch của tù. Tôi cũng xin nhập bọn.

Hoan nghênh. Anh biết tiếng Pháp và tiếng Hoa Lan a? Có biết tiếng Anh không?

- Biết.

- Còn biết tiếng nào khác nữa?

Biết tiếng Trung Hoa và một thứ tiếng nữa.

Max trố mắt nhìn người đó, gió gác cằm địa.

- Tốt lắm. Anh sẽ làm thông ngôn cho đoàn.

Một giờ sau, Max đã nhận thấy hết thảy được mười sáu chục người nhập đoàn (kể cả bọn Gia Na Đai của Max) gồm đủ mọi người Anh, Pháp, Mê Tây Cơ, Hoa Lan có cả một tướng người Đa Thổ, một thổ dân Úc. Duy Đức mục sư Da đỏ, hai bác sĩ và đàn ông trên đoàn là

[illegible]

[illegible]

Max nói tiếp:

[illegible]

[illegible]

[illegible]

them ve ngao Hoa Lan nay, t en toi chi doan tai vay thoi

Nhung co dieu chang ta co the chac chan duoc la trong nam nam sau dem tau buon ngoai quoc, ong da de danh duoc it nhat la bon tram My kim nen co da tien de tu Nouvelle Orleans mua giay cu t u Sam Lo u s va dong gop hai tram My kim cho doan cua Max de mua thuc pham theo an doc d rom Moi My kim tuc do bang nam quan bac Phap , so tien hai nghin quan cung da kha lom day

O Nouvelle Orleans ong da xuong mot chiec tau do so sen trang cho duoc ca ngan tan, co chin vit o ngang hong nheu banh xe ma sau nay Mark Twain ta trong cac tac pham cua ong Le Kim da lenh danh nua trong tren con song Mississippi dai vao trang nhu hang ba tien the gioi o gan vam rong menh mong nhu bien ca, dung ho ben nay khong thay ho ben kia Nhin nhung kha rang sen (cheneo), nang ba co bat ngat tren ho nhung con ca lon bang ca mot chiec thay en thung nhi y vot len khoi mat nuoc, vay bac, lap la n dan anh trang, nghe nhang tieng hat la tai cua o et bao giong ng oi tren chiec tau luy khac giong nhung cung mot tiem nhu que, cam xuc trong long ong ta sao nh. '

Mot ngaon gop hai tram My kim roi, ho mua thuc an bot, dua, banh kho t o k nang dam mua t r vi d t qua mot My kim mot qua) ca, thit, ruou, tuoc hai chuc dung cu de dao vang nhu thuong, cuoc, thung dai vang co ngoai da tien mua them sung lac hoac ngua Buck, ngoai huong dao, khuyen mua mot mo hang hoa xau nhu vai loe loet gaong, chao hot, thuy tinh, ken harmonica de doi lay thuc pham cua ngoai Da do se gap tren duong.

1. Luật bảo hộ [illegible] ban vào năm 1857 mới có đồng [illegible] và "Quan" bằng vàng, và năm 1879 mới dùng kim bản vị

II

TỪ SAINT LOUIS TỚI ĐỒN LARAMIE GẶP NGƯỜI DA ĐỎ

Họ khởi hành vào một ngày đầu tuần, trước khi mặt trời mọc một ít để đi cho mát, hai là để dân chúng ở Saint Louis và các người đi tìm vàng khỏi bu tới coi.

Đoàn gồm ba chục chiếc xe và trên sáu chục con ngựa. Xe là thứ bốn bánh bằng gỗ, hai bánh sau lớn, hai bánh trước nhỏ, không có thùng, mui bằng vải dày hoặc bằng da căng trên những cái sườn hình bán nguyệt bằng sắt. Ngựa vừa để kéo xe vừa để cưỡi. Ở đầu và cuối đoàn là những người lực lưỡng nhất, mỗi người đeo hai khẩu súng sáu. Đoàn chia ra nhiều nhóm: nhóm người nói tiếng Pháp, nhóm người nói tiếng Anh, nhóm người Mễ Tây Cơ. Bốn người thiện xạ cưỡi ngựa đi đi lại lại canh phòng ở hai bên. Lê Kim làm thông ngôn thường ở gần Max, tại đầu đoàn.

Đoàn xe ra khỏi thành Saint Louis, như một con rắn khổng lồ dài hơn một cây số, bò trên đường đất. Mặt trời vừa lo thì có tiếng hát monica từ một chiếc xe phát ra và khúc hát *Oh! My Suzannah!* vang lên trên cánh đồng vắng:

Nín đi em Suzannah
Để anh đi California!
Anh sẽ đào núi
Anh sẽ tát sông
Anh sẽ tìm vàng
Ở California,

Hỡi em Suzannah!
Rán chờ anh một hai năm
Anh sẽ trở về
Vàng sẽ đầy túi
Anh sẽ cất nhà
Cho em, em Suzannah!

khác dị kỳ là khác nết của bọn đi tìm vàng, kì công tô vẽ đặt ra, truyền ba rất mau, giọng thổn thức, nghẹn ngào, chơi cứng kéo dài ra các kỳ bi thảm [illegible], trong khi gặt cô nhiều chuyện về đi chăm đoạn kéo dài ra trên cái cảnh sơ. Họ cho người nghệ ngơ ai có vẫn gió tới lại hợp lúc đi, chuyện bỏ bớm do mọi tiện được có nơi sau cây số.

Phải mất hai tuần lễ mới tới là de Pardance, một thị trấn nhỏ trên bờ sông Mississipi. Không có ai ra ga đón họ như đã dặn dò. Họ mang lại một nỗi thất vọng thảm thiết, và để cho thêm phần bất hạnh gia đình vì **có người chết, phải bỏ một đoàn đã đi trước.**

Là đây họ mới thực sự bắt đầu bằng qua miền Tây. Có hai con đường mòn đương phía bắc đưa tới đồn Laramie, và đường phía Nam đưa tới Santa Fe. Theo nơi khuyến cáo Buck, họ lựa con đường Laramie gần hơn.

Cuộc hành trình bắt đầu rất khổ. Đường đã chế tạo nhẹ chẳng chàng, ngựa gặc đầu xuống thở phì phì kéo xe không nổi nổi. Họ gặp một con sông hẹp nhưng sâu, khó qua. Họ phải đốn cây bắc cầu để qua.

Qua bên kia sông được rồi, người cảnh đồng cát đỏ mênh mông, [illegible] trên cát thỉnh thoảng, cây cỏ dại mọc thưa thớt. Họ đi dọc theo sông Nebraska chứ không sao chục cây số. Ban đầu [illegible] Chỗ có khe đó đi được, chỗ không được họ phải, chung cộ

thể nhịn ăn được hai ngày nữa. Tới sông Nebraska rồi thì không lo gì cả

Mọi người vững tâm và cuộc hành trình tiếp tục. Đây thuộc về miền bộ lạc Da đỏ Pawnee, nên Max ra lệnh phải canh gác kỹ lưỡng, nhất là ban đêm. Một đêm nọ, bỗng có một tiếng súng nổ. Max chồm dậy. Rồi có tiếng la:

- Tui Da đỏ!... Tui Da đỏ!...

Cả đoàn hoảng hốt. Max, Buck, Lê Kim nhảy phóc lên ngựa, tới chỗ phát ra tiếng súng, hỏi ra thì không phải là Da đỏ tấn công mà là một người trong đoàn bán một tên ăn trộm, tên này nằm úp mặt trên đất bên cạnh một chiếc xe.

Hans, người Hoa Lan, phân trần, Lê Kim thông ngôn:

- Tôi đoán không sai, biết rằng nó có tính tham. Hai đêm trước nó lẻn vào xe, ăn cắp chiếc đồng hồ của tôi. Chiếc đồng hồ bằng vàng tôi mua ở Amster dam. Tối con chiếc dây bằng vàng nữa. Biết thế nào nó cũng quen mùi muốn ăn cắp nốt. Đêm nay tôi làm bộ ngủ. Quan cho mà nó lẻn vô lần túi quần ôi, tôi bắn một phát. Vậy đó.

Max hỏi:

- Hắn chết hay sống?

- Sống làm sao nổi. Bộ tôi bắn dở lắm hả?

Người ta lật thấy kẻ bị bắn lên, một người Mễ Tây Cơ tên là Dack. Viên đạn xuyên qua tim.

Hans bước lại lục túi quần Dack, lấy ra một chiếc đồng hồ vàng, reo lên:

- Tôi đoán có sai đâu. Chính hắn lấy chiếc đồng hồ của tôi đây.

Max cau mày, rầy Hans:

- Phải hắn ăn cắp thật. Nhưng tại sao anh không cho hay mà lại tự tiện giết bạn như vậy? Ai chỉ huy ở đây? Ai muốn làm gì thì làm chăng? Còn trật tự gì nữa. Tôi sẽ phạt anh.

Một người trong đoàn bảo:

Giết người mà chỉ bị phạt thôi ư? Con ai dám theo cái đoàn này nữa?

Lê Kim xen vào:

- Lỗi ở hết thảy chúng ta. Chúng ta đã không tiên đoán được những trường hợp như vậy để tìm biện pháp phòng ngừa. Việc đã lỡ rồi. Chúng ta không thể đuổi anh bạn Hans ra khỏi đoàn. Vậy tôi đề nghị với anh em tịch thu chiếc đồng hồ của anh ấy, cho vào của công. Còn anh Hans, bây giờ hết giận rồi, anh chắc rằng chiếc đồng hồ của anh đi quý tới mấy cũng không bằng một mạng người chứ?

Hans cụt mũi, làm thinh. Mọi người gật đầu. Hans chìa chiếc đồng hồ cho Max.

Lê Kim nói tiếp:

- Bây giờ chúng ta chôn cất bạn Dack để sáng mai lên đường sớm.

Max bảo:

- Lần này thì thôi. Nhưng lần sau, kẻ nào bắn một bạn trong đoàn thì sẽ bị xử tử đó.

Một người mỉm cười:

- Tướng quân Max hăng quá!

*

Ngựa đã nhịn đói một ngày rưỡi, có con muốn hoá điên, chạy lồng lên. Trong đoàn đã có vài người bệnh. Lê Kim phải theo "bác sĩ" Olivier để làm thông ngôn cho các bệnh nhân.

Trưa hôm đó, họ thấy một luồng gió mát, trên trời đã có lác đác mấy cánh chim. Buck bảo:

- Chúng ta sắp tới sông Nebraska. Nào ráng lên đi.

Quả nhiên đi được ba bốn cây số nữa thì thấy một đường cỏ xanh ở chân trời, rồi lát sau thấy dòng nước lấp lánh của sông Nebraska. Mọi người reo hò. Đoàn ngựa đánh được hơi nước, ngóc đầu, hinh mũi lên, hăng hái chồm tới.

Sông rộng, khoảng tám trăm thước, nhưng không sâu, lòng đầy cát, nước cũng đầy cát, đỏ như gạch. Họ ran qua sông trước khi mặt trời lặn. Chỉ có mỗi một chiếc "bắc" bằng long chở xe và phụ nữ, con đàn ông và ngựa phải lội qua. Người chông pha khuyên họ cởi quần áo, nếu không thì ít nhất cũng phải lon tui áo, túi quần ra ngoài rồi hãy lội. Một người

không nghe xong cần xuống trước tới giữa dòng, cát trong nước sôi lên đầy các tua rồng, anh ta như phá đeo thêm bốn tạ cát, nặng quá, lê không nổi, chơi vơi, chìm lim, các bạn em không kịp.

Qua bờ bên kia rồi, Max hô họp các bạn đồng hành lại, để nghị dựng một mô bi sơ sài bằng đá ở chân đồi để ghi tên người xấu số đã hy sinh cho cả đoàn.

Họ nghỉ đêm ở đó, sáng hôm sau thẳng tiến về phía đó là Laramie. Miền này là một cao nguyên ở khoảng 1 030 thước trên mặt biển, giữa cảnh đồng cỏ bát ngát xanh rờn tới chân trời thỉnh thoảng nhô lên những ngọn đồi sang sớm phơn phớt màu tím mà buổi chiều thì đỏ rực ánh tà dương.

Đi được khoảng hai ngày họ gặp một đoàn xe tiến ngược chiều họ, gồm khoảng năm chục người. Họ vẫy la, nhưng đoàn kia không hiểu vì lẽ gì không ngừng.

Từ đó, gần như không ngày nào họ không thấy một đoàn ở xa, không gặp dấu vết một chỗ cắm trại, bếp lửa (có khi còn ấm), rác rưởi, và cả những ngôi mộ nhỏ nữa, mười phiến đá chồng chất lên nhau, ở giữa cắm một cây thánh giá bằng gỗ khắc tên người chết. Cảnh thực thê lương, họ mủi lòng nghĩ đến thân phận của chính họ. Nhưng cũng có một sô nóng lòng mau tới miền Tây, sợ các đoàn đi trước kiếm được hết các **mỏ vàng, chiếm hết chỗ khai thác rồi.**

Các đoàn đi tìm vàng xuất hiện mỗi ngày một nhiều, y như đi trẩy hội. Nhìn về phía nào cũng thấy một đoàn xe đi, hoặc một vài chấm đen **di chuyển ở chân trời.**

•

Một hôm, trong đoàn có người la lớn:

- Tui Da đỏ!... Tui Da đỏ!...

Trong đám cỏ ở phía trước mặt, họ thấy nổi lên một hàng khoảng hai chục nóc lều coi y như những non lá của ta, dựng cách đều nhau, trên bọc một dòng sông lều bằng da, trên nóc cắm một chùm lông. Không thấy một bóng người Da đỏ, nhưng cả đoàn đều hồi hộp, đưa súng ra, lên cò, có người xanh mặt, nhưng vẫn làm bộ anh hùng:

- Phen này được lột da đầu tui đó đem về nhà làm kỷ niệm!

Buck, người hướng đạo, hét lớn:

Xí n ba con bọn tinh Không có gì mà phải sợ

Lê Kim phong ngựa đi dọc theo đoàn, nhắc lại lời của Max

- Ai không được lệnh mà nổ súng thì sẽ bị ăn đạn liền

Mọi cây súng lại hạ xuống.

Có người đề nghị đi vòng, lánh xa những lều Da đỏ Buck phản đối

- Không nên Dùng khiêu khích họ, nhưng cũng đừng tỏ ra mình có vẻ sợ họ. Cứ thẳng đường mà tiến.

Và đoàn xe qua mặt dãy lều Nhìn vô trong lều, họ thấy vài bà già Da đỏ ngồi may những chiếc áo sắc sỡ Một đám con nít trần truồng gầy tong teo bụng ông ngồ nhô ên ngó họ. Tới gần cuối dãy, họ mới thấy một người đàn ông Da đỏ lực lưỡng, cao lớn, gân khoẻ thân, chỉ đeo mỗi một cái khố, ngực vẽ hình một con sếu đứng một chân, hai bên go má vẽ hai hình tròng giống hai dấu phết, hoặc hai giọt nước mắt vĩ đại, coi vừa kỳ cục, vừa ghê tởm Người đó khoanh tay trước ngực, lừ lừ ngó đoàn xe đi qua mà không hề nhúc nhích.

Từ trong các lều, xông ra một mùi lợm giọng, mùi mỡ gấu, mùi da thú phơi khô, mùi dầu và sơn bôi trên mình bọn thổ dân đó

Cách đó ít cây số họ lại gặp một làng Da đỏ như vậy Cũng yên ổn, không xảy ra chuyện gì Mọi người đã quen, hỏi nhau

- Sao mà chúng hiền khô như vậy? Người ta bảo chúng dữ tợn lắm, hễ gặp tụi mình là không tha mà!

Họ hết sợ, còn vui mừng nữa vì biết rằng ở đâu có Da đỏ thì ở đó có mồi, có từng bầy bò rừng (bizon), tha hồ có thịt ăn Quả nhiên, tiến thêm ít cây số nữa, họ gặp một đoàn bò rừng năng nề, đầu rất lớn mà cổ rất ngắn

Buck cho phép bắn hai con đủ ăn thôi; mà muốn bắn loại đó thì phải là thiện xạ bắn viên qua vai cho viên đạn vô trúng tim con bắn vào trán thì hỏng xong và da ở đó dày quá, con thú chỉ bị thương nhẹ chứ không chết.

Đã lâu lắm, bây giờ đoàn mới được ăn thịt tươi, một thứ thịt ngon hơn thịt nai nhiều Sau bữa ăn, tiếng harmonica lại nổi lên hoà với điệu hát *Oh! My Suzannah!*

*

Sang hôm sau, họ vừa mới đi được một quang thì Buck đi đo đường trước, phi ngựa về báo:

- Cả đoàn ngừng lại! Các xe quây lại thành vòng tròn, gọng xe sau cột vào bánh xe trước! Mau...

Mọi người nhao nhao lên hỏi:

- Tại sao vậy? Có gì vậy?...

Buck giảng giải:

Tôi đã thấy một chiếc mền đỏ ở phía trước, cách đây vài cây số

Có người phì cười:

- Tưởng là gì! Một chiếc mền đỏ! Tại sao lại phải ngừng lại vì gặp một chiếc mền đỏ?

Buck quát toáng lên:

- Đồ ngu! Không biết gì về tục Da đỏ hết. Tôi dẫn đường cho ba con, ba con có chịu nghe lời tôi không? Chiếc mền đỏ là dấu hiệu cấm đường. Tụi Da đỏ không cho chúng ta qua. Nếu chúng ta đụng tới chiếc mền đỏ, kẻ không đáng tới mà chỉ đi vòng qua thôi thì tức là gây chiến. Tụi Da đỏ này là tụi Pawnee, thử dữ đấy.

- Dữ thì dữ, mình có súng mà sợ cái gì.

Ý kiến phân vân. Max xen vào:

- Ba con nghe tôi nè! Buck có kinh nghiệm về tục Da đỏ hơn chúng mình. Chúng ta phải nghe lời khuyên của Buck. Dành rằng không một ai tới nơi mà không bao giờ sợ tục Da đỏ nhưng chúng ta phải đi tìm vàng chứ không muốn bỏ thây ở đây. Quây xe vòng thành vòng tròn ngay đi, để xem tình hình ra sao. Tôi chỉ huy ở đây. Mọi người phải tuân lời tôi.

Nhưng đã quá trễ. Họ chưa kịp quây xe xong thì số người Pawnee đã xuất hiện trên mặt gò đồi cách họ khoảng trăm thước.

Buck ra lệnh:

- Không ai được bỏ súng! Để tôi. Không ai được nói nhiều, cứng rắn mới có thể hiểu lõm bõm tiếng của tụi này được.

Max và Buck bơi tiến lại phía đối, sáu người Pawnee xuống đối, khi hai bên cách nhau độ ba thước thì đều ngưng lại. Sau người Pawnee đó đều to lớn như lực sĩ, chỉ thắt mỗi một chiếc như dây lưng bằng da thỉ nhưng tua bằng len màu rực rỡ che phía đuôi bụng, tóc bới lên thành một cái cải lớn cắm lông chim, khắp mình sơn các hình kỳ dị, thân thể họ tiết ra một mùi tanh hôi nồng nặc.

Hai bên đứng yên ngó nhau một chút rồi người cầm đầu phía Pawnee nói trước bằng một thứ tiếng Anh thô sơ:

- Các anh ở trên đất Pawnee.

Buck đáp lại cũng bằng thứ tiếng Anh đó:

- Phải. Các bạn muốn gì?

- Sếp Pawnee muốn gặp sếp Da trắng.

Buck hỏi:

- Sếp Pawnee muốn gì?

Hắn làm thinh không đáp

Buck lại hỏi:

- Sếp Pawnee ở đâu?

Hắn chỉ về phía xa ở sau lưng hắn.

Buck đưa mắt hỏi ý kiến Max. Max suy nghĩ một chút rồi bảo:

- Dù [illegible] hay biết chút ít tiếng Anh, không đáng ngại lắm đâu.

Hai người đi theo bốn Pawnee đó tám cây số thì tới làng Pawnee. Các chòi cũng có hình nón, nhưng cất bằng cây, trát bùn. Trước làng có một bầy ngựa đương ăn cỏ. Giữa làng là một cái chòi rộng hơn, cao hơn, đẹp hơn, của viên tù trưởng.

Buck và Max tiến vô chòi. Viên tù trưởng vẫn ngồi yên, trừng trừng ngó họ rồi bảo Buck:

- Các anh ở trên đất của tôi.

Buck đáp:

- Phải.

- Ngựa các anh ăn cỏ của tôi.

- Phải, nhưng ít ngày nữa, cỏ lại mọc cao như trước mà

- Các anh săn mồi của tôi.

- Cũng phải nữa. Nhưng chúng tôi chỉ bắn có hai con bò rừng để ăn thôi. Nếu chúng tôi biết trước rằng có các bạn Pawnee ở đây thì chúng tôi đã tới xin thịt mà khỏi phải săn bắn.

Viên tù trưởng khoanh tay trước ngực, bảo

- Bạn tôi nói hay lắm. Bây giờ bạn tôi tính bồi thường cho tôi ra sao đây?

Buck đáp:

- Chúng tôi không làm thiệt hại cho các bạn bao nhiêu, chúng tôi xin tặng các bạn vài cây thuốc hút và mươi cái vòng đồng để vợ các bạn đeo cổ tay...

Viên tù trưởng làm thinh, có vẻ chưa mãn nguyện. Một phút sau mới lập lại rằng: Các bạn giết mồi của tôi, cho ngựa ăn cỏ của tôi. Tôi làm sẹp miền này. Tôi có thể cho các bạn một cái "qupo" có cái đó, các bạn sẽ được thong thả đi qua, không bộ lạc Pawnee nào cản trở các bạn.

Buck cau mày, đáp:

- Bạn nói cũng hay lắm. Nhưng chúng tôi không tin ở cái "qupo" của bạn bằng các khẩu súng của tôi. Tôi đưa đề nghị cuối cùng này: hai cây thuốc hút, hai cân đường, mười cân bột, mười hai cái vòng đồng và hai chục cái harmonica, thế thôi!...

Viên tù trưởng gật đầu:

- Bạn của tôi công bằng lắm. Tôi cho ngựa đi theo bạn nhận những món đó.

Thế là cả một đoàn Da đỏ, già trẻ, trai gái đi theo Max và Buck về đoàn xe. Hay tin anh em người trong đoàn phản kháng, bảo phải nộp công cho tụi Da đỏ như vậy là nhục, chỉ bằng lòng đổi những món đó thôi.

Lê Kim can họ:

- Họ là những người chất phác, giữ tín mà không sợ chết. Chúng ta phải giữ tín với họ. Sau chúng ta, còn nhiều đoàn tiên vãng khác qua đây nữa, chúng ta không nên vì cái nhỏ gây nỗi khó khăn cho người sau. Ấy là cái kế gây vạ họ thì thế nào cũng có người chết. Thử hỏi bấy nhiêu món có đáng đổi một mạng người không.

Mọi người cho là phải.

III

QUA DÃY NÚI ĐÁ, MỘT CHỦ QUÁN KỲ DỊ - CÁC THÁNH THỜI TẬN THẾ

Ba ngày sau họ tới đồn Laramie. Đây cũng như Independance là giao điểm của nhiều con đường mòn, chỗ ngồi chân của những kẻ lữ hành, ở cả tứ bốn phương. Đồn nằm ở gần bờ sông, chung quanh toàn là những kho mênh mông chứa đầy thực phẩm và hàng hoá mọi thứ, xen kẻ với những quán chuyên bán rượu rhum (rhum) và một thứ rượu bia đặng nghẹt. Quán nào cũng chật ních, sặc mùi mồ hôi, mùi thịt, cá nướng và mùi rượu. Khách vừa uống rượu vừa đánh bạc trên các bàn gỗ như thợp bạy là loại chơi rượu và rum, cỗ bài căn bản, tiền bạc, súng lục, đồng hồ, ngựa. Kẻ nào không đánh bài thì hát bản *Oh! My Susannah*

Anh sẽ đào mỏ,
Anh sẽ tát sông,
Anh sẽ tìm vàng ở California
Hỡi em Suzannah

hoặc bản *Jim Bowers*:

Tên tôi là Jim Bowers
Tôi có một em gái tên là Line
Tôi lên đường đi Califonia,
Quê tôi ở xa lắm, quê tôi ở Pine...

Nghe câu cuối cùng, ít ai không rưng rưng nước mắt. Vì người nào

trôi nổi tơi đây cũng cung một tâm sự đo cả. quê ở rất xa, xa nhất chỉ c chăn la Lê Kim Lê Kim buôn việc riêng. muôn mao hiểm, đi cho biết khap thê giơi, nhưng con những kẻ khác thi đeu bi vang thu hut như đa nam châm hat sắt Ho tư biet quê hương. gia đình, tư biet cảnh đông, ngoi nha của ho, tư biết cô tinh nhan Suzannah, hoăc cô em Lme của ho, trải biết bao nỗi gian nan ngay hiểm trong may tháng trời, cả chac lan suyt chết chết đoi, chết khat, chết bênh, chết vi Da đỏ mơi tơi đươc đây ma đa thấy đươc gi đâu! Ho mới đi đươc hai phân ba đương, con phai vo mot dây nui cao tuyết phủ nữa, phải bang qua một bãi sa mac mênh mông nữa ma ho chỉ đươc nghe kể những cảnh rung rơn, chứ không biết đươc gi hơn Ho co đủ sức chu nhưng nỗi gian nan đo không ? Mười kẻ đi mơi có vài kẻ tơi chỗ! Rồi ở cai miền nay không gặp cop, beo, cho sơi thi gặp trôm cươp con ghê hơn chó sơi, beo, cop! Ma may mắn tơi đươc miên Tây, ho sẽ tim đươc vang không ! Hay la cac mỏ bị chiêm hêt rôi? Vang! Vang! Co thât đây không, hay chỉ la một ảo ảnh, một ảo ảnh ngut ngan ghê gơm Tâm sư Lê Kim ngươi tơi đâu tiên mao hiểm ở Mỹ, lúc đó ra sao?

Qu e tơi ở xa lam, quê tôi ở Pine Pine du có xa tơi mây, cũng vẫn la ở tren đất Mỹ Con Xuân I ưng, cach b et bao đai dươi g, biết bao sông núi. Anh thuộc thơ Đỗ Phủ không?

Cô viên lam nhươc ha? (*Đươm cũ hãy giơ ra xao?*)

Anh nhớ thơ Lý Bạch không?

Cử đầu vọng minh nguyệt,
Dê đầu tư cố hương.
Ngẩng đầu trông trăng sáng.
Cúi đầu nhớ cố hương

Đoàn xe vừa tơi thi trân Laramie thì một nhân viên trong đôa ra hỏi.

- Trong đoan co ngươi bi bênh dich tả không? Có, thi đoan phải ra khỏi thị trấn liền.

"Bác sĩ" Olivier đáp:

- Dịch tả ư? Không, tuyệt nhiên không

Nhân viên đó vừa quay đi, Olivier nói nhỏ với Max may cau va Max

ra kinh ai muốn mua bán gì thì mua bán cho xong nội ngày hôm đó, sáng sớm hôm sau sẽ lên đường.

Nghe lời quan cư nữ trải bao gian nan mới tới được đây, mỏ vàng còn ở đâu xa tít, lo muộn nghỉ lại vài ngày để xe có cần phải sửa chữa.

Max bảo:

- Ai muốn ở lại tuỳ ý, đoàn sẽ đi trước.

Và sang hôm sau, đoàn lại tiếp tục hành trình, vì trong đoàn có một người bị dịch tả, Olivier giàu nhân viên của đôn, ở lâu sợ bị lô

*

Ra khỏi thị trấn, đoàn xe đi vào một cái hẻm ở phía Nam để vượt dãy Nải Đa (Montagnes Rocheuses - Rocky Mountains). Dãy núi này đất cả ngàn cây số, có chỗ cao 6.000 thước, chạy song song với bờ biển Thái Bình Dương, y như một vạn lý trường thành thiên nhiên.

Hai bên đường hẻm, núi đá đứng đứng, nóng như thiêu. Lâu lâu mới gặp được một bụi cây mọc bên bờ một cái thác nhỏ, dòng nước thấm vào lòng đất, mất tích y như một con rắn chui vào hang. Một con đại bàng bay lượn ở trên không. Một người đưa súng lên bắn trúng, nó rơi xuống **khe núi, không ai nghĩ tới chuyện lượm.**

Buổi chiều, họ tới một nơi, nhìn lên cao thấy những cây đeo những trái gì to lớn là thường, kỳ các. Một người bảo là một loại ba mương đó. Có những cây sồng không biết từ bao nhiêu thế kỷ, to lớn tới mấy ôm. Từ các cành thấy có những cuộn gì tròn, dài, thong xuống đong đưa. Không khí nóng nực một mùi hôi thối lạ lùng.

Buck ngẫm nghĩa một chút rồi bảo:

Phải rồi! Đây là nghĩa địa của người Da đỏ. Trông xa tưởng là trái cây khổng lồ; sự thực là cái bao da đấy! Mỗi bao chứa một xác người. Tại họ không chôn cất người chết mà treo lên như vậy. Cha, chịu không nổi cái mùi này. Quất cho ngựa đi mau lên!

Buổi tối họ ngừng lại ở bờ suối để chôn người bị dịch tả mới chết. Trong đoàn thêm năm người mắc bệnh nữa. Không có thuốc chữa, mà không thể trở về Laramie được. Sáng hôm sau, số người bị bệnh tăng lên gấp đôi, thêm ba người nữa chết. Cả đoàn đều hoảng sợ. Nhưng cũng vẫn

phải tiếp tục hành trình. Đành trông ở số mạng từng người thôi. Quả là một thứ bao bệnh: không sốt, không nóng thở, tả, trong phân có máu, thế là vật giờ sau tắt thở. Ngày nào họ cũng phải đào huyệt chôn bảy cảm một cây thanh gia sở sài lên trên, ghi tên người chết.

Sau một tuần lễ, trong đoàn chết cả thảy mười tám người.

Một buổi chiều, một con đồng thanh linh, nổi lên, mành vỏ cứng cạnh sắc cỏ thứ mà cũng oan xuống, mui xe tốc lên. Buck là hết, bị đâm phải cột ngay xe nọ với xe kia, cho ngựa nằm rạp xuống. Và nép ở sau mông ngựa đón gió. Có người chậm chạp chưa kịp nấp bị gió thổi ngã, lăn trên đường như cục đá. Mái xe rách tung bay, lướn trên trời như cánh chim. Chỉ một lát sau trời đen như mực, mưa đổ xuống như thác suốt đêm.

Hừng đông trời lại quang đãng như thường. Hai chiếc xe bị gió lật đổ, trên một chục chiếc mất mui. Bao nhiêu đồ đạc rơi hết, hai nhà bộ, đường và thuốc hút. Mọi người lo sửa xe qua loa rồi, lại đi. Trưa hôm đó thêm ba người chết vì dịch tả nữa, rồi tự nhiên bệnh dịch biến hẳn.

*

Sau mười chặng đường yên ổn, họ tới một con sông nước xanh như lá cây (tiếng có tên là Riviere verte), một chi nhánh của sông Colorado.

Sông không rộng, chỉ khoảng năm chục thước, nhưng không có bóng, mà chung quanh không có một ngôi nhà nào. Mọi người chán nản, có kẻ rủa. Buck là không biết đường mà cũng hướng dẫn. Buck đáp:

- Còn sông này con có tên là sông Can, chúc là xe qua được. Mùa này là mùa đông. Các đoàn khác qua được thì tại sao chúng ta lại không qua được?

Một người bảo:

- Để con cứ đánh ngựa cho xe qua đó đi xem nào.

Một người hỏi:

- Lỡ gặp chỗ sâu thì làm sao?

Lê Kim đề nghị:

- Để tôi chọn một con ngựa cho qua trước xem sao. Lỡ nó [illegible] ngựa khỏi phải chở nặng.

Lê Kim quất ngựa, cho ngựa do từng bước, qua được bờ bên kia Chỗ nào sâu nhất, nước chỉ mấp me lưng ngựa mà không chảy mạnh

Một lát sau, chiếc nọ nối chiếc kia, cả đoàn xe qua được con sông Thế là họ vượt được dãy Núi Đá, đường từ đây dễ đi hơn, ít đá mà nhiều cát và đất, cây cối nhiều hơn Hai ngày sau, họ tới đồn Bridger

*

Đồn Bridger cũng như đồn Laramie, cũ kỹ, nhưng rộng hơn có nhưng kho rất lớn chứa đủ thứ hàng hoá nhưng chung quanh it có quán rượu, vì chính đồn là một quán rượu, khách bốn phương tơ, đây ít hơn ở Laramie.

Đoàn xe ngừng lại để mua các thực ăn, nhất là quần áo vì qua dãy Núi Đá, quần áo của họ mọc vào gai, đá, da rách tươm hết

Rời đồn Bridger, người nào cũng hăng hái, tưởng chừng như đã ngửi thấy mùi vàng rồi, vì họ đã đi được bốn phần năm con đường qua miền Tây Khắc hát *Oh! My Suzannah* lại vang lên trong đoàn xe.

Đi được khoảng ba cây số, tới cuối một khu rừng họ thấy một cái quán rượu cất toàn bằng khúc cây tung, mặt trước treo một tấm bảng lớn có hàng chữ

Juan Pachero: đủ các thứ rượu.

Đi khỏi quán được một chặng, họ thấy một tấm bảng nữa ở bên đường, nét chữ nguệch ngoạc:

Salt Lake city, cách đây 50 cây số
Từ đây tới đó không có rượu room dâu
Hỡi khách qua đường, khách có khôn
thì nên trở lại quán Pachero.

Một nửa của đoàn đòi trở lại quán Pachero

Juan Pachero thật là một con người kỳ dị to lớn, Da đỏ như đồng, tóc đeo hai cái vòng vàng lớn, ý như pha nữ Da đỏ! Hắn kéo một cây vĩ cầm, treo điệu *Oh! My Suzannah!* Hắn khoe xưa làm thuỷ thủ, đi khắp các biển Rồi bỏ nghề đó, đi tìm vàng Mọi người nhao nhao lên hỏi.

- Thế có đào được vàng không, mà lại đây mở quán?

Đào trong bao lâu thì được bao nhiêu vàng? Miền nào nhiều vàng nhất?

Hắn mỉm cười, hai cái vòng vàng ở hai tay hắn đong đưa, chói sáng

- Vàng ạ? Có chứ! Thiếu gì! Nhưng phải tìm ra được, rồi phải đào! Các thầy mó đi, chứ dễ đâu có dễ!. Tôi muốn gẩy lưng về đào vàng, đào vàng! Bây giờ vẫn chưa hết nhức mỏi đây. Tôi không muốn làm nản lòng các vị đâu. Của đó là nhờ Chúa cả. Có ngờ lượm được một cục bự bằng quả cam nửa ký lận! Mà vàng ròng nữa! Nhưng rồi phân tôi cả mấy năm trời vừa đủ ăn và dư được hai cái vòng ở tai này thôi.

Hắn lắc lắc cái đầu để cho hai chiếc vòng thêm lấp lánh

Bọn tìm vàng chán nản ngó nhau. Nhưng có người cho là chủ quán nói đùa, hỏi thêm chi tiết. Pachero đáp:

- Nè, tôi nói thật với các bạn này. Nếu tôi là các bạn thì tôi trở lại đồn Beger mở một quán tạp hoá hay một quán rượu. Thiên hạ còn ùa về miền Tây sẽ còn nhiều đoàn đi tìm vàng nữa. Thì hỏi một lượng bạc

- Mà tôi miền Tây, còn chỗ để đào không?

- Còn chớ, thiếu gì! Cứ hai, chục người tới thì mười bảy sau, chỉ còn lại năm người các bạn cứ việc nhào vô thôi! Nghe tôi tính nè mười người chết vì dịch tả, dịch hạch, hoàn huyết, đau ruột ba người bị giết, và hai kẻ làm nghề ăn cướp. Nghề ăn cướp ở California là chính là nghề mau phát nhất...

Một người buồn xo, tử Buck, Max và Lê Kim. Một người Mỹ biệt danh là Jack ba ngón tay - vì bàn tay phải chỉ còn ba ngón mà vẫn khoe là dư một ngón, chỉ ngón cái và ngón trỏ càng dư bẹp có rơi đập bàn, hét lớn:

- Tên chủ quán này nói láo, ta muốn ta treo cổ nó vào cái bảng ở trước cửa quán mi không?

Pachero điềm nhiên đáp:

- Nếu chú em nghĩ rằng bọn của chú có thể bắt nạt ta được, thì chú em lầm rồi. Làm chủ quán ở khu rừng này, chú em thử nghĩ

Buck tiến lại cạnh. Bọn đi tìm vàng bước ra, cho rằng Pachero nói bậy. Tiếng vĩ cầm và giọng hát *Oh! My Suzannah* cất nổi lên ở phía sau lưng họ, mỗi lúc một nhỏ dần.

•

Miền này có người Da đỏ, nên đoàn phải phái một ngàn phụ ngựa đi trước do đường. Họ gặp một bọn mười ngàn bộ lạc Ute ngồi đón và có vẻ hiền hơn bộ lạc Pawnee. Không có chuyện gì xảy ra cả.

Đi được ba ngày họ đến Salt Lake city. Thị trấn *Hồ nước mặn*, vì ở đây có một hồ nước mặn. Thị trấn phồn phú, có nhiều ngôi nhà đẹp đẽ, hơn hết thảy các nơi họ đã qua. Quả là một ốc đảo trên con đường họ đi. Dân trong thị trấn toàn là người trong giáo phái Mormon.

Giáo phái này tự xưng là "Giáo phái các vị thánh thời tận thế", do Joseph Smith thành lập năm 1830 ở tiểu bang New York. Thánh kinh của họ là cuốn *Sách Mormon* phỏng theo *Cựu Ước kinh* của đạo Ki Tô. Các tín đồ cũng tin rằng người Do Thái rằng Chúa sẽ cho họ một "đất hứa", họ siêng năng làm việc, cần mẫn, có tinh thần bao dung; nhưng khác hẳn KiTô giáo, Do Thái giáo, họ chấp nhận chế độ đa thê, lấy lẽ rằng dân bà nhiều, hơn đàn ông nên như vậy mới tránh được tệ mãi dâm. Vì lối sống và tu hành của họ đặc biệt, họ bị dân chúng nghi kỵ, đả kích, năm 1840 họ di cư lại Illinois, cũng bị xua đuổi nữa. Năm 1844 giáo chủ Smith bị dân chúng giết, Brigham Young lên thay, dắt tín đồ vượt dãy Núi Đá, tới một miền hoang vu. Họ bỏ hết nhà cửa, đất đai, khẩn gọi lên đường, cứ ngày đi đêm nghỉ, tháng bảy năm 1847, giáo chủ Young ngừng lại ở một sa mạc có một dòng sông từ trên núi chảy xuống báo với tín đồ rằng đó là Đất hứa mà Chúa dành cho họ. Nơi đó là miền Utah. Họ đắp đập, đào kênh, trồng trọt, nhờ siêng năng nên làn lần phát đạt, số người di cư tới mỗi ngày một đông và thành lập một thị trấn tức Salt Lake city.

Khi đoàn tìm vàng tới thì thị trấn mới có hai tuổi mà đã thịnh vượng, lòng lấy, đã tiết ra cái "mùa hoàng kim" tới, làm cho mọi người cảm thấy mỏ vàng ở gần đây. Có một cái quán mang tên kỳ cục là "Bóng tối" tại đó khách qua đường có thể đổi bất kì một món gì lấy bất kì một vật gì đem lại một cái cưa, một cái mền, một con ngựa hoặc một chiếc xe, chủ quán cũng muốn, và muốn đổi lấy rượu, bột đường, hoặc một đứa bé, một chiếc đồng hồ thì chủ quán càng có sẵn hơn.

Đoàn tìm vàng nghỉ lại ở thị trấn Salt Lake hai ngày, vì họ nghĩ rằng đã sắp tới California, tại đó không thiếu gì hàng hoá, cho nên có bảo

(2) Sau này thị trấn có được xây dựng thêm nhiều đại lộ và có một trường đại học.

nhưa đồ hộ cho là không cần thiết đem theo chỉ tỉ ê mang nặng đem đ° lấy hết một xy ranh, một đia tốt áp chảo. Cuối cùng "Hành lang tan thê" tha hồ bóc lột họ một chiếc xe hai trăm Mỹ kim đổi lấy một con ngựa tám chục Mỹ kim, một cây súng đổi lấy một hộp bánh. Thu tràn mua phải nhơ vậy. Đất hương nay còn là phước địa hơn Đất hứa Palestine của dân tộc Do Thái nữa.

*

Từ Salt Lake có hai con đường đưa tới California một đường bọc phía Nam Hồ nước mặn, một đường đi vòng lên phía Bắc, cả hai đều gặp nhau lại ở trên sông Carson. Đường phía Nam ngắn hơn trăm dặm nhưng có cỏ nhưng phải qua một sa mạc phèn. Buck khuyên theo đường đó vì đường phía Bắc dài hơn nhiều mà cũng vẫn phải qua một khúc sa mạc. Mọi người đồng ý.

Nhưng khi đoàn ra khỏi bãi đồng cỏ ở bên bờ Hồ nước mặn thình lình thấy một cảnh hoang vu, nàng chỉ thấy không một ngọn cỏ, trải ra mênh mông bát ngát ở trước mặt thì một số người đàn ông Do Thái ở đây là dân lập nghiệp và những phiến đá hoa cương trắng bóng mặt trời đến và xám xám đầm. Cảnh ngán ngẩm và bao nhiêu con vật cùng một nhọc.

Buck bảo:

- Đây là đất sa mạc của châu Mỹ, sa mạc phèn đây! Trước khi tới mỏ chúng ta phải chịu cảnh gian nan cuối cùng nữa. Có thể là bỏ thây tại đây. Chỉ nhớ phục phần tung ngang thôi.

Mọi người ngơ ngác. Chung quanh cỗ xe của bọn Mễ Tây Cơ, mọi sự người ta họp lại xì xào với nhau, khi Max và Buck cưỡi ngựa đi tới thì họ im bặt.

Buổi chiều ngày đầu, khi đoàn xe đương đi Buck ba ngón tay lên lại phía Max bảo:

- Tôi thấy mặt anh em, muốn được nói chuyện với anh. Chúng tôi không muốn đi xa hơn nữa. Chúng tôi mệt rồi, ngựa cũng kiệt lực rồi, chúng tôi không muốn đi qua bãi sa mạc này, xin gởi xương ở đây thôi.

Max suy nghĩ một chút rồi ra lệnh cho đoàn xe ngưng lại, mời hết thảy người trong đoàn tụ họp lại, rồi dõng dạc tuyên bố:

[illegible]

[illegible]

Max bảo:

[illegible] chúng tôi không?

Những người đó đáp: Quyết.

Max nói tiếp:

[illegible]

[illegible]

[illegible]

IV

QUA SA MẠC PHIỀN

[illegible] chung sức. Buck đánh thức mọi người đang ngủ dậy.

- **Lên yên!... Thắng ngựa vào xe!...**

Đêm trước, sau một ngày [illegible] trên sa mạc, [illegible] bỏ đi. Bây giờ [illegible] họ đã mất nhiều thì giờ và phải đi [illegible] một đoạn đường dài. Bây chỉ còn lại [illegible] và [illegible] ngựa. Họ chẳng [illegible] mệt mỏi. Họ chẳng [illegible] tiếng [illegible] tiếng [illegible] mãi. [illegible] tách [illegible] phương. Jack ba [illegible] tay. Chỉ được [illegible] hơn không.

Đoàn vừa mới đi được vài trăm thước thì một người [illegible].

Quân chó má, quân mọi rợ! Phải giết chúng hết mới được! - Ma Buck, anh Max lại đây coi!

Người đó mới phát ra từng đoạn đã bị phát [illegible] chỉ còn [illegible] khúc thịt [illegible] mỡ, một bao bánh khô và một [illegible] trên người [illegible] đã đeo trùm mền [illegible].

Max bảo:

[illegible] chuyện [illegible] Jack ba người [illegible] mất [illegible] một người trong bọn.

Họ khiêng thây [illegible] đặt xuống đất. Một [illegible] lấy [illegible] và rượu. Trên xe còn một ve Whisky cạn.

Buck liệng xe đó xuống đất, bảo:

- Cũng tại chẳng mình nữa. Thím này cẩn thận nên chúng ta giao cho thím việc giữ lương thực. Nhưng có tật uống rượu. Thằng "Jack ba ngón tay" đã cho thím uống tơn say mèm rồi ha thả đây! Quân cho mà! No chỉ có một bàn tay lành lặn nên không bop cổ thím được. Chắc nó đã đâm thím bằng tay trái. Rõ ràng có vết lưỡi dao gam Y Pla Nho của nó đây.

Một số người phẫn uất, đòi ngừng lại một ngày để phi ngựa đuổi theo đoàn Mễ Tây Cơ, trả thù và giật lại lương thực.

Lê Kim can:

- Không phải là tội riêng của thằng Jack. Cả đoàn đo ăn nưa với nhau để phần mình. Chúng đông hơn mình, thế nào cũng phải để lại đây bốn người giữ xe con có chín người đuổi theo chúng. Chắc chắn chúng sẽ chống cự lại và mình không thắng nổi, chúng trên ba chục người lương thực còn lại ít, trễ thêm ngày nào hại ngày đó. Việc đó không nên.

Họ đào trong sa mạc một cái huyệt, vùi thây ba lão, chất lên mộ mười cục đá đọc kinh *Putes*, rồi bọn ngựa tiếp tục hành trình. Đoàn chỉ còn có mười ba người. Người phương Tây tin rằng con số đó là điềm gở sẽ còn nhiều người phơi sương trên sa mạc này nữa.

*

Họ đi hai ngày nữa dưới ánh nắng như thiêu, trong một miền không có một dòng nước, toàn cát và tro, có phen, lổn nhổn đá nhỏ. Bánh xe lăn xuống, gặp đá thì dồi lên, cho nên ngồi xe con mệt hơn là cưỡi ngựa. Nhìn về phía nào cũng chỉ mênh mông cát trắng, loá mắt. Tới cuối chặng thứ ba trong sa mạc, họ bắt đầu thấy đói và khát vì khẩu phần của mỗi người đã giảm xuống mỗi ngày mỗi người chỉ được vài miếng bánh khô, một miếng thịt hoặc mỡ, và hai lỵ nước. Buck khuyên đừng uống nước mà nhưng một miếng vải vào nước rồi mút cho đỡ khát. Mấy ngày đầu, thỉnh thoảng trên trời còn thấy một cánh chim kền kền hoặc đại bàng, rồi tuyệt nhiên họ không thấy bóng một sinh vật nào cả. Ban đêm, muốn đốt lên một ngọn lửa không phải để sưởi vì cát còn ấm, chỉ để tụ họp nhìn ngọn lửa cho bớt hiu quạnh mà cũng không được vì không kiếm đâu được một cành khô, một cụm cỏ. Tới một vết chân người, một vết chân thú vật cũng không. Họ có cảm tưởng bị cát bao bọc, giam lỏng, hút dần sinh lực, huyết dịch. Theo Buck tính thì họ còn phải đi mười

ngày nữa mới ra khỏi sa mạc. Làm sao có thể chịu đựng được mười ngày nữa, mỗi ngày chỉ có hai lít nước trong cái miệng nóng như thiêu này.

- Xạo trò đánh này! Không làm sao nhìn ra được mình ở đâu nữa! Chỉ đi, đi hoài đi suốt ngày mà không biết bao giờ sẽ tới. Trời ơi!

- Ai! Lúc nãy lẽ ra cậu có một con dông nhà ở Núi Đá! Nhưng ngay đến con dê rừng cái miền núi cho dê này cũng không thể có được nữa!

Qua ngày thứ tư, cảnh vật thay đổi một chút nữa rồi đó, đá xám xuất hiện gần sát mặt, cảnh không còn phẳng lì nữa. Khi lên tới một đỉnh đồi, họ thấy một đoàn khoảng hai chục người Da đỏ từ lánh lên men trên xanh. Họ ngạc nhiên một đỏ ánh vì không tin rằng có người ở miền này. Những người mới lạ một lần. Buck rút súng ra, mấy người khác làm theo. Phía Da đỏ hai mươi hai người, mà phía họ chỉ có mười ba người. Phải đề phòng: có thể bị tấn công lắm.

Một người pha trò:

- Có một dịp tốt, anh em. Tối nay tụ mình được nếm mùi thịt Da đỏ dịp. Thế nào tôi cũng ngon hết một đùi. Mấy bữa nay thiếu thịt...

- Đừng nói thanh nói trong! Chúng bắt Da trắng thịt Da đỏ hay Da đỏ thịt Da trắng.

- Chưa kịp da vàng, chưa nghĩ sao! Da nào thịt da nấy!

- Tốt rồi. Tôi nghĩ lúc này mình cần nước hơn cần thịt. Gặp họ, anh Buck nên hỏi xem gần đây có chỗ nào có nước không?

- Tin gì được tụi quỷ đó.

Bọn Da đỏ chỉ còn cách độ trăm thước. Buck tiến tới trước. Một người Da đỏ cũng tách ra khỏi đám, tiến lại. Những người còn lại trong đoàn hờm sẵn, tay lăm le cây súng.

Buck nói chuyện với người Da đỏ một chặt rồi dắt người đó lại đoàn xe. Bọn Da đỏ này thuộc về một bộ lạc du mục ở ranh giới giữa miền Utah và Nevada. Họ lực lưỡng và có vẻ không nghèo đói, chỉ muốn xin vài món quà thôi. Buck tặng họ một cái nồi, vì trong đoàn không còn vật gì khác. Họ không chịu, đòi thuốc hút và thức ăn. Buck giảng cho họ hiểu rằng đã bị bọn phản cướp hết rồi. Họ bèn xin một con ngựa. Lần phải thuyết phục một hồi lâu nữa để họ tin rằng không có dư ngựa, vì còn phải đi qua sa mạc, tới Carson. Họ lại đề nghị cho vài người Da đỏ

dẫn đường tới miền có mỏ vàng, nếu chịu trả công cho họ. Buck từ chối. Họ đành nhận chiếc mền rồi bỏ đi.

Lúc đó trời đã xế chiều. Đoàn xe ngưng lại nghỉ, Buck khuyên đừng đốt lửa vì nếu đốt lửa thì kẻ rình mình nhìn thấy rõ mình mà mình không thấy họ. "Lũ Da đỏ đó chưa đi xa đâu, có thể nấp sau một ngọn đồi nào đó, nửa đêm tới cướp mình".

Max cắt người canh gác, rồi ăn xong họ ngủ liền, để sáng hôm sau đi thật sớm, bù lại thời gian đã mất vì gặp bọn Da đỏ.

Đương ngủ say, họ bỗng chồm dậy vì có một tiếng súng nổ. Chính Lê Kim đã bắn. Đêm đó Lê Kim thao thức, nghe có tiếng ngựa hí, và giậm chân. Ông len lại coi, hỏi lớn: "Ai đó?" Không có tiếng đáp. Lại có tiếng ngựa hí nữa, rồi một bóng người chạy vụt đi. Ông bắn đại, chứ không nhắm.

Họ nằm rạp xuống, ghìm súng, cảnh sát đêm đó.

Sáng hôm sau, họ đi lùng ở chung quanh, thấy xác một tên Da đỏ cách đoàn xe khoảng sáu trăm thước, Max khen:

- Anh Kim, anh bắn hư hoa mà không ngờ trúng. Bọn Da đỏ chắc sợ lắm, nên không dám lại khiêng xác bạn đi. Nhờ công của anh mà chúng ta được yên. Nếu chúng lại tấn công thì không chắc gì chúng ta còn đủ dược mười ba người.

*

Sức nóng kinh khủng làm cho thần kinh tê liệt, chân tay rã rượi, không buồn cất nhắc nữa. Họ gục đầu xuống, tiến tới như người máy, có người ngủ gục trên lưng ngựa. Tội nghiệp nhất là mấy con ngựa. Người còn biết mình chịu cực hình này vì cái gì, vì hy vọng đào được vàng rồi trở về quê hương, cất ngôi nhà cho em Suzannah, hoặc vì cái vui biết thêm những cảnh lạ, những kinh nghiệm mới, nhưng còn bầy ngựa kia, chẳng hiểu sao biết được vì đâu chúng phải cực khổ như vậy, vì đâu chúng phải nhìn đói nhìn khát và kéo xe dưới ánh nắng chói da chảy thật cả một tuần lễ nay. Chúng ai còn mà ruột chúng lòng lòn để phản kháng, nhưng người ta quất, bắt chúng đi, và chúng lại phải gục đầu xuống, rán bước tới.

Rồi lại thêm một tai nạn xảy ra cho chúng. Vì nóng quá, chiếc xe chở

cỏ, không có mưa, cỏ khô như rạng, bắt lửa, cháy bùng lên không sao dập được, chỉ trong mấy phút, thành tro hết, may mắn lắm mới cứu được bốn năm bánh cỏ. Một người bị phỏng tay để lỏi xuống được một bánh. Thuốc đâu để bôi, băng đâu để bó? Là bỏ đó, ngựa cũng phải nhịn ăn.

Ngày nhất là Buck đã tỉnh sai mà không cho đoàn biết sự thực. Theo tốc độ của đoàn xe tải đang lý ra đã phải tới Austin từ hai ngày nay rồi, nơi đó có một cái đầm cỏ cỏ, các đoàn qua sa mạc thường ghé lại nghỉ ngơi. Mà sao đi hoài không thấy gì cả. Hay là lạc đường chăng? Bóng tử thần đã lởn vởn ở trên đầu đoàn người và ngựa.

Hai ngày sau, ba con ngựa kiệt sức, đường đi thì quỵ xuống, phải bắn cho chúng chết để cơm hập hơi của chúng khỏi kéo dài, nghe tiếng hí của chúng thê thảm quá, không ai cầm nổi. Người ta xẻ thịt chúng nhưng cũng chỉ ăn được một bữa vì đang ánh nắng như thiêu, chỉ ba bữa, **giờ sau là thịt đã nặng mùi.**

Chết ba con ngựa, nên đành phải bỏ lại hai chiếc xe. Một người đem ngỡ nết những tấm ván, mang theo để tối có cửa đốt. Nhưng không ai chửi vì như vậy chậm mất mấy giờ mà sức mọi người đều gần kiệt rồi.

Đầu tóc họ rối bù, râu ria xồm xoàm, mình mẩy dây cát và tro, mắt mày hốc hác, trông như một bầy ma, không nhận ra người nữa. Không ai không bị bệnh: kẻ thì đau răng, kẻ thì nhức chân ma i vì thiếu sinh tố C, người thì đau bụng, tức ngực, hoặc bị trúng rắng. Mà không có một **chút thuốc nào cả.**

Một người đang cưỡi ngựa thì bỗng tuốt dây cương rồi lăn xuống đất. Bạn bè chạy lại vực lên, mặt người đó xám như tro, mạch rất nhỏ **mắt lờ đờ, không thốt được một tiếng.**

Có kẻ đang đêm cười sảng sặc vì mê ngủ, mê thấy những nải bánh nóng hổi, những thùng sữa, thùng mật đầy ắm ắp, những suối nước nhưng vườn cam vườn táo đầy trái, cành nào cành nấy quả xum xuê.

Có kẻ trai lại hết rụ lên, mê thấy một bầy chuột sao mà to thế, lại đục bụng mình, xé ruột mình, chúng tranh nhau chí chóe, lúc nhúc.

Có kẻ khóc rưng rức gào tên người thân, rồi nín, hát lên bài *Oh! My Suzannah!*

Một buổi sáng thức dậy, được tin một người đau bụng đã chết. Người

đo mé man suốt đêm rồi gần sáng bỗng ngoi nhóm dậy, hốc ra cả lít máu, phều phào:

- Nước! Nước!

Rồi lịm dần.

Họ đào vội một cái huyệt để chôn cất, không ai còn sức đâu mà chặt đẵn làm cây thanh giá để đánh dấu nữa. Nghĩ cho cùng đánh dấu làm gì bây giờ? Phải lo cho những người còn sống sót đây. Phải đi ngay, trễ một giờ là thần chết bắt thêm được mấy mạng nữa! Thực ăn đã hết mà nước chỉ còn có ba lít cho mười hai người! Chỉ những khăn để mặt cũng không đủ dùng trong một ngày!

Mà vẫn chưa thấy Austin ở đâu!

Họ nằm những thấy mà biết đi, lầm lũi tiến tới, nhịp ăn nhịn tổng trong sa mạc nóng bỏng, mặt người nào người nấy đỏ ngầu, sưng lên vì khô kiệt. Họ thất thểu, lảo đảo, ngơ ngác.

Giữa trưa, một người ngồi phịch xuống đất.

- Thôi, tôi không đi nữa đâu. Tôi kiệt lực rồi. Không thể nào tới Austin được đâu. Không sao tìm được Austin đâu. Chết ở đây hay ở cách đây mười cây số thì cũng vậy. Các anh bỏ mặc tôi lại đây. Đừng đào huyệt vô ích... Đi đi...

Rồi người đó ôm đầu, khóc rưng rức. Max thấy nguy quá. Không ai nỡ để người đó ở lại, tinh thần của đoàn sẽ xuống rất thấp, sẽ tiêu tan hết, mà trong những cảnh như vậy, mất tinh thần tức là chết. Cả đoàn sẽ chết. Phải làm sao chở người đó đi mới được.

Lúc đó chỉ còn có bốn con ngựa, mà hai con yếu quá, không sống nổi một ngày nữa. Max gọi sung vào tai con ngựa yếu nhất, bóp cổ. Con vật tội nghiệp xuống, không giãy giụa gì cả. Max bảo:

- Các bạn không muốn đi nữa thì thôi, hãy phanh con ngựa này ra, nhóm lửa, nướng thịt mà ăn với nhau một bữa đã..

Không hiểu họ còn sức lực đâu mà làm thịt con ngựa rồi thui. Họ đói, nhưng ăn không thấy ngon, cố nuốt vài miếng cho đầy bao tử.

Ăn xong Keynes đưa tay chùi miệng rồi bảo:

- Thấy dễ chịu rồi. Để tôi đi trước tìm giếng nước cho. Tôi tai đánh hơi nước lạm. Mà bẩm sinh vì khi lạc hướng. Không khí nào lạc đường đâu

Mo [illegible] làm thinh cho [illegible] một [illegible] nói đau. Keynes [illegible]

- Các anh không tin tôi hả? Tôi cam đoan tìm được đám Arsen mà! Tụi biết chỗ đó mà, ở gần nhà tôi mà! Rồi các anh coi. Nào anh nào muốn cùng đi với tôi? Mang theo cái gì để đựng nước.

Max ngước nhìn trời mà anh Keynes cho rằng anh ta bắt đầu hoa đen [illegible] làm bộ tỉnh bơ mà! Đứng phụ sức. Để dành sức mà [illegible]

Keynes trợn mắt, quát:

- Các anh sao vậy? Tôi [illegible] tôi biết chỗ đó có đầy mà. Không [illegible] Tôi sẽ kiếm được cho các anh... Nào, ai đi với tôi?

Ba người nữa đứng dậy, tình đi. Buck hỏi:

[illegible] theo tham [illegible] đó để làm gì vậy? Sẽ [illegible] đường mà [illegible]

- Mặc kệ chúng tôi.

Họ [illegible] vác sang đi theo Keynes. Buck và Max [illegible] đau. Không [illegible] mọc gai. Mo hối nhỏ [illegible] tên nhát, tên hèn.

Buck bảo:

- Được [illegible] [illegible] về. Không [illegible] đã tự về. Họ [illegible] đường, [illegible] của đứng [illegible]

Lê Kim bảo:

- Chúng ta ran ở [illegible] họ tới tối. Nếu họ không trở về thì sáng mai sẽ đi.

Không [illegible] bóng. Max bỗng đứng dậy: trở về [illegible]

- Họ về kia. Chỉ có hai người thôi...

Buck cũng đứng dậy:

- Paine chỉ còn có hai người. Họ đi [illegible] như điên. Họ đi ăn thực tế.

Một lát sau, Donald và Paine về tới. Max hỏi:

- Hai bạn kia đâu?

Donald nhún vai:

- Họ đi [illegible] Keynes đi [illegible] [illegible] không [illegible] thấy [illegible] Mọi đầu [illegible] tôi con tìm, chạy tới chỗ nào trở, chúng thấy quái gì cả. Rồi hình [illegible] trở một điểm khác. Cứ như vậy trên mười cây số. Tới khi tôi thấy hơi [illegible] sống sặc, tôi vỗ vai hắn, bảo: 'Thôi, chúng mình đi về thôi.' Hắn lắc đầu

"Chứ không nữa thì tới Austin nhà ở kế nhà tôi mà, chứ nữa thôi, vô nhà tôi uống vài ly đã chứ." Tôi bảo hắn. Anh đến với anh Keynes. Nhưng hắn đã đáp ở đây. Đây là sa mạc phèn mà!" Hắn nói quay lên chỉ tay ra đằng sau đoàn bộ tôi. Tôi bảo. "Thôi, anh muốn về nhà tây ý, để tôi về với đoàn." "Không theo tôi về nhà uống vài ly Whisky ăn mày miếng bánh phết bơ hả? Để ngày! Còn anh Barber anh đi với tôi không?" Thế là Barbier đi theo Keynes để tìm giếng nước Austin, còn hai đứa tôi trở về.

Max bảo:

Nhìn đời nhìn khát mà hoa điên thì chỉ ít giờ sau sẽ chết. Đã mấy lần tôi cố xuống trên sa mạc này rồi. Hai đồng xương trắng bên cạnh hai khẩu súng gỉ: Keynes và Barbier.

Cô Max thật tiếc tay một người vợ mà sau mười mấy ngày chung đụng với xương, tóc rối phủ gần kín mặt, cặp mắt sáng đã lờ đờ, mà lúc tỉnh thấy Chung ốm đi và xanh lắm một cách rợn người, chậm chạp nhưng rõ ràng.

Cô em! Khi ta đi, tôi làm nhiệm vụ đưa anh em tới miền Tây. Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ của tôi và tôi hứa sẽ làm nốt nhiệm vụ cho tới chết. Không ai ngờ được chúng ta lại gặp tình cảnh như bây giờ. Tôi có lỗi với anh em. Nhưng tôi nghĩ người nào khác chỉ hay đoàn này thì cũng không làm hơn tôi được...

Max ngưng lại, thở dài, gật đầu. Một lúc, nói

Được rồi Max, anh đã làm hết bổn phận của mình. Tôi không oán trách anh đâu.

Max mỉm cười chua chát, nói tiếp:

Tình cảnh chúng ta bây giờ như vậy, chúng ta có còn muốn sống nữa không? Ba ngày rồi trong bọn chúng ta đau, không thể đi được nữa. Hắc ám hết nước rồi. Không lẽ đào một cái giếng lớn rồi chết chung với nhau ở đây. Còn chết tận lực thì chúng ta còn có thể sống được. Hết lý do nào để chết, dù sức lực vẫn còn chứng minh. Anh em nghĩ như vậy chứ?

- Phải.

- Người ta nói có thể nhịn ăn trong một tháng mà vẫn sống. Hình như các nhà tu hành Ấn Độ còn có thể nhịn ăn được ba tháng kia.

Có người cãi:

[illegible]

Một người khác xen vô:

[illegible]

Max cười gằn:

[illegible] khi tìm được chỗ có nước.

Lê Kim bảo.

[illegible] ăn hăn.

Max gật đầu:

[illegible] nào muốn theo tôi thì xin nghe lời tôi.

[illegible]

Max nói tiếp:

[illegible]

- Đồng ý.

[illegible]

giữ lại các đạo cao. Rồi chung ra sẽ kẻ kéo, người đẩy. Chính tôi sẽ kéo xe, với anh Buck để mở đường, còn các bạn khác đẩy. . Nếu các bạn đồng ý thì chúng ta bắt tay vào việc liền. Trước khi mặt trời lặn, sẽ xong. Rồi chúng ta ăn, ngủ một đêm, sáng sớm mai lại tiếp tục hành trình.

Mọi người chia nhau công việc. Lời của Max gần như một mũi thuốc hồi sinh đối với họ.

V

NƯỚC! NƯỚC!

Nghĩ lúc con người thật ghê gớm. Họ biết rằng kẻ bình thường chỉ nhịn nước bốn ngày là chết. Sức đã kiệt như họ thì may lắm sống được hai ngày là cùng. Vậy mà họ không sợ, cứ cứ gầm mặt xuống đất, kéo chiếc xe chở ba bệnh nhân. Họ không buồn ngẩng lên nhìn chân trời nữa, không mong thấy dấu hiệu nào tỏ rằng sắp tới nơi có nước nữa. Họ không suy nghĩ, cứ tiến tới như cái máy. Máu còn chảy trong huyết quản thì họ còn tiến tới, lầm lũi, lảo đảo tiến tới. Họ không còn trí tuệ nữa, không còn tình cảm nữa, chỉ còn một dòng nghị lực, một thứ nghị lực do bản năng, không do ý chí. Họ cầm bằng cái chết còn thương cái chết chăng? Có lẽ không. Họ chỉ không nghĩ tới sự chết, không nghĩ cả tới sự sống nữa, không nghĩ gì cả, như những thây ma biết đi.

Mới đầu họ tiến tương đối nhanh, rồi lần lần chậm lại, ỳ ạch, lết bết. Ba người đẩy, hai người kéo, kéo, đẩy tới khi nào quỵ xuống thì thôi. Có lúc xe lún xuống cát, nhất là những chỗ lún dốc, họ nghiến răng, mím môi, mặt nảy lửa, dữ tợn như muốn giết ai. Có kẻ gầm hét, rồi ngã lăn xuống, tay chân rũ rượi, miệng rên rỉ.

Rồi bỗng nhiên cảnh tượng thay đổi. Chân họ không lún trên cát nữa. Đất cứng hơn, có nhiều đá đỏ hoặc trắng, lấp lánh như thạch anh (quartz). Một người cho rằng dấu hiệu đó tốt, sắp tới nơi có nước.

Khoảng một giờ sau, Kit bỗng ngừng lại, hất lên, ngón tay chỉ về một điểm ở chân trời, miệng toét ra cười.

Max hỏi:

- Cái gì vậy?

- Nước!

Không ai tin cả, nhưng lòng cũng hồi hộp, nhìn theo ngón tay Kit trỏ. Max lắc đầu, giọng bình tĩnh:

- Thôi, Kit, đừng phí nước miếng nữa. Cứ tiếp tục đi đi. Ngó ngay dưới chân, đừng ngó xa nữa.

Kit nổi quạu:

- Bộ tôi điên sao! Rõ ràng nước lấp lánh kia. Ngó kỹ đi nào.

- Ảo cảnh trong sa mạc đấy mà.

- Trời đất! Tôi đã bảo là có nước mà.

Cứ thì có nước. Nhưng làm gì mà hết tương lên thế? Cứ bước tới, có nước hay không thì sẽ biết.

- Lê Kim xen vô:

- Có lẽ Kit không lầm đâu. Có cánh chim kìa. Năm sáu con. Có chim chắc có nước. Bao lâu nay mới lại được thấy chim luôn.

Buck nói:

- Đúng. Có chim thật. Chắc là vịt trời. Khoái quá! Lặp đàn đi. Lống xong rồi ăn. Ăn thịt chim.

Mấy người khác ngơ ngác nhìn, không biết rằng Buck nói thật hay nói đùa.

Kh. leo lên một chỗ cao hơn, mọi người đều đứng sững lại. Quả thực có đồng nước lấp lánh ở xa.

Nhưng Max vẫn bảo:

- Chỉ là ảo cảnh thôi. Đừng tin rồi mà thất vọng. Cứ bước tới.

Kit bỗng nhảy chạy tới, tay dang ra như muốn ôm đống nước nó thu hút chàng.

Bỗng chàng vấp, té lăn trên cát. Max lắc đầu.

- Coi chừng té bể sọ... Cứ bình tĩnh mà.

Watson cũng chạy theo Kit, khuất sau một cái gò. Max hô:

- Đừng ai theo hết nhé. Phải bình tĩnh. Nếu không thì tới mình đây.

Hơi ấm tới một quãng nữa, thấy Kit nằm sóng soài trên cát, chiếc non lăn ra xa, tóc và tay rớm máu, mê man bất tỉnh. Phải vực chàng lên xe.

Khi leo lên một ngọn đồi thấp, còn trắng hơn cát trên sa mạc, bỗng

loang ánh mặt trời và nóng bỏng, họ thấy Watson loạng choạng bằng qua bên đây, bằng qua bên kia, hai tay đưa trước như một người ngái ngủ mò đường trong bóng tối.

Max bảo:

- Coi kìa! Y như người đui vậy.

Max rảo bước tới nắm lấy tay Watson, lắc lắc, và hai người cùng ngồi xuống đất.

Watson đưa hai bàn tay lên lau bằng quả trong tay trong bếch, không cử động.

Một người bảo:

- Những người ở xứ có nhiều tuyết đôi khi mắc tật đó, tật đi ra vì tuyết. Ở đây không có tuyết, nhưng cát trắng cũng chói hơn tuyết. Phải tĩnh dưỡng một hai tháng mới hết.

Lại phải vực Watson lên xe.

Tuy là năm người đàn ông chen chúc nhau trên chiếc xe nhỏ, chỉ còn có hai người cưỡi ngựa nữa là đủ được. Họ nài nỉ hắn đấy. Không hắn cứ nằm sao họ cũng đủ sức.

Đi được một quãng nữa, Max đưa tay lên che mặt, nhìn ra xa, bảo:

- Dạ, Kaffa quả thực có một cái đầm. Không phải là ảo cảnh đâu. Đầm đó tên là Trăm thước. Có cỏ, lau, hình như có cả chim nữa. Nhưng mà có cọp. Cọp bơi đi bơi lại trên lênh lênh. Bây giờ phải nhờ kỳ nào mới lên săn cọp được, nghe ra chưa?

Salmon cười gằn:

- Anh có điên đấy không?

- Không, tôi không điên. Nước mà lành quá được nhờ, khát, cứng họng thế chết. Nước đó đã đem lại cho tôi thêm sức. Mà nước sạch, trong như thế, bể bơi nào sạch bằng. Tôi đã mắc bệnh thì mang nhịch. Các bạn nghe rõ tôi chưa?

Salmon cười

- Để coi

Đèn đã trên trăm thước, tong mười thước, nước là hãm, xanh như rêu vì có, là mức nặt, mùa nông rộ, chưa biết chừng chưa cả thấy lo vật nữa.

Khi con nước đã tới bờ đê, Max quát lên

- Dương Lư Đông, ai ngủ!... Mau ngươi phải nghe tôi.

Max rút khẩu súng ra, lấy cò:

Ngươi mà không tuân lệnh tôi sẽ bắn bể sọ

Kit và Salmon trừng trừng nhìn Max như muốn nuốt tươi chàng. Hàm mắm rút khẩu súng, thanh nhàn như cắt, Max đã bóp cò. Viên đạn cắm xuống cát ở dưới chân ba ngàn, đó Max bảo

Tôi chỉ mới bắn cảnh cáo đó thôi. Bách phát bách trúng mà

Bỗng giác đó đứng yên không nhúc nhích rất lâm lẩm

Max tiến tới vài bước ra lệnh:

- Buck, Salmon, trói vào xe đem về. Tất cả đều đứng nhúc nhích đây là thoát chết rồi, không có gì phải lo sợ. Kim, Hams, các anh khiêng mấy bọn đầu xuống đây. Được rồi. Chỉ một, trên bờ nước này cũng thấy rất rõ. Buck Salmon, hai anh đi mắc nước. Mau cắm xuống đây. Mục lên rồi, để phơi, thuốc nang. Xong rồi, nhưng ai có vết thương thì xuống trước, phía đằng kia, rửa các vết thương đi. Tôi nhắc lại cắm cọng đây. Có lẽ phải cho ăn mới được uống

Salmon càu nhàu:

- Đúng là thằng cha này điên rồi ta!...

Họ đã xuống nước tới đầu gối. Max vẫn đang trên bờ, khẩu súng lăm lăm trong tay, coi chừng mọi ngươi. Chưa được uống. Cắm đây

Đúng như Max đã đoán, nước lạnh buốt. Da họ mươi mấy bàn tay như khô queo lại, bây giờ nhúng vào nước, họ có cảm giác da nứt ra. Họ tuân lệnh Max, không uống, nhưng vốc nước lên mặt, lên tóc, lên râu và đầu, nhấp nhấp một cách. Bỗng Lê Kim la lên

- Ủa, nước mặn à!

Salmon nói:

- Trời nên từ nay tới giờ mà sao không thấy mặn?

Buck bảo:

- Ừ, mặn thật mà. Trời đất quỷ thần ơi!..

Rồi như thường thiên, chàng lặng cắt bình dương mắc đi, nghiêng tàng nắm chà hai tay thoi vào mặt nước, vừa thoi liên hồi, vừa vẫy tức, nước tung toé ra chung quanh:

- Các con đi nước này, mặn như nước biển! Nước cho đẹ!

Max bình tĩnh bảo:

- Nếu các bạn không nghe tôi, uống bậy vào, phỏng còn sống được không?

Chàng tiến xuống bờ đầm, nhúng tay vào nước, đưa lên miệng nếm, rồi nói tiếp:

- Có nước mặn còn hơn không có nước. Nước mặn vẫn dùng được. Bây giờ các bạn nghe tôi này: rửa kỹ các vết thương đi. Nước mặn có giết mất vảy vết thương. Rồi ngâm mình trong nước, kì cọ gội đầu, chà rân đi. Nước sẽ thấm vào trong da, mát mẻ, đỡ khát được phần nào. Nhưng bão nào lành mạnh lau chùi giùm các vết thương, tắm rửa cho các bạn đang ngồi trên bờ này. Tôi sẽ tiếp tay các bạn, xong rồi tôi mới tắm. Nhớ bắt cho hết chí, rân đi.

Khi họ đã sạch sẽ cả rồi, Max bảo họ về xe lấy dao cạo, cạo râu, và đem bao nhiêu quần áo, mền ra giặt hết.

Chiều hôm đó, mọi việc xong xuôi, ai nấy thấy khoẻ mạnh lên, bơi gắt gỏng, vẫy vùng. Nước mặn làm cho môi họ rít ra, miệng hơi sưng lên, nhưng họ vẫn thấy dễ chịu. Họ chỉ tiếc một điều là đàn chim họ trông thấy khi ở xa bây giờ bay đâu mất. Ăn cá mãi chăng? Giá bắn được đàm con, chia mỗi người vài miếng thì thú quá. Họ không oán Max nữa, nhận là Max có lý. Con người đó quả thực cương quyết mà bình tĩnh. Lại biết hy sinh nữa.

VI

THOÁT CHẾT

rừng thanh bình dia

ngay lấy:

- Vàng đấy, sao liệng đi!

dây rồi.

[illegible]

[illegible]

*

[illegible]

[illegible]

[illegible]

xe vì đã có em tới hai, nếu tất cả có tới năm chục chiếc xe và khoảng một trăm thây ngựa.

Đoàn ai cũng nghĩ, chắc cũng đi tìm vàng nữa, rất đông và phong lưu. Trong xe có đủ lều mền, quần áo, khí giới, cả nồi cho con nít, cả cày cuốc, đe búa...

Thấy ngựa chết đông, hồi thối qua, đoàn lục nhục, nhưng vì đói khát, họ cũng vẫn bắt mũi chịu vào các xe kiếm nước và thức ăn. Họ biết rằng ngựa chết cả loạt như vậy chỉ có thể là do một thứ bệnh dịch nào đó, các người trong đoàn đành phải bỏ ngựa, xe và mọi đồ dùng lại mà thoát thân, họ biết thứ vậy thì các thức ăn nếu có con cũng sẽ nhiễm vi trùng, thứ chết đói còn chắc chắn hơn là chết dịch, nên họ không sợ.

Mỗi xe lính lục lọi hết các xe, một lúc lâu tìm được một bao lúa mạch. Kẻ xúc một nắm nhai, vài người khác làm theo, nhưng rồi họ thất vọng. Miệng họ khô quá, không đủ nước miếng nhai cho nhuyễn để mà nuốt trôi được. Lưỡi họ cứng và sưng lên, hễ nhai là cắn phải lưỡi. Họ phải nhổ hết ra.

Bỗng Lê Kim bảo:

- A, có con bò con thoi hớp đây. Chúng ta có thể thọc huyết mà uống được. Các bạn đem thùng lại đây.

Lê Kim thọc huyết con bò, hứng được hai thùng huyết, mỗi người hớp được đôi ngụm là mau con nóng lấy nhảy. Họ phải cầm liền, nếu không máu sẽ đông lại.

Họ xẻ thịt con bò, nhào với hạt lúa mạch rồi nướng. Chưa bao giờ họ được một bữa ngon như vậy. Nhất là ăn xong họ kiếm được trong một chiếc xe, một vé nước người trước bỏ quên lại hay không muốn mang theo. Mỗi người nhúng khăn vào rồi đưa lên miệng mút.

Họ lại đủ sức chịu đựng được một hai ngày nữa.

Max bảo đẩy xe lại một chỗ trên gió, cách đống thây ngựa vài trăm thước để khỏi ngửi thấy mùi hôi thối. Họ nghỉ lại một đêm. Sang hôm sau họ lại thấy đói, xẻ thêm con bò, tẩm nhưng miếng nào chưa thối chia nhau một bữa nữa. Họ biết rằng lần này có hy vọng sống sót được, mà quần áo tả tơi hết cả, nên họ lục lọi các xe, kiếm mỗi người hai bộ đồ mới tinh, bận một bộ, mang theo một bộ. Bộ đồ đều, hình dáng họ lục đó vừa gồm ghiếc vừa nực cười. Áy phục, giày nón đều sạch sẽ, có nếp bong

bên những xác ngựa.

phút nào có thể tai hại phút đó.

và Olivier, Salmon đều lên con sốt.

đinh, quê hương mà khóc rưng rưc.

Mọi người gục đầu làm thinh.

Max nói tiếp:

- Tôi đi với

Max quay lại

- Tốt lắm. Vậy anh mang theo một cái thang nữa

Trời đã, mặt trời đã cao. Năm người ở lại nhìn theo họ.

Max và Lê Kim khó nhọc kéo lên một cồn đất. Sức họ kiệt rồi. Máy lần họ vấp té, thụng lăn qua một bên, nó ôm cây, lượm thêm rơi bỏ lại, lượm một quăng lại ngồi nghỉ, thở hổn hển.

Max lại đứng dậy trước, đưa tay kéo Lê Kim lên. Quay lại họ thấy các bạn của họ nằm ở xa, im lìm như một bụi cỏ trên sa mạc.

Bỗng Lê Kim khẽ nắm chặt bàn tay của Max.

- Nhìn kìa... Nước kìa!...

Max trố mắt ra ngó, vẫn chưa thấy gì.

Tưởng có nước. Chỉ thấy một cái bảng thôi mà!

- Phải, trong cái bảng đó người ta đã ghi bằng bảo hiểu rằng đã tới Austin, chứ còn gì nữa?

Max gật đầu:

- Anh có lý. Đúng là chúng ta tới Austin rồi.

- Kìa, có cái gì lấp lánh kìa, như một vách bạc. Đúng rồi. Chảy tới đi.

Họ vùng bằng xuống đất, vùng reo: Nước! Nước!

Nhưng mới được mấy bước, Lê Kim trở lại ngồn đất, nhìn về phía các bạn đang nằm lên cao vẫy vẫy bảo cho biết để họ vùng mà tới lại.

Họ nhìn thấy được một cái bảng thép đã ghi bằng chữ trên cái bảng gỗ:

Water, eau, agua[1].

Cát ở đây ướt, các mặt. Có một dòng nước nhỏ, nông đã ngấp cát thũng thôi.

Max bảo bạn:

- Anh làm theo tôi này!

Họ nằm sấp xuống, vục mặt vào nước, lấy tay, hớp một ngụm nước nhỏ, chứa chan cổng. Nước ngọt!

Toàn thân họ run rẩy. Họ sướng quá. Nước thấm vào da thịt, vào lưỡi, cuống họng, họ thấy tê tê, mát rượi.

(1) Ba tiếng này: Anh, Pháp, Y Pha Nho đều có nghĩa là nước.

Max mục đầy hai thùng, phơi dưới nắng một lát cho nước nơi ấm ấm, rồi mới uống vài giọt. Họ ngâm mình trong dòng nước vùng vẫy một chút.

- Thôi, chúng mình đem nước về cho các bạn kia đi!

Gần tơi nơi, họ cùng đưa một tay lên vẫy vẫy

- Nước đây rồi, anh em ơi!

Bạn kia vẫn không tin, vẫn ngồi yên, không nhúc nhích. Khi Max vẩy một ít nước lên Kit, mọi người mới bừng tỉnh dậy.

Max chỉ cho mỗi người uống vài giọt một lần, ngừng một lát mới cho tong thêm vài giọt nữa. Nửa giờ sau, mỗi người mới uống được đầy nửa cái bát nước.

Họ dừng dậy, đã sức leo ngọn đồi, tiến lại dòng nước. Lúc đó mặt trời đã chênh chênh. Họ đã thoát chết!

•

Ít năm sau, không hiểu ai đã dựng ở nơi đó một tấm bảng với mấy hàng chữ này:

"Ai đến đây là hết con đường thiên lý, kẻ nhát nhát không dám đi. Kẻ yếu đuối thì chết ở dọc đường".

Trước thềm chiến viết rồi tấm bảng đó vẫn còn.

VII

LÀNG GIẺ RÁCH

nôn, đau bụng.

đăng, mỗi người đào được một ôm

không nên

sống thì đốc.

tới chỗ có nguồn ở.

Họ phải đi thêm hai ngày nữa. Đất cứng hơn, lớp cát mỏng hơn, không khí mát hơn, mỗi chạng. Rải bông nở thưa và xác xơ hơn, trông đỡ dám đa. Không a. tìm thực, tượng chỉ là một ảo cảnh.

- Thực là cây đây không? Có cây thì trẻ nào cũng sẽ trèo.

- Biết sẽ gặp Da trắng hay Da đỏ đây?

- Da gì thì cũng là người. Con hoa là chết đói cũng không.

Không phải ảo cảnh. Dừng là cây cổ thụ. Cô gái nhỏ chạy lại vuốt lấy thân cây, vuốt ve cành lá như một tình nhân.

Max bảo:

- Chúng ta sẽ dựng lều ở đây. Rồi đi tìm hoa, tìm quả, tìm nước mát trong lành, và cả hai ăn hết mà nước trong bình cũng cạn.

Chú bé nhảy đến bên bờ nước, chảy xuống và vục mặt vào nước. Bỗng thoạt B ý gặp hợp mọi thứ lạ, khi sa mạc và lẽ kim loại nơi đây vượt đầu tiên đã băng ngang châu Mỹ.

Bỗng Salmon la lớn:

- Có người đi tới. Hắn cưỡi ngựa.

Max vác súng đứng dậy, chạy ra chặn lại.

- Chú ở đâu tới đó?

Người cưỡi ngựa giật mình vì bất ngờ, rồi mỉm cười. Max hỏi thăm đường, người đó đáp:

- Đi khoảng mười lăm cây số nữa thì tới một làng tên là Ragtown nhỏ đó có bốn, năm gian da thôi nhưng giá đắt lắm.

Nói xong, người đó quất ngựa đi liền. Max bảo Salmon:

- Người đó có vẻ là người tốt bụng. Hắn có mang giày nhưng gót giày đã cũ mòn. Anh có để ý thấy đôi giày của hắn mang hình chữ X không? Có lẽ hắn mới giết ai mà cướp đôi giày đó.

*

Đêm đó họ nhìn đoàn người ngủ ở bờ sông, sáng sớm hôm sau lên đường xế trưa tới làng Ragtown.

Ragtown có nghĩa là làng Giẻ rách. Sở dĩ làng có tên đó vì không có một căn nhà nào cả toàn là lều lợp bằng vải mui xe, da hoặc vỉ cật kẽm vỏ nhựa, không có mống nào lớn. Dân cư cũng mới tụ họp lại độ sáu bảy tháng trước, nhiều đã cất được vài trăm chiếc lều. Không làm ruộng mà chỉ sống bằng nghề đổi chác.

Những đoàn xe đi qua miền Tây tấp vàng, từ đây, con gửi được những vật gì hơi có giá như đồng hồ, nhẫn, ngựa, bò... cũng đem đổi lấy bột, bánh, thịt, rượu, mà họ đã phải nhịn suốt thời gian qua sa mạc. Giá cả hoàn toàn theo sự cung cầu, và cái Ragtown đi nhiên cũng giở, bọc lột như các "Thành phố tạm thời" ở thị trấn Salt Lake.

Chúng ta trong đoàn của Max không còn gì để đổi cả, danh phải để kiến việc làm thuê để có miếng ăn. Họ dắt nhau lại một cái lều khá lớn nơi, lối chủ xem có công việc gì cho họ làm không. Chủ lều đáp

- Tôi không có công việc gì cả, nhà ở đây chắc không có nhà nào có công việc gì đâu. Vì không trồng trọt, chăn nuôi, cũng không đốn cây làm nhà nữa. Toàn là lều cả mà.

Max kể tình trạng của đoàn cho người đó nghe, người đó bảo

- Trường hợp của các bạn thường xảy ra. Làng này chưa được tổ chức. Nhưng bọn thương nhân chúng tôi đã có sáng kiến này: mỗi khi có người tới, chúng tôi bỏ riêng ra một phần nhỏ để giúp đỡ những khách qua đường hoàn toàn như các bạn. Các bạn lại trạm cứu tế ở đầu làng đăng ký và kể tình cảnh cho người ta nghe.

Cả bọn kéo nhau lại trạm cứu tế. Đây là cái lều lớn hơn các cái khác. Chủ lều vừa buôn bán vừa coi trạm, nhìn mọi người tới đầu tiên chăm một hồi lâu rồi bảo:

- Tôi có thể cho các chú được nửa ký bột.

Max la lên:

- Nửa ký bột cho chín người! Mỗi người được một nhúm à? Bốn ngày nay chúng tôi chỉ ăn toàn rễ cây.

Chủ trạm nhún vai, có ý bảo nếu không bằng lòng thì thôi. Max nói thêm:

Chúng tôi đi qua miền California, không mình ở lại đây. Chúng tôi xin việc để làm, mà không hề có công việc giao cho chúng tôi. Chúng tôi không muốn ăn xin, bất đắc dĩ mà phải lại trạm cứu tế này. Nửa ký bột

thì làm sao chia nhau?...

- Nếu các chú ở lại làm việc cho tôi thì tôi sẽ cho thêm nửa ký nữa

Max quay lại nói với các bạn:

- Thằng cha này tao nhẫn quá. Năm ni nọ vô ích. Anh em vơ đi cho tôi, vô thấy vợ con bao nhiêu. Khuê mỡ kia, khuê thịt kia, hai bao bạn hai ký đường, một bao bột, một bao đậu.

Các bạn tưởng là nói đùa, mỉm cười, nhưng khi thấy họ làm thật mới la lối: "Ăn cướp! Ăn cướp, ba con ơi!"

Max giơ họng súng và ngực hắn, bảo:

- Có câm cái miệng không?

Hắn vẫn bắn bắt, anh thằn thật. Max nói tiếp với các bạn:

- Thêm một bao nữa. Có ca khó không? Hắn kỳ. Dưng quên cái mồm thì cứ hát đây mà. Nhớ thuộc bảy lần, thêm gạo.

Xong xuôi rồi, Max bảo chủ quán:

Bán tôi chim ngươi, nghe không? Lát nữa có một đoàn tám đồng ghé đây. Nếu trong đoàn đó quen thân với tôi, tôi chém mà là thì tôi sẽ đốt cả quán này và Ragtown sẽ bay vào phòng đó. Ngoan chưa?

Mặt người trong đoàn em đó tái chảy. Max giải thích:

- Không việc gì phải sợ cả. Cứ thẳng thắng đi. Nó không dám làm đâu, nếu nó bắt tôi. Cứ cho tôi biết ra quán gần nhất, tôi sẽ giao cho nó về trại tế, nó muốn được nhiều thì phải nói rõ một, có bao nhiêu để bán. Nói sao cho người ta kể cho các người khác trong làng nghe, cho tới khuya đám kéo cả đến. Có lý nào mà chỉ cho ngươi ta chỉ có nửa ký bột.

Bọn họ ung dung ra bờ sông. Cứ như thật, nằm một hồi ăn ngon nhất trong đời vậy. Họ thật mát xa, an ủi thôi để cho bọn tù quen đi. Rồi họ nằm trong, đánh một giấc, sáng dậy thật tỉnh táo.

*

Từ Ragtown họ đi tàng tàng ngày tới Mormon Station, sau này đổi tên là Carson-City. Mormon Station cũng như Ragtown, gồm mấy chục căn lều dân chăng cũng buôn bán, đổi chác hàng hóa. Số thực

phần cướp được ở Ragtown đã ăn và ngay nữa, họ đi thẳng tới Hay town, sau đổi tên là Placerville. Ở đây họ ghé lại sau ban để ăn và ban này tiến vì miền thung lung sông Carson này rất nhiều mỏi. Sau cùng họ tới Dôn Suter... Vàng ở dưới chân họ!

PHẦN THỨ BA

"ANH SẼ ĐÀO VÀNG"

I

ĐẠI UÝ SUTER

Đồn Suter nằm trên bờ sông Sacramento, là đồn lớn nhất California thời đó (1849). California tới năm 1850 mới ra nhập Hiệp chủng quốc, lúc ấy còn độc lập và chưa được tổ chức. Miền đó đất đai rộng gấp mười nước Việt Nam chúng ta, chưa được khai phá, rất phì nhiêu và có rất nhiều mỏ: mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ kim cương, mỏ dầu lửa. Phì nhiêu nhất là thung lũng sông Sacramento nằm giữa hai dãy núi, một dãy ở bờ biển Thái Bình Dương, một dãy song song với dãy trên, nằm lui về phía trong, tên là Sierra Nevada.

Đồn có tên là Sater vì ở trên đồn điền của Johann August Sater và do chính ông ta cho xây cất.

Từ xa đoàn của Max đã thấy một công trình kiến trúc dài khoảng trăm năm chục thước, rộng năm chục thước, đang bằng những thân cây lớn, gạch và bùn đắp lên rồi để cho khô. Có hai vòng rào, vòng ngoài cao khoảng sáu thước, dày một thước, vòng trong cách vòng ngoài tám thước và cao độ ba thước. Khoảng giữa hai vòng rào đó đang làm xưởng, kho chứa đồ. Trên mặt mỗi vòng rào là một đường để lính đi tuần. Bốn góc đều có chòi canh rất kiên cố.

Vô khỏi vòng rào trong, tới một cái sân rộng có nhiều căn nhà, lầm lua và ngôi biệt thự của "đại uý" Sater - ông ta tự xưng là "đại uý" và bắt mọi người trong đồn điền phải gọi mình như vậy.

Ông ta vẽ bản đồ xây cất rất hãnh diện về công trình của mình và gọi là đồn điền Nouvelle Helvetie - tức Tân Thuỵ Sĩ - để nhớ lại quê hương của ông.

Ông tập hợp được một số người Da đỏ rất trung thành, dạy họ làm

trong đất vắn, cảm sang và ông có được khoảng trăm cây sung. Vì miền đó chưa được bình định, còn một số Da đỏ Mockelamne độc lập, không chịu phục tùng người Da trắng, mà người Da trắng toàn là hàng dân gian bỏ tứ chiếng, rất khó trị, cho nên ông dùng chính sách Mạnh Thường Quân, tiếp đón nồng hậu tất cả những người Da trắng nào đi cư tới mà có vẻ lương thiện.

Khi đoàn của Max tới, tiếng trống Da đỏ nổi lên. Tức thì mươi hai người lính Da đỏ chạy lại xếp thành hàng trước hai cỗ súng bằng gang, ở giữa vòng rào, bồng súng, đưa tay lên chào. Một sĩ quan Da trắng đeo chiếc bông đai ban quản phục tới, như quản phục về binh chủng hay bộ đội tiếp nhận, mà các sĩ quan cũng có vẻ để thì giờ với đoàn của Max.

Đoàn đã nghe tiếng Sater từ lâu, mọi con ghe đây và ngay đã nghi ngờ, đề tỉnh bình và để làm quen với nhân vật đó.

Họ được mời vào đồn, đem cho một bữa tinh sơn cỗ đủ các thứ thịt và các món ngon vật lạ cây. Ba người Da đỏ lạ hoắc lạ hoe, nhưng không dám chủ nhân ra tiếp mình, chỉ anh em ban với nhau ăn xong rồi thì đi xông thêm ở lại nữa. Đang lúc đó "đại tỷ" Sater cho một người Da trắng ra mời họ vào phòng riêng của đại tỷ để đại tỷ được hỏi chuyện.

Họ vào một phòng lớn hẹp, đồ đạc sơ sài: một bàn giấy, một cái "ca-na-pê" và mấy cái ghế bành rộng không có nệm, toàn để thờ trong đồn điền đóng lấy.

Bên cạnh chiếc bàn giấy có một cây sung dài, bông loang, trên bàn giấy người ta bày giấy tờ, mở sẵn, có một cây súng sáu nòng kền dùng làm đồ chặn giấy.

Ông chủ nhân đương viết dở bức thư, đứng dậy tiếp họ. Ông ta người tầm tuổi, gầy, nhỏ, da sạm nắng, gần giống quân thước. Nét mặt bình tĩnh mà cương quyết, trán cao, đầu hơi hói, râu ram, cứng, không dài, đặc biệt là cặp mắt sáng, trầm tư. Y phục cắt toàn bằng nhung mầu xanh đương đậm. Một dải băng vàng vắt ngang qua ngực, nổi bật trên màu nhung đó.

Ông ta có điều bỏ mũ quan nhân, tươi tỉnh bắt tay mọi người, nở một nụ cười hiền từ. Ông nói tiếng là Mạnh Thường Quân, khách viễn phương lại tá túc ở đồn điền ông bao lâu cũng được, muốn có việc làm thì ông kiếm cho, thiếu tiền thì ông giúp, nếu ngại không muốn được giúp mà muốn bán lại cho ông xe có ngựa bò thì ông cũng mua mà

không khí nào trả rẻ. Thỉnh thoảng ông con sai bọ ra chỏ thực ăn vô ra kẻm những khách lạc đường ngoài bị cướp bóc mà cầu giúp mà

Cả cái miền mấy ngàn cây số vuông này là một thiên đường hạ giới. Ruộng lúa, bắp, vườn trái cây, vườn nho, đồng cỏ mênh mông. Dọc điền có xưởng mộc, xưởng rèn, xưởng thuộc da, máy xay bột, lò bánh, lò cất rượu... Ta chế tạo lấy mọi đồ dùng, có thể tự túc được, chỉ thỉnh thoảng và đôi ba phẩm mua ở ngoài thôi. Đúng là một lãnh chúa trong một giang sơn riêng biệt.

*

Đó cũng thực kỳ dị, non hai mươi tuổi không có một xu dính túi, chưa đầy mười lăm năm sau, có thể nói là giàu phát thèm, vậy mà năm chục tuổi, phải đi ăn mày.

Ông sanh năm 1803 ở Bade, một miền thuộc Đức, giáp ranh giới Thụy Sĩ, nhưng theo nghiệp ông cha, đi cất khách một xưởng cưa ở Lorô ở Bale (Thụy Sĩ) và coi Thụy Sĩ là quê hương của mình.

Không hiểu làm ăn ra sao mà năm hai mươi mốt tuổi ông phải bỏ xứ và bỏ cả tên của tổ tiên, một gia tộc nổi tiếng ở Pháp. Mấy ngày đi đường ông phải đổi tên thay họ, mượn một bản thông hành mang danh du lịch, tôi gặt hái cấp độ đặc biệt mà ông cần có.

Tới Paris, không còn một đồng nào cả. Không dám dùng tới kim ngạch còn mấy bản thông hành của, đem ra một tiệm đồng hồ giả mạo nhận một số tiền nhỏ giao sau. Xuống một chiếc thuyền buồm đi Le Havre. Ba ngày sau xuống tàu Lafayette của New York.

Vậy là con người tài hoa đó, không nghề nghiệp, không gốc gác từ bỏ quê hương qua Mỹ. Lúc đi trước có lẽ cũng có một số tiền khá, gởi tin tức gì về cho vợ con cả.

New York năm 1934 là nơi đã có vàng ngập đường, có mỏ vàng để làm ăn. Trộm cướp, thuỷ thủ đam tàu, con buôn sát nhiệp, nhà cách mạng lưu vong, nhà tư bản phiêu lưu, và triệt gia võ dự, ai nơi đến lượm thóc, thơ thuyền, lính tráng từ châu Âu mấy nào cũng đổ tới New York. Trên mười chiếc tàu cập bến, ít nhất cũng có vài tay giang hồ ám chỉ.

Vừa mới nhảy lên bờ, Suter mộc hết một chai rượu, liệng vỏ chai xuống bến, rồi cười ha hả, lên lời trong đám đông, xem xét vô thanh

pl o nha mot ngaon ban viec duong co a. cho đon

O New York ông ta lam không biết mấy chục nghề khuân vac, giao hang boi khach san, mu ky kê toan, nhó rang, ban cao đơn hoan tân ban thit, bao mu, day toan , giao thiệp với đủ các hang nguoi. hoc tiếng Anh, tiếng Phap, tiếng Hung Gia Lơi, tiếng Bồ Đao Nha, tiếng Y Pha Nho, do hỏi tin tức về các miền khác ở Mỹ.

Sau hơn năm, ông ta thanh thổ công của tiểu bang New York, không co một đuong hẻm nao ma không biet, không co một công việc lam ăn nao ma không rành. Ông cha y nhất tại miền Tây hoang va ma nhưa nguoi đon rằng đất cat pha nhieu vô cang, có le co nhiều mỏ vang nữa, vì dan Da đo ở đo thi'n thoang đem nhung cục vang sông, nghia la moi đao ở dươi đat lên - đổi cho nguoi Da trang lay thuốc la hoặc chuỗi thuỷ tinh.

Ong lam quen voi mấy con buôn Do Thai và quyết đi qua miền Tây. Chỉ ở miền đo moi mua lam giau duoc thoi.

Ong bỏ New York tới Saint Louis trên bờ con sông Mississipi, đầu dương qua miền Tây, mua đat ở Saint Charles - đất hoi đo rẻ rề - để lam ruộng, trồng bắp, lua, bông vải va thuốc la. Cũng buôn bán nữa. Tau, ghe nao đi ngang qua, ông cũng mời gọe nha ông nghỉ, khoản đãi rất trọng hậu, lối tham ho về những miền ho lam ăn, nhưng miền ho đã qua.

Khi tau thap đủ tin tức roi, ong ban trai ruộng, mua hang, roi cung với bọn thương nhân nữa, đến tới Santa Fe, cách Saint Louis trên ngan cây số. Va buon đo không toan toàn sẽ, lỗ, nhưng ở Santa Fe ong duoc thổ dân cho biet tiếm nhiều điều về California, ở bên kia dãy Núi Đa, bên kia sa mac. Đo moi thật la miền Tây, la "phuc địa".

Ông quyết tâm tới California.

Muốn vậy, ông trở về Independance, chuẩn bị một thời gian nữa, cùng với bai sĩ quan giang lo, nam thầy ta, ba người dan ba, thanh lập một đoàn để vượt dãy Núi Đá.

Hồi đo vao khoang 1838 hay 1839, đường đi con nguy hiểm gặp mạo nội đoan của Max đi qua - vi chưa có đường mon va dân Da đỏ chưa quen voi nguoi Da trang, hễ gặp la lột da đầu ngay.

Toi đôn Van Couver, không có đường bộ, ông theo đường biển, gặp bão, sayt lam mồi cho ca mập, sau cung toi chỗ ma ngày nay nguoi ta goi là San Francisco. Thoi đo, California con là một tỉnh của Mễ Tây

Cơ, San Francisco chỉ là một bến cỏ vài chục đánh cá, với một vài nhà tôi tàn của hội Truyền giáo.

Tới được ít bữa, Suter cưỡi ngựa đi thăm thung lũng Sacramento, thấy đất hoang vu mà màu mỡ không thể tả, bèn trở về xin viên thống đốc California, tên là Alvarado, cho phép khai khẩn miền đó.

Viên thống đốc hỏi:

- Người đâu để khai phá.

Suter đáp:

Tôi sẽ dùng một số ngàn Canaque[1] và những người Da đỏ trước làm cho hội Truyền giáo. Các bạn tôi sắp có một chuyến tàu chở người Canaque tới đây. Ngài cứ để tôi khai phá. Tôi sẽ làm cho xứ này phát đạt.

- Ông sẽ gọi đồn điền của ông là gì?

- La Nouvelle - Helvétie.

- Tại sao vậy?

- Tại tôi là người Thuỵ Sĩ.

- Được. Ông muốn làm gì tùy ý. Tôi cho ông quyền khai phá trong mười năm.

Ít lâu sau, ba chiếc tàu của Suter ngược dòng sông Sacramento, chở một trăm rưỡi người Canaque, mươi người Da đỏ, năm chục con ngựa, hai trăm con bò, năm bảy cửa, đầy đủ lương thực và tất khẩu súng, tất thuốc đạn.

Đốn rừng, cất chòi, bắc cầu, cày ruộng, gieo hạt giống, chăn bò. Dân Da đỏ lại xin đất để làm, ông chia cho họ mỗi người một lô. Ba chục người Da trắng trong miền, toàn là những người Mormon, các vị "Ngày thời tận thế", cũng lại xin giúp việc ông.

Công việc phát đạt mau lạ thường. Năm lúa chất nhiều, mỗi mùa phải cất thêm. 4 000 con bò đực, 1 200 con bò cái, 1 500 con ngựa, 12.000 con cừu.

Dựng trại cưa, nhà máy xay bột, ấp vườn nho, cất rượu. Ít năm sau, ông đã nổi tiếng khắp Hiệp chúng quốc. Các ngân hàng ở Washington,

---

1. Tên gọi chung thổ dân các đảo Thái Bình Dương: Tân Tây Lan, Tân Mai-cơ-vân vân...

New York, London là những đô thị lớn. Ông nhập cảng nhiều công cụ, khi giao hàng thấy mọc ở châu Âu. Công trả nợ hết các món nợ cũ ở Luy St. còn vẫn được danh dự cao quý, được làm chủ và viết thư đón vợ sắp tới nghĩ tới chuyện đón vợ con qua.

Nàng vẫn còn ông chưa nhận được mười [illegible]. Khi đoàn của M. x to. thì ông đã mở to hay [illegible] Mới ông lên mà bà con thì cũng xuống mau bấy nhiêu.

II

NGƯỜI TÌM ĐƯỢC VÀNG

Suter mời bọn Max ngồi rồi hỏi:

- Các ông tới đây để tìm vàng?

Max đáp:

- Một số để tìm vàng. Một số phụ tới và có ông anh Kim đây nữa thì không.

Lê Kim đáp:

- Lần đầu tiên tôi được nghe có người ngoại tộc đây không phải vì vàng.

Suter vừa nói vừa nhìn Lê Kim, rồi hỏi:

Ông có phải là người Trung Hoa không? Có một số người đồng hương của ông ở đây.

Lê Kim đáp:

- Không tôi không phải là người Trung Hoa, nhưng nước tôi ở sát với Trung Hoa.

- Tôi đọc về địa lý châu Á lắm. Chỉ biết có Trung Hoa, Ấn Độ và Nhật Bản. Nhưng ông nào muốn tìm vàng thì tha hồ mà tìm. Cả đồn điền của tôi là một mỏ vàng vĩ đại. Cả thung lũng Sacramento này chỗ nào cũng có vàng. Còn nhưng ông không tìm vàng thì tìm làm gì?

Max đáp:

Tôi mới tới đây. Để coi xem đã. Chưa có ý định rõ rệt. Tôi nghĩ, trong mỏ miền mới mẻ như đây chắc không thiếu gì việc cho một người hoạt động.

- Đúng. Không thiếu gì việc. Mà không tìm vàng, có lẽ là hành động

[illegible]

Max đáp

- Đoạn này chúng tôi khởi hành từ Saint Louis, qua Independance, dãy Nut Đá, và sa mạc.

Suter bảo:

[illegible] là ngắn nhất mà thực ra là dài nhất. Muốn tránh [illegible] con đường dài, tôi phải theo con đường Nam Canada. Tuy [illegible] tôi tìm được mỏ vàng ở đây, mới có nhưng đoàn người [illegible] Chính tôi cũng là [illegible] Nước đoàn chết [illegible] Đoàn này ông chết mất mấy ngàn? Hành lí, tiền nong còn gì không?

Max đáp

[illegible]

Suter cười lớn.

- [illegible] Tôi tới đây lập nghiệp đã [illegible] Đoàn đi của tôi [illegible] Thay Sĩ Các ông [illegible] Cô ấy [illegible] trên [illegible] Tôi phải nộp thêm năm trăm người nữa. Tôi xuất cảng mỹ [illegible] Mỹ để làm nên và xa bong. Tôi có máy chiếc tàu chở [illegible] tôi chất [illegible] ngại, cần cái gì cứ cho tôi biết tôi sẽ giúp.

Max đáp:

- Chúng tôi cảm ơn "đại tỷ" trước. Chúng tôi xin được ngại ngùi

trong đồn điền ít bữa, rồi sẽ quyết định sau.

- Xin cứ tự tiện. Nhưng tôi cho các ông hay trước rằng: Xứ này chưa phải là xứ văn minh. Ở đây chưa có luật pháp gì cả. Bọn dân Mọi ở đây chỉ ăn cướp, ăn trộm, mà các ông biết cho chúng ăn sơn ăn cả. Mọi ở đây hơn một trăm năm thôi, từ khi người ta tìm được các vàng đầu tiên. Thực đúng thế! Mọi công trình xây dựng của ta, sẽ bị tên mất. Mỗi ngày một thêm lạm. Ngày ta cấp phát thêm một nhiều đến nỗi mà bọn Mọi ở đây cứ tưởng rằng ta cướp của chúng. Đồn của tôi xây dựng đã [illegible] một năm [illegible] khi nào chúng tôi cướp. Lại đêm nào, trước khi đi ngủ, chúng tôi cũng [illegible] cướp một lần, mỗi đứng một hàng binh. Mọi được thế, lại [illegible] đi [illegible] cướp, bao nhiêu cũng [illegible] bỏ [illegible] Đó là [illegible] Các ông [illegible] sẽ bỏ tôi mà...

Max bảo:

- Nếu vậy thì trước hết phải lập lại trật tự đã

[illegible] Mọi [illegible] [illegible] [illegible]

Olivier hỏi:

- Lúc này đại úy nói rằng mỏ vàng ở trong đồn điền của đại úy. Chính đại uý đã tìm ra mỏ vàng?

- Không chú thợ mộc của tôi, chu Marshall là người đầu tiên tìm ra vàng. Chú ấy lúc này có ở trong đồn. Để chú ấy kể đầu đuôi cho các ông nghe. Tôi có việc phải đi bây giờ đây. Tối sẽ sai người chỉ chỗ nghỉ cho các ông.

Nói xong kêu người hầu Da trắng vô dặn dò

- Anh đưa các ông này tới nhà tiếp khách. Rồi mời chú Marshall lại kể chuyện tìm được vàng cho các ông ấy nghe. Rồi quay lại nói với bọn Max:

- Xin các ông đi theo anh Ike. Có cần gì xin cứ cho anh ấy hay, đừng ngại.

Mọi người cảm ơn đại úy Suter rồi theo Ike ra khỏi dồn, lại một căn nhà gỗ rộng rãi, sạch trong vườn cây trái ở bên bờ sông. Có hai người Da đỏ đầu bù. Họ vừa làm rửa xong, đang ngồi tán gẫu thì Marshall tới.

*

Marshall gốc gác ở New Jersey, hồi đó khoảng ngũ tuần. Chú ta khỏe mạnh, lọ nhỏ được dạy dỗ đàng hoàng nghĩa là biết đọc, biết viết, thuộc ít đoạn trong Thánh kinh, nhất là biết sử dụng một cây súng, một cái cưa và một cái đục. Hồi mười tuổi, chú ta lần Indiana, Illinois, Nebraska kiếm ăn, sau vô đời qua California.

Năm 1847 xuất ngũ, lại giúp việc cho Suter để dựng một trại cưa. Sự kiến đó làm thay đổi cả cuộc đời của chú và làm xáo trộn cả miền California. Nhiệm vụ của chú trong đồn điền là chỉ huy trại cưa và coi một cái đập nước ở phía trên trại cưa.

Buổi sáng ngày 24 tháng giêng năm 1848, trời trong trẻo và lạnh lẽo, chú ra thăm đập, bỗng thấy ở dưới đáy nước có một vật gì lấp lánh. Chú kể:

- Tôi cứ tưởng vớ được... Trái tim tôi đập thình thịch vì tôi đoán rằng đó là vàng. Nó tròn, nhỏ bằng ngón hột đậu. Tôi leo lên bờ, ngồi ngẫm nghĩ hồi lâu và suy ngẫm. Giống vàng lắm, chỉ có thể là vàng thôi, nhưng

màu không thật như màu vàng – Hay là quặng vàng chăng? Tôi tự nhủ như vậy. Tôi nhớ rằng quặng thì cứng, đập vỡ được, vàng thì lại dẻo dai, dát mỏng được. Tôi bèn đưa lên răng cắn. Nó không vỡ, vậy thì không phải là quặng. Rồi tôi lấy một cục đá lớn đập nó, nó cũng không vỡ mà méo mó đi. Thế đúng rồi, một mỏ vàng đây. Tôi mừng quá, tay tôi run run. Tôi chạy về kiếm mấy người Da đỏ và mấy người Da trắng làm ở trại của – Các bạn ơi, tôi đã tìm được một mỏ vàng" Một người Da đỏ trước có làm ở mỏ San Fernando, ngó mấy vàng của tôi, và bảo "tốt". Một người thợ, anh Smith, đem so sánh với chiếc nhẫn của anh, thấy màu hơi khác, nhưng cũng tin là vàng. Tôi về nhà, bảo nhà tôi kiếm cho nước axit ngâm vào, không thấy tan, tôi kiếm người thợ rèn, thợ đập, đúng là vàng thật. Trong khi đó, vài người thợ nữa cũng lượm được vài mảy vàng **khác trong lòng sông.**

Ngày 28, tôi mới vô phòng giấy đại úy Sater. Tôi có vẻ bí mật, đại úy đã tưởng là tôi điên, đưa tay với cây súng. Nhưng tôi rất chiều mới soạn ra, trải trên bàn ông, cho ông thấy bốn năm mảy vàng. Ông thử bóng axit, rồi cân, thử nghiệm ra sao đó, rốt cuộc cho tôi hay rằng, thứ vàng đó hai mươi hai ca-ra, gần tốt như vàng ròng.

Nhưng mặt ông bỗng dàu dàu, ưu tư, ông bảo

- Vàng đấy, nhưng rồi chúng ta sẽ phá sản mất.

Tôi không hiểu tại sao, kiếm được mỏ vàng mà lại phá sản. Trái lại tôi chỉ thấy vui, nhất muốn hoa điên. Tôi xin phép ông phóng ngựa trở ngay về trại của. Ông dặn tôi đừng nói cho ai hay, tôi đáp rằng đã có vài người thợ rèn hay rồi, và họ cũng đã lượm được vàng. Ông hẹn sáng hôm sau sẽ tới sớm, vì lúc đó trời sắp tối.

Sáng hôm sau ông tới, tôi mở cổng nước cho nước rửa hết ra rồi hai thầy trò chúng tôi lội xuống lượm được mấy miếng vàng nhỏ. Mấy người thợ cũng đưa cho ông mấy hạt vàng nữa. Ông bảo sẽ đánh ngay một **chiếc nhẫn, trên khắc hàng chữ:**

VÀNG TÌM ĐƯỢC ĐẦU TIÊN
THÁNG GIÊNG NĂM 1848

Chiếc nhẫn đó, hễ đại úy còn giữ, các ông muốn coi thì đại úy sẽ cho coi.

Hôm sau dậy đi coi khắp mình ên chung quanh, đặc biệt là các đồng sỏi, gặp chép lung chút một, rồi nộp mỗi người trong trại là, dặn phải giữ kín tin đó trong năm sau toàn để ông ta tính công việc cho xong đã. Mọi người đều hứa, nhưng một tuần như vậy làm sao có thể bưng bít được, các ông nghĩ coi!

Đúng như lời ông Sater nói. Sự kiểm ra mỏ vàng đó làm cho đồn điền tấm ngày. Thợ trong đồn điền bắt đầu trốn, mỗi đêm con số sau mỗi ngày mỗi nhiều. Ngày các tờ đến Mormon, các vị Thánh thời tận thế" cuốc bỏ nghề nghiệp, bỏ đồ đạc đồ mười bữa rồi không còn sức quyến rũ của vàng, tăng tăng lương tâm đạt dào nhau đi. Có lẽ họ tin sắp đến ngày tận thế thật, nên phải kiếm vàng cho nhiều hưởng thụ cho thoả thuê kẻo chết!"

Mọi người mỉm cười. Một người hỏi:

- Còn bọn ngoại thì đồn này vẫn còn nhiều người mà

Marshall đáp:

- Hay khoan, để tôi kể nốt. Người ta bỏ hết kéo nhau qua đồn, kể cả bọn ở tận San Francisco từ các làng bỏ biển, người nào ngoài mấy chục của lão, bỏ hết công việc làm ăn, rủ nhau lần dò tới Hồ thăm dương lại Coloma mục chỗ tôi đã tìm thấy vàng. Dân các thị trấn miền Nam mộ đưa không tin tưởng rằng dại gì phải tìm cho vàng để thu hút thợ tới miền lão đồn lại làm cho đồn điền đến. Nhưng sau họ được sự thực, thì tất cả các thị trấn đó cũng hoang tàn, dân chúng đi cư hết! Đồn điền bỏ trống nhập với cảnh hoang vu.

Họ tản phá đồn điền. Các nhà máy phải ngưng hoạt động, đã đành rồi mà máy bắt, xưởng thuốc, nhà máy cưa, đều đóng cửa. Họ phá cả vào kho, đồ đạc, lấy hết để mang đi, gỗ vân để đốt. Đủ chim không có ai cắt, nào chồn không có ai nuôi, ngựa, bò, dê, không có ai săn sóc. Phần nhiều chúng nó không mở thịt. Con trái cây thì tha hồ chín hay xanh, chưa cũng hái hết, ăn không được tìm lồng. Đúng là thời tận thế.

Sau cùng đến lính. Đa số của đại uý cũng xin trả lại khí giới để đi tìm vàng. Chúng thất lương thiện nên mới không ôm súng theo. Chỉ còn lại một số ít người trung thành thân tín. Chúng tôi năm tới đại uý, cùng đi với tôi là Coloma tìm vàng. Đại uý đau lòng lắm, suy nghĩ một đêm đành phải nghe lời anh em tôi.

Không tham rượu, người theo đoàn xe chở dụng cụ và thực ăn lên

Coloma, cắm trại trên dòng suối.

Mở đầu mọi sự như ý. Nhưng một tuần lễ sau, nhóm quân lính mạnh ai nấy tới cắt rừng, bao cho các ngoại. Da đỏ và người Canaque thêm đau tay. Đau tay lại phải trốn chúng, đem trại lên gần ngọn, ở chân núi. Chúng không buông tha, đi tới nữa. Dân Da đỏ và Canaque ngày nào cũng sợ sệt, mò được bao nhiêu vàng đổi lấy thức hết. Chúng sinh ra làm bậy, vô kỷ luật. Thành thử muốn tìm vàng nữa cũng không được vậy. Chán nản đau tay, họ trở về đồn, xe hết các tờ giao kèo giao đồn cho một người thân cai quản, rồi cưỡi ngựa đi ba bốn sông Plume, một khu đồi đất cách xa chỗ có vàng, để tham các vườn nho và các trang trại ở đó.

Cũng may khu đó không bị bọn tìm vàng xâm chiếm, mùa màng tốt, bò và cừu mập mạp. Mùa đó gặt được bốn vạn thùng lúa. Chở về đến, bán rất được giá và có nhân khan thực phẩm. Nhưng ông cha chúng tôi tậu ri, không muốn làm ăn gì nữa. Con công nhân để làm được một mình ra không? Con khai thác được một phần mười điền không? Mà nạn thổ sản cấp mỗi ngày một tăng, nhà cầm quyền phải bó tay, thì sống ở cái xứ loạn này được bao lâu nữa?

Marshall thở dài rồi nói tiếp:

- Chỉ tại mấy hạt vàng bỏ tìm được ngay ta hoa đó ngay 24 tháng giêng đó. Có nhiều vàng thì sòng càng không yên ổn, càng nhiều trộm cướp, đĩ điếm, càng sinh ra cờ bạc, nghiện ngập. Tôi nghiệp ông chủ tôi. Tóc ông lúc này bạc đi nhiều. Ông lo lắng lắm nhưng bề ngoài vẫn giữ vẻ bình tĩnh. Hôm nay ông tiếp các ông ra sao?

Max đáp:

- Rất vui vẻ và ân cần nhưng đã ông có hứa hẹn chi tiết gì không? Báo nhà cứ tin lời đồn đãi mà ra cả.

Marshall nói:

- Đau tay đã phóng ngựa lên San Francisco tới mai mốt về. Chắc là tham viên thông đốc, bàn xem có cách nào lập lại trật tự được không. Theo tôi cái kho nào mình mỏ hết vàng thì mình trả lại tỉnh trạng yên ổn như về trước được. Hành nào ông cũng đương tiếp xúc với mỏ và lãnh sự để xin chính phủ bồi thường cho ông. Sản nghiệp của ông kể như tiêu tan rồi. Biết mấy trăm triệu Mỹ kim.

Salmon bảo:

- Kể [illegible] cho hắn một [illegible] vẻ [illegible] Theo luật thì mỏ vàng trong đất liền thuộc về công ty nhất [illegible] Khoản [illegible] của công ty [illegible] máy của ông, phải bồi thường cho ông chứ

Marshall đáp:

[illegible] Nhưng làm [illegible] lệ mua. Mỗi [illegible] vàng ngươi cướp p'há, kiện ai?

Olivier hỏi:

- Họ kiếm được nhiều vàng lắm nhỉ?

- [illegible]

Max giảng:

- Một ounce bằng khoảng 28 gam[1]

Marshall nói tiếp:

- Năm [illegible] kiếm được 30 - 40 My kim [illegible] Cho tới ngày nay [illegible] kiếm được 200 My kim [illegible] Chúng ta [illegible] Ounce. Nhưng [illegible] Ounce. Nếu [illegible] mới [illegible] cứ [illegible] cửa tảm cây số. Các ông không sợ tới trễ đâu.

Olivier mỉm cười.

[illegible] Một ounce giá khoảng 18 000đ

(2) My kim thời đó có giá hơn My kim ngày nay

III

RỦ NHAU ĐÀO VÀNG

Khi ở thị trấn Salt Lake họ nôn nao, mong cho mau tới. Bây giờ tới rồi, họ không vội vàng chạy nào, ở lại đó Suter ít bận hơn sắp đặt cuộc sống mới. Và lại vài ngày cần phải nghỉ ngơi. Hans sau cơn điên tuy thân đã khá, nhưng chưa thực bình phục. Mặt của Watson vẫn còn sợ ánh nắng, mắc dầu trông đã tỏ.

Trong mấy ngày nghỉ ngơi đó, đại uý Suter thường nói Max của đám đào kia người có vẻ rất thương dân và Max đã khi góp ý kiến với đại uý về việc tổ chức sinh hoạt, lập ra luật lệ trong miền. Rõ ràng là chàng có tinh thần phiêu lưu, hoạt động chứ không phải dân đào vàng.

Kẻ thiên võ tăng sản ban, ngày nào cũng vác một cơn nặng tơ về cho anh em "bỏ dương, lấy lại sức" như chàng nói.

Lê Kim và Hans anh chàng Hoà Lan trai tráng suốt ngày đi thăm trại thân với đại đầu, các giống lúa, giống cây trái, cách canh tác. Và các công việc dẫn thuỷ, kiến thiết của Suter Hans trầm trồ khen

- Đất đai mà phì nhiêu thế. Ở xứ anh ra sao không biết, chứ ở xứ tôi, phần thì nhiều, bon phần mà nghe sắt chỉ bằng một phần tư ở đây. Mà nông không có sức dân, nên phải bỏ đất. Cứ cỏ không rồi đến ngày gặt. Anh coi xứ, rộng chan chát tay mà chưa khai thác. Ở đây không biết có thể trồng được đủ các giống hoa quả ở Hoà Lan không. Đồng cỏ thì mênh mông mà bò thì còn nhỏ con này phải phi về Hoà Lan cải thiện giống bò sữa nó tròn, một ngày một con, vắt chắc được hai chục lít. Cứ xứ này, tôi hô khai thiên lập địa con người và vấn đề dành cho ông Suter. Đất không có mà vàng thì càng đầy gò ta Hoàng kim (1) rồi

(1) Tiếng Y Pha Nho có nghĩa là Hoàng kim thế giới, lạc viên.

Lê Kim nói:

- Miền tôi ở đã được khai phá cả ngàn năm rồi, đất đã cằn cỗi, mỗi người chỉ có một khoảng ruộng nhỏ, phải dùng phân bón, phải làm cỏ, bắt sâu như xứ anh. Còn nhiều miền hoang vu, nhưng không phì nhiêu được như ở đây.

- Xứ tôi trái lại, nhỏ bé, không còn thước đất nào trống. A! Tôi muốn lập trại ở đây quá... Không phải tại chỗ này, tiến ra xa, chỗ nào không có vàng kia. Nhưng phải đào một ít vàng làm vốn đã.

Họ cứ thơ thẩn theo bờ sông và các dòng suối chiều tối mới về.

Mỗi người trong đoàn đã có chủ trương riêng; Hans muốn mở quán bán hàng. Chàng bảo:

- Lão chủ quán Pachcro ở cánh rừng khối đồn Brid-ger. Thế mà có lý đấy. Chắc hắn đã đào được một số vàng, làm đôi vòng bự đeo tai đó - kỳ cục! - Và có tiền mở cái quán đó. Hắn có vẻ gian hùng lắm. Thằng "Jack ba ngón tay" tưởng có thể nạt nộ hắn được. Ờ mà bọn thằng Jack tách ra khỏi bọn mình, không biết lúc này ở đâu? Đã tới đây chưa? Còn sống sót được bao nhiêu mạng?

Salmon, Olivier và hai người nữa Smith, Donald nhất định đào vàng và mong kiếm được một số kha khá rồi trở về quê quán làm ăn.

Đêm đêm, trên bờ sông, họ tâm sự với nhau và hát lên khúc *Oh! My Suzannah*!

Anh sẽ đào núi,
Anh sẽ tát sông,
Anh sẽ tìm vàng
Ở California
Hỡi Suzannah!...

Nhưng điệu hát lúc này không não nuột nữa. Hát xong họ vỗ vai, vỗ đùi nhau mà cười.

*

Sáng sớm hôm đó cả chín người cùng lên chào và cảm ơn chủ nhân đồn điền "Nouvelle Helrétie" để lại mỏ vàng. Đã tới đây, dù không muốn

đào vàng cũng phải lại coi cho biết, và lại mỗi người càng cần có chút tiền làm vốn, như vậy phải đào vàng trong một thời gian đã rồi có đổi nghề sẽ đổi. Suter ân cần mời họ có dịp thì ghé chơi và nếu có cần gì thì ông sẽ giúp.

Họ theo dòng sông Sacramento. Con đường mòn nhỏ bị cây mọc lên vì biết mấy ngàn xe cộ đã qua lại. Đất đỏ như son. Ở bên phải họ, một dãy núi chìm trong đám sương tím nhạt. Gió hơi lạnh, thời tiết sắp thay đổi.

Họ đi mười lăm cây số mà vẫn chưa gặp một người nào, đã ngờ rằng lạc đường.

Họ bắt sợ mỉ đó, mỗi người vác một cái cuốc, một cái xẻng và mỗi cái "ba-tê" (batée) họ mới mua ở đồn Suter. Cứ đúng điệu dân tìm vàng lắm! Họ không hấp tấp, cứ thủng thỉnh đi, tin chắc rằng vàng sẽ nhảy vào trong túi họ.

"Cha Marshall chẳng bảo vàng nhiều vô tận, tha hồ mà đào đấy ư? Chú ấy chắc là người thuỷ chung với chủ. Ngộ đâu tìm được vàng là chú, vứt mà chú không đào, chú đi đâu thì theo đó. Lỡ chú mới có lẽ là đúng: vàng không tạo được hạnh phúc, cái gây hoạ. Nhưng lỡ đâu phải tại vàng. Tại không biết dùng vàng, làm nó lẻ loi cho vàng. Mình mà có được mười ký vàng thì nhất định là gây được hạnh phúc cho mình, cho gia đình mình chứ!... Phải bao lâu mới kiếm được mười ký nhỉ? Chú ấy nói trung bình mỗi ngày kiếm được ba *once*, khoảng 74 gam. Cho tiền pha rồi, mỗi ngày còn lại được 50 gam thôi, hai mươi ngày được một ký, sáu bảy tháng sẽ được mười ký. Mà biết đâu chúng mình chẳng gặp may, đào mỗi ngày được 200 gam, 300 gam. Làm trong năm tháng rồi có thể nghỉ suốt đời! Bỏ cảnh khổ qua sa mạc!"

Một số người nghĩ bằng như vậy. Không có gì là vô lý, là ảo tưởng.

Họ tới một khúc quẹo của sông Sacramento. Một chiếc xe bò ở phía trước đi lại. Họ hỏi người đánh xe:

- Chú ơi, đã gần tới mỏ vàng chưa?

Người đó đáp:

- Dạ, khoảng ba cây số nữa, tới chân một ngọn đồi sẽ gặp một số người đào vàng. Mỏ bắt đầu từ đó.

---

(1) Thùng để đãi vàng

*

Một đám người bản sơ mi đỏ lòa loà, lô nhô ở chân một ngọn đồi xa xa, từ xa trông như những bông đỏ trên bãi cỏ. Salmon la lên:

- Tới mỏ rồi! Chạy lại đi!. Xem hạt vàng nó ra sao.

Họ đã biết được vài tiếng lóng của bọn đào vàng, như *claim*[1] trỏ chỗ mỏ mỗi kíp đào, *gulch*[2] trỏ chỗ các người đào vàng cạm trai *color*[3] trỏ đất có vàng...

Khi tới sát người đào vàng thứ nhất, họ đứng lại nhìn một lối rất. Người đó có vẻ bực mình, chửi thề, chắc từ sáng chưa kiếm được hạt nào.

Họ lại một chỗ khác ngừng trước một cái hố hẹp, sâu đó ba thước ở dưới một ông lão đương lúi húi đào.

Olivier lấy giọng thật ngọt ngào hỏi ông ta:

- Có khá không ông lão?

Ông già chỉ hơi ngừng đầu lên, chùi mồ hôi trên trán, rồi lại cúi xuống đào mà không đáp.

Kit nói khẽ:

- Chắc là khá lắm rồi nên ông mới không trả lời mình.

Lần này ông lão chẳng buồn ngừng đầu lên nữa, chỉ "hừ" một tiếng. Tiếng "hừ" đó như từ lòng đất phát ra.

Olivier vẫn giữ giọng ngọt ngào:

- Ông lão hãy nghỉ tay một chút nhồi một cối thuốc với tôi lão nào.

Lần này thì ông ta dừng thẳng người lên và bảo:

- Thuốc đâu, liệng xuống đây cho tôi.

Olivier liệng gói thuốc xuống, ông ta chăm rãi nhồi đầy một cối đưa lên, tung túi thuốc lên trả. Olivier trách:

- Ông lão không lịch sự chút nào hết.

---

(2) *Gulch* chính nghĩa là khe, họ cạm trai ở bờ khe suối.

(3) *Color* chính nghĩa là màu, ở đây là màu vàng (B.T.)

- Trời ơi! Các chú có làm mửa mật như lão rồi mà vẫn chưa chịu không có bụng dạ để nói chuyện ba lăp. Bỏ các chú mọn tới lắm. Kiếm một chỗ nào đó mà đào đi, đứng quấy rầy người ta nữa.

Max hỏi:

- Kiếm chỗ nào hả ông lão?

Muốn kiếm đâu thì kiếm. Chỗ nào chưa có người đào ấy.

- Vậy chúng tôi đào ở chỗ nào, gần ông được không?

- Ít nhất phải cách chỗ của lão bốn thước! Nếu không thì chỉ làm phí một viên đạn của lão thôi.

Olivier bảo:

- Ô kê! Thôi anh em mình kiếm một chỗ rồi bắt tay vào việc.

Họ lại một chỗ cách hố của ông lão độ mươi thước. Oliver mang lại nhát, cầm ngay lưỡi cuốc xuống. Paine bảo:

- Bọn mình chín người đào bốn hố đi. Hai người hợp lại một hố, mỗi hố cách nhau bốn thước.

Rồi họ chia nhau ra đào.

Đất khô, cứng, rất ra tìm được. Họ đoán rằng vàng không ở trên mặt nên đợi khi xuống độ hai thước rồi, đào được chừng đất nào họ mới dịp vàn cục đó ra rồi rây. Cái rây của họ mắt nhỏ nên công việc đỡ thất mất công. Khi rây, được đầy một thùng rồi, họ san vào một cái thùng thiếc miệng rộng độ mười thước, sâu một tấc (họ gọi là cái ba - tê) và chạy ra xuống dòng suối để đãi. Họ dìm thùng xuống nước, nước ngập thùng, họ đưa đi đưa lại, vàng nặng chìm xuống dưới, đất nhẹ ở phía trên. Cạn bớt đất đi, rồi lại thêm như vậy, năm sáu lần là xong, có vàng hay không thì biết.

Chung quanh lão, lúc nào cũng có chục người chạy ra bờ suối như bị ma đuổi và trên bờ suối cứ cách dăm thước lại có một người lính hải đãi vàng.

Bọn Max bàn với nhau mỗi kíp kiếm được bao nhiêu thì chia đôi, hay chia ba (tuỳ kíp có hai hay ba người), kíp nào may thì được nhiều, chẳng may thì được ít. Lê Kim với Hans vào một kíp, Salmon với Oliver, Smith với Donald vào một kíp. Max chung một kíp với hai người khác chẳng đào cho bằng và cho vui chứ không quan tâm tới công việc.

Kíp Oliver rây xong trước, xuống suối đãi. Chàng và Salmon cứ

gam trên cát "ba-tê", mặt trố ra, vục tay vào vốc, nhưng không có một hạt vàng nào cả.

Olivier bảo:

Dụng nhà chứ! Không ai kiếm được vàng ngay từ lần đầu. Ta làm một ba-tê khác.

Họ lại hục đầu cả chục ba-tê mà vẫn công toi. Salmon bực mình mắng văng tục.

- Tại sao những người khác đãi lần nào cũng được một vài hạt vàng còn mình thì cứ nhọ mặt mình thì xui xẻo như vậy?

Olivier bảo:

- Có lẽ bọn kịp của mình đã có ai tìm được mạt nào đâu. Đâu phải chỉ bọn mình xui xẻo!

Salmon đứng dậy, vươn vai tới hai thước rưỡi, đất cỡ lớn đã. Chàm la:

- Chắc tới lớp vàng rồi đây. Ông già Mác này cũng rây thử đất này đây Olivier, nào chúng ta làm thử một thúng nào.

Họ lại khiêng xuống suối đãi. Vẫn không có kết quả.

Bỗng Paine chạy lại bảo:

- Anh em ơi, chúng mình ngu quá sá! Chẳng biết cái khe gì hết. Chúng ta rây đất khô làm sao có vàng cho được. Theo kinh nghiệm của đãi thành bùn rồi mới rây.

Max tỏ ý nghi ngờ:

- Nếu đất có vàng thì khô cũng có vàng, không có vàng thì nhão thành bùn cũng vẫn không có vàng.

Nhưng Paine không nghe, lại hì hục làm theo lối mới. Kết quả cũng vẫn là con số không.

Một người đổ quạu:

- Vậy mà có kẻ ở thị trấn Salt Lake bảo chỉ trong bốn tuần là làm giàu, về đó cát vàng lấp trên ruộng. Bọn "Thánh" cho gì mà nói nhỉ?

Lê Kim đề nghị:

- Chúng mình đào không nhằm mạch vàng. Thử đổi chỗ coi. Có lẽ chính vì đây ít vàng nên ít người đào.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

một cái nia, coi xa y như một cái nón, nên họ gọi là cái "nón". Trong cái nia đó có một cái tay. Người ta đưa cái tay phải qua trái, rồi lại qua phải, làm như đang bẻ em bé, rồi vậy đó tay, trong khi đó một tay nọi múc nước ở dưới sông đổ vào thùng.

Bọn trẻ con ở đây không quan như bọn ban sáng nhưng chúng lại rất vui vẻ nào kẻ này hung hục làm việc. Đó là tâm lý chung của bọn đàn ông không muốn mất mặt phụ, làm cho mau, kiếm cho nhiều để sau này hưởng.

Tới một cái đồng ngoài đó nhất Oliver xin phép được đào ở đây. Người lính Nam nói cho vào về bảo:

- Cứ tự nhiên các bạn. Và chúc các bạn may mắn làm ăn lớn.

- Đất đây có nhiều vàng không?

- Trung bình... Một ngày được ba, bốn ounce. Có ngày nhiều hơn, có ngày ít hơn.

Nghe vậy bọn Max phấn khởi, hăng hái đào một cách... thật hăng hái, rồi rây, rồi đãi, cũng chẳng có gì cả.

Salmon liệng cuốc xuống hét:

- Tôn đất, quỷ thật! Nếu không có cái sa mạc mà để cho đất tốt như thế này thì chắc chắn ở đây một ngày vàng, không có lý đâu. Về sống vào rừng bắn một vài con nai, không về bán cho lão chủ quán đó lại còn sướng hơn.

Một người dường như vàng ở hồ bên cạnh, ngó sang mỉm cười nhỏ nhẹ bảo:

- Làm gì mà quá vậy? Phải kiên nhẫn chứ. Làm cái nghề này, có khi phải chờ đợi vài... Những ngày như ba ngày kia, vẫn kiếm được đấy chứ. Nếu không sao có cả vàng nguồn ở mọi nơi. Là đây tìm vàng. Cứ chịu khó đào đi, rồi thế nào cũng gặp.

Người đó cười hì hì, nhìn thấy thái độ của Max làm việc tới cười sằng sặc:

- Làm cái thứ đất đó mà các bố cũng tính đem đãi sao?

Salmon hỏi:

- Vậy chứ đất của bọn này? Thì cũng là đất trong sa mạc này có khác gì đất các hố khác?

Người kia lại cười sang sác nói rồi quay lại gọi bạn:

Jim! Jim! Lại đây coi này. Mày chưa mơ tới nay nằm lăn ra đây vàng trong cả đất mẫu điền này nè. Trời đất quỷ thần ơi!

Jim vừa phủi tay vừa tiến lại, cũng sướng nhơn, toét miệng ra cười bảo bạn:

- Chà chà nó đó. Tom. Hồi nãy mày cứ đòi biết quan gì hết.

Tom bạn mày xăng lại của Salmon, cúi một lát rồi vốc một nắm đất sét, màu hơi biếc, bảo:

- Đây nè, đất này mới có vàng nè. Tin tao đi. Chỉ thấy đất nào loang loáng đá hoa cương đập vụn ra mới có vàng thôi. Tao mới biết đây. Rõ. coi...

Cũng đổ đất vào đãy mỉm cười thung, chia cho Salmon:

Đem đãi đi. Không có vàng thì chặt tay tao đi.

Họ đem ra bờ sông đãi. Cả bọn đều reo lên:

- Vàng!

Quả thực là vàng. Được hai nhúm mảy vàng.

Họ trở lên bờ cảm ơn Jim và Tom. Tom bảo:

- Thế là tối nay ngủ yên nhé. Lều của mày ở đâu?

Olivier đáp:

- Chúng tôi không có lều. Quần sa mạc không còn gì cả. Mọi tối đều

- Vậy thì là ngủ đó lều của chúng tôi. Chật chật hẹp một chút

Lúc đó đã gần tối. Họ kéo nhau lại quán.

Quán [illegible] đông người. Tom và Jim vừa bước [illegible] Salmon và Olivier vào quán đã

Ở đây, Olivier Michaelovich tay khua múa cho Jim và Tom nghe về vàng mới tìm được ở đây và kể về thời [illegible]. Và họ cũng cảm thấy vui khi không còn phải ngủ ở New York, trong khi bọn [illegible] kéo nhau đến [illegible], còn Tom Hoàng và Jim thì ngồi ở [illegible] gõ một [illegible] "Bốn [illegible] Năm", [illegible] "Sáu Lô - Thịt muối - 50 ký".

1) Cái này

Trên bàn nào cũng có một hai khẩu súng sáu và một cỗ bài

Kit bảo:

- Ăn tạt muôi, chán quá. Để rồi tôi sẽ cung cấp thịt tươi cho bọn này mới được.

Pame nốc một hơi hết một ly la ve đắng nghét rồi ngẩm nghía vẻ mặt hân hoan của chủ quán.

IV

TRẠI GULLY

Sáng hôm sau bọn Max dậy thật sớm để đào vàng. Mới đào mấy lát, họ đã kiếm thêm được vài nhám vàng nữa, không kém gì những người ở chung quanh.

Ngày nào cũng có người mới tới, thêm kinh nghiệm, ngày ngày, ngày ngày. Chỉ bốn ngày sau bọn Max đã tạo cho mình lão luyện trong nghề rồi, hãnh diện đây lắm cho non mười tới. Cũng có những người đã lê gót khắp các *gulch* khác, nay gặp lại đây. Bọn này không có phương pháp nào mới, nhưng Salmon, Oaxer thích nói chuyện văn tự. Họ bảo rằng trong các mùa được lớn, các hạt vàng tới trong nước dòng lại ở những chỗ gọi là *bar*, tức những chỗ dòng nước hẹp hơn.

Họ lại cho hay có người chỉ đào một hố nhỏ vừa cao một người rồi đứng, khi nào gặp đất có vàng mới đào lan ra để tìm mạch vàng. Ở *gulch* Gully, vàng gần như ở trên mặt đất, chỉ đào xuống năm sáu tấc, một thước là gặp. Có kẻ đã kiếm được ba chục ngàn Mỹ kim, ngày nào may mắn nhất, kiếm được mười *ounce*, trên 280 gam vàng.

Vì thế cơn đào vàng được hai tháng, hai tháng rưỡi mà thôi trước mùa bão lũ, nên bọn Max tấp nập ra gặp ở Gully kiếm vàng cho mau.

Trên đường gặp mặt nhau, họ cùng ghé lại điều tra. Max chăm chú tới cách tổ chức của các trại, tình trạng an ninh. Kít tìm xem nơi nào có nhiều mồi để săn. Mac đâu kiếm được vàng, chàng vẫn không thích việc hỉ hục đào xới, và cũng ung dung tự đắc. Lê Kim và Hans nghiễm nhiên như phong thổ cây cối, mùa màng...

Một trại có một hay tổ chức, nhưng đều kém hiệu quả. Các người đào mỏ cũng tự đặt ra luật lệ, tòa án để xử kẻ nhũng dây, nhưng có hề chẳng

ai theo

Ở gulch Gully tổ chức có phần hoàn thiện hơn cả *Gulch* ở bên con đường dẫn từ Sacramento tới San Francisco, nên các đoàn đào vàng thường ngang lại. Có mấy quán ăn mà họ gọi là *saloon*. Tại *saloon* lớn nhất, có "sổ đi trú", trong đó người nào mới "đi cắm lều ở *gulch* muốn ghi gì thì ghi ngay tại, người đến hỏi thăm tin tức bạn bè hoặc báo tin cho bạn bè ở các *gulch* khác, cần nhất là ghi vị trí *claim* của mình và lời cam đoan theo luật lệ trong *gulch*: mỗi người chỉ được một *claim* khoảng hai thước vuông, và vị trí đã lựa rồi thì nội mười ngày sau phải bắt đầu đào, nếu không sẽ thuộc về người khác. Như vậy hôm Max phải tạm nhảy lại xin năm *claim* khoảng mười thước vuông.

Hạng nhất của *gulch* không tiện hễ trông hợp giết người. Kẻ nào lén giết, cướp *claim* của người khác bị hình phạt nặng nhất: bị quất hoặc bị trục xuất. Còn ăn cắp quần áo, thức ăn thì bao giờ cũng là tội nhẹ nhất, nhiều khi không bị phạt mà được tha về, người ta nghĩ rằng phải vì kẻ lâm nguy kiếm không đủ ăn, phải đi ăn cắp. Nếu tái phạm thì bị trục xuất nhưng thường thường người trong *gulch* quyên nhau từng chút một số tiền để dưỡng kẻ nào đau ốm, không làm việc được mà nghèo thì được trợ cấp. Bọn đào mỏ đó kể ra cũng biết cưu mang nhau đấy.

Bọn Max đồng ý với nhau rằng mỗi kíp đào được bao nhiêu thì chia đều. Nhưng ngày thứ nhì Salmon đào được một cục vàng nặng trên ba *ounce*, gần một trăm gam. Tất cả bảy người đều có phần của riêng, mấy người khác trong kíp không chịu. Max và Lê Roan ra sức khuyên anh em nhượng cho gã mà không được. Họ kéo nhau lại tòa án của *gulch* xử. Quan tòa Floyd - cũng là một người đào vàng - nghe xong cả hai bên rồi hỏi:

- Vậy là cục vàng đó ở trên đất[1] hả?

Salmon đáp:

- Phải.

- Nặng bao nhiêu?

- Trên ba *ounce*.

- Tại sao chú đã bẻ cục vàng đó vỡ thung thăng?

---

1 Nghĩa là thợ trong khi đào chứ không phải thợ trong khi lặn

Salmon nhanh nhẩu đáp:

- Chưa. Vừa trông thấy "trai cam" đó, tôi cúi xuống lượm lên để coi, chưa liệng vô thùng...

Lloyd kết:

- Luật pháp là luật pháp. Chưa liệng nó vô thùng thì nó thuộc về người nào kiếm được.

Max và Lê Kim mỉm cười:

- Luật gì kỳ cục!

*

Ở *gulch* Gully có đủ các giống người.

Bọn Da đỏ đặt cả vợ con tới, và phụ nữ của họ phải làm những việc nặng nhất trong khu dân ông ngồi phì phà ống điếu.

Có người Nga, người Ba Lan, người Bồ Đào Nha. Bọn Nga có vẻ khoe khoang, hễ kiếm được nhiều vàng thì thế nào cũng đeo một chiếc đay đồng hồ bạc và để lòng thòng từ túi áo gi lê vắt lên cổ qua mấy vòng cổ. Có kẻ đeo bọn năm chiếc đồng hồ vàng, chiếc nào cũng có một dây nhỏ vậy. Đồng hồ vàng là dấu hiệu của sự giàu có!

Bọn Pháp bị ghét nhất vì tự đắc, ỏn ảo. Người ta gọi họ là bọn *kiskidi*, vì khi họ mới tới, trong bọn chỉ có một người biết chút ít tiếng Anh, đứng ra nói chuyện với người Anh hay người Mỹ, trong khi bạn bè vây chung quanh, chẳng hiểu gì cả, luôn miệng hỏi: *Qu'est ce qu'il dit?* - (Nó nói gì vậy?) *Qu'est ce qu'il dit*, người Anh hay người Mỹ nghe ra là kiskidi.

Bọn Pháp tới *gulch* lập tức sáng tác ngay ra tên và hát bài Marseillaise quốc ca của họ hoặc bài tiến quân ca *Chant du départ*. Họ tranh luận nhau suốt ngày cả trong khi làm việc về chính trị, về dân chính, về cộng hoà.

Bọn Mỹ mà người ta gọi là bọn *Yankee* thường hay gây với bọn *kiskidi*, và đâu khẩu với họ không được, tức lắm, một buổi chiều nọ, nghĩ dao vàng, vác được lại tỉnh đột lên trại *kiskidi*. Nhưng một người đàn bà Pháp ở trong một chiếc lều xông ra, hai tay hai khẩu súng lục, bọn Yankee phải rút lui, tự do kịch mạt mu *Marie Pantalon* (Marie ban quần

đan ông).

Hoa sứ, họ tự mệnh danh là con cháu bọn Pháp, cũng tinh đời lắm, thấy mụ nọ mặc áo mớ bó hạt xoàn vàng vào một mắt mới Yankee, họ cũng chay tế, và từ đó gọi mụ nọ là Jeane d'Arc.

Trong quán có cả một bọn Trung Hoa đội những chiếc nón lớn, chóp nhọn, đuôi sam lòng thòng ở sau lưng. Một tên cướp Mễ Tây Cơ có ý ve vãn cô của họ, cắt hai cái đuôi sam lại với nhau. Vô ý thức hết nhẫn nọ lại cắt cả bọn. Tức thì họ cắt đuôi sam và thay phiên nhau đêm ngày canh gác. Họ cam chịu nhục suốt ngày, hễ ăn hành, tắt cần kiệm (vì lẽ bị vướt Thái Bình Dương mất). Trong truyện có nói rằng Lê Kim chết chưa sau khi đào vàng thường lui tới chuyện với mụ, chắc hẳn tham về quê quán, công việc làm ăn và những dự định của họ.

.

Một hôm bọn Max đang tích cực đào vàng - vì họ gần sắp tới mùa mưa - thì gặp một đoàn Mễ Tây Cơ mới tới, cầm lều cột ngựa. Ai cũng tưởng tới đào lại đào vàng, nhưng hai ngày trôi qua rồi họ vẫn không xuống tàu. Một người thì thầm bàn tán, có ý nghi ngờ tới đó bắt bọn Max bảo:

Coi bộ mấy đồng mà tụi nó đào cũng có khi giàu, chúng không dám làm gì đâu.

Kit lắc đầu:

- Không tin được tụi Mễ Tây Cơ.

Nói xong, nó sực nhớ ra đoạn đường chính là đoạn của "Jack ba ngón tay" đã tách ra theo con đường phía Bắc.

Jack đang ngồi trước một chiếc xe, phì phèo cây thuốc gỗ. Kit

- Ủa, Kit này! Làm gì ở đây? Đào vàng hả?

Kit cau mày, đáp:

- Phải. Mấy lần suýt bỏ mạng ở sa mạc, may mà tới được đây. Đã suýt chết khát mà cũng suýt chết đói nữa mới là lạ, bị chàng ăn cắp gần hết lương thực!

- Ai ăn cắp ? Tụi Da đỏ ư?

- Thế thì bây giờ anh em ta bàn bạc thế nào đây? Chẳng lẽ về tay không Mỹ Tây Cơ, còn vỡ vĩnh gì nữa.

Jack làm bộ giận dữ:

- Đừng đổ bậy, Kít! Đừng nghĩ oan cho tôi! Các anh ở đâu? Để cho tôi nay lo lắng tranh mưu với các anh! Bọn tôi đâu có may mắn gì hơn các anh. Dọc đường chết mất hai phần ba.

Chưa hơn đứa "Jack ba ngón tay" nữa kìa em bơn Max giằng giọng gắt ầy không chú mưu trong và ăn cắp bằng thứ đó, mà chỉ là một tên Mỹ Tây Cơ, hắn đã bỏ thây trong sa mạc rồi.

Hắn nói thêm:

- Và lại xin anh em nghĩ lại cho! Chúng tôi có lấy thêm phần lương thực cũng là bất đắc dĩ. Vì đường chúng tôi theo dài hơn con đường của các anh tới trăm rưỡi cây số, nghĩa là trên mười ngày đường.

Max bảo:

Nếu các chú nói như vậy thì bọn tôi chẳng cũng không hợp lương, nhưng các chú phải ráng cho chúng tôi là Đỗ đó rồi giết. Cha nghĩ sao về tội đó?

Jack đáp:

- Tôi đã cản tên Mỹ Tây Cơ đó mà hắn không nghe. Thôi các anh bỏ qua cho. Bọn tôi theo con đường vòng lên phía Bắc cũng chẳng sung sướng gì. Cũng phải qua một đoạn trong sa mạc phen, đoạn tuy ngắn nhưng khó đi nhất, nguy hiểm nhất. Toàn là đá, thứ chân tới đâu gối. Trong tám ngày phải nhịn ăn mà nướng mỡ heo chế chảy ra để vào ống trúc xe. Chúng tôi gặp một đoạn gần chết đói, phải giết ngựa để ăn rồi lỗ, bọn kéo lên được đến sa mạc thì đánh gạt nước mắt mà bỏ lại. Ôi, biết bao nỗi gian truân! Rốt cuộc chỉ có ba phần chết một mà thôi.

Max hỏi:

- Các chú tới đây làm gì? Không đào vàng mà nhổm nhơ cả hai. Sướng quá nhỉ!

Jack mỉm cười :

- Bọn tôi đi coi một lượt khắp các *gala* xem nơi nào thì cần thứ gì thì sẽ cung cấp.

Kít hỏi:

Buôn bán hả? Sao không thấy xe chở hàng?

- Mới tính vậy chứ chưa.

Jack mỉm cười một cách rất đểu giả, nói tiếp:

- Các anh có biết món hàng nào dân đao mỏ khao khát nhất không?... Món thịt người!... Gái!

Max cau mặt. Kit cười hô hố.

Khi hắn đi rồi, Max nói:

- Tôi vẫn ngờ thằng này lắm. Tay phải hắn chỉ còn ba ngón, nó bảo là vẫn dư một ngón vì ngón cái và ngón trỏ cũng đủ để bóp cò rồi. Nhưng như vậy nó làm sao dao vào được mà nhập bọn với tụi mình? Thì ra hắn đã có chủ trương "buôn thịt người". Chắc tụi nó còn mưu tính chuyện gì khác nữa. Chúng ta phải đề phòng đấy.

V

BỎ THÂY ĐẤT KHÁCH

Thực là ngoại trực mơ của bọn Max. Khi ở đồn Sater ra đi họ chỉ mong mỗi ngày mỗi ngaơi kiếm đaơc vài ba *ounce* vàng, bây giờ họ kiếm đaơc trên số đó. Nhưng họ tiêu pha cũng nhiều.

Hồi mới tới *gulch*, các quán chỉ bán mỗi một thứ thịt heo muối, nhưng khi đã nang mui. Kẻ thỉnh thoảng vác súng đi, đem về một con nai, vài con vịt trời, con nhím, con thỏ. Sau một thời gian hàng hoá thực phẩm chở tới mỗi ngày một nhiều: khoai tây, đậu, trái, bánh bích quy, giăm bông, và bông. Chủ quán muốn cho giản tiện, đã ấn một giá chung cho mọi thứ bất kỳ thứ gì, cứ mỗi *bữa*, khoảng nửa ký, phải trả một Mỹ kim. Trung bình, mỗi người tiêu năm Mỹ kim, riêng về khoản ăn uống.

Nhưng bọn người đào mỏ không có Mỹ kim, trả bằng vàng cho tiện. Họ cũng chẳng buồn cân vàng, cứ mở tay đưa ra, lấy đại một nhúm, đưa phòng chừng là nặng bao nhiêu đó. Chủ quán có kỳ kèo thì họ thêm một chút. Lâu rồi cũng quen, rồi khi sai nhiều, người mua và người bán thoả thuận với nhau ngay. Chuyện đinh, xinh xắn mà.

Vàng có nơi tốt có nơi xấu, nhưng những thợ mỏ lão luyện chỉ trông qua cung đoán được vàng ở *gulch* nào mà định giá từ tám tới mười sáu Mỹ kim một *ounce*. Tính ra mỗi gam, giá trung bình là ba quan tiền Pháp. Và một người đào vàng kiếm được gấp mười hay hai mươi một công chức hạng trung.

Một hôm, Hans thêm thịt gà. Thứ này rất hiếm vì ngay vườn ruộng con bỏ hoang thì ai mà nghĩ tới chuyện nuôi gà. Nhưng chàng cùng với Lê Kim lại thăm bọn Trung Hoa và kiếm được một con. Người ta đòi tới năm chục Mỹ kim, gần ba *ounce* vàng, chàng vật vã, danh nhân, kiếm

một miếng thịt nai vậy

Nhưng Kiệt nhà thì ít thường đi ăn đào vàng được, nằm đó các thứ thay vì các món heo rừng, gấu, hoẵng... cả thịt dê, cừu nữa. Cây sâm của chàng làm sao cho sánh bằng cây cuốc của các bạn.

Ngày nào cũng thèm trái cây và rau, nhưng không kiếm đâu ra được. Để Kiệt vô rừng kiếm các thứ lá cây chua chua hoặc chát chát về ăn với thịt. Các bạn trong đoàn hoàn nghênh sáng kiến đó. Dần dần Kiệt lại trở thành người cho *gia vị* trong việc giao thiệp với người Hoa. Bạn hoặc thù với người Hoa, ít làm vì bọn người này đã nổi được với Anh.

*

Đào vàng được trên một thang thì tuổi đã ngoại nào cũng bắt đầu trông tàng tệ. Cần phải đeo hoa phải đó ở bên sườn hoặc trước bụng, vừa nói là khi sáng sau, họ thấy khó chịu. Bon Olivier, Salmon, Pame và mấy người nữa, người ta tổ chuyên đem gởi vàng ở ngân hàng San Francisco. Phải hai người đi cho chắc chắn, mỗi người phải có một con ngựa. Mà ngựa tuy không hiếm lắm, kiếm được nhưng giá rất cao. Một con ngựa **giá cũng phải trả hai trăm Mỹ kim.**

Olivier nảy ra một ý mà chàng tự khen là tài tình.

- Này các em, sao không "lack ba ngon tỷ" cứ tấu chuẩn về mình này xoài, đi đâu ít bữa khỏi, bắt rồi trở lại. Chúng chẳng là mang gì cả. Quần áo thì để thức này khả nghi lắm. Thằng Jack nói chuyện buôn bán, buôn bán gì đâu? Chỉ có vài con điếm nhỏ nó, hút thuốc, cộng cần, cờ bạc suốt ngày, làm sao đã nào cả bọn trên mươi đứa được? Các thứ nào ở đây ngân chẳng làm, chắc nhiều người còng muốn cất vàng một cách nào cho yên ổn. Chúng mình có thể đề nghị đi gởi vàng giùm các họ ở ngân hàng. Phí tổn chia đều. Và lại mua ngựa, đi xong chuyến này **về rồi bán lại, không lỗ bao nhiêu đâu.**

Ý kiến đó được hoan nghênh. Họ đem ra bàn với một người thợ mỏ già lâu đang ở gần bên họ. Người này hăng hái và bảo sẽ rủ thêm vài **người bạn nữa. Olivier dặn phải giữ kín.**

Hôm sau, một đám thợ mỏ lại kiếm Olivier. Olivier phải gạt bớt ra vì số vàng sẽ nặng quá. Olivier và Pame chở không hết. Họ bèn mua hai **con ngựa cột ở gần lều, đợi ngày lên đường.**

"Lắc ba ngón tay" cười bảo lái chơi nói chuyện phiếm, thấy hai con ngựa đó, hỏi:

- Mua mấy con ngựa mục đích này làm gì vậy?

Olivier đáp:

- Mua nuôi gần tới tết, thế nào cũng phải tới cái *guldi* này. Sang có [illegible] mua trước đi, để tới lúc đó ai cũng muốn mua sẽ đắt.

Lắc đưa đà thì nói chuyện gì tới, là cứ quanh quẩn ở chỗ ngựa. Vậy là cũng một ngày vui bên đàn ngựa đẹp của anh em Olivier.

Họ quyết định ngày đi gửi vàng.

Có người giao hết vàng cho Olivier và Pame, có người giữ lại một nửa. Họ dặn Olivier và Pame hễ gặp thợ mỏ nào đi ngược chiều về phía [illegible] thì nhắn tin cho họ biết. Bọn ở lại sẽ quyết tâm làm sao làm việc nhiều hơn để thưởng công hai người ra đi.

Tới ngày thứ ba, tàu đây thật sớm, sáng sớm ta *dậy* thì thấy đoàn xe [illegible] Lắc bảo con ta" nhìn nhao khắp thì thấy [illegible] thấy xe xe, sắp hàng, đinh rời đi đâu đó.

Kit bảo:

- Ta nên sắp cát đi thôi. Nhưng tại sao thằng Lắc không cho mình hay nhỉ. Có vẻ hấp tấp, khả nghi lắm.

Max cau mày:

- Chắc chúng đã làm cái gì đây, nên đào tẩu đây.

*

[illegible] Sáng mùa [illegible] phía nam [illegible] mặt trời [illegible] Mặt trời mọc đằng xa [illegible] Sông [illegible] Sắc màu [illegible] [illegible] [illegible]

Francisco còn nhiều đất phì nhiêu lắm. Một số khác loài vì đào được ít vàng, vì làm ăn thua lỗ, mùa màng sang năm sẽ trở lại đào nữa.

Max nói:

- Tôi đang tính cùng với em trên Tây Ban Nha, là đây đào vàng đã, nếu không có kết quả, tôi sẽ trở lại đón Suter. Bàn với ông Suter xem có thể làm được gì cho mình hay không.

Kết cũng muốn theo Max để sau bàn. Hans muốn kiếm đất làm ruộng ở một nơi nào đó cách xa miền mỏ. Lê Kim cũng ngại đào vàng quá, bảo sẽ đi San Francisco cho biết, rồi quyết định sau.

Họ đang vẩn vơ ở trên đường đi thì gặp Tây kéo đi đào vàng. Nhà đi thuê ở San Francisco đã lâu. Nó chỉ Max bảo: Người Mỹ đông lắm. Mùa màng sang năm hãy hay. Nhưng ở đây đã có Oliver và Pame mở cửa hàng. Họ đã đào được nhiều vàng. Nghe nói Oliver và Pame có một cô con gái rất đẹp. Đi xa thế này mà gặp được người đẹp thì cũng thú vị. Nhưng không biết họ có chịu bán hàng cho người lạ không.

Hans hỏi:

- Sao cô ta đoán là mày buôn mà mày không nói?

Chú quan đáp:

- Cái anh này hỏi lạ! Tôi khuyên anh em cứ đi xem vàng đã.

Bọn Max quyết định lên đường, không đợi Oliver và Pame mở cửa hàng đã. Lần lữa nào cũng gặp họ ở đó đường hoài ở San Francisco.

Lo đào vàng, bọn Max có hay biết gì đâu đang mưu đồ cướp của cô gái đẹp. Họ đang kiếm tìm Oliver và Pame.

Một hôm trời vào đứt mưa trong một cơn nhà. Chủ nhà trọ trông thấy Max, nhìn Lê Kim một chút rồi hỏi:

- Các ông có phải ở *gulch* Gully không?

- Phải, sao ông biết chúng tôi?

- Tên ông là gì?

- Max.

- Còn ông này phải là Kim không.

Cả bọn ngạc nhiên.

Chủ nhà bảo:

- Mời các ông vô, có bạn các ông trong này.

- A, Olivier và Paine đây rồi.

- Không chỉ có một người thôi, ông Paine.

Paine nằm trên giường xanh vào, hai bàn tay của bàng bó

Họ chạy lại hỏi:

- Anh làm sao vậy? Bị thương nặng không? Còn Olivier đâu?

Paine thở dài:

- Chẳng bàn chết anh ấy rồi. Quân cho mình. Tôi ngắt ảnh. Tôi tuột tay không kịp. Anh ấy đi trước tôi hai chục thước, cách nhau như vậy để có gặp tai nạn thì người này có thể cứu người kia, hoặc người này qua thì có thể thoát thân. Chúng chăng dây ngang đường. Ngựa anh ấy vấp té. Rồi tôi nghe thấy súng nổ. Ngựa tôi đứng sững lại, hí lên, suýt hất tôi xuống đất. Tôi mới kịp được thăng bằng thì hai thằng nhảy tới ôm chầm lấy tôi, tôi lăn xuống đất. Tôi vùng rất mạnh ra bắn được một phát, rồi nghe thấy súng lại nổ một đùa đạn tôi tưởng bay cả mặt, cả đầu và cánh tay tôi nè... Chúng rút lui. Tôi gọi:

"Olivier! Olivier!"

Không thấy đáp. Tôi ráng lết lại. Nhưng máu ra nhiều quá, tôi ngất đi. Lúc đó trời đã tối. Sáng sớm hôm sau, một người như tôi đây. Các anh còn nhớ anh Tom không? Anh đã chỉ cho mình một lớp đất nào mới có vàng đó ngay đầu tiên đó. Ảnh nhỏ mật tôi, xuống sông múc nước cho tôi uống, tôi tỉnh lại một chút kể đầu đuôi cho anh nghe. Xác anh Olivier nằm ở lề đường, cách tôi hai chục thước. Chung bạn ảnh mấy phát trúng

sc, trung ngực. Quan cho đỡ! Chạc ảnh không kịp kêu

Kit hỏi:

- Chúng là ai, anh nhận ra được không?

Paine đáp:

- Trời tối không trông thấy mặt, nhưng nhận được giọng chúng là giọng Mễ Tây Cơ. Và thằng chỉ huy tui nó, cũng nói tiếng Mễ Tây Cơ nhưng giọng lơ lớ ý hết giọng tụi "Jack ba ngón tay"

- Vụ xảy ra ngày nào?

Tom nhẩm tính một lúc rồi đáp:

Mọi người đều nói:

- Đúng rồi!

Max bảo:

Tại do cái vụ hai tui anh tới phi ngựa gấp trở về *gulch* vàng hôm sau đó mà lên rồi chạy trốn. Đúng như tôi đã ngại. Cái nợ máu... Nhưng anh kể tiếp đi.

- Tom thật tận tâm. Ảnh khiêng tôi tới nhà cách chỗ đó có lẽ cả cây số, sắn sóc các vết thương cho tôi rồi trở lại chỗ đó, đào một cái huyệt chôn anh Olivier. Chôn cất xong hết vàng rồi, quan chó đẻ... Tôi đau lòng vì cái chết của anh Olivier, nên lại buồn rầu vì mang tiếng với anh em là cố ý không nói ra, còn các bạn khác đã giúp vàng cho tui tôi, chắc sẽ cho tôi là tên gian trá.

- Đừng nghĩ bậy nhé! Không ai nghĩ ngợi anh đâu. Cặp bọn họ chạy tới sẽ kể đầu đuôi cho bọn họ nghe. Nếu họ có đòi bồi thường thì chúng tôi sẽ bồi thường cho anh. Bất quá đi vay vàng thêm một mùa cào gì... Nhưng tôi tin rằng không có chuyện đó đâu.

Salmon hỏi:

- Nhưng sao không tìm cách báo tin cho chúng tôi biết? Chúng tôi mong quá chừng.

Paine đáp:

- Tôi có nhờ anh Tom báo tin mấy lần cho các anh. Anh ấy không chịu, bảo ở lại rình tui Jack, tin rằng chúng sẽ đợi lâu hay tin tôi còn sống, thế nào cũng trở lại hạ thủ tôi cho không ai tố cáo chúng được. Ảnh cho đây

[illegible] San Francisco. Anh thấy [illegible]

- Bây giờ anh thấy trong mình sao?

- [illegible]

Max bảo:

[illegible] du thăm mà anh Olivier dây

[illegible]

[illegible] Lê Kim đề nghị:

[illegible] cây nhắc họ cảnh qua dây Núi Đá. Dòng Verte, Nebraska, Humboldd...

Lê Kim đề nghị:

[illegible] khác đã bỏ mình trong cuộc hành trình nưa.

Max chăm chú ngó Lê Kim, gật đầu:

[illegible] phụ tá của anh, nên sự an nhàn của Xtrat[illegible] nhưng [illegible] tôi cũng biết rằng [illegible] nền văn hoá cao. Chúng ta sẽ thực hiện đề nghị của anh.

[illegible] về nhà tổ chức Paine Sang hôm sau, tr[illegible] kéo lên đường, họ chở theo Paine hai phần vàng, một phần để chàng chi tiêu, một phần để kẻ chàng ở lại phục vụ những người mộ và mộ bia cho Oliver và các bạn đã khuất.

Sáng hôm sau, từ ngay sớm ở lại săn sóc Paine. Chàng nói:

- Anh Paine và tôi tuy không cùng quê nhưng tình tình hợp nhau. Tôi vẫn ao ước có thêm [illegible] tôi chẳng gặp việc gì ở San Francisco, tôi ở lại đây với anh ấy cho đến khi Kha[illegible] an ổn bình phục, chúng tôi sẽ đi San Francisco tìm các anh. Nếu không lại được thì hết mùa mưa chúng tôi sẽ trở [illegible] Cali ấy đi lo vụ một chuyến nữa. Kiểm chuyện tôi ở đó sẽ gặp.

Lo tr[illegible] bắt nhau. Bon sai người với và lên đường kẻo bị mắc kẹt vì lụt. Mấy ngày sau, họ vừa qua khỏi Sacramento thì những trận mưa đổ xuống [illegible] non miền, chẳng còn để đề phòng nước bị vỡ nên tàm phần mười nhà cửa trong thị trấn bị nước cuốn đi. Họ xuống kịp một chiếc tàu nhỏ đưa họ tới San Francisco.

VI

SAN FRANCISCO

San Francisco ở trên một cái vịnh cũng mang tên đó. Những người Y Pha Nho đầu tiên đặt chân lên vịnh năm 1776 dựng một pháo đài bằng gỗ mấy căn nhà ván, thế là thành một "thuộc địa" của họ mà họ đặt tên là Yerba - Buena.

Trong một thế kỷ "thuộc địa" đó không phát triển bao nhiêu, vẫn là một xóm lều tồi tàn ở bờ biển. Tới 1840, Yerba - Buena - lúc này đã mang tên mới San Francisco - mới được nhiều người nhắc nhớ tới, và dần dần trở nên vàng tới chữ. Xa Bon Max được ngắm nhiều về nó nên mới được tới, cho biết. Họ tưởng tượng thì tưởng đó cũng đông đúc như những ngoại ô của Marseille, Amstendam, New York, nhà cửa xinh tươi đẹp đẽ, đường sá rộng rãi, cửa hàng sầm uất, thợ thuyền, thương nhân, công chức chen chúc nhau. Họ đã thất vọng.

Đông đúc thì đông đúc đấy nhưng nhà cửa thì tồi tàn, chỉ có vài ngôi bằng gạch, còn thì toàn là nhà gỗ, và lều. Nhà gỗ vào mà vách thì một lớp bùn khô ở ngoài thì đáng kể là sang trọng rồi. Người nhiều là lều, đã cũng thấy lô nhô những lều dựng tạm bợ. Tóm lại San Francisco chỉ là một thứ Ragtown lớn thôi, một thứ trấn lều.

Đường sá thẳng hàng vuông vắn như ở trên mặt bàn cờ. Nhưng đường từ vịnh đưa lên, đất tơi nỗi không xe nào leo nổi, trừ là các đoàn xe song song với bờ vịnh lúc nào cũng đông nghẹt. Xe cộ qua lại không có luật lệ gì cả, đường nhau lăn nhau. Bon đánh xe lúc lượng quất bò vậy ngựa tứ bừa, vung tác hoàn miễn, cho xe vồng đất tơi, chẳng kể gì tới người đi bộ. Hai bên đường ồ ạt đông làm lán hợp tạp các loại đủ cả. Sở Quan thuế - một ngôi nhà lớn nhưng vì ở đất tơi hoặc lều. Thị trường chứng khoán cất ở khu ăn chơi, hoặc tên là hội sở

chứa bạc.

Trai vai vì mục sư, ý sĩ, luật sư, còn không có một người nào ăn bận đàng hoàng. Đủ mọi giống người, đủ các sắc phục. Đông người là bọn tìm vàng ở mỏ về, quần áo bẩn thỉu, rách rưới vì quần áo ở đây bán đắt quá, ít người dám sắm.

Người nào cũng đầu tóc bù xù, râu ria xồm xoàm. Cạo râu làm quái gì? Vì lẽ đàn ông mười năm ngoái người mà chỉ có vài chục là đàn bà.

Đang trên một ngọn đồi nhìn xuống, thấy mấy trăm cái lều nằm bên [illegible]; bụi vàng, lá dác có vài nếp nhà, trên một khoảng đất bằng có sáu trăm cái lều tranh, chen chúc thật, thành từng bức, ý như một cô hàng Mã trưng bày đồ giấy và đồ sơn phết vẽ theo phát triển mạnh. Cảo biển thoát vào, bụi mù và làm tóc các chú lều lên. Đó là khu bình dân.

Khu sang trọng, có mang tên là Paradise (thành phố sung sướng) đối cách đó khá xa. Muốn cất nhà phải nộp thuế cho chính phủ. Các thợ mỏ và phu xen vào không nộp thuế, chỉ dựng những chòi bằng các thùng gỗ cũ, hoặc những chú lều bạt vải cạnh buồn ăn cắp dưới các chiếc tàu đậu ở bến.

Khu bờ biển là cái ổ trộm cướp, sát nhân.

Trong hai càng có mấy ngàn chiếc tàu lớn nhỏ, đủ các xứ, nam tú, bỏ không [illegible] tan, tành hại. Thuỷ thủ và cả thuyền trưởng nữa, khi tàu cập bến rồi, thì bỏ mặc tàu đó, nhảy phắt lên bờ, vác một cái dây đi vào miền mỏ. Cho khỏi ai trông không dỡ xem hàng hư hao hết. Chỉ có mỗi một chú cảnh tàu thôi của Hiệp chủng quốc vẫn bảo vệ những hàng hoá đó được chút nào hay chút nấy. Dĩ nhiên không sao ngăn được hết bọn gian. Chàng xông tàu gỡ ván, chặt cột buồm, cắt cánh ba-lăm đem về dựng nhà hoặc lều. Nhiều chiếc tàu có vẻ tan hoang như sau một cơn bão tố. Nhiều chiếc khác mang những tấm bảng "kho chứa vàng", "nhà trọ", "Bán gạo, bắp, rượu", "khách sạn". Muốn xuống những tàu đó thì phải chèo một chiếc thuyền nhỏ, cặp hông các tàu gần nhất rồi chỉ việc từ tàu này qua tàu khác, có khi cả chục chiếc mới đến chỗ vì những chiếc xa **nhất bỏ neo cách bờ tới cả cây số**

Thử tưởng tượng một thị trấn như vậy mà bị một hoả hoạn thì kinh khủng ra sao. Người ta còn nhắc nhở đêm Noel năm 1848, một bọn say

[illegible] đánh lên trong một quán ở khu Plaza, một chốc đèn đóm bỗng [illegible] xuống hết, thì ra quán cháy lên ngùn ngụt. Bọn Max khuân vác [illegible] bỏ chạy ra khỏi chỗ cháy, thiệt hại trên một triệu Mỹ kim. Max mướn [illegible] một căn nhà cũ dãi cát lên rồi, không còn dư tiền đâm ra [illegible]

*

Bọn Max đi coi một lượt khắp thị trấn

Hôm [illegible] ở Hoa Lạt, nhứt là Lê Ki mà đứng [illegible] thấy cảnh San Francisco đó, chán nản lắm.

Sáng hôm đó, mới mười giờ, một người không [illegible] phải khách Nam [illegible] rủ nhau kiếm nhà [illegible] của Nam, [illegible] khách sạn *Nanta*, một chiếc tàu [illegible].

Không có phòng, cũng [illegible] nằm gì cả, tất cả [illegible] một chỗ [illegible] ngủ, [illegible] nhau ăn cơm, leo cái [illegible] phải trả năm Mỹ kim mỗi đêm.

Tuy ai nấy đều [illegible] kém ở *gạch* [illegible] Max kêu mướn căn [illegible] ở tại đó để mở khách [illegible] [illegible] Một cái khoai tây phải trả [illegible] Mỹ kim, [illegible] Nam kêu cơm có một chuyến tàu ở Hoa Lạt [illegible] ở cửa một tấm bảng: **"Hôm nay có khoai".**

Cũng [illegible] khoai chưng hôm trước [illegible] Mỹ kim một trái, hôm sau xuống còn năm Mỹ kim.

Bọn Max, cũng [illegible] khách sạn *Nanta* đó đây [illegible] **kiếm chuối nam vàng, khâm xà cừ**

Lê Kim mỗi [illegible] thấy người Mỹ [illegible] [illegible] không [illegible] Anh ngoại Pháp [illegible] người Á Đông. Mỗi [illegible] nhìn [illegible] chắp hai [illegible] tay không để [illegible] [illegible] không [illegible] [illegible] Nhiều kẻ ngoại [illegible] [illegible] không [illegible] [illegible] bóng dáng [illegible]

phập vào mặt bàn hay mặt đất, mà cười ha hả! Đã đi được ba phần tư vòng quanh thế giới, Lê Kim thấy rằng càng tiến về phía Tây, tiền bạc càng nhiều mà đời sống càng man rợ.

Max rủ các bạn vào khách sạn *Eldorado*, một trong hai khách sạn có tiếng nhất, đông khách nhất. Chủ quán có hồi đã kiếm đâu được hai gã nhảy và một chú hầu bàn nên cả San Francisco đổ xô lại đó, ông ta thu hồi bạc mãi đâu quán không ngày nào không xảy ra những vụ ẩu đả, phá phách lung tung. Rồi bỗng một hôm ba ả đó biến mất, làm cho dân Frisco[1] ngơ ngẩn. Chắc một nhà triệu phú Mễ Tây Cơ hoặc một tên tướng cướp nào đã cuỗm các ả đi rồi.

Eldorado có hai phòng rộng mênh mông: một phòng ăn uống và một phòng đánh bạc.

Một bồi bàn lại tiếp họ. Kit để ý thấy đầu ngón tay các cậu hãn to khác thường, sau mới biết rằng ở Frisco, bồi bàn hầu hết là nhà vày, vì khách hàng trả bằng vàng vụn, cứ mỗi ly Whisky là một nhúm vàng. Ngón tay các cậu càng lớn bao nhiêu thì nhúm càng được nhiều bấy nhiêu.

Bồi Max bảo đem cho mỗi người một quả trứng tráng, một miếng thịt nướng, một khúc bánh và một ly la - ve, rồi hỏi mỗi khẩu phần bao nhiêu. Người bồi bàn đáp:

- Tám Mỹ kim.

Hans lắc đầu.

Người bồi bàn bảo:

- Cơm bồ dịch các ông tôi cũng biết rằng mọi ở mô tới. Mua rồi có khá không? Trong túi đa chắc đầy vàng chư? Các ông có về các ông bố qua cho tó, nhé có về lương thiện. Tôi khuyên các ông một đều nhé. Đang đánh bạc - chú ta ngó qua phòng đánh bạc ở bên. Chủ quán nay đem các món ăn cho các người đánh bạc mà không tính tiền. Các ông có thể qua bên đó ăn được, nhưng đang đánh bạc đấy.

Hans hỏi:

- Chủ quán điên hay sao mà bao ăn các con bạc như vậy?

- Không chư đâu có điên. Có vậy mới du được bọn thợ mỏ chư.

---

(1) San Francisco, thường gọi tắt là Frisco.

Max bảo:

- Cảm ơn chú. Bọn tôi sẽ trả tiền.

Vừa ăn, họ vừa hỏi thăm về thị trấn.

Đường phố San Francisco không được sáng sủa gì cho lắm so với Sở Lục Lộ. Rác rưởi ngập tới mắt cá, lều lán bốt lộ đầy rẫy. Người bản bảo:

Các ông cứ chạy đường Monterey đây. Sau mấy trăm cây số nữa, rồi, ngoặt trái vào Main đường ngắn, ta đến con đường Kearny. Nằng thì đó sáp xáng và hơm kia có hai chiếc xe bị sa lầy, không sao kéo ra được, đành bỏ xe lại. Các con đường khác khá hơn, vì người ta lấp các lỗ bằng bao bố hay bao cà - phê xanh.

- Ủa! Bột và cà phê mà đem lấp đường ư?

- Chính vậy! Từ Nam Mỹ, từ Hawaii, chở tới đây tốn kém lắm, để các thứ quý hàng hóa mà không có người đến lấy thì không có ai mua. Người ta đổ hết đem lấp đường thì đường sẽ tốt hơn.

- Không ai ăn cắp những hàng đó sao?

- Ở đất Nam Mỹ thì không biết, chứ ở đây thì không. Dân ta lễ lắm, chứ không phải bậy. Dân trong thị trấn không ai dám đụng đến của Ban hết, gặp bao nhiêu cám dỗ mà không chịu, không phải là do có thể bỏ qua được hết, nhưng là đang từ tâm sâu xa hơn thế là một từ mặc tay tạo, không sao thoát được. Một tên ăn trộm đã bị treo cổ trên một cột buồm trước bến tàu. Ngoài đường treo cờ có ghi hàng chữ "Ăn cắp, ăn cướp" ai thấy cũng sáng mắt lên và không bao giờ dám trộm cắp. Và cả thảy, ngoài dân ông dân bà, già trẻ, thơ ngây, con buôn, người công chức, kẻ thất nghiệp, đều được đối xử như nhau. Làm sai thì bị phạt bằng nhau, được thưởng thì cũng bằng nhau. Ý như sân đá banh một con cọp ở rừng Lạc Việt vậy.

Kit bảo:

- Thế thay! Ở mỗi chẳng có tục lệ đó cho. Tại tôi mà có vàng chúng ám sát và cướp hết vàng...

- Bỏ vàng tượng ở đây không có chuyện đó sao? Trời ơi! Các ông mà tới tận thị nữ! Đến tối nay các ông sẽ thấy. Cứ lật sau lưng lá bồ. Người ta thanh toán nhau như ở giữa rừng vậy, cho vui!

- A, thị trấn này "đẹp đẽ" thật!

Người bố, bạn mỉm cười, ngừng một lát rồi tiếp

- Các ông bị chúng lột gần nhẵn rồi chứ? Vậy thì tôi khuyên các ông nè, nên kiếm một việc nào mà làm đi đợi cho qua mùa mưa này rồi trở lại mỏ. Dọc sông ở đây đất đỏ lắm. Số vàng của các ông không đủ tiêu lâu đâu. Kiếm một chân hầu bàn như tôi nay, hoặc làm phu khuân vác, quét nhà, quét đường. Thiếu gì các nhà quý phái Nga, Pháp làm bồi bàn như tôi. Mỗi ngày cũng kiếm được mười Mỹ kim, sống tạm thời ấy mà..

Người bồi bàn không phóng đại chút nào cả. Một lát sau, bọn Max tới một con đường ngổn ngang những bao bột, bao cà phê xanh từ Chilê chở tới, cả những bánh thuốc thơm Virginie nữa .. Và mới sẩm tối họ đã nghe thấy lác đác vài tiếng súng nổ, mà các người ngoại phố cứ thản nhiên như thường.

Họ rủ nhau đi kiếm một chỗ trọ, nhưng chỗ nào giá cũng đắt quá, đành phải trở lại "khách sạn" Nautic vậy. Kit nói

- Mác! Phải làm quen với chuột ở dưới tàu đi chứ! Dù sao cũng còn hơn cảnh trong sa mạc. Nửa tháng trong sa mạc đã làm cho chúng ta thành những con người khác, có thể coi thường mọi gian nan nguy hiểm trên đời được.

VII

MẤT DẤU LÊ KIM

Sau bữa sáng, đoàn tàu xong, bọn Max rủ nhau ra ngồi ở một chỗ Vì khách sạn *Vanta* vốn là một chiếc tàu Max nói

- Tối qua tôi bắt tình em trong một thoáng. Trước khi rời đoàn điện "Vanta Helena", ông Suter có cho tôi biết mấy người quen của ông ở chung quanh đây và nhờ tôi ít công việc. Chưa biết công việc bao giờ mới xong. Có thể rằng một hai tháng nữa chúng mình mới gặp lại nhau. Còn các anh tính làm gì?

Kit đáp

- Tôi chẳng có công việc gì cả. Tôi đi theo anh được không?

Max mỉm cười

- Được chứ. Có anh càng vui. Anh là một tay thiện xạ. Khẩu súng của anh rất có ích... Không sợ thiếu mồi

Donald bảo:

- Tôi đi có chủ trương. Tôi biết vẽ chút đỉnh. Chúng ta mà gặp dãy núi có một bức chân dung hoặc một bức tranh về miền nào đó về nhà khoe với bà con, ngược ngoạc ít nét có thể kiếm ăn được.

Bỗng nó nói khi chưa có dự định gì, bảo để tôi kiếm việc. Hoặc chụp ảnh hay hàm Lạt vật hoặc ra ngoài ô kiếm một trái dừa tươi để làm công, cực lắm thì làm phu khuân vác.

Max trước khi đi, dặn anh em.

- Khách sạn *Vanta* chỉ là chỗ trú chân tạm trong ít bữa, rồi mỗi anh đi một nơi. Muốn gặp lại các anh hoặc nhắn tin cho nhau các anh có thể lưu tại sở thông tin ở gần khách sạn Eldorado các anh em nhớ chưa?

Họ đồng ý.

Kai Max và Kat đi rồi, bốn người còn lại chia làm hai nhóm nhỏ nhóm Donald - Smith và nhóm Lê Kim - Hans, mỗi người theo một ngã, lên phố kiếm công việc

Nam sau khi rời khỏi con đường Plaza hôm trước, thấy một đám đông đang quây quần trước tấm bảng cỡ bảy mét cao nghều nghều mới dựng trên ngọn treo cờ là cờ có chữ V màu (Là đỏ). Một người sử dụng trên một thang nước đang thuyết giảng, chia những tấm bảnh nhỏ ra, bảo ai mua thì được ăn miễn đồng, không mua thì sẽ bị đày xuống địa ngục. Khi thuyết giảng xong, họ tuyên bố mọi người cùng đi với ông ta một bản thánh ca. Nhóm của họ mỗi người thêm, mang cùng hát theo.

Đến cạnh đám người có lẽ những cái thùng cũng được bán đấu giá. Đó là một hàng Sở Quan thật sự thì hàng ấy cấp, cô được tất cả những cái bàn thảo. Có một thứ hàng nhiều người thích đến mức có thể đồng kia, không biết trong chứa cái gì. Mọi người tự thưởng đến là mỗi này mỗi nọ, một người trả giá người khác trả thêm người khác thách hàng. Rốt cuộc có người trả tiền Mỹ kim. Một đồng này họ quan có và một đô giấy rách. Thấy là cuộc đó

Hay mà tưởng gì mới là lồng chồng. Lê Kim bảo Hans

- Là đến nhà người ta, mỗi đêm mang Mỹ kim Cô lại nhìn phải rồi vào là tăng. Nam cười trêu người chơi ở đây có đến đó. Có vẻ sẽ thắng tay lắm. Kem thấy đến rồi, vậy mình về là mà là vậy

Hình như là cái mặt cái chợ, và tất bật Smith và Donald

Mới Lê Kim và cô tiếp chợ, khác với Hans

Nam đi qua tên soạn *Daily Evening* thấy có đến gần cần một người viết viết trong soạn bắt tiếng Anh tiếng Pháp có vào xin đến. Nam xem bảng tuyển thấy Hoa Lan tiếng Trung Hoa cần tuyển nữ. Mỹ Kim mới tuyển hai nữ sẽ tăng trên nên đến lúc Công việc tuyển người tiếp khách là mua bán hay đang quảng cáo. Tò lò nó về việc phải hàng, có thể có gì đó của tuyển nữ kiểu này thì tiếp tục ra gặp đi về nơi xa nơi. Tôi đề nghị nên cho một người em vào tuyển thử. Họ đồng ý và tôi đã gọi theo anh Sang

mai anh cùng đi với tôi lại toà soạn.

Việc anh có công việc làm, tạm đã sống

*

Nửa tháng sau, thị trấn San Francisco bỗng nhộn nhạo khác thường. Trên các đường phố đã thấy bóng phụ nữ, hầu hết là các cô ở Nam Mỹ, ở Cap Blanc, ở Valdivia tới, Da trắng có, Da đen, Da đỏ cũng có. Họ ăn bận lố lăng, hở ngực, hở tay, vạy cụt ngủn và đeo những chiếc nhẫn, vòng vòng lớn và nặng. Một số mới tới được ít hôm rồi biến đi đâu mất.

Nhưng rồi có một chiếc tàu khác cập bến và đổ lên thị trấn vài chục cô nữa, hầu hết ở Nam Mỹ. Thuyền trưởng đòi mỗi cô một trăm Mỹ kim kể cả tiền tàu và tiền ăn, mà tới San Francisco mới phải trả. Cô nào mới bước chân lên bờ cũng được cả chục ngàn đàn ông săn đón, đề nghị giá cả ba trăm, bốn trăm Mỹ kim tuỳ tuổi tác và nhan sắc, thanh toán trả tiền xong lên tàu rồi, cô nào cũng có ngay một số vốn nhỏ.

Các cô tứ quán như quán Eldorado trả giá cao nhất nhưng đắt điều kiện nay nọ, nhiều cô không chịu. Các cô muốn được tự do. Có cô mới tự bảo thân hôm trước, hôm sau thấy hơi tròn đi, kiếm một khách sang khác, trả lại số vàng mà tốn ba, bốn trăm Mỹ kim. Cũng có một lệ nào quy định lối buôn bán đó cả.

Khi một chiếc tàu bách "thất tạo" đỗ về bến, thì trên đời một cảnh hỗn hoa được kéo lên, phấp phới trong gió. Lúc thì khắp thị trấn reo hò như cả ngàn tiếng súng nổ một lúc. Người ta bỏ hết các công việc đỗ xô ra bến, đợi xem "mon hàng". Hàng lên bờ tới, người ta bu lại coi. Vui thật là vui. Tàu cũng đem thư từ báo chí tới và Sở Bưu điện hôm đó đông nghẹt người.

Tàu không có "thất tạo" tới đều đều, thị trấn San Francisco có vẻ sang sủa hơn, nhưng cũng ồn ào lộn xộn rất hơn. Trong không khí có một cái gì rất cũng nhân tạo mà thật khó tả. Và đêm đến súng nổ nhiều hơn, tơ *Dalila Lorena* đang nhịp cũng tắt giọt gần hơn, bao bàn cũng hay hơn. Lệ Kim được giao việc lấy tên tắc. Hàng sáu kiếm được thêm tiền.

Nhờ làm ở tòa soạn, cụ thường được đọc các tờ *New York Herald*, *Courrier* Mỗi chuyến tàu chỉ cho tới ba chục số đã của tàu hai tháng. Trong một số có một bài viết về San Francisco. Tác giả hơn hớn, đầy mỉa mai dạm Francisco là điên, tức không là cái cà trieu bạc mà ăn bận dơ dáy như bọn ăn may, chiều tối chui vào những "hộp gỗ trống" mà họ gọi là nhà, là khách sạn. Làm chủ một hộp gỗ trong đó thì mỗi năm thu được mấy lần tiền hai

ta, ba chục ngàn Mỹ kim. Có một hộp gỗ thông mang tên là *Eldorado*, mở tiệm nhạc trong thành phố, cho thuê mỗi năm được một trăm hai chục ngàn Mỹ kim. Một đôi giày dan ông đang giá trăm Mỹ kim, con giày dan bà bà thì để lao nhao ở giá ở mặt đường. Có đinh gì thì đem cầm mà đổi lấy vàng. Nhưng ông ta xưng ra bằng trước ba trước, làm nghề rửa chén trong các quán ăn hai chục Mỹ kim mỗi ngày nên giữ quần áo ấm tốn công gấp đôi. Hễ chỗ nào có vàng đụ khẩu thì y như là có tiếng súng nổ. Một lần, một tên hỏa lý ở trong phòng đánh bạc ra, chửi: "Im đi, tao cho chết bỏ, cho ngươi ta đánh bạc." Quả thực là một lũ điên!

*

La mort tua bao được độ một tháng thì một hôm Lê Kim đi lấy tin tức về, gọi Hans lại, bảo:

- Tối mới có tin này lạ lắm. Người ta đồn rằng một tên chuyên buôn thuốc phiện, đã bị hai sát đem qua bằng hai phát súng ở Golden Gate. Không biết tên hắn là gì, nhưng nhìn xác của hắn thì thấy bàn tay mặt chỉ có ba ngón.

- Thằng Jack rồi! Đúng kiếp nó. Ở *gulch* Gully có lần nó nói "thù người" là mèn hàng ban chạy nhất ở miền này, anh còn nhớ không. Đúng là nó rồi. Nhưng nó bị ai giết?

- Nghe đồn thì thủ phạm tên là Mac.

- Mac, m.a.c?

- Người ta nói vậy. Tôi đoán là anh Max qua, người ta phát âm sai.

- Phải, chính anh rồi.

Lê Kim nói thêm:

Hồm ở nhà trọ của Paine, sau khi nghe Paine kể vụ bị cướp, anh có thốt mấy tiếng: "Cái nợ máu này..." rồi anh ngừng lại không nói hết câu. Chắc anh đã có ý tìm cách trả thù tại hồi đó.

Hans hỏi:

- Anh cho chú bút hay tin đó không?

- Phải cho hay chứ để họ viết bậy tin đó đã truyền miệng nhiều người, mình làm sao giấu được?

- Nhưng anh có giấu tên anh Max đó không?

Tôi nghĩ rằng [illegible]

Nói xong Lê Kim bỏ vào phòng thư ký tòa soạn. Và chẳng bao lâu tờ *Daily Evening* đăng tin:

Một tướng cướp ha một tên buôn thịt người.

San Francisco muốn loạn rồi!

[illegible]

[illegible] tinh thần hoạt động, có óc phiêu lưu.

[illegible] truyện " *Water-side*" của Trung Hoa

[illegible] này một người Anh dịch là *All men are brothers*

Hans lại hỏi:

- Sao anh [illegible] tại sao bây giờ lại hành động như vậy?

Lê Kim đang trầm tư, ngẩng lên, đáp:

Mọi hoạt [illegible] giờ đã đến [illegible] Và như các bạn đã [illegible] một xã hội tuyệt vời. Hành động của Max vào lúc này [illegible] sử nhân loại. Anh chưa đọc lịch sử A Đông.

Ngoại phương Đông chúng tôi có từ ngữ này *"Thể thiên hành đạo"* để trừ hành vi của các vị hảo hạn đó. Họ là những hiệp sĩ, còn hiên ngang hơn những kỵ sĩ thời Trung cổ của châu Âu nữa, vì tôi nghe nói các kỵ sĩ phương Tây hình như phục vụ mỹ nhân nhiều hơn là bênh vực kẻ yếu, trừ khử kẻ gian.

•

Đó là đoạn cuối cùng trong cuốn *La ruée vers l'or* nhắc tới Lê Kim

Cuối truyện còn ba bốn chương nữa kể những hành vi của nhân vật chính là Max. Một đoạn chót có nhắc tới Kit, còn các nhân vật khác thì không. Vì vậy tôi không biết sau Lê Kim làm gì. Hết mùa mưa Lê Kim cùng với Hans trở về *gulch* Gully đào vàng một mùa nữa?

Điều này không chắc. Hay là kiếm một khu đất để ở? Hay là ở lại làm cho tờ *Daily Evening*? Hay là gia nhập bọn Trung Hoa tới San Francisco mỗi ngày mỗi đông? Hay là đi chu du khắp miền Tây nước Mỹ? Rồi vì lẽ gì Lê Kim trở về Trung Hoa, sau cùng về Nam Việt, và về bằng cách nào?

Đó là những điều làm cho tôi thắc mắc hoài sau khi đọc xong *La ruée vers l'or*.

Dưới đây là phần cuối truyện đó:

Vụ ám sát ở Golden Gate gây xúc động trong dân chúng. Người ta đồn là vì tình, vì tranh nhau một ả nào đó. Điều tra ra thì một ả tình nhân của "Jack ba ngón tay" cũng bị giết năm. Các ả buôn son bán phấn đâm hoảng và các ông lớn, các tay trùm ở San Francisco bị các ả thúc giục, phải tìm cách nhích một chút cho truy nã thủ phạm lấy lệ, vì lính tráng đã không đủ lại thêm tinh thần. Kẻ đó xảy ra vài vụ nữa mà theo tin đồn thì chủ mưu cũng là "Mạc". Lại xôn xao. Rồi cũng lại êm. Dần dần chúng hiểu rằng "Mạc" không phải là tên cướp mà là kẻ có tinh thần hiệp sĩ, nên tỏ vẻ ngưỡng mộ chàng. Chính quyền thấy vậy, làm ngơ và Max gian manh được tung hoành khắp miền Californie một thời gian.

Chàng có tiếp xúc với đại uý Suter, khuyên ông đem hết gia sản chiêu mộ bọn "hảo hạn" để cùng với chàng lập trật tự cho Californie, bắt chính quyền phải gián tiếp ủng hộ mình, vì nếu chính quyền không trừ được quân gian mà cứ để cho đảng của Max lanh nhiệm vụ đó thì chính

quyền sở mang tiếng, bị dân chúng đi đào

Sater không ngờ Marx Nam 1850 gia đình ông ở Thủy Sĩ qua, ông hăng hái khởi phục lại sản nghiệp cho con cái, một mặt ra phục hồng lại đồn điền, một mặt đưa đơn kiện chính phủ, kiện các người đã xâm chiếm đồn điền ông. Ông đòi người ta phải bồi thường cho ông một tỉ Mỹ kim, vì nửa sò vàng đào được trong bốn năm chính là thuộc quyền sở hữu của ông. Vì Sater mải lo theo đuổi vụ kiện, không hợp tác với Marx nên chúng có hoạt động trong một phạm vi nhỏ hẹp. Gold được vài tiếng xảy tới bốn tay chân, kẻ gãi người bỏ đi, sau cùng tan rã, và không ai biết chúng đi đâu. Phải đợi trên mười năm sau, khi các mỏ vàng gần cạn rồi, trật tự mới được tái lập hoàn toàn ở California.

PHẦN THỨ TƯ

HỌ LÊ Ở MIỀN NAM

I

VỀ SÀI GÒN

Tôi về Sài Gòn vào khoảng cuối năm 1952

Con đường đất chưa đầy ba trăm cây số mà đi mất một ngày trời. Xe đò khởi hành từ Bạc Liêu lúc bảy giờ, chạy được bốn năm chục cây số, tới một khúc quẹo, hai bên đường toàn lau và sậy thì đường bị đá mặt, đoàn xe phải ngưng lại hai ba giờ đợi người ta tới gỡ mìn, sập là tôi mới qua được. Mỗi đầu, xe đò, xe du lịch, xe nhà binh đón lại cả trăm chiếc mạch hai đầu đều đặn. Mặt trời đã cao, đã bắt đầu thấy nóng và khát nước, nhưng chung quanh không có một mái nhà, cũng không có một bóng cây. Tôi đành phải ngồi trên xe mà nghe tiếng trẻ em bưng nón khoe rẻ lên hoặc nhẻ nhẹ, đỗ gì cũng không nhớ. Người ta nói khúc đó cứ mỗi bữa nửa tháng lại bị đặt mìn mà chính quyền không có cách gì ngăn được, mặc dầu chỉ cách đó hai cây số có một đồn binh, vì đêm lại không dám ra khỏi đồn. Có khi "các ông bên kia" đi thành hàng bằng qua đó, cách đồn vài trăm thước, bắc loa khiêu khích lính đồn nữa mà lính đồn cũng làm thinh, vì hễ nổ một phát súng thì "các ông" sẽ xông lên đồn liền. Như có một sự thỏa thuận ngầm với nhau: một bên cứ canh giữ bên ngoài, về phần bắt gà bắt vịt, bẻ dừa bẻ mận, một bên cứ thong thả đi lại ban đêm, đào đường, đặt mìn ở đâu thì đặt rồi sáng hôm sau bên kia cho người đi gỡ, lập lại. Lâu lâu, dăm ba tháng, mới có một đoàn xe nhà binh bị phục kích, còn binh thường còn đường chỉ bị phá khuấy như vậy thôi. Chiến thuật vòng đai của De Lattre de Tassigny đã hoàn toàn thất bại.

Sự giao thông được tạm lập. Xe nhích tới từng chiếc một, khi qua chỗ đặt mìn, nghiêng mình nhìn ra ngoài, tôi chỉ thấy một đồng đất mới vun lại lẫn với ít cộng rơm, chiếm hết gần nửa mặt đường. Tôi nghĩ bụng

một ít tiền

Tôi hỏi một em:

- Bán được bao nhiêu dĩa rồi?

- Dạ, không kịp đếm nữa thầy

- Vui quá hả?

- Dạ. Nhưng lâu lắm mới được một lần, thầy.

mát quá.

của miền Cần Thơ và Vĩnh Long, miền phúc hậu, trang sáng và dịu ngọt này. Không biết em có được đi học không. Sống trong cảnh nam lũ như vậy! Xa hôn mà ba phải con ngoan nhu cụ ở trong gió bình dân.

Qua được Bắc Mỹ Thuận thì mặt trời đã sắp lặn. Xe không dám chạy ban đêm phải ngủ ở ven đầy. Mỏ, bến bắc có tới năm sáu chục chiếc xe, cả xe đò lẫn xe chở hàng hóa thực phẩm nhiều nhất là phía Sài Gòn. Có những chiếc quá cồng kềnh, quán nào cũng đặt đến hai chục chiếc, khách không có lấy một chiếc giường trống. Hai tiếng chim, thì nơi đây mà là chim chiền chiện, tiếng ca vang có trong máy thâu lượm vang lên từ phía tiếng cười, giữa những người hen bàn rượu. Có bàn hàng nào cũng đèo vang, đặt bia, cũng bia ôm và hoa sa tanh. Trong máy năm bảy xe tây thật là vắng người. Hai tiên chiến có lần qua đây buồn tới tấp chỉ thấy có tiếng dế mèn quen nước với ngọn đèn dầu vàng vàng. Tôi nghĩ đến đám khách hôm gặp em gái vào, nó tan mất hết, nhưng rồi tụ họp ở một nơi khác. Cuộc sống vẫn vậy, dù ở trên chiếc xây.

Không dám ra bờ sông hóng mát vì đêm tối hơn và có lính gác. Không khí ở trên các quán đã bắt đầu khách nên sớm tàn. Một số đông người trong quán bắt đầu trải chiếu gác bỏ sạp. Anh bán đồ ăn của thuốc mà tôi được, chiếc bỏ cái chiếc kia đó nữa thôi. Tôi cũng muốn một chiếc, giá mượn một đêm vậy không một phần mười giá mua giúp mới. Người chủ quán như đoán được nỗi lo ngại của chúng tôi, bảo:

- Các bác cứ đỗ xe để trên xe, có "lớ" xe gắn. Con trên bác ở trong mành thì không ngại. Cứ khóa gác sát đem; mà chính quán chúng tôi cũng sẽ trông nom thật tới sáng mai. Không có chuyện gì xảy ra đâu. Bảo đảm mất. Hai mươi năm thường kể xe như vậy. Có bác cứ ngủ cho ngon giấc.

Anh ấy vừng lời giữ chắc chắn, nên tôi cũng yên lòng. Quả thật, khi tỉnh giấc, tôi nghe thấy tiếng cười nói ồn ào của những người đập mạch. Nhưng ở cuối dãy có tiếng thì vẫn nghe lừa đó của một điệu thuốc.

Tôi thấy nhiều người ngủ ở trên lòng nhiều chiếc tàu bè, hay trên bờ một con kênh nhỏ, người xây vừng lập lánh, đi về trên vỏ tàu nghe tiếng sóng vỗ nhẹ hòa lẫn với tiếng ca quê ở dưới sông. Lại nhớ

tấm sự tôi cũng ngồn ngang nhưng không bằng đêm nay. Mưa nầy đêm hơi lạnh trời vẫn trong, sao vẫn sáng, nhưng ở đây, mặc dầu cũng vẫn là ở giữa thiên nhiên - đầu nầy là sông, đầu kia là ruộng lúa, và xóm ổ, nhân xóm ở ngay sau lưng các quán - mà đã cách biệt hẳn với thiên nhiên, ai cũng mải lo mưu sinh, không còn ai tâm trạng để hưởng thiên nhiên nữa. Mà có muốn hưởng cũng không được. Mấy ổ súng trong đồn, mấy chòi lính gác luôn luôn hướng tầm mắt để ý tới mọi cử động của ta. Cả người ở hai đầu đặc như đám cá nằm trong rọ đợi lúc mở rọ lại tuôn đi, mỗi người mỗi nơi, mỗi hướng.

Trời chưa sáng thì mọi người đã thức dậy. Không sông hay ở trong vốc nước lên rửa mặt, rồi tụ họp cả ở phố, ăn hàng. Các quán hàng ồn ào tấp nập.

Đoàn xe tải nối đuôi nhau chạy về Sài Gòn. Mặt người nào cũng tươi tỉnh, mong đến nơi được một đêm yên ổn và sắp về tới nhà. Dương không tới đất mẹ, nhưng xe bị nạn kẹt khá lâu ở cầu Tam Văn và ở Bến Lức - và nhường đường cho xe nhà binh - nên khi vô tới bến thì đã muộn hai giờ trưa.

*

Cảm tưởng tôi lần này khác hẳn cảm tưởng 18 năm trước. Một ngày đầu năm 1938, hồi 7 giờ sáng, ở trên xe đò xuống Sài Gòn, chiếc xe kéo về Đa Kao đưa tôi qua Sài Gòn vào một mùa tạ ánh nắng trên ngọn sao dương tơ chiếc vòng đong ở cổ tay thiếu nữ, đèn lập lánh tưng bừng trong phan vọn màu xám ảm đạm của trời đất mây nước ở đất Bắc mà tôi mới từ biệt hồi tháng trước. Lần nầy Sài Gòn trang hoàng dương sá, cây cối đều phủ một lớp bụi đầy. Quen với cây cỏ sông rạch xanh mát đồng quê, tôi thấy hơn mắt vì ánh nắng làm nhẵn trên những nóc nhà bằng tôn. Đời sống thành phố nầy không hợp với tôi chút nào. Tôi cảm tưởng ở **đây con người phải héo hắt đi.**

Sau hơn năm xa cách, tôi thấy lạc lõng. Sài Gòn thay đổi nhiều quá. Cờ mầu sặc sỡ thành lớp phủ khu Ban Cờ, bến Tam Ngưu, Xóm Chùa. Nhà cửa san sát, ngổn ngang, tam bợ, chắp chới, lấn từng tấc đất. Dân cư sao mà đông thế. Gấp ba gấp bốn trước, nhất là xe cộ đầy đường. Năm 1945, tư xe nhà binh Nhật chở ít chiếc công xa và ít chiếc xe hơi của các công chức cao cấp Pháp gần đóc trở lên, còn thì toàn là xe đạp, xe

thổ mộ. Bây giờ xe hơi có phần nhiều hơn các thứ xe kia. Cả đến phần thành máy hai bánh cũng đã bon bon trên các đường. Bóng dáng Lãn đã biến hẳn. Chỉ thấy tiếng xe vẫn lo máy chạy đều đều, hòa hoà, nhẹ nhàng, vang vào rặng tre rồi trên các đường bay làm dấy lên những đám bụi mỏng. Thỉnh thoảng lại thấy một chiếc xe thổ mộ hay một chiếc xe hơi gặp một chiếc xe cam-nhông ngược lại, tiếng vỏ nghe chan hòa trong tiếng rồ của các thứ xe có động cơ.

Cụ Tuất cùng với Lãn đi Sa Đéc và Nhất đi Sài Gòn. Cụ Tuất qua Phnôm Pênh theo gót quan Khâm mạng đi lo việc Sài Gòn. Cụ không biết về tương lai, chưa bao giờ cụ nghĩ đến tương lai, cụ không muốn có thì giờ thế nào cụ cũng có, sự thay đổi chán bỉ thay đổi như sao, trong khoảng thời gian ấy cụ làm chúc mừng về được nghỉ ngơi, cụ sung sướng với nhà nhất được ngày nào hay ngày ấy. Trước khi đi, cụ nói với tôi là đon đả cháo:

- Hễ về bên ấy [1] thấy Hai mạnh khoẻ hơn hồi trước...

Lãn nhìn người đồng nghiệp cũ thì rõ ràng có vẻ lơ là.

Hễ không hỏi tới tôi là cụ không nói. Cụ chỉ thỉnh thoảng lại hỏi tôi về phương pháp chữa bệnh. Cụ không tin ở thuốc Tây, cụ cho là chỉ có hại. Cụ nói rằng thuốc Tây chỉ làm cho người ta ỷ lại, không có sức chống chọi với bệnh tật. Cụ muốn đi thì gì thế nào cụ cũng có sự thay đổi chán bỉ thay đổi như sao, trong khoảng thời gian ấy cụ làm chúc mừng về được nghỉ ngơi, cụ sung sướng với nhà nhất được ngày nào hay ngày ấy. Trước khi đi, cụ nói với tôi là đon đả cháo:

- Tôi thấy anh vẫn như trước.

Ông ta tỏ ra mặt mày hớn hở, có vẻ phấn khởi lắm.

Người ta không gây nên khác nhau được.

Nét mặt ông ta như tan ra một chút. Ông ta có vẻ thương hại, mỉa ông. Tội nghiệp!

Không khí như thay đổi hẳn, có vẻ gì đông đặc lại. Không

(1) Nay là đường Lê Lợi, Đồng Khởi (BT).

cởi mở với nhau như trước nữa. Sau mấy câu hỏi thăm qua loa, tôi ra về không khi nào trở lại sở cũ nữa. Có chuyện gì để nói với nhau nữa đâu? **Gặp nhau chỉ thêm ngỡ ngàng.**

Trái lại, vài ba anh bạn mà người ta gọi là "trùm mền" đối với tôi rất thân mật, coi hơn thời cùng làm chung một sở với nhau nữa. Họ bị phe "ca la bô" (công tác) chê bai: "Các ông ấy khôn sao mà ra, chẳng dấn thân vào phe nào cả, được yên ổn kiếm ăn, có kẻ làm giàu nữa, đợi cách mạng thành công thì chia phần, còn bọn tôi thì..."

Tôi không thấy một anh bạn "trùm mền" nào của tôi mà có cái tâm lý "chia phần". Những kẻ khác đã suy bụng ta ra bụng người mà xét họ như vậy. Đuổi được giặc Pháp đi rồi, còn phải thắt lưng buộc bụng lo kiến thiết lại non sông bị tan nhà, tổ chức lại một xã hội mới, cần hai ba chục năm chưa chắc đã xong, phấn đấu mà chia?

"Được yên ổn kiếm ăn", điều đó tương đối đúng. Con tuỳ người. Hết thảy đều bị đò xét, nghi kỵ: có kẻ ở trong một khu binh dân, nửa tháng một tháng lại bị bổ tập, đưa về Sở Công an để điều tra. Và không phải muốn làm nghề gì cũng được. Một anh bạn tôi có bằng Thanh chung, xin phép mở hạ lớp tiểu học (lớp năm và lớp tư thời đó) dạy ít trẻ trong mấy phố cận cận. Toà Đô chánh phái người lại xét lớp học, cho phép. Sở Công an gọi anh tới điều tra. Anh tưởng được phép, đợi ba tháng sau vẫn không thấy gì. Lại đợi thêm ba tháng nữa. Vẫn không có kết quả. Anh lại Bó (nhảo dục hỏi. Người ta lật hồ sơ ra coi, bảo giấy tờ đủ hết, hợp lệ, **về đi, chờ ông Dống lý ký.**

Anh hỏi:

- Đã hợp lệ thì tôi bắt đầu thu nhận học sinh được không? Sắp tới **mùa tựu trường rồi.**

Người ta chỉ mỉm cười, nhún vai, không đáp. Chính sách của người ta là không cấm (vì không có lý do gì để cấm) mà cũng không cho phép.

Còn bảo là làm giàu thì hạng người "trùm mền" không đủ "tư cách" để làm giàu trong thời loạn. Họ hèm khiết, có lương tâm, không biết ninh bợ, hối lộ, không thể đâu có được. Hầu hết đều sống lam lũ, chiến **đấu chật vật mới đủ sống.**

Có anh mở một quán phở, vợ nấu phở, chồng tiếp khách. Có anh tằn cư về con được chút vốn, sang được một sạp vải ở một chợ nhỏ. Tờ mờ sáng họ đã phải ra chợ, khuân các cây vải, bày hàng, trong lúc hai đứa

con, một đứa ba tuổi một đứa mới sáu tháng còn ngủ. Rồi vợ về cho con bu, làm việc nhà, nấu cơm, mười hai giờ trưa đem cơm ra chợ cho chồng. Ba bốn giờ chiều, họ dọn sạp, khuân các cây vải đem gửi, rồi về nhà. Nhà họ là một cái chái rộng độ hai thước rưỡi, dài sáu bảy thước, thông thông từ trước tới sau, không có vách ngăn cách. Khách tới thì ngồi ghế bố ngửa với chủ nhà vì không có ghế. Nhưng "nhà cửa" vẫn ngăn nắp và sạch sẽ. Những hạng công chức cao cấp đó đeo kính cận thị nặng, bận bộ pyjama ngồi đo vải, thời tiện, tôi không thấy nửa hai mà nửa bì, nhờ tới những loài chim quen bay trên cao, đáp xuống đất thì vụng về, loạng choạng chậm chạp hơn loài vịt.

Một anh khác làm thầy lang, bận bộ đồ ba ba, vài ba bữa lại ra chợ cân thuốc một lần. Trông nét mặt thấy lúc nào như cũng ưu tư, thì in chắc không phấn khởi, không mấy tin tưởng bắt mạch ra toa của thầy. Gặp anh ở một tiệm thuốc Bắc ra, tay ôm một gói thuốc lớn, tôi hỏi:

- Anh cân thuốc làm gì mà nhiều vậy?

- Làm thuốc tễ cho thân chủ, và cũng để bán ở chợ nữa.

Tôi ngạc nhiên:

- Anh học thuốc hồi nào?

- Hồi tản cư, ở trọ nhà một cụ đồ Nho, tôi sẵn biết chữ Hán, cụ chỉ cho, học cũng mau.

- Anh đã giết mạng nào chưa?

Bậy nào. Phải tự lượng sức mình chứ. Bệnh nào khó thì chạy trước đi. Nhưng ít khi gặp trường hợp như vậy, thường là những bệnh cảm, ăn không tiêu, nhức đầu, sốt rét... Mà mỗi bệnh có tới năm bệnh chẳng uống thuốc gì, cứ nghỉ ngơi cũng hết. Tôi theo quy tắc này của cổ nhân: Có bệnh mà nghỉ ngơi, không dùng thuốc gì cả, cũng tức là được một thầy lang trung bình rồi. Và tôi rất chú trọng đến vệ sinh, luôn luôn chỉ họ cách giữ vệ sinh, ngừa bệnh hơn là trị bệnh.

- Nhà vậy mà anh không đòi nhe răng ra a'? Lang ta hay lang tây cũng đều nuôi bệnh thì mới làm giàu được, anh lại ngược đời, khuyên người ta tĩnh dưỡng và giữ vệ sinh.

Anh mỉm cười:

- Tôi đâu có tính làm giàu? Và nói thực với anh, tôi chán nghề đó lắm rồi, đương tính xoay nghề khác đây. Nghề gì kỳ cục, coi mạch cho

bệnh nhân mà không đang hoàng lấy tiền coi mạch, chìa sống nhơ hoa hồng của các tiệm thuốc Bắc, nghĩa là phải thông đồng với các tiệm thuốc bắc, hễ họ thấy toa nào có nét chữ hoặc con dấu của mình thì họ tính giá thuốc cao lên một chút giữ lại cho mình một số hoa hồng. Tôi không chìa lốn đó, đặt cái lễ mỗi lần coi mạch là thu một số tiền "honoraire" như tây y, nhưng chỉ bằng một phần năm của các bác sĩ. Vậy mà thân chủ của tôi cũng ngờ tôi bắt chẹt họ.

Lớn nhất là một anh ban tân cư về, chỉ con mỗi một chiếc ghe cui mười đồng bạc và một con heo nọc. Anh bần quân cứt, đói cái non lá, chấn dê đất, cầm dấu dây đất con heo ỷ hết một chú lai, đem ban nó lấy tiền cưới một quán cóc. Vì thiếu vốn, mỗi ngày phải đi bộ ba bốn lần ra chỗ cách hai cây số để "bổ hàng". Quán tồng đó bốn thước vuông, mà anh lai mập, bàng phệ, ngồi muốn chật rồi. Nhưng chiều nào khách cũng đông, lật hết là giới lao động. Tôi hỏi tại sao, anh đáp.

Như mọi rượu thuốc của tôi, họ chưa làm. Ban những mon khác chỉ lời 10 - 15 phần trăm là nhiều, riêng mon rượu thuốc này lời 100 phần trăm. Vốn không có bao nhiêu, vài vị thuốc bắc rẻ tiền bổ gân cốt và thêm trái ô môi, cho mùa rượu được đó, đẹp. Rượu tôi nổi tiếng nhất khu này đấy. Ai cũng khen là công hiệu.

- Công hiệu thực không?

- Cứ tin là công hiệu thì sẽ công hiệu. Nhưng lúc này hình như khách hàng quen rồi, không thích nữa. Tôi phải nghĩ cách chế một thứ khác.

- Khỏi phải cầu chứng?

- Khỏi.

Anh cho tôi hay đã mấy lần bị bố ráp vì nhà anh ở trong khu lao động. Mỗi lần vào khoảng nửa đêm, vợ chồng anh đương ngủ thì nghe một tiếng nổ long trời ở xế nhà anh, tiếp theo là tiếng rên rỉ mà anh đoán là của lính Pháp. Cả nhà hốt hoảng, không ngủ lại được nữa, không dám nói chuyện với nhau nữa, chỉ thì thầm bàn tính với nhau, rồi ngồi co ro đợi chừng bốn tới. Nửa giờ sau xe nhà binh và lính trang rầm rộ tới, bao vây hết cả khu, bắt mọi người trong nhà phải ra ngoài ngồi xổm ở vỉa hè. Bọn lính chĩa súng vào mặt mọi người hăm dọa hễ nhúc nhích là bắn. Cả khu phải ngồi như vậy, có kẻ run lẩy bẩy cho tới mờ sáng thì công an

(1) Một thứ tiền tạ lễ cho bác sĩ (BT).

dẫn một thằng tram một bao bỏ từ đầu cho tới chân, chỉ khoét hai lỗ ở mắt để nhìn.

- Cơ còn chê sự hơm hon Kla Klux Klan ở Mỹ, ghê sợ tởm mà nữa. Nó lấm la, chấm chấp bước tới, ngó vào mặt từng người, người, nào h nó giật dâu ra lui hoi đi liền. Thình thoảng ba tiếng "Ngừng lên mav" của nó vang lên rung rợn trong không khí lạnh tin phang phác. Khi nó bước ai gần tới tới niệm thầm "Nam mô-a-di-đa-Phật" không dứt để cố trấn tĩnh. Mình không gây tội lỗi gì với ai, nhưng nghe nó nhìn làm mình thì hồ đồ. May phước tới chỉ thấy gần qua tới tới bước đi. Lúc đó tới mới thấy Lmục sư đứng mỏ tạo. Ve mặt, tới tấm vái ngay xuống giường, miệt thở ấm ức chửa hả lý rượu thuốc mới ngồi dậy được. Tới bảo nhà tới, lập một bàn thờ Phật, và từ nay, rằm, mùng một cả nhà ăn chay. Hôm đó nó là bị nó gật đầu tới đưa về bốt Cát mai thì tới mới không còn gặp anh nữa. Khoảng tới cái nghề thuật tra tấn của tới tới rất các bị n phải dựng chen vai nhau hàng mấy ngày trong một "chuồng cọp" không có chỗ đứng, nên tuổi ở đó thì tới vẫn không nói rõ. Bốt Cát mai, tức quận Đức An, hiện thời của vân mình phương Tây đó Chúa ơi! Nhưng dân tộc anh hùng nam giao hòa của Chúa đời với những kẻ đem tới mà vậy đó! Tây vẫn với bốt Cát mai mươi năm ra con một phần bỉ vong sống sót của xứ phước địa tên gọi Bắc Việt Cộng Đảng được thì thế nào cũng cho mà tóm", chẳng phí công tra tấn gì cả.

Những người "trăm miền" đó, vì lẽ này hay lẽ khác - gánh nặng gia đình, sức khỏe kém, nhát như cáy, hoặc khác cả trường hợp - liên phá hoại, tức là những người đó, tới hay cán bộ trung, chỉ cần đưa ánh mắng tới vào cái là tới biết ngay là tới chuyện làm giả. Gọi họ là trăm miền cũng không đúng lắm, vì quan quyết mọi thứ, chỉ có thể là trăm miền được.

*

Đi tham kết các bạn và bà con một thời tới không kịp về nhà nhà. Mấy thằng đệ tử chúng quen với không kịp. Sau Cùng, tới mới hỏi tại sao phải chúng. Nhà nhà rằng bằng lòng đẹp nhất bà con đang có là tự nhiên một tới. Lúc đó là tới đang ở một trong những nhà nhà bằng lòng mà tới đã phen một trăm trong xanh, nhà nhà con kênh người ngàn năm đến ngày bằng cả một rừng trăm phẳng phất mùi đất chín nhà nhà bằng sen trong rượng mà non xanh nhưng gam trên, nhà vẫn

trang vàng anh ẩn sau tàng sơ đưa lơ thơ ru mành, nhơ những lúc bị bom lôi cuốn một cái, hào dev bông sung, nhưng lúc nấp trong hầm tranh đua lên xanh tươi pai có nhà xuống, nhưng đêm ngủ nấp trong một cái xuống ba ta không dám ra quấy vì sợ trong tranh

Hồi đó thiếu thốn, mà bữa nào cũng ăn ngon, thèm nhất là dao thẻ, đêm nào có được một nơi chè khoai, anh em quây quần vừa ăn vừa pha trò thì vui như ngày tết. Thích nhất là cảm đêm vì chúc chan không bị địch bắn không có đèn có sách để đọc, ngồi vừa đập muỗi vừa nói chuyện tào lao với nhau một lúc rồi đi ngủ suốt một ngày mệt nhọc, đặt mình xuống là ngủ thẳng một giấc. Giấc ngủ là liều thuốc bổ độc nhất của chúng tôi thời đó.

Bây giờ về Sài Gòn, không khí ồn ào, trong nhà đã bắt bơi rồi, lại thêm lo mưa sắm nữa, cho nên càng thấy mệt

Cảm nhà hai bàn tay trắng. Phải vậy đúng là hết. Hồi đó tôi xấp xỉ hai mươi tuổi mà các nhà tâm lý cho rằng cái thích ăn nhàn, sợ phân đấu, sợ sự thay đổi, tức cái tuổi hai đứa cứ theo chiều gió, trôi theo dòng nước. Lớn đó chỉ đúng trong hoàn cảnh bình thường, khi gặp một biến cố thì cứng nhưng bỏn mươi, ngay đến năm mươi, sáu mươi tuổi, người ta vẫn còn đủ tiềm lực để xây dựng lại cuộc đời. Cuộc xâm lăng của Pháp đã làm cho dân tộc ta trẻ lại. Tôi đã thấy nhưng cụ già sống an nhàn hai ba chục năm, tới sáu mươi tuổi gặp sản tiêu tan hết, phải tản cư, bỏn hàn, làm thợ mà nuôi được vợ và bảy mụn con, cho đi học trường Tây. Tôi còn thấy có cụ già phải nói không ngại. Hễ còn sức khỏe là còn tất cả, tiền bạc, ruộng đất nhà cửa đều không đáng kể. Nhưng sức khỏe thì quả là lúc đó tôi thiếu

Mấy năm tản cư, gia sản tôi tiêu tan hết, nhưng bù lại được hai học độ tôi mượn không năm sáu trăm cuốn sách nhưng đọc được cuốn *Le Rouge et le Noir*, tôi được đầu về Lê Kim, ghi chép được tài liệu của ông Kissinger qua Mỹ, như vậy quả cũng không lỗ

Ta đã quyết định không trở lại sở cũ, cũng không muốn dạy học - vì ngay từ hồi đó nghề dạy tư đã bắt đầu thành nghề "bán cháo phở" - mà sẽ sống bằng cây bút.

Phải kiếm một căn nhà và gầy một tủ sách. Nhà lúc đó tương đối dễ kiếm miễn là có tiền để sang. Vì đâu đâu người ta cũng cắt nhà mới. Tủ sách thì không thể gầy trong một hai năm được. Lúc đó tôi mới tiếc sách của tôi, không có cuốn nào quý, nhưng hầu hết là những cuốn cần

[illegible]

[illegible]

[illegible]

II

THẤT VỌNG

Công việc thứ nhất tôi có thể làm ngay được là tới thư viện thành phố đường Cửa Đông (1). Thư viện này thực ra chỉ là một kho lưu trữ sách cũ, cho nên có rất ít sách. Ngay những sách báo Việt xuất bản trước thời chiến càng thiếu nhiều. Địa điểm tuy tiện lợi vì ở trung tâm thành phố, nhưng không có cái khung cảnh, cái không khí thích hợp với sự học hỏi, tìm tòi như Thư viện Trung ương ở Hà Nội. Tôi nhớ hồi còn đi học, sáng thứ năm và chủ nhật tôi thường cặp sách qua cái cửa sắt của Thư viện Trung ương, bước xao xác trên những lối đi trải cuội trong một chi tiết sân rộng có cây cao bóng mát, có những luống cúc, luống hồng tuy mùa lòng thấy thơ nhưng, quên nhưng ưu tư trong đời sống, những tiếng động trong thành phố và khi lên nhà lại bước thêm để vô thư viện ở sân hút êm tôi vườn, lòng tâm hồn tôi như được gột rửa, sẵn sàng tiếp nhận tư tưởng của cổ nhân.

Vô thư viện Sài Gòn, tôi không có cảm giác thoải mái như cái thời học hồi. Thư viện nằm ngay ở lề đường một khu nào nhiệt, lên khỏi của thường vào ngày một phòng đọc sách gì cũng chật nhưng học sinh thì Tàu là vào đó học bài. Có cái nhưng cần nhưng có tới thì không có chỗ ngồi, bèn xuống gần cửa nơi có chân cầu thang mở sách ra "tung". Tôi vốn thích nhưng nơi tĩnh mịch nhất là trong khi đọc sách, mà nơi này ồn quá, nên vẫn bất đắc dĩ, cứ mỗi tôi tra cứu ghi chép vội vã tạm biệt rồi về. Trung bình mỗi năm tôi chỉ tới một hai lần.

Lần đó tôi bỏ ra cả một buổi chiều để kiếm cuốn *Lược khảo văn học*. Vì không biết tên tác giả, nên chỉ có thể tìm trong các hộc "Đề mục". Tôi

---

(1) Bây giờ là đường Lý Tự Trọng.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] Pháp. Pháp phục hồi, Bảo Đại tuyên thệ nhậm chức, đưa ra một chính phủ mới, đề đưa ra một hòa bình, nhưng đã quá trễ! Ngày đêm quân đội Pháp càng không còn thời gian chiến đấu nữa. Bom thực dân Pháp đã ở cuống gót để về nước. Trong không khí như vậy, không nên việc thăm chồng của Bảo Vân có muốn gợi càng không biết gợi về đâu. Khi chiến tranh giữa Bắc Việt và quân Pháp chấm dứt, Pháp đã để lại cho anh đã tìm cư thêm chiến. Quân Pháp chỉ chiếm được một vài phần đất, chứ không đi sâu được vào miền quê, cho nên thư không gửi về Xuân Lương quê của anh được. Vì vậy việc gợi thăm vẫn **phải hoãn lại tới sau chiến tranh đã.**

Rồi tháng 7 năm 1954 Hiệp định Geneve ký kết và non chín triệu đồng bào Bắc di cư vô Nam. Tôi gặp được một số bạn cũ ở trường Bưởi đã sớm có người quen ở Sài Gòn, ai ở tạm đâm bữa trước khi kiếm nổi được một căn nhà, một số ít phải tới các trại tiếp đón đồng bào di cư như trường Cửa Lông, trường Petrus Ký... Phần lớn các bạn tôi thuộc loại công chức cao cấp hoặc thương gia nên không đến nỗi cực khổ lắm. Tuy phải bỏ lại nhà cửa đất cát ở Bắc, nhưng gom góp mang theo được ít vàng tới Sài Gòn đổi ra tháng là có công ăn việc làm. Cái hạnh phúc đi trước về thì cũng chỉ phải cũng nên chiếu lên cho nàng ở mãi quán Nhà hát Tây[2] **mới diễu đứng hơn nhiều.**

Sau hai ba chục năm xa cách, từ khi ở trường ra, ngày nay gặp lại nhau, riêng tôi tất vui, nhưng các bạn tôi nhiều người có vẻ chua chát. Hết thảy đều nói có thể chịu cảnh nghèo cực, nhọc mệt nguy hiểm, nhưng không cam được chế độ cai trị giai cấp của ngoài đó, có người đã tuổi ở lại, sau nghe nói những cảnh con tố cáo cha, vợ tố cáo chồng, bạn bè đồ tâm nhau, nên phần vội vã lên xuống tàu, không mang theo được gì cả. "Ai người coi người Việt nào mà không vinh hạnh và chiến thắng Điện Biên Phủ, nước nhà độc lập rồi, quân Pháp phải cuốn gói đi hết, ai có chút lương tâm mà chẳng muốn ở lại để kiến thiết quốc gia sau hơn năm bị tàn phá, nhưng họ nghi kỵ mình, có vẻ như không muốn cho mình sống thì làm sao mình ở lại được? Theo hiệp định thì sau hai năm sẽ có cuộc Tổng tuyển cử cả hai miền để thống nhất quốc gia, lúc đó sẽ ra sao, chưa biết, cứ biết là ở lại không thể sống với họ được nên phải đi".

---

1. Nay là trường Nguyễn Thị Minh Khai. Lê Hồng Phong. BT

(2) Bây giờ là nhà hat Thành phố. (BT)

[illegible]

Một anh tâm sự với tôi:

[illegible]

của tôi cũng là tâm trạng của Russelle.

Ngừng một chút, anh rầu rầu nói tiếp:

[illegible]

của tôi có quá cao hay không, tôi không tự biết được, tôi chỉ biết rằng tôi phục thiện và khi người khác có điều gì tôi cho là lầm, thì tôi phải đưa ý kiến, nhất là trong một tập thể hành động chung với nhau.

Tôi bảo:

- Người ta không chịu anh được ở điểm đó chăng? Nhưng sao tôi thấy những người kháng chiến trong nầy không phân biệt giai cấp quá như anh nói.

- Có lẽ tại trong này chính sách của họ hơi khác. Nhưng rồi anh sẽ thấy những lời tôi nói không sai đâu. (Hồi đó chưa xảy ra vụ Quỳnh Lưu). Cuộc kháng chiến này là công lao của toàn dân mặc dầu ai cũng nhận họ có tài điều khiển. Không có gia đình nào không có con em đi kháng chiến. Cả những người làm việc cho Pháp - dĩ nhiên trừ một số rất ít đáng xử tử về tội bán nước - cũng giúp đỡ con cháu hay anh em trong bưng, lúc gởi tiền, lúc gởi quần áo, thức ăn. Một đôi khi anh em kháng chiến về nghỉ ngơi hay công tác ở thanh thì họ che chở. Tôi biết nhiều công chức vào cấp tỉnh trưởng, quân trưởng, ti trưởng, biết rõ họ về thành mà cũng làm lơ; nếu họ bị công an bắt thì dĩ nhiên không ai bênh vực được, nhưng tố cáo thì không ai tố cáo, có khi còn len cho họ hay để họ trốn thoát nữa. Vậy mà khi cuộc chiến thành công thì họ tố khổ hết thảy cả cha mẹ, anh em của chính họ. Điều đó làm cho tôi phẫn uất nhất[1].

Tôi hỏi thăm về các thầy cũ, bạn cũ. Hầu hết các giáo sư cũ của chúng tôi mà tôi vẫn kính trọng là có tư cách cũng di cư vào đây sống một cuộc đời rất đạm bạc. Các bạn cũ mà còn sống thì cũng di cư tới một nửa, một nửa ở lại vì hoàn cảnh gia đình, hoặc vì không có cách trốn đi được, hoặc vì tin rằng có thể chịu được chính sách của nhà cầm quyền.

Hỏi về anh Trần Văn Bằng thì không ban nào biết cả. Từ khi ở trường ra, anh ấy làm việc ở Phú Thọ, không xuống Hà Nội, cũng không tiếp xúc với bạn cũ, không hiểu tại sao. Tôi đoán anh ấy có mặc cảm rằng mình là hạng công chức tầm thường, kém anh kém em, nên không muốn ai nhắc tới mình. Trong thời binh lửa, nhiều bạn tản cư lên miền Phú Thọ, Tuyên Quang mà cũng không gặp anh. Không biết anh còn sống hay chết nữa.

---

1) Sau này đọc Philippe Devillers, tôi mới biết Võ Nguyên Giáp đã chỉ trích những vụ tố khổ tàn bạo đó mà thay chính phủ nhận lỗi với quốc dân

Theo tập kết Geneve, đồng bào ra miền Nam. Bác đọc tin tức để tìm tin tức [illegible] Mẹ đưa thiệp [illegible] để cho tiện gửi viết được dễ nhìn hàng. Mẹ đưa gửi ta cũng gửi khi nhiều việc muốn biết tin tức của nhà con, than thảo ở bên kia vĩ tuyến. Quan đời đau đớn thế. Vì nhưng chuyện muốn biết thì hỏi không được nói gì chuyện mà tới cũng nói không được, không lẽ lần nào cũng viết [illegible] "Cô chú có khỏe không?" (Không có ai hỏi "Cô chú có khỏe không?") "Cô chú có mạnh khỏe không? Cháu ở nông chưa? Cháu út học tới lớp nào?".

Chỉ hỏi thăm như vậy nhưng [illegible] cũng nhắc từng chữ. Có lần tôi đi viết "Mẹ may mắn đó thời tiết thay đổi, bệnh cũ của bác có [illegible] không" rồi tôi phải xoá bỏ chữ "thời tiết thay đổi" đi sợ các ông [illegible] sách của bọn Việt cộng bắt thì [illegible] thay vào nhà văn xin [illegible] cũng [illegible] chỉ [illegible] mà thôi. Sao ở Việt Nam lại xoá, [illegible] đây mình [illegible] tới [illegible] đó [illegible] mới [illegible] vào sổ đen sổ trắng. Hễ [illegible] phải [illegible] tiếng [illegible] thì [illegible] **một vết gồm, vết xoá.**

Chúng tôi [illegible] mà [illegible] [illegible] Cô [illegible] Cô [illegible] [illegible] Vết [illegible] [illegible] [illegible]

từng tấm thiếp gởi đi và nhận được.

Mỹ chăng? Hay đăng ấm hiểu gì với nhau đ[illegible]? Ngay cả cho anh Bảng lấy cho to. Con nhà nêu chỉ vắn tắt chép lại trong khuôn khổ một bưu thiếp nghĩa là đố mươn hang tu nhất định họ chẳng hiểu gì cả, sẽ liệt chúng tôi vào sổ bia đen để theo dõi hang thang hang năm

Một hôm bà láng giềng sát vách báo tôi

- Mấy hôm nay tôi để ý ngay nào cũng có linh kin ngồi ở tiệm cà phê gần may nước ngó về phía nhà thầy và nhà tôi, tối lươm đi lươm lại trên con đường này, chi êu nay một người lại hỏi tôi "Ông chủ nhà bên cạnh có nhà không mà không thấy ông ấy đau hết?" Tôi đáp "Ông ấy đau nằm ở phong trong đo, chớ đi đâu Thầy muốn hỏi gì cứ vô mà hỏi." Rồi hắn bỏ đi.

Vậy ra họ đã rình tôi thật Lúc đó là lúc tôi đau ruột, nửa tháng không ra khỏi nhà Tôi suy nghĩ không hiểu họ rình mình vì lẽ gì Vì lẽ gì Vì lẽ tôi đa tân cư khu lao? Hay vì tôi không trở lại làm sư cụ? Tôi chẳng giao thiệp với ai, những người thường tới thăm tôi là những bạn đi cư, có gì đâu mà họ nghi? Tôi cũng chẳng ở trong một hội kín hội mở nào cả Hay vì tại hai bức thiệp tôi gởi cho anh Trần Văn Bảng? Có thể lắm Có thể rằng họ tự hỏi "Hội thảm chí có một hàng, thế là nghĩa gì? Không có bức thiệp nào cắt ngắn như vậy Đang nghi lắm" - "Ô, lại còn bức thư nữa cũng gởi cho Trần Văn Bảng, cũng chỉ có một hàng chữ như trước, chỉ thay đia chỉ thôi, là nghĩa sao? Thằng cha này gian, phải theo dõi mới được".

Có lẽ như vậy chăng?

Chính sách của họ Ngô thời đó là chỉ dùng những tay sai cũ của Pháp và những người ở trong đảng Cần lao, nhưng người đi cư, con hàng người không theo công cán là công hết rao Những chiến sĩ đánh Pháp, theo họ đều là cộng hết.

Người ta bảo Ngô Đình Diệm là nhà "ái quốc" Ái quốc ở chỗ nào mà ông ta coi hết thảy những chiến sĩ kháng Pháp bất kể trong thành nào, có khuynh hướng nào cũng là kẻ thù số một của ông ấy

Miền Nam nay không tiến được, mỗi ngày một sa đọa chính là vì họ Ngô có tư tưởng hẹp hòi như vậy, không biết dùng người có tư cách

Bắt bị họ theo dõi rồi, tôi không gởi thiệp cho anh Bảng nữa Đợi tới lúc nào thống nhất mới có thể do la tin tức của anh được và tôi hy vọng chỉ ít năm sẽ thống nhất.

Tôi việc thứ ba là tiếp xúc với ông Lê Xuân Liêm ở làng Mỹ Quới, Rạch Giá.

Hồi năm 1955, 1956 trong nước có nhiều việc xảo động: chính phủ Ngô Đình Diệm phải giải quyết việc định cư của trên tám trăm ngàn đồng bào ở Bắc vô, lật Bảo Đại để hất cẳng Pháp mà đứng hẳn vào hàng ngũ của Mỹ, rồi dẹp các đảng phái, giáo phái chống đối như Bình Xuyên, Hoà Hảo, Cao Đài để thống nhất quân đội, cũng có quyền lực tương trợ. Đồng thời họ Ngô đề cao vai trò của Ki Tô giáo, cho rằng chỉ Ki Tô giáo mới là lực lượng chánh yếu chống cộng. Ít đợt các tín đồ Ki Tô giáo di cư, và một số người này vênh vênh tự đắc, nghĩ mình đã bỏ hết gia sản lại Bắc mà vô đây là đã hy sinh cho chính nghĩa, thì đương được hưởng mọi quyền lợi, đáng được giáo phái chọn một trách nhiệm điều khiển. Họ có vẻ khinh các đồng bào ở Nam, cả những người Bắc đã vô đây làm ăn từ lâu, là thường hơn: nếu không phải là có ơn trên cũng có chút tình. Tôi biết một số đồng bào di cư ở một miền nọ tại Rạch Giá bây hàng ra bán ở ga xe lô, xe hơi qua lại phải ngừng máy, năn nỉ họ, họ mới ngơi nhẹ vô trong một chút vừa đủ cho xe qua được. Tôi lại biết một giáo sư di cư tới dạy một trường Trung học Hậu Giang miệt thứ các giáo sư gốc Nam, cả ông hiệu trưởng là người "Bắc cư" nữa, hết sức hãnh gây lôn với học sinh, tới trường mà mang theo cây sáng sau kè kè bên mình. Dân chúng trong thì trăn ghét lắm nhưng không ai dám nói ra. Ngay trưởng ty Công an cũng phải giám ông ta nữa, cứ một tháng, mà thường ông ta lại đi Sài Gòn một lần, chẳng biết để làm gì, nhưng dân chúng thì thầm rằng để làm báo cáo mật với "cụ Cố" (tức cố vấn Ngô Đình Nhu).

Vì vậy mà không khí ở miền Nam nghẹt thở. Khi chính phủ bác bỏ đề nghị thống nhất miền Bắc đưa ra, lấy lẽ rằng Mỹ và Ngô Đình Diệm đều không ký vào hiệp ước Geneve, địa vị của họ Ngô vững vàng tới, phong trào "tố cộng" phát triển rầm rộ mà một nhà văn (Lữ Chi Đại Trường) đã nhận định rất đúng là "chỉ mang ý nghĩa chỉ điểm, không kèm theo một chính sách rõ rệt hấp dẫn nông dân thanh vô tình như một cuộc tra hạch, xua đuổi những người cứng khăng chiên - kể cả địa chủ - chạy tuột ra bưng[1]. Một hôm qua mãi là hàng ngàn người vô tội bị đưa vào trại

(1) Ký thi địa phương - *Bách khoa* số 311, 15-12-1969

giam, tơi đô ho bi tù nhân công sản thuyết phục mà hoá ra thân công

Năm 1956, thư từ đa bắt đầu gởi về các làng ở gần quận được. tới đầu 1957, Sở Bưu điện mới hoạt động lại bình thường. Tôi nghĩ tới việc viết thư cho ông Lê Xuân Liêm. Vì không khi nghi kỵ nhau trong toàn dân, tôi phải dằn đo rất lâu.

Tôi tự hỏi ông thuộc thành phần nào? Đọc được cuốn *La nuit* vers *l'ou* thì t g ông cũng đã học tới cấp Cao đẳng tiểu học Pháp Việt thì ơi trước chiến tranh. Ông có thể là một công chức thời Pháp thuộc như tơ.. một giáo viên, một thư ký hoặc cao hơn nữa, một chủ quận, một kỹ sư. Ông cũng có thể là một điền chủ có học, làm làng vì ở trong Nam, nhất là miền Tây, không thiếu gì các ngươi có lu tai Pháp Lim xà trường, hương hào, hương thân...

Về điểm đo tôi chẳng cần phải lưu tâm tơi, nhưng có điểm nay rất quan trọng ông có khang chiến không? Nếu không thì các ông đa phải bỏ làng mạc tan cư ra tỉnh thành kiếm một việc gì đó để sinh nhai. Trong trường hợp này tôi có thể viết thư cho ông được, không sợ bị chính quyền cộ Nếu nghi ngờ, mang thư tơ gởi về làng ông không khác đi tơi được vì đã có người đứng ra lãnh cam đoan không có được hại người thư về làng, nếu có công an việc làm có cá chi tơ tơ bước ra thì họ là ở thành mà ở làng ba con họ ăng lương đa đi nơi khác hết, về giúp một hợp người khác họ chỉ thêm bương chổ khi bị người kỳ nữa.

Nếu thư lại ông ta đa khang chiến mà còn sống thì lại càng không cần trở về làng tại phải kiếm một việc làm ở Sài Gòn để sinh nhai, chính biết chúng đa "chạy tuốt ra bưng" rồi nữa. Huy gởi chắc chắn là không tới. Nếu ông tập kết thì càng không nên viết thư cho ông. Chính quyền tạo đơ các gia đình các người tập kết. Bao đang một ông quan trưởng nhà binh nào ở miền Tây ta lệnh cho dân trong quận hễ vắng quanh quận lỵ phải treo ở ngoài cửa một tấm vải gì đó tên. Hàng ngày trong nhà đa tập kết, liên hệ về huyết thống với các cha ra sao. Và bàn đêm phải đốt một ngọn đèn đỏ chiếu vào tấm vải đó. Ông ta tưởng như vậy là kiểm soát chặt chẽ họ được, hễu qua chỉ là xét các gia đình đó ra bưng hoặc đưới họ trốn qua miền khác nhất là lên Sài Gòn nhan nhổ, khó kiểm soát hơn. Nhưng có lẽ chính ông ta muốn cho họ trốn đi hết để dễ bề tịch thu gia sản của họ, chiếm lấy phần lớn, chia cho bọn tay sai một phần nhỏ, biết đâu chừng?

Tôi nghĩ rằng: Cứ thử đưa rằng ông Liêm ở trong trường hợp tập kết trường hợp bị chính quyền cho phản động thì nên viết thư cho ông ra sao, để khỏi liên lụy cho tôi cho gia đình ông? Dĩ nhiên nếu ông ta tập kết thì thư tôi sẽ không có hồi âm. Nhưng tôi chỉ thử đã như vậy thôi chứ vẫn mong ông còn ở lại trong Nam". Suy đi nghĩ lại mất hồi lâu tôi mới hạ bút.

Kính gởi ông Lê Xuân Liêm,

Hồi trang trước tôi mua được ở một tiệm sách cũ gửi cho Bến Tre mình một cuốn nhan đề là Lettres vers l'or kể chuyện một đoàn người mạo hiểm đi tìm vàng ở California. Đọc thấy hứng thú đoàn đó:

"Tủ sách gia đình

Lê Xuân Liêm

Làng Mỹ Quới - Rạch Giá"

Mở bìa giữ vẻ sách trong cuốn mình lấy đã mất bìa sách, đoán rằng cuốn sách hẳn là khá mắc tiền vì sách đã cũ mà còn thời thượng, nhất định ông cuốn sách là một cuốn sách hay nên ông mới gửi đi khắp nơi. Ắt ông cho một tôi phải gửi báo đảm về đi tới nơi nào.

Chỉ là do tấm lòng của một người yêu sách đối với một người yêu sách với cùng dụng ý, làm đẹp và cùng dụng ý làm vậy. Ở vào hoàn cảnh tôi chắc ông cũng hành động như tôi.

Kính chúc ông vạn an.

NGUYÊN."

Tôi phải nói dối rằng đã mua được ở một tiệm sách cũ tại Sài Gòn, không muốn nhắc tới thời kỳ trong bưng, để các nhân viên công an khỏi thắc mắc. Hễ nói tới bưng với biên là họ nhảy cẫng lên, tưởng đâu tôi đã là cộng sản chàm công. Nói dối như vậy, ông Liêm chắc cũng tin được, không ngờ gì cả, vì trong thời loạn lạc, sách của ông có thể vào tay một người và như vậy có thể đi khắp trong xứ.

Tôi đặc ý về bức thư đến tay Công an có để ý tới mà đem ra phân tích nổ xe, chẻ sợi tóc làm tư, đọc ra ngoài hàng mà thì cũng không tìm được một lý do gì để gây hơn cho ông Liêm hoặc gia đình ông được. Trong trường hợp ông Liêm có tập kết, thì bất quá Sở Công an cũng chỉ nghi ký tới thêm chứ chẳng có gì để buộc tội tôi được. Mà đúng nào thì

tôi cũng đã có tên trong sổ bìa đen của họ rồi.

Gởi đi rồi, tôi mới sực nhớ ra là bác thư có một kẻ hở. Nếu Sở Công an gọi tôi tới điều tra và đòi tôi trình cuốn *La nuée verte*, thì biết trả lời ra sao. Việc đó ít khi xảy ra vì nếu họ nghi ngờ thì theo dõi tôi kỹ thêm chứ không làm cái việc quá lộ liễu như vậy. Nhưng tôi vẫn lo ngại, phải nghĩ trước cách trả lời. Không khí thời đó ngột ngạt làm sao!

Tôi đợi nửa tháng, rồi một tháng, hai tháng vẫn không thấy hồi âm. Công cốc rồi công an đến hỏi: Thư đã thất lạc chăng? Người trạm lắng thấy ông Liêm không còn ở làng nữa, đáng lẽ phải gởi trả lại cho tôi... Vì tôi đã để địa chỉ người gởi ở ngoài bao thư - thì xé bỏ đi chăng? Ông Liêm hiện ở đâu? Sống hay chết? Không biết được.

Thế là công việc thư ba cũng không có kết quả gì cả. Việc đời trong như vậy. Khi mình không tìm thì ngẫu nhiên nó tới, khi cố tình tìm thì nó trốn đâu mất. Tôi đã gặp được cuốn *La nuée verte*, biết được địa chỉ ông Lê Xuân Liêm một cách dễ dàng bao nhiêu, thì bây giờ tìm cách tiếp xúc với ông khó khăn bấy nhiêu.

III

HAI BÀI BÁO

Năm 1954, Pháp hết ảnh hưởng chính trị ở Việt Nam. Tháng 4 năm 1956, quân đội cuối cùng của họ xuống tàu ở Bến Nhà Rồng để rút về "mẫu quốc". Báo chí Sài Gòn đăng tin vắn tắt mấy hàng mà đa số độc giả cũng không buồn đọc. Sau non một thế kỷ "khai hoá" nhà họ nọ, trong số ba mươi mấy triệu dân Việt Nam, có được bao nhiêu người nhớ tiếc họ, tiễn đưa họ. Ngay những công chức họ tin dùng tất mực mà lúc đó cũng quay mặt đi, hướng về người Mỹ, lối tại De Gaulle và D'Argenlieu. Dân tộc Pháp vừa mới nhổ đong minh ma ngoc đầu lên khoi gót sắt của Đức thì De Gaulle đã cho quân đội viễn chinh núp sau lưng quân đồ. Anh, đổ bộ lên Nam bộ ma giay xéo non sông chung ta, rồi D'Argenlieu đang cần trở "chia để trị" tăng tiến ra mua một bọn Việt gian lao nô. Nam kỳ quốc, họ đa nước nhà tan bat ở Điện Biên Phủ, hãy giờ âu nhục mà bị đong minh Mỹ hất cang ra khỏi bán đảo Đông Dương.

Ta sau thang trước Ngô Đình Diệm đã tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để lật Bảo Đại, tay sai của Pháp.

Tôi nhớ, một chiều thu năm 1955, khi sắp có cuộc trưng cầu dân ý, một ông bạn tôi, nhân viên quan trọng trong một bộ nọ bảo tôi:

- Chúng mình phải ủng hộ ông Diệm chứ, không có giải pháp nào khác. Ông là người của Mỹ. Mỹ đưa ông ta về mà. Mỹ thay Pháp ở đây. Dại sao tôi nghĩ Mỹ cũng còn hơn Pháp. Trong một thế kỷ nay, Mỹ không bị tai tiếng gì ở Đông Á, vừa xe Trung Hoa, vừa chiếm Đông Dương. Miền Điện là Anh, Pháp, Đức, Nhật chứ không phải là Mỹ. Mỹ lại có truyền thống dân chủ. Mỹ lại giàu và mạnh nhất thế giới, chắc để chống Pháp. Họ đã bỏ ra bao nhiêu Mỹ kim để giúp vào việc di cư 860.000 đồng bào Bắc Việt.

Tôi nghe anh nói cũng có lý. Tôi vốn không ưa Bảo Đại. Hồi ông mới được Pháp đưa về để lên ngôi vào năm 1932 thì phải trong dịp Bắc tuần, ông lại giảng đường Đại học Bobillot để nói ít lời với sinh viên. Tôi thấy ông chít khăn vàng, bận áo gấm vàng, thân hình to lớn, nét mặt hơi thô, ông ngượng nghịu, ngoay ngoảy cái cổ như thể cổ áo chật, sung sướng mọc tai, mãi mới lấy ra được một miếng giấy nhỏ, tôi cảm đọc, đại ý khuyên sinh viên chúng tôi tận học để giúp nước và hứa sẽ dành nhiều cảm tình cho chúng tôi. Tôi nghiệp chỉ có dám hàng trăm người Pháp mà cũng không thuộc lòng được, nhưng lạ lắm, đọc tôi nghĩ đi đâu sao cũng cảm hơn Khải Định.

Kể ông từ ngôi vua, đọc mấy lời tuyên bố với quốc dân, gợi được cảm tình của người nghe. Nhưng trong chiến tranh với Pháp, được Pháp đưa về một lần nữa làm Quốc trưởng, ông bay thoắt lên Đà Lạt, Ban Mê Thuột ở đâu trên đó, đóng cái vai "Play-boy"[1] thì tôi, dám khuyên ông. Tư cách của ông không bằng thủ tướng Thành Nam 1955 tôi không muốn ông còn quyền nữa. Đóng Play-boy thì với Pháp hay với Mỹ cũng cũng là play-boy. Mỹ giàu, vứng tiền cho ông nhiều thì ông lại đóng Play-boy gấp hai, gấp ba nữa, chẳng được việc gì đâu.

Nhưng tôi chưa viết chắc gì về ông Diệm, nên giữ thái độ cho xem. Khi tôi thấy cuộc trưng cầu dân ý để lật Bảo Đại, có tính cách rõ ràng là gian lận ở Sài Gòn. Chợ Lớn chẳng hạn có 605 025 người bầu cho ông ta trong khi sổ cử tri ghi tên chỉ có 450 000 người, và kết quả là ông ta thắng với tỉ số 98,2% thuận và 1,1% nghịch, tôi tôi dám nghĩ: Bịp hơn, trắng trợn như vậy thì không thể gọi là thông minh được. Nhất là khi hay tin ông ta trước khi nhận chức thủ tướng đã quỳ trước mặt Bảo Đại, Hoàng hậu Nam Phương và vài người chứng kiến, thề một mực sẽ trung thành với Bảo Đại "duy trì ngai vàng cho Hoàng tử Bảo Long", mà bây giờ lật lật Bảo Đại như vậy, thì tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao có người khen ông là có tư cách cao, nhiễm sâu đạo Khổng. Tôi nghĩ bụng con người đó "vô sỉ bất vi". Quả nhiên sau này, trong vụ đảo chính lật thắng 11 năm 1960, ông lại tát hụt và làm gai phe đảo chính và quốc dân lần nữa. Ngày 12 tháng đó, ông long trọng tuyên bố sẽ giải tán nội

---

(1) *Play-boy*: ăn chơi.

(2) Số liệu do *Life* số 13.5.1957 phổ biến rằng các cố vấn Mỹ ước tính 60% cử tri đã bỏ phiếu là con số tốt đẹp hơn [illegible] trong cuộc tranh cử năm 95[illegible]
(Tài liệu của Bernard Fall trong *The two Vietnams*).

[illegible] thể chuyển tiếp, một trong những cho các nhà [illegible] Quốc dân [illegible] Quốc dân [illegible] và tìm ở trong ai [illegible] của tổng thống. Nhưng khi đạo quân [illegible] Sài Gòn, danh bất phục đạo chẳng thuận lắm [illegible] đổi [illegible] mà đàn áp dư đời nhưng ngàn ngày [illegible] tìm ở ông

Rồi [illegible] đã tổng thống năm 1961 cũng là một trò bịp bợm [illegible] Cơ [illegible] ra tranh cử với Ngô Đình Diệm. Nguyễn Đình Quát và Hồ Như Lan, là bị chèn ép, gặp nỗi khó khăn khi muốn tiếp xúc với dân [illegible] Ngô Đình Diệm được [illegible] phiếu (so với [illegible] trước [illegible] phiếu) [illegible], nếu là ông ta thì bỏ đảy và một nhà quan sát [illegible] đã phát [illegible] thì [illegible] sao ông ta có thể được 90% số phiếu [illegible] hoàn toàn ở dưới sự kiểm soát của cộng sản

Chuyện cử Quốc hội năm 1959 cũng vậy, là một trò hề. Một ông [illegible] viên Việt Cộng rất tinh miệu thường bảo: "Ta dùng quỷ [illegible] không được mà [illegible] chẳng lẽ với [illegible] tôi cũng không bỏ phiếu cho tôi!"

Tổng thống của Hiến pháp [illegible] không có nước nào gọi là [illegible] được. Ngày nước Pháp đi cai trị dân chủ trên 100 năm rồi mà cũng chỉ mới là "về vàn" với dân chủ thôi. "Tại dân" "tại dân" cái gì? Hay tại bọn chính trị gia toàn là bọn "thậm nhiễu" (tàn thị) như Lâm Ngữ Đường nói?

Một điển dụng ghét nhất của chế độ họ Ngô là chính sách văn ngu dân [illegible] và phong kiến, và một người ngoại quốc đã gọi là các đồ "quan [illegible] không vua". Ngày tại [illegible] đã nói về [illegible] bạn bè thường của ông Diệm:

> Sao ông ấy dại hết cả anh em, nó hay ghen cạm quyền vậy!

Ông ta bênh vực ông Diệm:

> Phải hiểu cho người ta. Người ta chịn một chân rao mọi về nước, thì về vẫn dang, tên phải dùng những người thân, mà anh em ông ta [illegible] tài giỏi, chứ có kém ai.

Chỉ sau bảy năm sau ông mới là một nạn nhân chính của chế độ mà chính ông đã bênh vực. Ngô Đình Nhu tổ chức đảng Cần Lao để "đào tham cả những đồng chí của nhà", và theo một kẻ giả Mỹ thì chỉ khác đảng cộng sản ở chỗ họ ủng hộ, truyền bá Kỉ Tô giáo. Nhu là [illegible] ra chủ thuyết nhân vị học được của triết gia Pháp Emmanuel Mounier,

theo lý tưởng cao nhất về nhân phẩm, mà thực tế thì bất hợp tác với hàng trăm ngàn người (nói khám Kiến Hòa đã có 1.200 người trong trại mà chẳng xét xử gì cả). Ngô Đình Thục đàn áp Phật giáo và ở nhiều nơi miền Trung có những lễ rửa tội tập thể, hàng trăm người một lần vì không theo đạo thì là "cộng sản". Ngô Đình Cẩn làm mưa làm gió ở Huế ý như một Tần Thuỷ Hoàng con con, nghe nói tay sai của ông ta chở từng ghe gạo bán cho "ngoài kia".

Với Ngô Đình Nhu, ta vẫn có quan điểm khác hẳn, chứ không dám biết hình như có một số bạn trong giới trẻ đã ra rả chê bai ông là "đạo đức giả" không hợp dân tình nhất là đạo luật mà chính ông ta đã đề ra là bị cảnh sát bắt gặp ở ba chỗ khác với ba người đàn ông khác nhau thì bị coi là gái mại dâm, cảm ca người ngoại quốc khiến Việt Nam ở thế kỳ thị với thế giới (Ba Tàng, Bà Tư và một "tê tê" đã nói hết lịch đàm với vua Ngô Đình Nhu.

Dưới Đệ Tứ Cộng Hòa dĩnh Bến bỏ trường Tây ra trong Tổ Quốc Ghi Ơn có vẽ vời kiến "cu" rồi, đi giặt lại mất công chỉnh lưu về một chiều thông qua cái "cu". Bí bỏm cũng thôi cha mẹ, mà lại trao trách nhiệm cho chị con mình phải nên ông Đệ Nhất Phu Nhân về đâu cũng cả - có người bảo ông ta cho con Ngô Đình Nhu lại có cái bọng' Không biết là chuyện thật hay chuyện tếu làm - và bọn cần thêm một mức độ cao ông là "tổng thống anh minh" hay là cái tổ trên mương ta ở khắp nơi chợ Bến Thành, mặt ngoài tòa Đô Chính bắt cóng cô đầu một ngàn phần mà một tấm treo trong phòng chờ văn (Quốc Ca với mười cô phi phận và hình "Tổng thống mười năm

Tôi cũng mạo muội không dám nói là không có Ngô Đình Nhu thì không có một nền Đệ Nhất Cộng Hòa như thế này hay không có Đệ Nhất Cộng Hòa thì không có Việt Nam Cộng Hòa như thế này. Một số người không chịu được chế độ Ngô đình Nhu là vì chống lại họ.

Năm đó tôi mới lấy vợ, tôi không có ý định làm chính trị trong vòng mười năm tới. Một anh bạn tôi vẫn thường đến chơi nhà đã được gọi qua Cục Chính Trị Phủ Tổng Thống và bắt đầu từ đó anh ta rầu rầu nét mặt, tôi hỏi tội nghiệp, bảo:

- Tôi xin lỗi anh, đã làm buồn anh. Nhưng trong giờ cấm cảm bất, tôi vẫn trong anh, tôi mong anh vẫn giữ cảm tình với tôi. Chỉ cần đó mới quý, còn cái việc kia, chẳng quan trọng gì cả.

Tôi chỉ nghĩ rằng thôi, không nói ra với anh: "Văn hoá văn hùng gì mà chế độ kiểm duyệt còn khắc nghiệt, ngu xuẩn hơn thời Pháp thuộc đang *khư khư cái tích*" càng không được vì như vậy là "*làm cho đất nước tan Chủ tịch Hồ Chí Minh*", thậm chí trong một đầu đề toàn cho kịp nhất, cũng không được viết "Con đường Hà Nội - Hải Phòng dài 110 cây số", mà phải sửa lại "Con đường từ A tới B...", để học sinh khỏi nghĩ tới miền Bắc!

Người ta cần mọi tờ giấy và các vị. Tôi từ chối hết, không muốn dính dáng một chút gì với cái quyền độ. Diệm "anh anh" một ít, còn tổ lòa Bảo Đại Paris-bảy mà Mỹ đỡ đầu cho Diệm còn đáng ghét hơn Pháp.

*

Nhưng đó là chuyện sau. Năm 1955, hầu hết dân các thành thị chưa có ấn cảm với gì với Ngô Đình Diệm, con chó xem Đời với Mỹ, so với năm 1945 mươi, ta đã bớt cảm tình rồi vì thời chiến tranh Việt - Pháp, càng về sau Mỹ càng đóng hơn Pháp. Nhưng người ta chưa ghét Mỹ mà muốn tìm hiểu Mỹ.

Thanh niên đua nhau học tiếng Anh, trường trung học nào cũng dạy hai ngoại ngữ Pháp và Anh, trước đây Anh Văn mới lên như nấm, không nào cũng có vài ba trường có khi hai trường đến điển hình.

Đồng thời, các cơ quan văn hóa Mỹ tung tiền ra thuê một số giáo sư Anh Văn dịch ngay tác phẩm Mỹ - cả trăm cuốn - đa số là tiểu thuyết của Hemingway, Steinbeck, Pearl Buck[1], một số là tiểu sử danh nhân Mỹ như Lincoln, Washington[2] một số nữa là lịch sử Hiệp Chủng Quốc. Và sách được bán cho chính Mỹ. Hoặc là công khai, hoặc lén lút dịch thuê kín tiếng, bán được không được, còn là vấn đề sách bán rất rẻ mạt.

[1] Ba tác giả nổi tiếng của Mỹ, đoạt giải Nobel văn chương. NBT

[2] Hai vị tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ, người đã chỉ huy quân đội Mỹ đánh thắng quân đội Anh, giành độc lập cho Mỹ và sáng lập ra nước Mỹ. NBT.

người ta ngờ sách có tính cách tuyên truyền.

Sau đó bố tôi [illegible] thì tôi [illegible] Việt Nam thì [illegible] ngay trong [illegible] bookshop[1] [illegible] bỏ sách [illegible] Việt Nam

[illegible] là ở Dijon. Một [illegible] số học sinh [illegible] số học sinh qua Pháp du học thì bị hạn chế.

[illegible] tháng [illegible] phá, mọi việc thăm dò tìm kiếm phải dẹp hết.

[illegible] Quy Nhơn [illegible] *Đầm Thị Nại* [illegible] 1884 là [illegible] nước khi xuất ngoại nói buột miệng nói ra như vậy chứ chẳng có hy vọng gì kiếm được những số báo đó.

Cậu ấy hỏi tôi:

- Bác muốn nghiên cứu về cái gì vậy?

Tôi mỉm cười, đáp:

[illegible] thế thôi

[illegible]

(1) Book shop: nhà sách

tưng sở mới xem có một vài bài nào nói tới một vị "hảo hán" tên là Mạc Không, nhất là một người "Trung Hoa" nào tên là *Lee Kim* không. Tôi bảo:

- Là nhân vật đó tôi đọc trong một tiểu thuyết, ngờ là những nhân vật có thật, chứ không phải tưởng tượng. Câu chuyện xảy ra ở San Francisco, Sacramen-to, trong tiểu bang California vào khoảng 1849-1854. Nếu chàu thấy bài báo nào nói về họ thì chép lại cho tôi một bài về người Mạc đã rồi. Sẽ mất công chàu làm đấy. Nhưng câu chuyện rất lý thú. Chàu xem được thì tôi sẽ kể đầu đuôi cho chàu nghe.

Ít tháng sau tôi được bức thư của cậu Quý. Tôi mừng rơn. Đang nhàn lơ vơ đọc, mà nhân vật đó có thực. Cậu ấy chép cho tôi hai bài báo về Mạc và một bài về Lee Kim.

Bài tường thuật về Mạc, chính là bài đăng tin Mạc đã ám sát "Jack ba ngọn đuốc" Gordon Cuốc mà tôi đã viết ở phần trên, nhan đề là "Một trang sinh động về một tên hảo hán thứ thiệt". Bài đó đề ngày 19-2-1850.

Bài sau, đăng trong hơn một tuần, đề ngày 13-6-1850, tôi xin dịch lại dưới đây:

Đây là Mạc, một Don Quichotte hay một tên điên?

"Thật là một dân chúng xôn xao về một con người kỳ dị mà người ngoại gọi là Don Mạc. Mạc đi tới đâu cũng thấy thiên hạ bàn tán về ông ta.

"Hôm trước đây, do một sự ngẫu nhiên tôi được gặp ông ta ngồi trong một xe ngựa với một người nữa, trên về phía Sacramento. Một bọn cướp gồm năm tên - hình như chúng thuộc đảng *Hounds*, nhảy ra tấn công các xe. Chúng không ngờ rằng đang đêm phải mang tay tới. Đến lúc Mạc thấy ngay mình bị lâm vào thế chúng không kịp ngáp. Lúc thì ông ta và người bạn bè trên xe thấy vướng, cướp hai con ngựa của hai tên bị hạ, đánh bạt hai tên nữa, bắn trúng hai tên nữa, còn một tên chạy thoát.

Vừa đang lúc đó thì xe của tôi tới. Tôi vẫy xe chào ông, khen ông và hỏi thăm. Ông ta cao lớn lực lưỡng, lông mày rậm, mắt diều hâu có vẻ một kỵ sĩ thời Trung cổ. Ban ông tên là K. tưởng thì cũng hảo hán.

"Ông ta gốc Gia Nã Đại, nói tiếng Pháp và thạo tiếng Mỹ nhưng có giọng nặng lơ. Ông bảo đi từ Saint Louis, qua sa mạc tới tới miền mỏ

Sacramento. Nhưng không ham tìm vàng mà muốn lập ra một xã hội sa đoạ vì vàng. Hôm đó ông tình cờ đến Suter thăm đại uý Suter.

"*Lập lại một xã hội sa đoạ*!" Tôi tự nói ông ta có phải là tuồng Don Quichotte không, hay là một tên điên? Một người như Sutter đây lập lại một xã hội cho chúng ta người Hiệp Chủng Quốc? Chính quyền San Francisco nghĩ sao?

"Nhưng dù sao chúng ta phải nhận rằng tự trước tới nay ông ta không làm gì hại đến ai, trái lại tự đó đã ít tên cướp vào đây nữa. Tôi mong rằng ông ta chỉ tấn công bọn bất lương đó thôi.

Thực là hợp với truyện *La race vers l'or*. Mạc trong bức đồ chính là Max.

Bức về Lee Kum đề ngày 8-11-1853, đối với tôi quý giá vô cùng. Bức đó như sau:

"*Một người Trung Hoa đã từng tuồng Suter hai năm Mỹ kim*." Như độc giả đã biết, từ khi bị cả vạn phu mỏ đốt phá đồn điền, đình thự, và giết một người con trai, tuồng Suter nhà người mất hồn, lang thang ở San Francisco, phải đi ăn xin, ngủ ở bến tàu, cảnh thật thê thảm. Sáng hôm nay, *một người Trung Hoa tên là Lee Kum* từ Berkeley lại, gặp tuồng Suter, tặng ông ta hai trăm Mỹ kim. Ông Suter mừng mừng tủi tủi, nắm chặt tay Lee Kum. Hình như hai người có quen nhau từ trước.

"Dám đồng bào lại coi, cho đó là một nghĩa cử hữu ái. Bao nhiêu bạn thân của tuồng Suter lúc nay đều xa lánh ông, chỉ có người Trung Hoa đó là cứu mạng ông. Trước khi tự biết tuồng Suter, *Lee Kum* nói với công chúng: "Tuồng Suter đã có công khai phá cả miền này, chính quyền phải bồi thường cho ông, không bồi thường mà để ông lâm vào cảnh này, thực là một điều không vẻ vang gì cho thị trấn San Francisco".

"Người Trung Hoa có lý đấy. Chúng ta nghĩ sao? Để một người ngoại quốc cho chúng ta một bài học ư? Chúng tôi vừa nhìn thấm độc giả rằng Lee Kum đã giúp việc cho tòa soạn báo *Dam Pacific* một thời gian năm 1850 và thường nói với anh em trong tòa soạn rằng các mỏ vàng con làm cho xứ California này loạn lạc, sa đoạ, không có cách gì trừ được. Của hại của vàng thật vô kể. Lợi đó có hồ nhà đang. Trật tự xứ chúng ta đã mất gần một năm nay rồi, bao giờ mới yên đây? Nhà cầm quyền bất lực tới bao giờ nữa?"

Tôi hăng phấn được vang. Nhân vật *Lee Kim* quả là có thực, đúng là có Trần Lương Khiêm ở làng Xuân Lang. Chàng có đủ chắc chắn rồi, không còn sai chạy chữa được nữa. Bản đồ cho tôi, bổ thêm rằng Lê Kim có làm việc soạn *Đại Việt Thông* trong một thời gian năm 1850 sau đó ông đi đâu thì tôi không tra ra được. Điều chắc chắn là tháng 11 năm 1853 ông có ở Berkeley. Theo bức thư chữ Nôm ông gởi về làng Xuân Lang thì năm 1854 ông đã về Nam Việt. Vậy ông đã từ biết đất Mỹ mà lên đường về Hương Cảng vào cuối năm 1853 hay đầu năm 1854, rồi từ Hương Cảng về Đông Nai. Ông theo đường nào về thẳng đó ngã Thái Bình Dương (nếu vậy thì ông đã đi một vòng thế giới) hay qua New York rồi về Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương? Điểm đó chắc không thể tra cứu trong sách báo được, phải đợi gặp ông Lê Xuân Liêm, hậu duệ của cụ Xuân trong họ có ai biết không.

Tôi viết thư cảm ơn của Quý Châu ấy nói không mất công bao nhiêu khi *Đại Việt Thông* chỉ dài có vài trang, chỉ đọc qua một phút là xong ngay. Ngày buổi đầu của đại kiếm được hai bản về *Việt*, còn bản về *Lee Kim* phải ngày sau mới thấy.

Ai bảo rằng phúc bất trùng lai? Cách đó vài tháng, vào khoảng cuối năm 1962, một bạn ở Pháp gởi về cho tôi cuốn *Đời của Blaise Cendrars* (do nhà xuất bản Denoël) chép kỹ tiểu sử của tác giả *Johann Augusta Sutter*, rồi lại cho tôi hay rằng đã tìm thấy ở một thư viện ở Lyon, cuốn *La ruée vers l'or* tác giả là *René Clavel*, nhà Damas (Lyon) xuất bản năm 1937.

Vì sách đã tuyệt bản, nên tôi nhờ ông bạn tóm tắt cho tôi nhưng chương đáng mà tôi không được đọc. Trong mấy chương đó tác giả kể gốc gác của Max, nhân vật chính trong truyện. Chàng gốc ở Montreal (Gia Nã Đại), hoạt động về chính trị, muốn gây một cuộc cách mạng, thất bại, bỏ một số đồ muốn ngoan, trốn qua Hiệp Chủng Quốc, tới Nam sông Mississippi, nghe nói miền California có nhiều vàng, tá nhau qua đó. Nhân vật *Lee Kim* chỉ xuất hiện khi Max đã tới Saint Louis, bỏ hẳn lối một đoạn tây tiến như tôi đã kể. Vậy Lê Kim đã ngẫu nhiên gặp Max. Sách không cho biết một chút gì về những hoạt động của Lê Kim trước đó.

Có một điều rất đáng chú ý là tác giả, René Clavel nói rõ trong bài tựa rằng ông chép lại truyện do một ông cha hay bác kể, ông này đã có lần ở Gia Nã Đại, chơi thân với một người trong đoàn của Max. Vậy đúng như tôi đã đoán, truyện là truyện thực, không phải tưởng tượng

Tôi đọc cuốn *L'or* của Blaise Cendrars, không thấy tả gì đến nhà văn Mỹ Johann Augustus Sutter, nhưng về đại cương cuộc đời của tướng Sutter kể trong cuốn đó cũng không trùng hợp với cuốn *L'or* của René Lefèvre.

Như ở chương phần III tôi đã kể, năm 1850 Sutter một mình chạy thoát khỏi sự nghèo khó bần cùng nhưng lại sống trong cảnh nghèo khó vì sự tìm ra vàng trong đồn điền của ông mà ông hết sức chạy chữa đối bại thường. Vụ kiện đó thắng lợi kỳ kỳ, kéo dài hơn chục năm mà vẫn không kết thúc. Tôi xin tóm tắt lại câu chuyện rất lý thú.

Sutter mướn cả mấy chục luật sư ở San Francisco, chính một người con rể của ông cũng mở phòng luật sư tại đó để xúc tiến vụ kiện. Ông chẳng những kiện chính phủ mà còn kiện cả chục ngàn người lại đào vàng trong đồn điền của ông nữa.

Vì đó làm sôi nổi dư luận cả Hiệp Chủng Quốc. Hàng trăm luật gia lại Cabitomia kể cả án Suter đó vào đó không biết bao nhiêu lần.

Nhưng cảm quyền có lẽ muốn về vẻ vang, tặng ông chức tướng lại bổ đặc cách làm thẩm phán San Francisco. Lại đó ông lại càng làm tới, mà đương thời là công cán ở đó. Họ đặt phòng luật sư của con rể ông cạnh Tòa để chi phối ông. Nhưng dù sao mà hết sức tế nhị cho đương cuộc cũng không thể không thân lại ông là chủ hết cả miền ta San Francisco tới đồn Suter.

Như một vị thẩm phán quen, công minh, tận tâm, tên là Thompson, oai thẳng kiện ở tòa án San Francisco, chỉ còn chờ toà thương thẩm ở Washington xử vào mùa là xong. Ông với vàng bán quân, phóc cấp tàu lên thẳng Washington để đốc thúc công việc. Nhưng mới tới đó mấy tuần thì bỗng nhận được điện tín mật báo cho ông biết rằng vụ án đã thua, Suter mất khoảng một tỷ đồng.

Con người mau lắt thế gặp phải đương cuộc chống lại ở San Francisco, chạy lại Washington là chuyện không thể được, đành phải gửi điện cho Thompson

---

[1]

Ông đành nghe lời.

Ông ôm chầm đứa nhỏ.

- Thật không, thật không cháu?

- Thật mà, cháu đâu dám nói sai

Tướng Johann August Suter mất ngày 17 6 1880, thọ 73 tuổi

Từ khi được thêm những tài liệu quý giá do các bài báo *Daily Evening* về đại tuỵ *Mac, Lee Kim* và mấy chương đầu cuốn *La ruee vers l'or*, tôi lại càng muốn gặp ông Lê Xuân Liêm để bổ túc về đoạn cuối đời Lê Kim, nghĩa là từ khi ông về Nam Việt.

Lúc đó vào khoảng đầu năm 1963, họ Ngô đàn áp Phật giáo. Hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, toàn dân xúc động. Không khí ở Sài Gòn nghẹt thở hơn bao giờ hết, rùng rợn gần như thời Terreur (khủng bố) tháng sáu, tháng bảy năm 1974 ở Pháp. Tối đến là nhiều nhà đóng cửa, không dám ra đường. Đường đêm mà có tiếng xe nhà binh ngừng máy đâu trước nhà mở, người xanh mặt, thế nào chẳng cũng vào lúc nửa đêm và lôi đi một người. Nhiều người đương đi làm bị chặn lại, "xúc" lên xe. Một anh bạn tôi bị bắt chỉ vì một Phật tử, học trò của anh, lại thăm anh. Chẳng có tội gì cả mà cũng bị giam cho tới ngày đảo chánh 1-11 mới được thả. Tôi can thiệp với một ông lớn, cũng là bạn thân của anh ấy. Bực mình, tôi đã phải nói: "Nếu xét anh ấy có tội thì đưa ra toà xử bắn anh ấy đi, nếu không có tội thì phải thả anh ấy ra để cho anh ấy dạy học kiếm gạo nuôi vợ nuôi con chứ! Chính sách gì mà kỳ cục vậy?" Ông ấy không quên hẳn tính bạn đâu, nhưng cũng bất lực.

Trong không khí như vậy, tôi không còn tâm trí nào nghĩ tới việc tìm ông Lê Xuân Liêm nữa. Đảo chánh xong, Diệm, Nhu bị giết rồi, toàn dân thở ra nhẹ nhõm, như hất được bao cát đang đè trên ngực. Đầu năm 1964 tôi gởi một bức thư nữa về làng Mỹ Quới cho ông Lê Xuân Liêm, nội dung cũng tương tự như bức thư trước. Đợi trên một tháng sau vẫn không thấy hồi âm, tôi bèn nhờ một nhật báo và một báo nguyệt san đang liên tiếp ba kỳ, mấy hàng vắn tắt dưới đây:

Nhắn tin: Xin ông L.X.L. trước kia ở Mỹ Quới - Rạch Giá cho biết hiện nay ở đâu để tôi trả lại anh cuốn La ruee vers l'or *của René Lefèvre. Xin viết thư về toà soạn.*

Tôi không muốn ghi trọn tên ông vì có thể ông muốn giấu tên. Nhưng nếu mấy hàng đó tới mắt ông thì thế nào ông cũng tự nhận ra **được tên mình trong ba chữ viết tắt đó.**

Đợi ba tháng, sáu tháng vẫn không thấy tin tức gì cả. Nhân có ông bạn làm một công chức cao cấp ở Rạch Giá, tôi nhờ ông ta điều tra giùm về họ Lê Xuân ở làng Mỹ Quới. Ông cho hay làng đó bị quân Pháp tàn phá từ đầu chiến tranh, dân làng phiêu bạt mỗi người một nơi, hiện nay toàn là những dân nơi khác tới, không ai biết gì về họ đó cả.

Tôi tuyệt vọng.

IV

MỘT VỊ ANH HÙNG DÂN TỘC

Bảng đi bảy tám năm, đâu năm [19]72, một hôm tôi nhận được bức thư của một học sinh, tên là Lê Xuân Lưu, học lớp đệ tam (1) một trường trung học tư ở Gia Định. Tôi vẫn thường nhận được thư của các bạn trẻ mới tôi chỉ bảo về cách học, hoặc hỏi tôi về những thắc mắc riêng. Bức nào cũng mở đầu như nhau: xin lỗi, tôi vì làm mất thì giờ "quí báu" của tôi - vậy mà bức nào cũng dài hai ba trang, có bức sáu trang, tám trang rồi, cho biết đã đọc những sách này sách nọ của tôi vân vân... Tôi đọc lướt qua phần mở đo, đi thẳng tơi đoạn chính xem người viết muốn gì m tốn tôi chỉ cho cách học toán và xin cho biết mấy cuốn toán hình học của tôi con không bán ở đâu. Đặc biệt cuối thư có mấy hàng này

"Thưa Thầy, quê quán Thầy ở làng Mỹ Quơ, đây, bác có ở làng đó không?"

Tôi tự hỏi: "Làng Mỹ Quơ là làng nào kia? Ở tỉnh nào? Tại sao câu này lại thêm hai hàng đó? Vô vẩn!" Vì bận việc, tôi gạt bức thư ra một bên, đợi lúc nào tỉnh sẽ trả lời. Một lát sau, tôi thấy có cái gì lồn vồn trong óc: không yên, tôi mở bức thư ra đọc lại. Lê Xuân Lưu... Lê Xuân Lưu... Như quen quen... Lê Xuân Liem... À, đúng rồi đấy. Mấy năm nay không nghĩ tới chuyện Le Kim nữa, nên quên... Phải, làng Mỹ Quơ, làng ông Lê Xuân Liêm.

Tôi vội vàng viết thư trả lời ngay cho, mời em đó lại chơi.

Khoảng một tuần lễ sau, em đó lại... Trắc mặt mày tuổi, trông yếu, lanh lợi, dễ thương, có vẻ nghèo, nhưng ăn mặc sạch sẽ.

(1) Bây giờ tương đương với lớp 10

Tôi hỏi ngay:

- Chưa có phải là con ông Lê Xuân Thêm không?

- Thưa bác phải.

- Ba cháu hiện ở đâu?

Em Lưu ngập ngừng một chút rồi thưa:

- Ba cháu mất rồi.

Tôi hơi xúc động:

- Mất được mấy năm nay?

- Dạ, thưa, năm ngoái.

- Mất ở đâu?

- (Ngập ngừng một chút)... Với bác cháu mới dám thưa thiệt. Sau hiệp định Geneve, ba cháu về làm ăn giúp gia đình, nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm bắt tất cả những người kháng chiến, không phân biệt quốc gia hay cộng sản, nên mấy năm trước cha cháu lại phải vô bưng rồi mất trong đó.

- Má cháu còn không?

- Thưa còn, gia đình cháu ở Gia Định.

Em nói vì mượn được một số báo cũ, đang mấy hàng *Văn tư* của tôi, nên mới đánh bạo viết thư cho tôi.

Tôi hỏi thăm về việc học của em, chỉ bảo cho em cách học, xong rồi dặn:

- Tôi chưa được hân hạnh quen ba cháu, nhưng có một người bạn học cũ có anh họ hàng xa với ba cháu. Cháu về thưa với ma cháu, tôi muốn được gặp để hỏi thăm tin tức. Chắc cháu biết rằng tổ tiên cháu, sáu bảy đời trước ở Bắc chứ?

- Thưa, cháu có nghe ba ma cháu nói như vậy.

- Thôi được rồi, về đi, hôm nào ma cháu tiếp tôi được thì phiền cháu ra đây đón tôi đi.

- Dạ.

*

Ba em cháu chủ nhật kỳ đó, em Lưu ra đón tôi đi.

Khỏi chợ Ba Chiểu một quãng, chúng tôi bỏ con đường nhựa nắng chói và nóng bỏng, quẹo vào một con đường hẹp rải cát trắng và mát rượi, hai bên là cây trúc. Cành tỉnh mịch như thiếp thiếp ngủ. Đường ngoằn ngoèo có chỗ chảy sát bên một cái giếng nước đã cạn nước, một ngôi nhà lợp ngói âm dương trong như gọi là đá Biên Hoà. Một đám trẻ trên dưới mười tuổi chân đất rách rưới đương chầu đầu vào nhau đánh "bầu cua cá cọp", gần đó vài bà con gà bươm rác ở bờ rào. Có những ngôi nhà cổ kính, tường vách ván, mái lợp ngói uyên ương, phía trước là một sân rộng trồng vài cây nhỏ. Đi hết vườn một nhà nọ, tôi nhận ra được một giống thuốc lá sâu sắc, không có tạp. Đã mấy chục năm nay tôi mới lại được thấy lại cây đó. Trong Nam này ít ai trồng thứ, và tôi chưa thấy ở đâu thì, gỗ nó xưa kia dùng để khắc các mộc bản, ngày nay không còn dấy nữa. Tôi hỏi lại lần đi thăm mai Hưng với anh Trần Văn Bằng, trái thì chín vàng trên cây rụng xuống đầy gốc.

Vừa đi tôi vừa hỏi về họ hàng và gia đình em Lưu. Gia đình em mấy đời nay đọc đỉnh. Ông nói em là cháu ông đồ Nho làm ruộng ở làng Mỹ Quới, có ba người con gái và một người con trai tức ba em, gọi là thầy Tư, dạy trường làng. Ba em chỉ có một trai, một gái, em là lớn. Gia đình em tản cư lên đây từ khi em còn nhỏ xíu, không biết là năm nào. Em vừa đi học vừa giúp mẹ em trong việc trồng bông để bán. Họ hàng bên nội con đông về quê hết, bà con xa, lại làm không giáp. Năng lắm họ hàng bên ngoại thì đông, cũng lên ở Sài Gòn và Gia Định.

Tôi hỏi em làm sao đọc được mấy hàng *Vô tận tự* của tôi trên tờ báo định kỳ đó, em đáp:

- Thưa bác, cháu đỡ toán lắm, chỉ thích Việt văn thôi, đã đọc được mấy cuốn sách của bác. Tết vừa rồi cháu thấy nhà một anh bạn có đủ các số cũ tạp chí đó, cháu mượn về coi lần, tìm những bài của bác đọc trước. Tình cờ hôm đó ở cuối một bài của bác, cháu thấy mấy hàng *Vô tận tự* đó. Làng Mỹ Quới đúng là quê quán của cháu. Còn ông L.X.T. thì cháu đoán là ba cháu. Cháu dựa vào mà cháu đọc. Tôi có biết bác không, mà cháu dạo không. Cháu suy nghĩ mấy ngày rồi đánh bạo viết thư cho bác. Được thư của bác, cháu mừng quá, lại thăm bác ngay, rồi về kể lại với mẹ cháu. Mẹ cháu ngạc nhiên, bảo: "Ông ấy nói có người bà con họ hàng xa với ba mày đó? Ai vậy, tao không biết." Mẹ cháu đọ dự hồi lâu, hỏi thăm cháu về bác, sau cùng bảo cháu hôm nào rước bác qua chơi.

Nam ơi với chạy tới em ấy ngừng lên [illegible]

- Vậy là một ông bạn cũ của bác có quen ba cháu sao?

Tôi gật đầu, đáp:

- Lát nữa sẽ biết.

Đi một quãng nữa, em ấy ngừng lại:

Nhà cháu đây rồi. Mời bác vô. Mà chưa đi nóng thôi cây đó

[illegible] ba trăm [illegible]. Toàn những thứ bổ như vậy thì đắt [illegible] bao nhiêu [illegible] một gói [illegible]

Một người đàn bà, mới ngoài bốn mươi tuổi như mẹ đã có [illegible] nhân. Về mặt hiền [illegible] thân [illegible] đứng [illegible] đứng dậy [illegible] đứt với chiếc bình [illegible], chạy tay [illegible] tới [illegible] vô nhà [illegible] chào lại.

Tôi lấy một chiếc khăn lau bụi trên mặt bàn và [illegible] khăn [illegible] [illegible] [illegible] một [illegible] [illegible] [illegible]

Tôi hỏi

Thum có nhớ các cụ gốc gác ở làng nào tại tỉnh Phú Thọ không? Cụ tổ vô đây từ đơi nao không? Va tên la gì?

Thím đáp:

Ba các chaa có cho tôi biết từ hồi tôi sanh chau Lưu, lâu qua, tôi quên mất, nhưng có ghi trong gia phả.

Thum noi xong, xin lỗi tôi, chạy vôi ra ngoai sân, đuổi ga va goi.

- Liên ơi, về coi chưng gà cho má, con, và xách nước tươi giam má mấy hàng bông đó đi. Bầy gà này phá quá

Roi thum trở vô ngồi vao chỗ cũ. Tôi hỏi

- Phải chau tên la Xuân Liên không? (Tôi nhấn manh vào tiếng *Xuân*)

- Dạ phải. Châu Lưu đã nói với ông?

- Không. Tôi doan vậy. Mà tôi còn doán rang tư nam đơi nay ho Lê vẫn có lệ đúng chữ Xuân lam chữ đệm, con tên thi bat đâu bằng chữ L Xuân Lưu, Xuân Liên.

Thím ngó tôi trân trân.

- Dạ, khi đặt tên cho chau Lưu, ba các chau có bảo tôi nha co lê đó để con cháu nhớ gốc tich tổ tiên.

Tôi kể ran i rot đầu đuôi cho thum nghe về gia đình anh Trần Văn Bảng, bac thư của ông Lê Kim - tức cụ Trần Trọng Khiêm - tư Đình Tương gởi về Xuân Lưng cho ông anh, tức cụ tổ sau đơi của anh Bảng, bac tưr của anh Bảng nhờ tôi hỏi thăm hâu duệ của cụ Lê Kim ở lang Hoa An. Thim lẻ phep nghe, còn em Liu trố mắt ra ngo tôi, vẻ mặt hân hoan. Tôi hỏi:

- Thơi sinh tiên, thấy co lần nào tỏ y muốn ra ngoài đó t'm bà con không?

Thím đáp:

Co một lần, đã lâu lam, hồi quân Nhật mơi đổ bộ gi lan, ba các chaa co y muốn ra tìm họ hang ngoai đó, nhưng xa xôi, tốn kem qua, lai thôi. Vơi lai đa nam sáu đơi không có tin tức, chăc gì kiêm được họ hang

Tôi kể tiếp về cuốn *La ruee vers l'or* mà tôi tình cơ gap được ở lang Phươc Thanh, nhân do mơi biết được tên và đia chỉ của chồng tươm

Thím bảo:

- Da, tôi nhớ hôm đó tôi cùng đi với ba sáp nhỏ chở một ít sách về gởi bên nhà tôi vì chỗ chúng tôi ở quân Pháp lại đóng đồn, không được yên. Các anh thanh niên tịch thu hết các sách tiếng Pháp, hăm dọa ba các cháu rằng: "Có muốn mọ tôm không? - Thời buổi này mà còn giữ các sách này hả?" Đi khỏi chỗ đó rồi, ba cháu thở dài, nói: "Chỉ tiếc mỗi một cuốn, không làm sao kiếm ra được nữa". Tôi không biết tiếng Pháp, không nhớ là cuốn gì. Có lẽ là cuốn ông nói đó.

- Tô, xin lỗi thím. Tôi ráng giữ cuốn đó mà giữ cũng không được, thanh thử bây giờ không còn để trả lại thím.

- Thưa, không sao. Ba các cháu mất rồi, dẫu còn, cũng chẳng ai đọc.

Tôi bảo:

- Cuốn đó có chép ít điều về cụ Lê Kim, thầy tiếc là phải. Thím có nghe thầy nói rằng cụ Lê Kim trước khi vô Nam này có hồi qua Âu qua Mỹ không?

- Thưa không.

- Nhưng thím có biết cụ Lê Kim từ khi định cư ở làng Hoà An làm gì không? Và tại sao sau họ Lê lại bỏ làng đó mà qua làng Mỹ Quới ở Rạch Giá?

Thím đáp:

- Tôi chỉ biết sơ sơ rằng hình như cụ tổ chúng tôi đứng về phe cựu triều, kháng chiến ở trong Đồng Tháp Mười, từ trần, cụ bà phải bỏ làng cũ mà qua làng Mỹ Quới. - Thím quay qua hỏi em Lưu: - Trong gia phả có chép chuyện đó không con?

Em Lưu đáp:

- Để con lấy ra coi.

Em vào phòng trong, một lát sau đem ra một tập vở trăm trang. Tôi xin phép được coi. Thím bảo:

- Dạ, mời ông qua nằm bên võng kia coi cho khỏi mỏi lưng. Tôi xin phép ông ra cắt máy quạt bớt để mai đem bán.

Vở dày một trăm trang, bìa cứng nhưng mới viết được độ ba chục trang. Giấy đã vàng, nhưng nét mực còn rõ. Viết bằng chữ Quốc ngữ, cách tả sai be bét, cả trang không xuống hàng, không dành dấu phết,

cha dùng dấu chấm, sau mỗi dấu chấm, chỉ bỏ trắng vài phân, chứ không viết chữ hoa. Gặp những nhân danh, địa danh thì ghi thêm chữ Hán, nét chữ Hán già dặn mà nét chữ Quốc ngữ thì non nớt. Văn hơi có giọng biền ngẫu. Tôi thấy đề là viết năm 1928.

Chắc ngạc, viết là ông nói em Lưu, lúc đó đã già. Như hầu hết các nhà Nho khác ở thế hệ đó, cụ không quên viết tiếng Việt. Đọc lời *Tựa* tôi mỉm cười, cũng cái giọng của ông bác tôi ở Sơn Tây.

"Nhà nước có sử ký các họ có gia phả để mà nhớ được đến trước làm gương cho đến sau thực là một cách văn minh lắm đấy."

Mấy hàng đó tôi chép lại mà không sửa chính tả, không châm câu lại để độc giả thấy lối viết của các cụ.

Tôi nằm ở vòng đọc kỹ đơn của cụ tổ họ Lê làng Mỹ Quới, tức cụ Lê Kim, còn các đơn sau chỉ lướt qua. Sự thực, chỉ có đơn cụ là đặc biệt, còn các đơn sau đều là hàng tiểu nông, có mươn mẫu đất vừa đủ ăn, một loại người nổi tiếng là có học trong mình, không một người nào *"làm làng"*. Tôi đọc mà tự, một cụ vừa làm ông lang vừa làm ông đồ, được dân làng trong vòng. Gia phả ngang lưng ở đơn thứ năm, đơn cụ Lê Xuân Lăng, tức thân phụ ông Lê Xuân Liêm.

Đọc xong tôi trở lại bàn, bảo em Lưu cho tôi vài trang giấy để chép lại đoạn về đơn cụ Lê Kim. Đoạn đó nhờ sau, tôi giữ đúng nguyên văn chỉ sửa lại chính tả và cách chấm câu:

"Sơ tích họ ta, nhờ mà gìn chép được mới từ đời cụ tổ nam đời triều Tự Đức. Tương truyền cụ là người họ Trần, gốc gác ở làng Xuân Lăng, huyện Sơn Vi, tỉnh Phú Thọ, ngoài Bắc. Họ Trần lập nghiệp ở Xuân Lăng từ đời nào thì nay chưa thể biết được vậy.

"Cụ là con trai thứ một thế gia vọng tộc. Bẩm chất thông minh lại thêm khí tiết. Vận vô toàn tài mà tính thần bất tục, không chịu theo con đường khoa cử, những mong thoả chí tang bồng. Ngoài hai mươi tuổi, cụ cải danh họ Lê (huý Kim) khăng khăng rời quê cha đất tổ, xuống một tàu buôn ngoại nhân, suốt mấy năm trời đình từ Á qua Âu, nam chinh bôn ba không đầu không lần tắc tích. Tới xứ nào cụ cũng tìm hiểu văn minh phong tục, cái hay cái dở đều nhận định phân minh, ý hẳn muốn thâu thái để sau này kinh bang tế thế. Cụ thật là cổ nhân quang

(1) Dấu chân. (BT)

thiên lý, nhưn suốt cổ kim có chi kể vãng khai lai đang lam gương cho hậu thế vậy. Đang phục lam thay! Ma ho I é ta cang đang lấy lam vinh hanh lắm thay!

"Co, khắp các kỳ quan di cảnh trên hoan vũ rồi, nam Giap Dần (triều Tự Đức) cu về tổ quốc lập nghiệp ở lang Hoa An tỉnh Định Tường, nay thuộc tỉnh Sa Đéc. Nơi đó con hoang vu, toan lau cung sậy, tràm với lát, cu quy tụ được một nhóm người khai phá thành ruộng nương tươi tốt, vì vậy ma được nhiều người mến mộ coi la bậc tiền hiền trong miền vậy. Cụ thanh hôn với cu ba ho Phan, tinh tình hiền hòa, tư cách đoan trang, mà lại khẳng khái hơn người. Cu bà sanh được hai người con trai đặt tên la Xuân Lâm và Xuân Lương để đời đời đừng quên gốc gác là làng Xuân Lung vậy. Ý cu thật la đẹp lắm thay! Tới nay đến thường Xuân Tiềm la sau đời, ho ta vẫn theo mỹ tục đó. Con chau đời đời phải giữ chớ không được bỏ vậy.

"Cu khai phá miền Hoa An chưa được mươi năm, làng xom vừa mới phong tục thi nước nhà bị nan ngoại xâm. Năm Giap Tý cu khẳng khái bỏ hết nhà cửa ruộng đất, dung hết tài sản cùng với cu Ngũ Lanh Thiên Hộ mộ được mấy ngan nghĩa binh, phất cờ khởi nghĩa trong Đồng Tháp Mươi. Cu co tai hăn sáng, bach phat bach trung, xây cất đồn luỹ, cầm đầu một nhom linh đao ngà Phap, tân công Cai Be, Mỹ Quoi, quân Phap trăm phần điêu linh. Cu bà cũng dắt con theo, thật đang mặt cân quắc anh hùng

---

(1) Tức Thiên Hộ Dương, tên thật là Võ Duy Dương (1866) anh hùng chống Pháp tổ tiên gốc ở miền Trung, sau dời vào Gia Định.

Ông giỏi nghề võ có tài sản và thường đem của cải làm việc phước đức cho nhân dân nên được triều đình phong tặng chức *Thiên hộ Dương* tức gọi ông là *Thiên Hộ Dương* và gọi là phước một vùng rộng lớn bằng đất, nên phải đến cúng xưng tụng ông là *Ngũ Lanh Thiên Hộ Dương*

Ông kết nghĩa thân với Trương Định là Kinh Lược Sứ Thống Khiêm. Khi giặc Pháp xâm chiếm miền Nam, ông đã tổng hợp các lực lượng Định đạo. Năm 1861 chủ soái Trương Định hy sinh, ông về Đồng Tháp Mười cùng với Lê Kim lãnh chiêu khu tập tục đánh quân Pháp. Nghĩa quân của ông thường hoạt vùng giữa Mỹ Trà, Cao Lãnh, Cai Lậy. Về sau tướng Pháp De Lagrat đã rõ đã quân sang đánh chiếm căn cứ này ở Đồng Tháp Mười rất quan về An Giang, đánh ông Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân bổ sung lực lượng rồi sẽ phối hợp kháng chiến. Nào ngờ quan lại ở An Giang bắt thân thích Nguyễn Hữu Huân nộp cho Pháp ông phẫn uất thổ huyết chết. Có thuyết bảo rằng ông ngã thuyền đi ra mặt trận chiến đấu đến quân để phục thù, cũng mai ra đồng gặp bão chìm thuyền, mất tích.

(Trích *Từ điển N.V.L.S Việt Nam* - B.T).

Năm Bính Dần, quân Pháp đem quân bao vây ba mặt, tấn công đồn Tiên, cụ tổ chúng ta chống cự không nổi, tuẫn tiết. Các đồn khác lần lân thất thủ, nghĩa quân phải rút lui, khí thế suy mòn, sau cùng tan rã.

Hỡi ơi! Long tròn không tựa, tấm gương tiết nghĩa vì nước quyên sinh

Mã chính khí nêu cao, ta h thần Hoàng Nhị con trai cần hầu thế

'Trước khi mất, cụ dặn cả bà lánh qua Rạch Gia ran nuôi con, dạy cho con chữ giữ đạo trung hiếu, làm ruộng mưu sinh, đừng trục lợi cầu vinh, đừng ham vàng bỏ nghĩa.

"Nghĩa quân chôn cụ ở dưới chân giồng Thập. Năm đó cụ chưa tới ngũ tuần. Cụ bà theo lời dặn, về làng Mỹ Quới cất chòi làm ruộng. Họ chúng ta may đời nay không ai làm giàu, chỉ mong đủ ăn, giữ được thanh bạch, chính là giữ được cái nếp của các cụ, vậy.'

Chép xong, tôi đọc ra. Nhớ đã có lần nghiên cứu về cuộc khởi nghĩa 'Binh Tây sát tả' của Thiên Hộ Dương, nên tôi nhận được rằng những tên đồn, tên trận trong đoạn gia phả họ Lê đó đều đúng. Bọn lính Pháp đạo ngũ đó là bọn Tagal (tức lính Lê dương thời sau), một người tên là Linguet. Cụ Lê Kim chỉ hay họ, điều đó tin được vì cụ nói được tiếng Pháp. Cụ xây cất đồn Tháp Mười, mà chính địch cũng phải nhận là kiên cố, có lẽ cụ đã phỏng theo kiến trúc của đồn Suter ở California. Sử không chép tên cụ, quả là điều thiếu sót.

Nhận ra sớm, tôi thấy anh chưa đã gan tật. Trả lại tập gia phả cho em Lưu, tôi cáo biệt thím giáo:

- Tôi xin cảm ơn thím. Trên mười năm nay, tôi có tìm cách tiếp xúc với thầy, mấy lần gởi thư về làng Mỹ Quới, không thấy hồi âm, hôm nay được tin hiếu này tôi mừng quá, chỉ tiếc thầy đã quy tiên mất rồi. Thầy mất hồi nào ở đâu vậy, thưa thím?

Thím do dự một chút rồi đáp:

- Dạ ở xa, trên bờ kinh Phong Mỹ. Khi tôi hay tin thì người ta đã chôn cất xong rồi.

Biết thím không muốn nhắc nhiều tới chuyện đó, tôi không hỏi thêm, cáo chào ra về. Tôi nhớ kinh Phong Mỹ ở Sa Đéc. Thật là một sự trùng hợp khó tin là ngẫu nhiên: cụ tổ và cháu sau đời đều mất trong Đồng Tháp.

Em Lưu tiễn tôi ra đường lộ. Dân lao động đi làm ở Sài Gòn, Gia

Đúng giờ này đã về. Xóm hoá đông đúc, ồn ào vì tiếng xe máy dầu, tiếng máy thu thanh mở lớn oang oang và tiếng cha mẹ gọi con ơi ơi, rầy la chúng.

Em Lưu có vẻ trầm ngâm. Đi được một quãng em mới hỏi tôi

- Thưa bác, quả thực cụ tổ họ cháu là người Việt đầu tiên qua Mỹ hay sao bác? Mà lại qua bên đó đào vàng nữa bác? Đọc sử cháu nhớ người đầu tiên là Bùi Viện chớ.

Tôi đáp:

- Theo những tài liệu tôi thu thập được thì tôi tin chắc rằng lời tôi đã nói với thím và cháu là đúng. Để rồi lúc nào tôi sẽ cho cháu coi những tài liệu đó.

- Dạ, cháu mong lắm. Lúc nãy má cháu thấy bác chép đoạn gia phả về cụ tổ họ cháu, mà cháu ngại ngại, sợ bác đang bận, không biết có sao không. Má cháu bảo ông nội cháu cất kỹ lắm, không dám cho ai thấy. Cháu phải nói. Không sao đâu mà, tại Tây đóng hết rồi mà, đang bận cho mọi người biết, càng vẻ vang cho nhà mình chớ. Mà cháu thật thà quá, bác?

Tôi mỉm cười:

- Tôi sơ ý đấy, đáng lẽ phải giấu nước cho thím khỏi ngại mới phải.

Lâm thinh một lát, khi ra gần tới đường lộ, em lại hỏi tôi

- Bao giờ nước nhà thống nhất để cháu về thăm quê nội, nhận họ hàng các cô bác anh chị ngoài đó hả bác?

Tôi lắc đầu:

- Làm sao bác biết được? Hai mươi bảy năm nay bác chưa được về thăm quê, nhớ mà Tân, sống Nhi quá. Đứng ở cổng xóm, bác nhìn thấy rõ mồn một núi Hùng của quê cháu đấy.

- Gần vậy sao bác?

- Cụ Lê Kim[1] có phải là người Việt đầu tiên qua Mỹ không, điểm đó không quan trọng gì với chính sử. Vậy mà tìm ra được chứng cứ và ít nhiều chi tiết, bác Bảng của cháu và bác đã phải bỏ ra... tới nay là trên

(1) Xem tiếp trang 1477 *Về nhân vật Lê Kim.*

hai chục năm đấy và phải nhờ vài sự ngẫu nhiên lạ lùng với mấy người giúp sức nữa. Trong khi tìm tòi, có những lúc chán nản mà cũng có những lúc phấn khởi say mê. Tìm ra được rồi thì rất mừng, nhưng chỉ được một lúc, cũng như cụ Lê Kim mạo hiểm đi hết con đường thiên lý, tới miền có mỏ vàng rồi thì chán nản trở về nước khai hoang, kháng chiến. Vàng là cái mà cụ coi thường nhất - danh vọng thì cũng vậy - cụ chỉ muốn tìm ý nghĩa cho cuộc sống và sự say mê trong hành động.

Đã tới đường lộ rồi, thôi cháu về đi.

Viết xong năm 1972

VỀ NHÂN VẬT LÊ KIM

Lê Kim tên đầy đủ là TRẦN TRỌNG KHIÊM (1921-1966)

Ông là nhà văn tiền chiến người Việt Nam đầu tiên đến Hoa Kỳ mưu sinh và qua đời tại đây. Ông có tên là Lê Kim tiếng Pháp là Le Kim, [illegible] Văn Đoàn Văn Hóa Á Châu tại Việt Nam. Ông là người làng Xuân Lũng, huyện Sơn Vi, tỉnh Phú Thọ nhưng thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuy là nhà văn tiền chiến nhưng ông không nổi tiếng về văn chương, nhưng không mấy ai không đọc tác phẩm Nam Quốc Giai Thoại (Những giai thoại Nam Quốc) của ông, do Hàn Thuyên ấn hành năm 1950.

Năm 1953 ông viết tác phẩm thứ hai có tựa đề là Những [illegible] Sau đó ông [illegible] Hoa Kỳ [illegible] Tại đây ông [illegible] Văn Đoàn Văn Hóa Á Châu tại Việt Nam. Ông là người đầu tiên đưa [illegible] Hoa Kỳ. Sau ông chừng vài năm, tờ báo [illegible] Daily Evening mới thu gom. Năm 1954 [illegible] Hoa Kỳ. Sau ông chừng vài năm, tờ báo [illegible] Daily Evening mới thu gom. Năm 1954 [illegible] Hoa Kỳ.

Khoảng 1955-1957 ông [illegible] Việt Nam là [illegible] dòng Hoa kiều [illegible] Bình [illegible] hai con.

Năm 1961 Phan Bội Bạch [illegible] Văn Đoàn Văn Hóa [illegible] Đoàn Văn Hóa Á Châu [illegible] Văn Hóa Á Châu [illegible] Văn Hóa Á Châu [illegible].

vẽ kiểu mô phỏng theo các đồn canh của một Đại uỷ Suter (được chính phủ Hoa Kỳ phong Đại tướng) người Canada xây dựng ở California gọi là đồn Suter.

Về sau tướng Pháp là De Lagrandière đem quân đàn áp ác liệt ở Tháp Mười, ông hy sinh tại trận năm 1866, hưởng dương 45 tuổi. Thi hài ông được nghĩa quân chôn cất tại giồng Tháp.

Trước khi mất, ông khuyên nghĩa quân kháng chiến tới cùng và dặn vợ lánh qua Rạch Giá nuôi con, không hợp tác với giặc. Sau khi ông hy sinh có người truy niệm:

"Hỡi ơi! Lòng trời không tựa, tấm gương tiết nghĩa vì nước quyên sinh.

Mà: Chính khí nêu cao, tinh thần Hùng Nhị còn truyền hậu thế."

Cuộc đời sinh động và bi hùng của ông đã được hư cấu nghệ thuật trong tiểu thuyết có nhan đề: Con đường thiên lý.

(Trích *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam* - B.T)

Mục lục

Phần thứ nhất: **Họ Trần ở Bắc** 4
Một học sinh giỏi Sử 5
Người Việt đầu tiên qua Mỹ? 13
Một bức thư chữ Nôm 23

Phần thứ hai: **Trên đường thiên lý** 58
Lê Kim xuất hiện lần đầu 60
Từ Saint Louis tới đồn Laramie gặp người da đỏ 64
Qua dãy núi đá, một chủ quán kỳ dị - Các thánh thời tận thế 73
Qua sa mạc Phèn 82
Nước! Nước! 92
Thoát chết 97
Làng giẻ rách 103

Phần thứ ba: **"Anh sẽ đào vàng"** 108
Đại úy Suter 109
Người tìm được vàng 115
Rủ nhau đào vàng 123
Trại Gully 133
Bỏ thây đất khách 139
San Francisco 147
Mất dấu Lê Kim 153

Phần thứ tư: **Họ Lê ở miền Nam** 160
Về Sài Gòn 161
Thất vọng 172
Hai bài báo 184
Một vị anh hùng dân tộc 196

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

NGUYỄN HIẾN LÊ

(Nguyễn Q. Thắng sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu)

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập : Trần Đình Ba

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 38296764 - 38256713 - 38277326 - 38223637
Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: http://www.nxbhcm.com.vn - Ebook://www.sachweb.vn

GPXB số: 1440-2012/CXB/136-152/THTPHCM ngày 30/11/2012
Lưu chiểu tháng 12 năm 2012

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ